

NGUYỄN HỮU TÀI


đi rong
trên
những
múi gió

Một khi đã
mang kiếp thiên di,
trời sẽ cho bạn
đôi chân trần không mồi.

Sông



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

 di_rong

Mục lục

1. [Vay đôi chân kẻ đa tình mà đi như thể trong mình điều linh](#)
2. [Lối đi ngay dưới chân mình](#)
3. [Chuyện tình Bangkok](#)
4. [Bầy muối đói ở Bangladesh](#)
5. [Dhaka và những sắc màu đối lập](#)
6. [London giữa mùa dã yên thảo](#)
7. [Hoàng hôn Greenwich](#)
8. [Stonehenge ngàn năm rêu phủ](#)
9. [Thèm tắm tiên ở Bath](#)
10. [Sếu không bay ngang bầu trời Oxford](#)
11. [Gặp lại người xưa ở Brussels](#)
12. [Maastricht bên hai bên sông Meuse](#)
13. [Ăn phở ở Aachen](#)
14. [Hoang đàng Amsterdam](#)
15. [Barcelona cháy bỏng khát vọng tự do](#)
16. [Kathmandu sau động đất](#)
17. [Lumbini - Nơi Đức Phật đản sanh](#)
18. [48 giờ ở đất nước Pharaoh](#)
19. [Hôn môi Sphinx](#)
20. [Thành phố ngàn giáo đường](#)
21. [Lời nguyện cầu đêm tối của Nile](#)

Cho hương hồn ba má của chúng con, cho thầy Trương Đình Ba, giáo sư Sherman Silverman, cô Nguyễn Thị Răng, cô Nguyễn Thị Hương, và cho năm tháng 30 rục rở...

Mang linh hồn em theo anh đi

Như mang theo hạt bụi dưới chân nữ thần không mặt

Như mang theo cái điều suốt đời không thể đánh mất

Và cứ mỗi hai mươi giây xin anh cho nó một nụ hôn trắng ngần.

(Song May)

Vay đôi chân kẻ đa tình mà đi như thể trong mình điêu linh

Tôi hình dung Nguyễn Hữu Tài chơi lò cò trên những đường kẻ dọc ngang kinh tuyến và vĩ tuyến. Hai bàn tay anh tung hòn sỏi thanh xuân mát rượi tuổi 30 còn đôi bàn chân nảy bật lên, đầy háo hức và mê đắm, khao khát một cú chạm thật mạnh vào bụi đất của từng xứ sở trên thân thể địa cầu.

Lò cò làm cuộc rong chơi.

Bởi anh biết tuổi trẻ không dài dặc, mà vô cùng ngắn ngủi. Nên từng chuyến đi rong là từng chuyến lộng lẫy thanh xuân, rực rỡ thanh xuân, nối dài thanh xuân vào muôn ngàn cát đá ngày sau. Những trải nghiệm riêng biệt khiến quyển du ký của Hữu Tài độc đáo và lạ lùng. Nơi anh đến không phải luôn là địa điểm du lịch nổi tiếng trên thế giới như chúng ta thường thấy trong phần lớn các ấn phẩm du ký, mà có khi rất ngẫu nhiên, là Maastricht có cô bạn gái cũ anh thầm thương thời trung học, là nơi chẳng mấy ai tới du lịch nhưng người thầy địa lý năm xưa từng bảo “đáng để một lần đến thăm trong đời thay vì cứ du lịch đến các nước phương Tây giàu có” (Bây muỗi đói ở Bangladesh), nơi người lái taxi ở Nepal, cậu bé dẫn đường ở Bangladesh bỗng dựng khơi gợi, Bangkok có một người-tình-hiện-tại đang chờ đợi, để sau chuyến bay là những cái hôn dài, cuồng quýt, nồng nàn.

Ở từng chốn du quan, anh cũng không hối hả đi cho hết những điểm thường được gắn mác “nhất định phải đến”, mà nhiều lúc chậm rãi nhấp ngụm trà chiều nước Anh trên đường phố Soho, bản thân u sầu sau cơn mưa hoang vu khi đứng trước ngôi mộ của người sinh ra Đức Phật nằm lê loi dưới bước chân trâu bò giữa phế thành Kapilavastu, “lang bạt với ba lô, máy ảnh, thêm vài ngàn baht trong túi, cùng với em ăn vỉa hè, nghỉ lẻ đường, tối về ký túc xá ngủ vùi chăn chiếu” (Chuyện tình Bangkok) để thám thía Bangkok đời

thường chứ không phải Bangkok của sex show, của phố đèn đỏ chuyển giới. Thành ra, với tập du ký này, người đọc sẽ không đi tham quan chỉ để ngắm nhìn và nhận biết cho thỏa tò mò, mà còn để xuyên qua chuỗi buồn – vui – lo âu – sợ hãi – hồi hộp – háo hức – mệt mỏi – chờ đợi – lưu luyến – thất vọng – thăng hoa – đắm đuối yêu đương hò hẹn... trên hành trình đi bụi của Tài. Cái duyên may là ở đâu anh cũng gặp được một người bản địa hoặc một người bạn, một người tình để có dịp trải nghiệm và thấu hiểu đời sống văn hóa, đời sống từng ngày.

Có thể nói Đi rong trên những múi giờ mang lại thương hiệu “Tài tour” với một lịch trình có một không hai. Đặc biệt, cái nhìn của một người Mỹ gốc Việt hòa trộn trong mình cả hai nền văn hóa Đông – Tây sẽ soi chiếu từng vùng đất qua lăng kính khác biệt, khác biệt hẳn một người Việt thuần túy hoặc một người phương Tây thuần túy. 19 bài viết về các quốc gia nằm trải rộng trên ba châu lục (châu Á, châu Phi và châu Âu) sẽ không thôi khiến độc giả tò mò, ngạc nhiên, hứng khởi trước từng cánh cửa du quan hấp dẫn, để biết những điều mà có khi google và những tour du lịch không mang lại được, ví như:

- Việc đầu tiên khi vào rạp chiếu phim ở Bangkok là gì?
- Vì sao người Bangladesh múa tay liên tục như một vũ điệu và luôn mang theo vòng nhang? Và vì sao dưới cái nắng đỏ lửa 40 độ, đền Baitul Mukarram vẫn mát lạnh chân trần?
- Tour “Jack the Ripper” khởi hành ở Durward Street gắn liền với sự kiện kinh hoàng nào ở London vào cuối thế kỷ 19?
- Chúng ta sẽ nhìn thấy gì khi đứng ở đường kinh tuyến gốc Greenwich?
- Đường biên giới ở châu Âu có gì đặc biệt?
- Nơi Đức Phật ra đời bây giờ ra sao?

– Đường vào kim tự tháp Kheops để chiêm ngưỡng quan tài của Pharaoh vĩ đại nhất Ai Cập có gì?

– Xem bóng đá với người Hà Lan, Bỉ, Đức, Tây Ban Nha vào mùa cao điểm của World Cup thì sẽ bùng nổ như thế nào?

– Công dân số một của Brussels là ai?

Hơn nữa, gắn với từng trang du ký là những câu chuyện rất riêng tư của Tài mà chỉ Tài mới có, chỉ Tài mới kể được. Cái giọng hài tếu sẽ khiến người đọc cười ngất trước những tình huống oái oăm, những suy nghĩ hóm hỉnh của anh dọc đường gió bụi. Cái giọng ngậm ngùi, tui tui sẽ khiến người đọc chùng xuống chạnh lòng như một mảnh khăn mỏng rơi lưng chừng cơn gió lạnh bởi nỗi niềm của kẻ độc hành muôn đời tha hương ở xứ người. Ai đọc chín quyển sách đã xuất bản, hẳn thấm thía cái chất thuần Việt đậm đà trong chàng trai di cư sang Mỹ từ năm 18 tuổi. Đến quyển thứ 10 này, ở trong khung cảnh xê dịch qua 10 quốc gia khác nhau, chuyện gì ở đâu Tài cũng liên tưởng đến chuyện Ninh Hòa, chuyện Sài Gòn, chuyện Việt Nam được. Đi rong chơi qua bao đường biên giới, có cơ hội thưởng thức bao của ngon vật lạ mà người đời khao khát, nhưng niềm sung sướng nhất của anh là khi ngẫu nhiên tìm được xe bán mì xào với chai “xốt Sài Gòn” huyền thoại, để anh vừa hồi hả ngẫu nhiên ăn, vừa khóc ròng vì nhớ nhà giữa đường phố Amsterdam và Barcelona. Bởi vậy, người Việt đọc du ký của Tài sẽ khoái đến tận cùng, vì được anh dẫn dắt đến những chỗ có món ăn quê nhà, thỏa cơn thèm nước mắm trong những ngày phiêu dạt xứ xa.

Cái chất thuần Việt đó khiến Hữu Tài đứng ngồi ở đâu cũng chăm chăm hướng đến đường kinh tuyến GMT+7, như Tài từng khiến một cô hướng dẫn viên ở Thái Lan bỏ nghề, chấp nhận đền tiền cho công ty để chạy về với cha mẹ vì trót đọc truyện ngắn của anh. Hòn sỏi thanh xuân trên hai bàn tay anh suốt đời muốn nằm im đấy, buồn vui như đá cuội, mát mát như cát bụi. Vì quê nhà không chỉ là nỗi nhớ để hướng về, mà còn lăm lăm nỗi đau Tài mang theo.

Nên anh lò cò làm cuộc cứu rỗi.

“Tôi trở thành đứa trẻ mồ côi cả mẹ lẫn cha khi chưa tròn 29. Đó là tháng ngày đau buồn và tang thương nhất khi tôi mất hết động lực và niềm vui để sống. Tôi khóc rất nhiều, sụt cân, sức khỏe suy sút, bị suyễn quật ngã vào mùa đông năm đó. Gắng gượng mãi mới qua khỏi sau bao ngày thở chẳng ra hơi.

Tôi nghĩ mình phải làm gì đó để khóa lấp nỗi buồn vô hạn này.

May mắn thay, những chuyến đi dọc ngang đã trở thành niềm cứu rỗi.” (Lối đi ngay dưới chân mình).

Trong cuộc chơi trẻ thơ trên quả địa cầu này, Tài đi như muốn dạt mỏng những buồn đau bao năm tháng đời mình, giăng móc những điều muốn quên đi lên từng kinh tuyến, vĩ tuyến và mua chuộc niềm vui với thú loanh quanh. Những nơi anh đến có thể ngẫu nhiên với người đời, nhưng tất nhiên với anh, đến không chỉ vì muốn biết, mà còn muốn một cuộc gặp để rót đủ những dở dang trong quá khứ, để lấp đầy niềm đam mê từ thuở ấu thơ. Bởi vậy đi chơi với anh, đọc giả còn thấm thía cả chuyện đời, cả phận người. Du ký của anh không chỉ tả mà còn kể, không chỉ có cảnh mà có chuyện. Những câu chuyện dài hơn con đường thình không trên bầu trời, con đường gập ghềnh trên mặt đất, quyến rũ người nghe đến bất tận.

Lật một trang Đi rong trên những múi giờ nghĩa là đọc giả đã cầm trên tay tấm vé “Tài tour” và sẽ miên du không dứt được. Đọc để đi và hiểu biết. Đọc để cười (vì Tài hóm và lí lắc lắm trên đường du ký) và xả hết căng thẳng. Đọc để có thể khóc (vì Tài đa cảm và hay chạnh lòng mọi lúc mọi nơi).

Đọc để thấy Nguyễn Hữu Tài, qua 10 quyển sách, vẫn vẹn nguyên là một “người tình” hấp dẫn của đọc giả. Anh “người tình” giàu yêu thương và thông minh, luôn biết làm mình mới toanh mỗi khi hò hẹn. Anh “người tình” khéo chuyện, viết như thể đang khoác vai đọc giả, rủ ngồi xuống cà phê lề đường, rồi rủ rỉ xôn xao kể, mà khóc mà cười suốt cuộc tri âm.

Hồ Khánh Vân

Giảng viên Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh

Lối đi ngay dưới chân mình¹

¹ Tên một cuốn sách của nhà văn Nguyễn Lê My Hoàn.

Năm tôi học lớp bốn, người yêu của chị Hòa từ Mỹ gửi về tặng ba tám bản đồ thế giới bằng tiếng Anh ép nhựa cẩn thận. Do gửi bưu điện, anh phải gấp làm tám nên khi mở ra nó bị gãy ngang dọc tùm lum. Chúng tôi quý lắm, treo giữa nhà, ngay phòng khách. Tôi đi qua đi lại, ngắm mỗi ngày. Và chẳng biết từ khi nào tôi đã thuộc lòng tất cả tên nước trên thế giới dù lúc ấy một chữ tiếng Anh bẻ đôi cũng không biết.

Năm lớp bảy, tôi được cô Nguyễn Thị Răng dạy địa lý, mỗi tuần hai tiết ít ỏi. Tôi không mê mấy môn chính, cứ trông ngóng tới giờ cô để được dẫn đi khắp thế giới qua mấy bài giảng như thắp lửa trong lòng. Lên cấp ba, tôi học địa với thầy Trương Đình Ba và cô Nguyễn Thị Hương, điệu đàng nhưng nghiêm khắc. Thầy Ba là người “khám phá” khả năng tiếp thu và phân tích dữ kiện trong tôi từ rất sớm. Bằng kiến thức siêu việt của mình, thầy đưa tôi qua nhiều vùng đất, chỉ cho phương pháp áp dụng lý thuyết vào thực tiễn qua quan sát với số liệu, và thắp sáng trong tôi những ước mơ tưởng chừng không thật. Tới tận bây giờ, tôi chưa một lần làm thầy thất vọng vì đã đặt niềm tin vào tôi trong suốt những năm tháng đi dạy của mình. Mỗi lần có dịp về quê, tôi hay ghé thăm thầy. Thầy Ba lãng tai lắm rồi, nhiều khi phải hét to thầy mới nghe tận tường, vậy mà thầy vẫn thích đàm đạo chuyện đời với đứa học trò cứng năm cũ. Tôi khoe thầy về các chuyến đi không có điểm dừng. Thầy bảo: “Ngày xưa toàn dạy chạy cho tụi bây, giờ bây lớn, có điều kiện đi khắp thế gian kiểm chứng, nhớ xem thầy dạy có đúng không nhen”.

Năm lớp 12, tôi là học sinh giỏi văn của trường. Cùng với bạn Bảo Song, tôi đủ điều kiện thi học sinh giỏi văn tỉnh Khánh Hòa. Vậy mà sau một đêm suy nghĩ, tôi đăng ký thi địa lý. Quyết định ấy làm cô Lê Thị Loan – cô giáo dạy văn của tôi buồn quá chừng (tới tận bây giờ, mỗi khi gặp lại, cô vẫn còn trách móc). May mà hồi đó trời

không phụ lòng người, tôi và Vũ Khánh Trường mang về hai giải khuyến khích quốc gia (có thể nói là duy nhất tới bây giờ) cho Trường Phổ thông Trung học Nguyễn Trãi.

Ở Mỹ, môn tôi học giỏi nhất vẫn là địa lý. Giáo sư Sherman Silverman của Prince George's Community College hay gọi tôi tới văn phòng, đưa thông tin về chuyên ngành Địa lý (Geography) ở Đại học Maryland và kêu tôi ráng học mai sau về thay thế thầy. Nhưng cuộc sống của một người tị nạn không cho phép tôi theo đuổi ngành mình yêu thích. Tôi học và làm rất nhiều giờ, cộng với tiếng Anh vẫn là một rào cản lớn nên chỉ dám chọn các lớp ít đọc, viết, đào sâu nghiên cứu, mà tăng cường tính toán, logic cho dễ thở. Tôi chuyển trường, theo đuổi ngành công nghệ thông tin. Trong suốt quá trình học cũng đăng ký thêm nhiều lớp địa để hoàn thành các lớp đại cương và thỏa mãn niềm đam mê ngày đó. Ra trường, đi làm quản lý địa ốc, rồi học thêm thạc sĩ tài chính kế toán cho ba vui. Đôi khi “nhớ nghề” cũ, tôi cũng ước có ai nuôi mình vài năm, nghỉ làm, quay lại trường, học cho xong cái bằng, mai sau chôn chân mỗi gói, chán nước Mỹ, ôm gói về lại quê hương, làm ông thầy dạy địa đứng trên bục giảng, cất giọng trầm ấm dạy học trò như ngày xưa mong muốn.

Nói vậy thôi chứ dẫu thời gian có quay ngược trở lại, tôi vẫn chọn cách mình đã bước để có được ngày hôm nay.

*

Ai cũng nghĩ tôi đi khá nhiều, nhưng chuyến bước chân ra thế giới của tôi bắt đầu vào tháng 6-2011, đến Bangkok, một năm sau khi ba mất. Trước đó, tôi thường về Việt Nam, đi lang thang từ Nam chí Bắc, rồi lặng lẽ về ngồi với ba những ngày bóng xế. Hai cha con không nói gì nhiều, âm ừ cho qua chuyện. Ba lúc nào cũng muốn tôi lập gia đình, sinh con, để cái mai sau nối dõi tông đường. Tôi lần lữa hoài, bảo thôi con còn trẻ ham chơi, vợ con sớm làm chi cho khổ cái thân. Ba tôi mất vào đêm 10-6-2010, đúng 10 năm sau ngày ông dắt chúng tôi rời Ninh Hòa sang Mỹ tìm kiếm tương lai. Thêm một mặt trời nữa đã tắt trong đời. Tôi trở thành đứa trẻ mồ côi cả mẹ lẫn cha khi chưa tròn 29. Đó là tháng ngày đau buồn và tang

thương nhất khi tôi mất hết động lực và niềm vui để sống. Tôi khóc rất nhiều, sụt cân, sức khỏe suy sút, bị suyễn quặt ngã vào mùa đông năm đó, gắng gượng mãi mới qua khỏi sau bao ngày thở chẳng ra hơi.

Tôi nghĩ mình phải làm gì đó để khóa lấp nỗi buồn vô hạn này.

May mắn thay, những chuyến đi dọc ngang đã trở thành niềm cứu rỗi.

Bảy năm, tôi đặt chân tới 45 bang nước Mỹ. Đi qua gần 60 nước Á, Âu, Mỹ, Úc và sang tận châu Phi. Một mình, với ba lô, máy ảnh, điện thoại, ít tiền mặt và thẻ credit, tôi lang thang tìm hiểu văn hóa, con người, món ăn lẫn niềm vui nỗi buồn của dân bản xứ mà không ghi chép lại. Kể sao cho hết ngày mưa to London rầu rĩ, nắng ráo Cyprus rục rĩ khi lên hình, buổi chiều buồn ở sân bay Lumbini xa lạ mà nước mắt lãnh nhã, bị bè bạn cho leo cây ở Paris phải tự mày mò tìm đường, rồi đêm một mình trong lâu đài cổ ở Rome giữa một đồng dao, tối, thuốc ngủ và tiếng Chú Đại Bi vì cái bệnh sợ ma không thuốc nào chữa khỏi...

Và tôi nghĩ, ước mơ vòng quanh thế giới, từ miền cực Bắc tuyết rơi trắng xóa, đến đồng cỏ xavan khô cằn sỏi đá, sa mạc cát vàng nắng gắt ở châu Phi, đi dọc sông Nile, Amazon, Danube, Mekong xanh trong, ghé Rio de Janeiro với những thân hình bốc lửa, New York đêm dài không ngủ, London trầm mặc bên tiếng chuông tháp Big Ben, Buenos Aires rợp trời phượng tím, rồi Lumbini, Jerusalem, Bethlehem tâm linh khởi nguồn các tôn giáo... đều bắt đầu từ tấm bản đồ và cảm hứng năm xưa của thầy cô. Tấm bản đồ ấy, như một người bạn thiếu thời, nằm trong trí nhớ âm thầm, theo chân tôi không rời nửa bước. Từ trang sách, hình vẽ, quả địa cầu và các bài giảng, tôi hiên ngang đi ra thế giới bằng cái nhìn tò mò, khắc khoải của gã thanh niên ngoài 30 với bao chìm nổi, buồn thương.

*

Tôi viết xong bản thảo cuốn sách thứ 10 trong vòng hai tháng, chủ yếu vào mấy ngày cuối tuần sau chuyến về Việt Nam ăn Tết, đánh

dấu năm thứ sáu bước vào thế giới của những người cầm bút. Đi rong trên những múi giờ sẽ đưa bạn vòng quanh thế giới không theo thứ tự địa lý hay thời gian nào. Tất cả, chỉ bằng cảm hứng, ký ức không ghi chép và cái nhìn có phần phiến diện. Tôi chỉ là cây bút nghiệp dư, không phải chuyên gia địa lý, lịch sử hay khảo cổ học, có một vài kiến thức trong bài tôi đọc từ internet và nghe kể lại nên chắc chắn sẽ có sai lệch và không để nguồn. Nếu có gì không phải, mong mọi người niệm tình thứ tha.

Chân thành cảm ơn chị Nguyễn Bích Hạnh của báo Thanh niên đã luôn ưu ái cho cộng tác viên phương xa, thỉnh thoảng cho em lên trang sáng tác và ngày nào cũng tâm sự chuyện văn chương, đời sống. Cảm ơn chị Thái Thị Lệ Hằng của báo Khánh Hòa, luôn ủng hộ em hết mình dù mỗi năm gặp được đôi lần vội vã. Cảm ơn Hồ Khánh Vân về tên sách, những dòng thơ và bài giới thiệu viết ấm áp tặng anh. Cảm ơn Trương Thanh Thùy lúc nào cũng chịu đựng sự lèm bèm của anh và giúp anh giới thiệu tới báo chí. Cảm ơn Yến Trang luôn đặt niềm tin và khuyến khích anh viết lách. Cảm ơn anh Nguyễn Trọng Thái đã nhún nhường và chịu đựng trước các đề nghị không tưởng để có bìa sách đẹp. Cảm ơn Huỳnh Tấn Đức Linh, Trần Thái Hiền đã giúp anh chọn và sửa hình ảnh. Cảm ơn Huỳnh Tấn Bảo Linh đã giúp anh sửa chính tả. Cảm ơn Hiếu Phượng về sự ủng hộ lặng thầm. Cảm ơn các ca sĩ của Hữu Tài's Productions – Dương Quang Vinh, Đặng Thành Thiện, Lê Trần Tuấn Giang, Nhật Trần, Diễm Út đã gắn bó với mười lần ra mắt sách. Và chân thành cảm ơn tất cả cô bác, anh chị, bạn bè, em út, độc giả thân thương đã mua sách và ủng hộ tôi trên con đường viết lách trong suốt sáu năm qua.

*

Một khi đã mang kiếp thiên di, trời sẽ cho bạn đôi chân trần không mỏi.

Lối đi ngay dưới chân mình. Dù nhỏ to, ít nhiều hay dài ngắn, khi có điều kiện bạn hãy mạnh dạn bước ra ngoài biên giới. Để thấy ngoài kia mọi thứ không hữu hạn và hoàn hảo như sách vở, báo chí hay những gì bạn nghĩ. Thế giới muôn màu, lòng người muôn trùng, đi

để thấy mình luôn trẻ trung và năng động, dẫu không thể chối cãi một sự thật, năm tháng cứ mãi ra đi.

Maryland, những ngày chớm hè năm 2018

NGUYỄN HỮU TÀI

Chuyện tình Bangkok

Trong giấc mơ vòng quanh thế giới của tôi, không hiểu sao Bangkok chưa bao giờ có mặt. Tôi thèm một lần đi ngược dòng Mekong chảy qua ba nước Đông Dương cá tôm đầy ắp. Sang Lào, tìm về đất nước triệu voi, tới cánh đồng Chum huyền bí. Qua Campuchia để thỏa thích ngắm thành cổ rêu phong Angkor Wat, đỉnh cao của văn minh nhân loại ẩn trong sâu thẳm đại ngàn. Dọc ngang qua các địa danh hồi còn nhỏ đã nghe các anh trong làng kể lại. Tuổi đôi mươi của họ, với ba lô xanh và mũ tai bèo, băng rừng vượt suối, “muối bay rừng già cho dài mà tay áo”, đối mặt với cái chết mỗi ngày trên chiến trường K, chống lại sự bạo tàn của Khmer Đỏ. Muốn tận tai nghe bài dân ca Miên huyền bí, nhìn vũ nữ Apsara in trên đá, hay băng khuâng trước nụ cười Đức Thích Ca được gốc cổ thụ ôm choàng. Có lúc, lại mơ đứng trên dãy Trường Sơn ngóng cơn gió Lào bỏng cháy, bên nắng gió bên mưa bụi bay, thiêu sạm da trưa hè miền Trung ruột thịt.

Nào ngờ, vì một phút yếu lòng và nông nổi, tôi đã lạc bước theo nụ cười tươi hơn nắng, trong veo vẻo với hai má lúm đồng tiền và ánh mắt tình tứ niềm thương. Để rồi nhận ra Bangkok quyến luyến từng bước chân quen, dùng dằng nửa ở nửa đi, vừa lạ xa nhưng gần gần gũi gũi. Từ lần bắt chợt đó đến bây giờ là bảy năm, tôi đến Bangkok bao lần không đếm nổi. Có lúc chỉ quá cảnh tại Suvarnabhumi nói chuyện về Sài Gòn, khi thì ghé lại thăm người-tình-giờ-đã-cũ còn đi học, lúc thì say đắm với giấc mơ thiên thần giữa đêm Khao San ồn ào.

Tôi đến Bangkok khi thành phố chậm chậm chuyển mình sang đêm. Cô hải quan kính cẩn đứng dậy chấp tay vái chào, khi tôi (nhớ lời dặn của em) làm thế trước. Mặt trời vừa kịp trốn chạy trên đường cao tốc từ sân bay về Assumption University. Cơn mưa phùn vội vã ủa qua không đủ làm ướt áo mỏng. Em bảo, mưa nơi này không đồng đánh như Sài Gòn của anh, ập tới bất kể lúc nào trong ngày rồi rảo bước đi không lời từ giã. Vào mùa, Bangkok chỉ mưa ban

đêm, rả rích hoài tới sáng. Đêm nằm trong ký túc xá giữa khu vườn xanh mượt bóng cây, nghe ngoài kia mưa rơi nhẹ trên mái hiên, còn cào gợn lên trong em nỗi nhớ Sài Gòn ở cách đây hơn một giờ bay, nhưng hiếm khi nào có dịp về thăm vì bài vở chất chồng. Em bảo: “Sinh viên mà anh, gần vậy chứ không có điều kiện”. Chuyện em kể y chang thời sinh viên nghèo nước Mỹ, viết thư cho mấy đứa bạn ở Việt Nam cũng nghèo không kém. Tụi nó bảo một hai triệu ba má gửi vô, xài không tiết kiệm thì tới ngày giữa tháng là đói rã họng, lo đi mượn mấy đứa bạn chung phòng từng gói mì tôm hay ít gạo về nấu ăn lót lòng cho đỡ. Vậy chớ tới đầu tháng có tiền nhà, trích ra hết một phần tư để ăn một bữa thiệt no cho đã cơn thèm.

Em kéo tôi tới trước cổng ký túc xá, chấp tay lạy pho tượng thần trong khám thờ nhang khói, có hoa lài và vụn thộ tươi thơm. Người Thái sùng đạo vào loại nhất nhì thế giới. Tôn giáo như thấm sâu vào máu thịt của họ rồi. Có lẽ vì thế mà phần lớn tâm tính họ nhân từ, ít khi nổi giận.

Bangkok nhá nhem rộn ràng với gánh hàng rong dọc con đường nhèm nhẹp nước mưa. Người ta bán đủ thứ món, từ côn trùng, cánh gà chiên, chả giò, hải sản xiên nướng, gỏi đu đủ, sâm bồ lượng, tới đặc sản Thái như xôi xoài, cá diêu hồng nướng muối ớt. Hai đứa vào khu bán đồ ăn vặt. Cả trăm gian hàng giữa trời mưa gió bão bùng vẫn nở nụ cười thiệt tươi khi có khách ghé. Chẳng mời mọc, chèo kéo, ỉ ôi, không la làng, giành giật hay chạt chém khách. Em luôn miệng hỏi, anh ăn món này nhen, kia nhen, nọ nhen? “Ngon lắm, tin em đi mà”. Cái bụng anh nhỏ xíu xiu, đâu phải máy xay mà cái gì cũng “dzọng” hết? Mà từ chối thì sợ em buồn. Cuối cùng thì tay xách nách mang, rước về nhà một đồng đồ, vừa ăn, vừa hít hà, cay chua kiểu Thái.

Đêm Khao San dường như không ngủ. Con đường ngắn ngủn ở trung tâm thành phố trước kia là chợ gạo, giờ là khu du lịch bụi đặc quánh người, gần như phố Bùi Viện ở Sài Gòn hay Tạ Hiện ngoài Hà Nội. Khách sạn hai bên đường để bảng kín phòng. Em bảo không mắc lắm đâu anh, chỉ cần vài mươi baht là có chiếc nệm ngả lưng. Tây ba lô mà, có tiền bạc gì nhiều, ngủ tí rồi dậy lang thang

khắp đêm, đắm mình trong rượu bia, nhảy nhót loạn cuồng với các đôi chân miên man bất tận. Tiếng nhạc từ mấy bán bar bên đường âm ỉ không át nổi tiếng cười nói rộn ràng lẫn tiếng rao hàng của chiếc xe bán kem dừa, trái cây, thịt nướng xiên que, chè nước cốt dừa, pad Thai, cá nướng, hay kebab thơm lừng và đặc biệt sầu riêng hạt lép, cơm dày, thơm ngon nhất thế giới. Anh mỗi chân quá! Muốn massage không? Thế là hai đũa ghé vào quầy bên đường với giá 150 baht để đổi lại ba mươi phút đồng hồ thư thái. Dưới đôi tay điều luyện của masseur², các mạch máu dưới lòng bàn chân như giãn hết mức ra, khoan khoái lạ kỳ. Anh muốn ngâm chân vào bồn cho cá lòng tong rửa da cho sạch không? Thôi, anh không chịu được nhột đầu. Thế làm sao anh có chịu được mấy lần em thọc lét vào hai bên hông? Không biết nữa, có thể do vì anh quá thương em nên đành chấp nhận.

² Những người làm nghề đấm bóp.

Mọi âm thanh âm ỉ từ các quán bar, pub hai bên đường, tới tiếng rao hàng tha thiết lẫn cười nói hô hố của gã Tây say sưa liêu xiêu, quàng vai bá cổ đi đầy trên phố không thể nào át được nhịp đập hối hả trong lồng ngực của trái tim son trẻ. Hai bàn tay siết chặt. Mười ngón tay đan khít. Bờ môi loạng choạng tìm nhau, nồng nàn hơi ấm.

Khao San chỉ là một con đường ngắn ngủn giữa trung tâm Bangkok, nhưng chứa trong lòng nó giấc mơ nhỏ to dài nhất thế giới giữa em và anh, bắt chọt nửa vòng trái đất tìm gặp nhau, như hẹn hò từ muôn kiếp.

Bangkok buổi sáng như cô thiếu nữ mới lớn, xinh tươi, uốn ẹo nằm rúc đầu vào ngực người tình không muốn trở mình thức dậy. Không khí dịu mát từ cơn mưa suốt đêm qua vẫn còn phảng phất. Mùi mồ hôi, da thịt, tóc gội xà bông, phả lên mặt, dán chặt cơ thể vào cái giường êm ấm. Tôi không muốn bước chân ra khỏi thế giới ngoài kia giữa dòng xe cộ, chỉ muốn nằm đó, siết chặt, hôn nhẹ nhẹ lên đôi mắt mở to như có trăm ngàn điều muốn nói. Mà thôi, phải dậy, để đi xem ngoài kia cuộc sống vội vã và hối hả thế nào. Rồi so sánh, nó không như Sài Gòn chỗ này, chẳng như Nha Trang chỗ

kia, sao mà lặng lẽ giống Ninh Hòa... Bật cười với chính mình, hai đất nước tách rời, nền văn hóa khác nhau, thì sao so sánh cho được.

Hai đũa ghé chùa Vàng và cung điện nhà vua. Xứ này tất tần tật mọi thứ về đức vua phải được sùng bái. Em dặn dò: “Anh không được nói xấu vua bằng tiếng nước ngoài, lỡ bác tài hiểu được, anh sẽ vào tù ngồi cho đã nhé. Khi rút tiền, cũng không được giẩm lên mà phải cúi xuống nhặt. Vô rạp coi phim, trước hết là phải đứng dậy làm lễ chào vua”. Vị thần mình chim, mặt người cao lớn và thần khí Hanuman hiên ngang đứng bảo vệ cung thành. Mấy ngọn tháp vút cao ở ngôi chùa dát vàng không sư sãi nổi lên nền trời óng ả. Bangkok hôm đó mù mịt tối, mây đen che phủ gần hết bầu trời, nhưng tới chùa Vàng, trời sáng bừng đến lạ. Tôi đứng chấp tay khẩn cầu hạnh phúc, bình an. Không biết Đức Phật nơi này có hiểu được tiếng Việt để chứng cho không. Mà thôi, Phật tại tâm, Phật ở trong lòng, hãy cứ cầu, biết đâu sẽ được.

Nắng lên. Giữa trưa, mặt trời như chảo lửa khổng lồ. Nắng mùa này thật đáng sợ. Âm uương và thiêu đốt, bùng bùng giống Hỏa Diệm Sơn nghi ngút khói làm nám hết mặt mày của bốn thầy trò Đường Tam Tạng, vô tình lạc bước thỉnh kinh. Hàng cây ít ỏi bụi bám bên đường không làm dịu nổi cơn nắng. Hàng ngàn tòa nhà cao tầng đầy xi-măng, bê-tông cốt thép phản chiếu ánh mặt trời, làm tăng thêm hiệu ứng nhà kính, hầm hập phố xá xứ này. Ai than thở Sài Gòn kẹt xe, nóng nực ồn ào, muốn bỏ xứ mà đi, thì sang đây một lần thôi, mới thấy giao thông ở Việt Nam xá gì với Bangkok. Dẫu có monorail, subway, đường cao tốc trên cao, nhưng cả thành phố như một ổ kẹt xe vĩ đại. Tiến không được, lùi cũng chẳng xong. Bên trái toàn xe, bên phải toàn người. Thôi cứ kiên nhẫn đứng chờ vậy nhé. Sông Chao Phraya lúc chiều về bắt chợt trở thành nguồn cứu rỗi. Chiếc thuyền máy, khi chạy kéo tấm nhựa hai bên che nước, phóng êm ả giữa làn nước đục ngầu, theo đường sông, đưa hành khách về với bữa cơm gia đình êm ấm.

Bangkok là thành phố của nắng gió mưa, của gánh hàng rong và xe tuk tuk rộn ràng. Cứ lên đó ngồi nhong nhong khắp phố, khi xuống

xe, thơm thảo thì xếp hàng đưa cho bác tài xế vài đồng xu nhỏ, còn hết tiền thì bỏ đi cũng chẳng ai nói tiếng nào. Bangkok không quá hiện đại cũng chẳng cũ xưa, lúc nào cũng rục rờ bởi hàng vạn taxi đủ màu sắc, hồng cánh sen, đỏ, vàng, cam, trắng. Trước khi ngồi phải mở cửa nói điểm đến, đợi bác tài xế gạt đầu đồng ý mới được lên. Còn không thích hả, lắc đầu nhé. Em cười, taxi nhiều nhưng chẳng lắm. Họ không đi không ai ép được. Do chạy bằng gas nên giá rẻ vô cùng. Máy chiếc xe bán trái cây rong trở thành nổi nhớ. Chỉ 20 baht thôi, tôi sẽ có một túi thiệt to xoài, cóc, thơm và mấy bịch muối ớt bé tí teo nhưng cay đáo để. Cô hàng phốp pháp cầm con dao dài như thanh mã tấu, gọt vỏ, xắt xoài, chẻ cóc thật điệu nghệ, bỏ vào mấy que tre, nở nụ cười tươi. Đói quá, ghé lại hàng cơm. Phục vụ chậm có tiếng. Từ lúc gọi món tới khi bà chủ nhà to lớn, đủng đỉnh bưng đĩa cơm ra, để xuống bàn cái rằm cũng đã hết nửa tiếng rồi. Không chờ được thì đứng dậy đi ha, chẳng ép.

Tôi đến thăm và đưa quà cho Minh, người quen của một bạn tâm giao nhờ gửi. Minh rời Đắc Lắc phố núi sương mù, đầy dã quỳ rục rịch thắm lúc thu về, vào Sài Gòn học đại học. Rồi không biết đưa đẩy thế nào, công ty gửi em sang đây, thuê nhà cho ở và đón khách Việt sang đi tour. “Nếu không có chỗ anh cứ tới đây ở đi. Em đi suốt mà. Lúc thì lòng vòng Bangkok, khi thì Pattaya, lúc thì cố đô Ayutthaya xưa cũ”.

- Sống xứ này vui không em?

- Buồn chết cha! Có phải quê hương đâu mà hạnh phúc? Nhiều lúc em nhớ Sài Gòn, nhớ mẹ ở cao nguyên, muốn bỏ hết để quay về cùng với nắng gió thị thành và cơn mưa bất chợt. Còn không thì chạy về quê cũ, kêu mẹ kiếm ai đó làm mai rồi lấy chồng, ở luôn không lang bạt nữa. Con gái có thì mà dạm trường thì không tốt. Nhưng em lỡ ký hợp đồng với người ta, thôi ráng chờ thêm một năm nữa, xong em nhất định về.

Hai tháng sau, Minh nhắn tin cho tôi: “Em đang ở Sài Gòn. Khi nào về Việt Nam hứ em đi cà phê hay ăn trưa nhen. Em chấp nhận chịu phạt, về luôn rồi anh. Một bữa dẫn khách đi Pattaya, em vô facebook anh, đọc tới tản văn mang cái tựa vô cùng giản đơn

+84.... Thế là giữa chốn đông người em vừa sợ, vừa lo, khóc muốn hết nước mắt. Tới Bangkok lật đật thu xếp về Việt Nam ngay. Em sợ một ngày nào đó trên màn hình điện thoại hiện con số vô hồn của người nhà báo tin dữ mà không kịp về chia biệt. Chắc em sẽ ân hận đến cuối đời mình”.

Em dẫn tôi tới nhà hàng Việt Nam giữa lòng Bangkok. Chủ quán từng là người mẫu thời trang nổi tiếng, lấy chồng Ý, đi khắp thế gian rồi dừng lại đây để kinh doanh. Quán đủ sắc màu bởi những cây chuối xanh um và nhiều tấm lụa Hà Đông treo mắc khắp nơi, như tiểu thơ Quỳnh Nga trốn mẹ cha dựng quán vắng Bên cầu dệt lụa. Mấy tấm quảng cáo nhạc ngày xưa được trưng trong tủ kiếng. Những đĩa than của Thái Thanh, Khánh Ly, Lệ Thu, Giao Linh... đặt để trang trọng. Vài tấm hình của các nghệ sĩ cải lương danh tiếng như Thanh Nga, Ngọc Giàu, Bạch Tuyết, Phượng Liên gọi lên Sài Gòn xa nhớ. Giọng Thanh Thúy chầm chầm “Ai cho tôi tình yêu, của ngày thơ ngày mộng. Tôi xin dâng vòng tay mở rộng...”, phút chốc làm đĩa cơm tấm rưng rưng nước mắt. Muốn dặt tay em về với Sài Gòn tức khắc, tức thì.

Tôi đứng đó giữa Siam sầm uất. Quảng trường rộng thênh thang, nhộn nhịp nhất của thành phố các thiên thần. Chợt nhớ bộ phim coi rất lâu, đã quên tên, chẳng ghi lòng cả đầu đuôi câu chuyện. Mang máng, chàng trai quỳ xuống giữa Siam rộng lớn, nhìn thẳng vào đôi mắt long lanh của người tình, mỉm cười và hỏi. “Em có yêu anh không?”. Cô gái nhún vai, hững hờ không nói. “Em có chấp nhận cùng anh đi hết năm tháng còn lại của cuộc sống này?”. Cô cười khanh khách, ngất lên mũi rồi bảo “anh khùng”. “Em khùng thì có”. Ừa thì có hai kẻ khùng đang suy nghĩ miên man về vài điều không thật.

iPod đang nhảy tới Tuyết rơi mùa hè: “Nếu anh gặp em từ đầu, có lẽ đã không ai qua bể dâu”. Vài mối tình cũ, như cuốn phim quay chậm, thoát trở về. Thuở trẻ trai, tôi miệt mài chạy đuổi theo đôi mắt buồn như chiêm trợn tâm hồn, nụ cười khoe cả hàm răng ngọc ngà trắng muốt. Nắng, gió, sương mù, mưa, bão của Sài Gòn ma mị cứ thế giẫm nát đời mình, đi qua và để lại bao vết xước khó liền da.

Thuở nào đó, ước mơ được cùng với người yêu xây tổ ấm vò nát cả tâm can. Tôi sẽ bỏ hết việc làm, rời Mỹ, về giữa Sài Gòn thuê căn hộ nhìn ra bờ sông trên cao thành phố. Tôi xin đi dạy học hay vô làm công ty bất động sản nho nhỏ. Sáng sớm ngồi bên vỉa hè uống cà phê cóc, ăn gói xôi hay ổ bánh mì lót dạ, xong xách cặp lên giảng đường dạy học. Chiều về chui vô bếp nấu mấy món ngon. Tối ôm nhau trên sofa xem phim ngôn tình rồi ngủ quên ở đó. Sáng ra lại như con mèo quán quýt, không muốn trở mình thức dậy đón mặt trời.

Để rồi năm tháng vụt qua như tia chớp, tình yêu thuở nào như lâu đài trên cát bồng. Sóng biển tràn vào, xô ngã tất tần tật, cuốn cát ra thật xa ngoài khơi kia thăm thẳm. Chia tay, lỗi thuộc về ai không cần đùn đẩy. Con tim luôn có lý do riêng của nó, chẳng giải thích được.

– Thế Bangkok đẹp không anh?

– Đẹp.

– Thế Bangkok dễ thương không anh?

– Dễ thương.

– Thế anh có thích và yêu Bangkok không?

– Thích lắm.

– Thế anh có trở lại nơi này nữa không?

– Sẽ trở lại, để... thăm em...

Mỗi tình thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ n... đi qua không trở lại. Cứ ngỡ tim mình trơ như hòn sỏi nhỏ lăn lóc một góc biển sâu. Nào ngờ gã trai bất cần ngạo nghễ, cũng có một lúc như con thú dữ, gục ngã trước mũi tên bé xíu của thần tình yêu Eros mong manh.

Hai đêm, ba ngày, quá ít để hít thở bầu không khí, sống và hiểu tận tường mọi góc ngách của thủ đô du lịch nhưng cũng đủ làm nặng hành trang đôi cánh thiên di. Không hoang đàng, chẳng sex show,

không ra phố đèn đỏ nhìn cô gái chuyển giới chân dài, mặt mũi rạng ngời đứng hai bên đường đưa tay vẫy gọi như vẫn thường thấy trong phim. Tôi có mấy ngày lang bạt với ba lô, máy ảnh, thêm vài ngàn baht trong túi, cùng em ăn vỉa hè, nghỉ lễ đường, tối về ký túc xá ngủ vùi chân chiếu. Hết taxi, cuốc bộ, lại lên thuyền chạy dọc dòng sông nước đen thui bán dính, vẫn niềm nở cười không lấy gì hờn giận, trách la.

Tạm biệt thành phố của thiên thần. Tạm biệt nụ cười lúm đồng tiền quyen chết hồn anh vào miền hoang vu nhất. Anh về em nhé. Nhưng trước khi đi, cho anh nắm tay em thêm lần nữa. Cho anh hôn lên mắt, má, trán em thêm lần nữa. Cho anh ngấu nghiến hôn lên bờ môi ấy như muốn biến nó làm của riêng mình. Chờ anh quay lại. Đừng bỏ anh đi đâu em nhé. Để hai đứa mình lại đi dọc hết phố phường của cơn gió chiều hây hây, ăn cho hết hàng trăm món ngon cay nồng đầu lưỡi, để nén nỗi sợ độ cao, ngồi thật lâu giữa đêm sâu trên tòa cao ốc chọc trời nhìn vệt đèn màu lấp lánh dài như vô tận. Biết đâu lúc đó, anh sẽ đủ dũng cảm như chàng trai trong bộ phim nọ, đứng giữa Siam nhộn nhịp, nói với ai đó một lời yêu thương nồng cháy. Anh sẽ ở cả tuần trong nhà trọ của em giữa Assumption University xanh mát bóng cây và viết nên chuyện tình nồng thắm. Đảm bảo, nó sẽ rục rở như chiếc taxi màu mè chở hai đứa ra phi trường và rưng rức buồn như ánh mắt em, lúc đứng vẫy tay chào anh, giữa thẳm sâu đêm nọ.

Về đi, chàng trai thiên di vạn dặm!

Thương tặng Thanh Châu,

Thanh Nhã và Lệ Minh

Tháng 6-2011

Bầy muỗi đói ở Bangladesh

Giáo sư Sherman Silverman từng bảo, Bangladesh là nước sở hữu rất nhiều cái nhất thế giới: Nghèo nhất, đông dân nhất, mật độ dân số cao nhất và ô nhiễm nhất. Nhưng đó là nơi đáng để một lần đến thăm trong đời thay vì cứ du lịch tới các nước phương Tây giàu có.

Lịch sử Bangladesh khá phức tạp. Suốt thời kỳ bị Anh đô hộ, Bangladesh thuộc Ấn Độ. Vào năm 1947, trước khi trao trả độc lập sau cuộc cách mạng bất bạo động của lãnh tụ Gandhi, người Anh cũng kịp tác động để chia cắt phần đất hai bên hông theo đạo Hồi thành nhà nước Đông và Tây Pakistan cách nhau gần 1,6 ngàn km. Đến năm 1971, sau cuộc chiến đẫm máu với phía Tây làm hơn ba triệu người chết, phần phía Đông của Pakistan đứng lên giành độc lập và trở thành nhà nước Bangladesh hiện tại.

Theo lời thầy chỉ dẫn, mất gần 16 năm và sau ba giờ bay từ Bangkok, tôi mới đặt chân đến thủ đô Dhaka chật chội. Mặc dù là nước nghèo, nhưng Bangladesh “chảnh” lắm, chỉ miễn visa cho 23 nước, chủ yếu là Hồi giáo châu Phi. Phần lớn phải xin visa ngay tại cửa khẩu với giá 55 đô-la. Còn Việt Nam và 20 nước khác buộc phải xin visa tại đại sứ quán. Chuyển đi cũng khá bất ngờ nên tôi không xin visa trước. Hậu quả là khi máy bay hạ cánh lúc hai giờ sáng, tôi phải lâm vào cảnh mắt nhắm mắt mở chen lấn với vài trăm người để đóng tiền lệ phí qua một cửa sổ bé tí, rồi tiếp tục chạy qua bên kia xếp hàng để mòn mỏi đợi hải quan cấp visa nhập cảnh. Phiền phức quá nên mỗi năm chỉ khoảng 125 ngàn người tìm đến để tham quan và khám phá đất nước này.

Cái cửa sổ bé tí tẹo đó đầy thương gia lẫn công nhân đến từ Trung Quốc. Họ đi thành đoàn, xí xa xí xồ đủ thứ ngữ âm lạ lẫm. Bangladesh là trung tâm dệt may của thế giới, nên người Hoa vốn giỏi làm ăn, không bao giờ để mất cơ hội đến đây kiếm tiền. Họ mở các nhà máy khắp đất nước để tận dụng nguồn nhân công rẻ mạt. Hèn chi, vài nhãn hàng yêu thích của tôi như H&M, Zara hay

Abercrombie, dạo gần đây không “Made in Vietnam” hay “China” nữa, mà chuyển qua toàn hàng Bangladesh chất lượng không tốt bằng.

Giữa đêm đông, anh nhân viên mắt nhắm mắt mở ngồi đếm tiền mệt nghỉ. Thỉnh thoảng lại giơ tay đập muỗi bốp bốp, nhưng không thấy anh tỏ vẻ bức bối tí nào. Vẫn đều đều như cái máy (trước quyền hóa đơn in than ba lớp), viết rồi ghi, ghi rồi viết, sau đó đếm tiền, đưa phiếu, cảm ơn, chuyển qua người khác. Sau gần một tiếng đồng hồ chờ đợi, tôi cũng đóng xong tiền, cầm biên lai qua dãy bên cạnh xếp hàng trước hai người khác xin cấp visa. Phải mất thêm một giờ đồng hồ nữa, bằng tất cả thủ thuật chen lán, giả điếc, quăng cục lơ, nhảy từ hàng này qua hàng khác chứ không thể nào đứng im một chỗ chờ tới lượt mình bị chiếm mất khi các bạn Tàu chung quanh thân nhiên chen như chỗ không người. Ở đâu? Từ đâu đến? Làm gì? Tới đây chi? Tôi cần điện thoại của khách sạn. Nếu không có thì khỏi cấp visa. Nghiệt ngã quá. Tôi phải rà mớ email của mình trong điều kiện không có internet để lấy số điện thoại đưa anh ta chứ không phải lên chuyến bay kế tiếp rời Bangladesh ngay lập tức.

Cuối cùng, sau gần ba tiếng đồng hồ tính từ lúc hạ cánh, tôi mới làm xong thủ tục thông quan trong cơn buồn ngủ đến ghê người.

Và muỗi. Lũ muỗi to gần bằng con châu chấu bay mọi lúc mọi nơi. Nó không tha bất kỳ ai, sang giàu hay nghèo khó, mặc đồ kín mít hay hở hang lòi bụng. Chỉ cần quơ tay ra, tôi đã tóm ngay được cả bụm rồi. Hai nhân viên ngồi canh hành lý của Thai Airways thấy tôi nhe răng cười, tụi tôi chờ ông nãy giờ, trong khi vẫn luôn tay đập muỗi. Tôi đi đến quầy taxi gần đó, đưa địa chỉ khách sạn để hỏi giá tiền. Bên cạnh, người đàn ông khác khổ đang co chân lên ghế ngủ gật mà tay phải cầm vòng nhang muỗi tỏa khói hôi rình. Giờ mới để ý, cả sân bay lúc này ngập trong khói. Cái mùi nhang muỗi thiệt sự kinh hoàng, làm tôi xây xẩm mặt mày, đầu óc không tập trung nổi. Hèn chi trang web của bộ ngoại giao Mỹ cảnh báo người dân hạn chế đến đây vì Bangladesh là vùng dịch Zika trên bản đồ thế giới.

Thiệt tình mà nói, taxi lấy 100 đô-la tôi cũng ráng đưa, vì ở đất nước đó, vào thời điểm này, tôi không có nhiều lựa chọn. Cũng may khách sạn gần nên họ ra giá 10 đô-la. Trước khi đến đây tôi đã đọc kỹ các bài báo lẫn chia sẻ của du khách trên mạng. Dhaka cũng không an toàn cho lắm. Kể từ sau vụ các tay súng tấn công khách du lịch ở quận Gulshan, nơi được coi là giàu có, dành cho giới thượng lưu và du khách quốc tế, thì hầu như các khách sạn hoặc khu nhà ở đều có an ninh cầm súng bảo vệ và kiểm tra nhân thân cẩn thận ngăn ngừa khủng bố.

Bạn thử nghĩ, giữa màn đêm đen, trên đất nước nghèo đói nhất nhì thế giới, trong chiếc xe taxi cũ mèm, chẳng có điều hòa, bên cạnh tài xế với khuôn mặt lầm lì, không nói tiếng nào, đi qua cung đường cũ nát, dần xóc, dưới ánh đèn đường tù mù là mấy chiếc xe phun khói đen thui... thì làm sao yên tâm cho được? Phải thần kinh thép lắm tôi mới không toát mồ hôi và lộ nỗi lo ra mặt. Taxi chở tôi vô một khu nhà to ở Gulshan, sau khi qua hai lớp an ninh lạnh như tiền, lăm lăm cầm súng. Anh chở tôi vòng tới, vòng lui mấy bận mà không tìm thấy khách sạn đâu hết. Tôi nhủ thầm trong ruột, có khi nào nó chở mình tới một động nào đó rồi bán đi không? Thân tôi chắc không đáng giá gì, nhưng sợ nó nghĩ trong hai cái va li to kia, là đồ đạc áo quần quý hiếm rồi làm bậy thì khổ.

Tới bận thứ ba, anh ta xuống xe hỏi đường tới hai lần mới tìm ra khách sạn. Đó là khu chung cư có phòng cho thuê nên cứ cầm đầu tìm chữ "hotel" sao ra cho được. Nhưng rắc rối vẫn còn vì khu nhà chưa mở cửa. Anh taxi gõ cửa rầm rầm. Một hồi lâu, hai người xuống mở cửa với vẻ mặt hầm hầm, chắc do đang ngủ ngon mà bị đánh thức. Tôi nói tên, từ đâu đến. Họ chạy vô kiểm tra đặt phòng tới ba lần vẫn chưa ra. Chắc ông tới lộn chỗ rồi, qua khách sạn khác xem sao. Chỗ nào nữa trời? Tôi sực nhớ ra, đáng lẽ mình check in từ ngày hôm trước chứ không phải hôm nay. Anh ta mò mò một tí rồi la lên, thấy tên ông rồi. Thế là tôi chính thức được vô ở rồi nhé. Tôi bo cho taxi 5 đô-la. Thiếu điều anh ta quỳ xuống lạy tôi luôn. Số tiền đó, chắc bằng cả ngày lương lái xe bạt mặt.

Trước khi cho tôi vào phòng, hai bạn lễ tân bảo chờ tí xíu. Một bạn khệnh khạng khiêng hành lý lên tận lầu bốn (vì không có thang máy), còn bạn kia cầm hai chai thuốc diệt muỗi xịt từ trước ra sau từ trên xuống dưới. Xịt một lèo hết sạch sành sanh. Xịt tới đâu, muỗi rớt xuống chết như sung. Suýt nữa tôi lên cơn suyễn vì cái mùi kinh hãi đó.

Tháng 4-2016

Dhaka và những sắc màu đối lập

Những người đàn ông có gương mặt buồn

Đội trầm luân đi giữa đỏ, xanh, vàng, tím

Dhaka phía bên này thiên đường như tắt lịm

Phía bên kia, một nửa rướn kiếm tìm...

(HP)

Có cảm giác tôi vừa chớp mắt là nhân viên khách sạn đã lên gõ cửa phòng bảo “ở dưới có người chờ ông”. Hướng dẫn viên đến sớm hơn 10 phút so với giờ hẹn, nên đồng hồ báo thức chưa kịp kêu. Tôi bảo họ chờ chút để chuẩn bị. Và chỉ trong vòng năm phút ngắn ngủi, tôi đã tắm rửa, vệ sinh sạch sẽ, quần áo gọn gàng, xuống dưới sảnh chuẩn bị đi chơi. Abdullah, cậu hướng dẫn viên tiến tới lễ phép chào và giới thiệu sơ qua về buổi tham quan hôm nay. Tôi buột miệng hỏi năm nay cậu bao nhiêu tuổi vì cái dáng nhỏ thó, bé xíu nhưng vóc bộ râu quai nón dài ngoằng của đàn ông Hồi giáo. Cậu cười, tôi 25 rồi, không phải con nít đâu. Đừng sợ.

Người ta bảo đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn. Lúc này quả thật đúng. Tôi được đối xử như một ông hoàng sau mấy đồng tip. Bảo vệ và lễ tân cúi người chúc tôi đi chơi vui. Đồ đạc cứ để trên phòng, đừng lo, không có chuyện gì xảy ra hết cả. Ông yên tâm nhé. Abdullah dẫn tôi ra xe đang đợi sẵn trước cổng. Chiếc Corolla đời bao nhiêu không rõ, bên trong sạch sẽ, có điều hòa và tài xế riêng. Ổn rồi, tôi không đòi hỏi gì hơn.

Mặc dù từng là thuộc địa của Anh nhưng người Bangladesh chủ yếu sử dụng tiếng Bengali. Tiếng Anh đứng thứ hai, nhưng rất khó để giao tiếp và gặp các bảng hiệu chỉ đường bằng thứ ngôn ngữ

quốc tế này. Cách tốt nhất là đặt sẵn tour trên internet cho biết chỗ đi và toàn mạng rời Bangladesh. Tôi đã nằm lòng lời dặn ấy và cũng không có nhiều sự lựa chọn cho tour ở Dhaka. 100 đô-la cho tám tiếng tính luôn đưa rước từ khách sạn, kèm ăn trưa. Cũng không rẻ mà cũng không mắc (so với tôi), chứ ở đây, hơn một tháng lương ấy.

Và giờ tôi mới hiểu tại sao người ta ngại tham quan Bangladesh đến thế. Khi mặt trời lên, mọi thứ được phơi lồ lộ. Dẫu ở đây, hồng thấy mặt trời đâu, nhưng tất tần tật bày ra hết. Cả thành phố bị bao phủ bởi một lớp bụi mù dơ bẩn của khói xe chạy khắp đường và hàng ngàn tòa nhà, cao ốc đang hồi hả dựng xây. Ở khía cạnh nào đó, Dhaka là thành phố đang phát triển. Nhà đầu tư nước ngoài bắt đầu quay trở lại, đổ tiền vào xây dựng, biến nó thành trung tâm kinh tế mạnh của vùng Nam Á, phục vụ cho đất nước hơn trăm triệu dân này. Rác rưởi và xà bần³ đổ khắp nơi. Mảng tường vẽ ngoằn ngoèo bằng tiếng Bengali và cả Graffiti của các họa sĩ nghiệp dư nào đó. Cứ mỗi góc đường là một đống rác hôi rình, ruồi nhặng tung cánh bay mỗi khi có xe đi ngang qua. Tôi chắc chắn xung quanh mớ rác thải kinh hoàng rỉ nước là hàng triệu con loăng quăng đang ngo nguậy chuẩn bị lột xác thành muỗi mang mầm dịch bệnh tấn công người. Tự nhiên tôi thấy nổi da gà, đưa tay sờ lên mặt, không biết đêm qua có bà muỗi nào cắn mình và có truyền vô máu cả đồng ký sinh trùng không nữa.

³ Xà bần (phương ngữ, khẩu ngữ): đồ phế thải như gạch ngói, vôi vữa... từ các công trình xây dựng.

Không khó để đọc trên báo về những vụ sập nhà ở xứ này. Người ta vẫn chưa quên vụ sập cao ốc tám tầng kinh hoàng ở ngoại ô Dhaka năm 2013. Quân đội được huy động đến kiểm tìm xác người bị vùi lấp. Hơn một ngàn người chết. Gần 300 thi thể không xác định được danh tính đã được mang đi chôn sau khi kiểm tra DNA. Abdullah bảo, đâu đó quanh quần ở các mảng tường cũ, vẫn có ảnh của nạn nhân kèm đóa hồng đỏ được người thân dán lên, chờ đợi phép màu để kiểm tìm, dù là vô vọng.

*

Người ta gọi Dhaka là thành phố của những đền thờ Hồi giáo với hơn 700 cơ sở tôn giáo chen chúc trong dân cư, để người dân nguyện cầu kiếm tìm sự bình an và cứu rỗi. Ở đâu cũng thế, tôn giáo luôn đóng vai trò xương sống trong xã hội, cho con người bầu víu, dựa dẫm vào đáng tối cao màu nhiệm, vượt qua khó khăn trong đời. Abdullah nhanh nhẩu dẫn tôi qua các bãi rác, len qua những người vô gia cư, hay cặp vợ chồng ăn xin đang ngồi đếm tiền trong hộp giấy, để vào đền Baitul Mukarram lớn nhất nước. Cửa trước bị đóng rồi. Gọi mãi mà không ai ra mở nên tôi vòng ra ngã sau. Trước đền thờ, người đàn ông đẩy xe bán trái cây và máy ly đủ màu có đậu, hạt, rồi sợi dây xanh đỏ y như chè ba màu của Việt Nam. Tôi ra dấu xin chụp hình. Anh nhún vai chắc bảo không có gì to tát lắm. Anh đưa ly “chè” mời mua. Tôi lắc đầu cười, khi thấy cái đống rác to đùng bên cạnh.

Đi riết tôi cũng thuộc loại mặt dạn mày dày, chẳng e ngại rác rến hay nước tù đọng gì. Nhưng thiết tình tôi cũng thấy ớn ớn khi đứng chờ trên bậc thềm của thánh đường đầy phân dơi, phân chim bốc mùi thum thum. Phía đối diện, hình như là trung tâm thương mại, bán hàng bà lằng các loại ti vi, tủ lạnh, máy móc cũ, mới được chất lẫn lộn, dưới một núi dây điện chằng chéo, đan xen trông đến lạnh xương sống. Lỡ chập điện nổ cái đùng chắc tiêu. Gọi cửa thêm chút nữa, một người đàn ông quen với Abdullah ra tươi cười chào đón và mời vào. Tôi phải bỏ giày bên ngoài, đi chân không vô đền. Vừa bước chân lên thềm đá, cảm giác mát lạnh chạy khắp châu thân, làm dịu hẳn đi cái nóng 40 độ đang bủa vây. Ngôi đền được xây từ năm 1968, không cần mở điều hòa mà mát như cái tủ lạnh khổng lồ vậy.

Baitul Mukarram được coi là đền thờ quốc gia Bangladesh với sức chứa hơn 30 ngàn người. Tuy nhiên, nó luôn ở trong tình trạng quá tải bởi Dhaka đông đúc dân. Tới tháng Ramadan⁴ thiêng liêng, nó phải gồng mình chứa thêm hàng vạn người từ mọi miền đất nước đổ về cầu nguyện. Thánh đường nằm trên nền đất cao, như khối hình hộp khổng lồ mô phỏng Ka'abah tại Mecca (Arab Saudi), một

trong ba địa điểm linh thiêng nhất của đạo Hồi, nơi tương truyền chứa quyển kinh thánh của giáo chủ Mohammed. Baitul Mukarram có tám tầng cao, được xây toàn bằng đá nên lúc nào cũng mát là đúng rồi. Trời hè, chỉ cần nằm dưới bóng mát một góc sân, cũng đủ để bạn giải nhiệt. Tôi vừa đi lòng vòng tham quan, vừa phải chú ý tránh những đồng phân nằm rải rác khắp nơi. Lỡ mà giẫm lên không biết chỗ nào mà rửa.

⁴ Là tên gọi tháng thứ Chín của Âm lịch Ả Rập. Trong suốt một tháng lễ này, tất cả các tín đồ đạo Hồi đều thực hiện nghiêm túc quy định: không ăn, không uống, không hút thuốc... nghĩa là không được đưa bất kể thứ gì vào miệng từ lúc mặt trời mọc tới khi mặt trời lặn.

Tiếng kinh Koran thu sẵn mở lên chậm chậm. Vài người đàn ông mặc áo chùng trắng quỳ xuống, hướng về thánh địa Mecca cúi lạy xin bình an.

Abdullah bảo giờ mình tới một địa điểm tôn giáo khác không kém phần quan trọng. Đó là Star Mosque, Thánh đường Ngôi sao nằm cạnh trường học. Hôm nay có thi gì đó, nên cảnh sát đứng đầy. Hàng ngàn phụ huynh (chủ yếu là phụ nữ) vẻ mặt lo lắng, nhấp nha nhấp nhảm nhón chân ngó vô, nôn nóng chờ con, y chang cảnh phụ huynh Việt Nam ngóng trông con mỗi lần tới kỳ thi tốt nghiệp hay đại học. Cảnh sát đóng đường không cho xe vô. Abdullah nói tài xế đậu ở ngoài, rồi dẫn tôi vào bên trong. Mosque được trang trí bằng nhiều ngôi sao xanh từ gốm trăm năm mát lạnh. Các vị chức sắc tôn giáo mặc áo choàng trắng, tươi cười khi biết tôi là người Việt Nam, sẵn sàng chụp hình chung và bảo nhớ đến thăm đất nước đẹp xinh của chúng tôi một lần nữa nhen. Còn mời khi nào rảnh tới đây ăn trưa một bữa.

Đền thờ đạo Hindu Den Dhakeshwari Temple, được xây vào thế kỷ thứ 12 bởi Ballal Sen, vị vua của triều đại Sena, được coi là nơi cất giữ viên ngọc từ vương miện của Sati, nữ thần hạnh phúc, hôn nhân và tuổi thọ. Đền bị phá hủy một lần vào năm 1971 bởi quân đội Pakistan trong chiến tranh giải phóng Bangladesh và bị tàn phá nhiều lần trong các cuộc tấn công của các nhóm Hồi giáo quá khích

vào đầu thập niên 90, nên giờ phải canh phòng cẩn thận. Giữa trưa, người ta đóng cửa không cho tham quan. Tôi chỉ đứng bên ngoài nhìn vào tòa tháp hình nón màu vàng viền đỏ kế tiếp nhau. Thấy chút lạc lõng của đạo Hindu giữa lòng đất nước đông dân Hồi giáo.

Ẩn sâu và lọt thỏm trong lòng phố xá đông nghẹt là nhà thờ của người Armenia xây dựng năm 1781 vẫn trơ gan cùng mưa nắng. Chưa vội vào trong, tôi đứng ngó một ông già mặc váy đi ngang qua, hai tay cầm mấy con gà sống giãy giụa, chắc mang ra chợ bán. Tôi đưa máy chụp cậu thanh niên cũng đi bán gà, không xách trong tay mà bỏ thúng đội lên đầu lúc lắc. Anh ta thả tay, làm dáng cho tôi chụp hình. Mấy cậu nhóc loì chơi chung quanh vỗ tay reo hò cười đùa ủng hộ.

Giáo đường màu mỡ gà, viền vàng, lẻ loi đến buồn bã. Cổng đóng kín, dường như không có người đi lễ. Người ta đã rời khỏi phố xá Dhaka chật chội để về thành phố mới và an toàn hơn, chẳng có thời gian vật lộn với giao thông mỗi ngày để đi tìm bình yên trong Chúa. Ông bảo vệ quen với Abdullah, từ bên trong chạy ra, mở ba lớp khóa, dẫn chúng tôi vô. Nhà thờ nằm giữa mảnh đất rộng chừng 500m² với tháp chuông cổ. Thấy tôi đứng ngắm tháp không rời mắt, Abdullah chạy tới gióng một hồi chuông dài giữa trưa. Hai trăm năm tuổi có lẽ rồi mà tiếng chuông vẫn thanh tao kỳ lạ. Nổi trên nền trời mờ mờ bụi bặm, cây thánh giá sừng sững như không có bất kỳ mưa nắng hay dấu thời gian làm hư mòn quyền năng của Chúa thiêng liêng.

Chung quanh tôi, có nhiều ngôi mộ của các thương nhân châu Âu đã đến đây và bao năm thân xác vẫn chưa tìm về cố quốc. Tôi cúi xuống đọc bia mộ bằng xi măng được in dấu thánh, khắc chữ Bengali, Do Thái và tiếng Anh: “Tưởng nhớ Khatch Khatun – vợ của người chồng quá cố David Fridovitch Melick Beglar. Mất ngày 14 tháng 6 năm 1893. Hãy về nhà đi những đứa con của ta và đừng khóc nữa. Mẹ sẽ ở lại đây cho đến khi Đức Chúa Trời xuất hiện”. Hay một ngôi mộ khác gần đó: “Tưởng niệm Johanness Manook, người rời bỏ cuộc đời vào ngày 15 tháng 7 năm 1846, 42 tuổi”. Gần hai thế kỷ nằm xuống ở xứ lạ người xa, xương cốt họ có lẽ đã tiêu

tan, thắm sâu vào lòng đất Dhaka, nơi không phải là quê hương xứ sở. Bao đứa con yêu thương và người thân ruột thịt, trong chặng đường tìm kiếm sinh tồn hay khám phá thêm nhiều vùng đất mới, có lẽ đã trở về cố thổ, hoặc gửi nắm xương tàn của mình tại một vùng đất lạ xa, cũng không có dịp quay lại nơi này để thăm viếng người thân thuộc.

Phía bên hông nhà thờ, cây liễu rủ và bụi hoa giấy đỏ rực nở tốt tươi nhưng sắc thắm bị che lại bởi lớp bụi dày, dầu có hai mươi trận mưa đổ xuống cũng không làm sạch nổi. Tôi bước vào bên trong. Không gian trắng lẫn vàng cô liêu quá. Những hàng ghế gỗ chắc lâu lắm rồi không người ngồi xuống nên đầy bụi. Máy cái quạt trần trên cao như làm cảnh chứ cũng chẳng ai mở chạy. Phía trên chánh điện, tấm hình Chúa Jesus rỉ máu thương đau trên thánh giá nhân từ. Mặc dù là người ngoại đạo, nhưng tôi vẫn cúi đầu trước ngài và làm dấu thánh, theo thói quen dì Năm bán bột của Nối nhớ sàu đầu⁵ hay dẫn tôi đi nhà thờ làm lễ.

⁵ Nhân vật trong tập truyện ngắn Những chuyến thiên di của tôi.

Đài tưởng niệm các liệt sĩ Savar dựng lên để tưởng nhớ những người lính đã ngã xuống trong cuộc chiến giành độc lập với Pakistan để giải phóng Bangladesh vào năm 1971. Giữa trưa nắng gắt vẫn tụ tập đông người đang diễn tập cho một buổi lễ sắp diễn ra. Tượng đài hình tháp, như một mũi tên chĩa thẳng lên trời, là biểu tượng cho lòng quả cảm không ngại hy sinh của người lính chiến. Quanh tượng, hơn chục đàn ông bất chấp nắng nóng như thiêu ngồi dưới bóng râm bán nước giải khát với bắp rang, đậu phộng. Không khó để thấy chục người vô gia cư nằm gần đó, co cuộn người ngủ say sưa quên hết đất trời.

Và đoàn tàu xe lửa huyền thoại tôi thấy trên ti vi, trong sách báo và mơ một lần được tận mắt chứng kiến, đang lừng lững hiện ra trước mặt. Mười mấy toa chậm chậm chạy trên đường ray và cũng theo nó chắc hàng ngàn, mà không, cả chục ngàn người, bất chấp nguy hiểm hay rập rình của Thần Chết. Họ ngồi từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, từ trước ra sau. Bên trong lố nhố đầu người. Trên mui

đầu người lố nhố. Bên hông phải, trái người ta thay nhau cầm nắm vào cái gì có thể đu bám được. Cả đoàn tàu như thổi nam châm cực lớn và hàng ngàn người kia là thổi nhỏ hơn, gắn dính vào nhau. Nói thì khẩu nghiệp, chứ tôi thấy nó giống miếng đường to ngọt ngào thơm lừng hút cả triệu con kiến bé xíu, bu lại. Mới hay xứ này, mạng người mỏng manh như tờ giấy quỳn của mấy ông già quê hút thuốc. Chỉ cần giọt nước nhỏ, giấy đã mủn rữa ra rồi. Hay một cơn gió nhẹ thoảng qua, cả đoàn tàu lắc rung dữ dội, đảo chao trong khoảng không trung, thân người rớt xuống sông như ngói. Nhưng không sao, đi được cứ đi. Người ta phó mặc đời mình cho đấng Allah, chứ không quan tâm gì khác.

Dhaka có diện tích chưa tới 816km² nhưng chứa gần 20 triệu người, đã biến nó thành đô thị chật chội của sự đối lập. Kẹt xe từ sáng tới chiều. Kẹt từ trong ra ngoài, từ ngõ sâu tới cạn. Còi xe là thứ âm thanh thân quen không thể tách rời phố xá. Khoảng cách giàu nghèo được phân định một cách rạch ròi. Trái ngược với trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn giàu sang, là khu ổ chuột rách nát, nơi cư ngụ của hàng triệu người nghèo khó. Khắp nơi trong thành phố, không khó để nhận ra lều bạt che tạm bợ, hay đơn giản là miếng nhựa trải trên vỉa hè, bên trên có một, hai, ba hay nhiều người lơ mơ nằm ngủ. Người ăn xin và bán hàng rong nhiều không đếm nổi. Họ đến từ làng quê nghèo khó, đói kém, không có công ăn việc làm, nên đổ về Dhaka cầu xin lòng thương hại của người đời. Cứ đi lang thang dọc đường, xe dừng lại thì tới xin. Còn không cứ tới các đền thờ Hồi giáo, tụ tập trước cổng, sẽ có người hảo tâm ban bố lòng từ bi bằng đồng taka⁶ cũ nhàu như mảnh đời của họ.

⁶ Đơn vị tiền tệ của Bangladesh, 1 taka = 270 đồng.

Bên cạnh hàng ngàn chiếc xe đời mới đắt tiền BMW, Audi hay Lambogini, là hàng vạn xe buýt, ô tô không thể nào mục nát hơn nhưng đông kín người. Nói thật, cho vàng tôi cũng không dám bước chân lên vì chẳng biết nó “banh ta lông” lúc nào. Khắp nơi trong thành phố, rickshaw - xe ba bánh (như xích lô hay xe lôi ở Việt Nam), phía trước có một người đàn ông ốm yếu đồ mồ hôi ướt nhẹp, gò lưng chở cả gia đình mập ù đang phía sau thông dong

ngồi ngó. Dhaka được coi là thủ phủ của xe ba bánh (rickshaw), với hơn 400 ngàn chiếc lưu thông mỗi ngày, qua mặt cả Delhi hay Mumbai ở Ấn Độ. Hàng triệu phương tiện không hàng lối, cứ tìm thấy chỗ trống là chen vô càng làm cho giao thông thêm phần hỗn loạn. Trên đường phố đông đúc, tuyệt nhiên không thấy một phụ nữ nào buôn bán. Đó là việc của đàn ông. Đàn bà ở nhà nội trợ, chăm con, hay làm công nhân trong nhà máy dệt. Xứ này, từ cậu trai trẻ lên 10 tới chàng thanh niên đôi mươi, hay ông già 60, mặc kệ nắng mưa, bụi bặm, vẫn miệt mài đội lên đầu lồng sắt đựng gà, vịt, chen chúc đứng bán bánh trái, áo quần, giày dép, bắp nổ, đậu phộng hay nước mía, “chè” ba màu.

Nhưng phải nói Dhaka là một thành phố lấm sắc màu và vô cùng thú vị. Để bù lại sự hỗn loạn về giao thông, người ta đã sơn xanh đỏ tím vàng xe buýt, ô tô hay xe ba bánh cũ. Đi giữa phố xá giống hộp cá mòi, ruồi muỗi bay nhiều gần như bụi, cảm giác màu sắc của phương tiện hòa lẫn vào nhau, cùng với sari lộng lẫy của phụ nữ, khiến ta không bức mình mà vui mắt. Tôi đã đến hầu hết các siêu đô thị trên thế giới. Từ Sài Gòn thân yêu, tới Tokyo sạch bong không bụi, New York đông đúc người, New Delhi đứng đầu ô nhiễm, hay Mexico City kẹt xe từ sáng tới tối, thì Dhaka là một thành phố đặc biệt, không giống ai và cũng chẳng muốn ai giống mình. Nét đẹp ấy, trong mắt gã đàn ông ngoài 30 đi cùng trời cuối đất như tôi, hóa ra vô cùng thú vị.

Bằng một giọng rất tự hào, Abdullah chở tôi đến trường Đại học Dhaka và luôn miệng bảo, đó là niềm kiêu hãnh của dân Bangladesh vì nơi ấy đã sản sinh ra bao nhân tài cho đất nước. Trường dạy bằng tiếng Anh nên hèn chi cậu nói giỏi đến vậy.

- Tôi muốn ra nước ngoài du học. Có lẽ là cuối năm nay.
- Mà y định học ở đâu?
- Tôi đang tìm học bổng. Nếu không có thì chắc đi Trung Quốc vì bên đó rẻ và cũng gần, dù tôi muốn sang Anh học hơn cho xịn.

Nói xong, cậu ấy chỉ tôi tòa nhà Curzon Hall màu gạch đỏ, mái vòm và cửa sổ như các cung điện Hồi giáo, được coi là biểu tượng của trường, thủ đô Dhaka và của cả Bangladesh. Tòa nhà có từ thời Anh đô hộ, giờ là trụ sở chính của Viện Khoa học Đại học Dhaka. Trong thời gian diễn ra cuộc vận động phát triển ngôn ngữ Bengali vào năm 1948 – 1956, Curzon Hall là nơi tổ chức nhiều sự kiện nổi bật. Và chính tại nơi đây đã nổ ra cuộc biểu tình phản đối chính sách đồng hóa ngôn ngữ của Pakistan, khởi đầu cho cuộc chiến giành độc lập sau này.

Tuy là đất nước Hồi giáo, nhưng so với nhiều nước khác, phụ nữ Bangladesh vẫn được tới trường, có ghế trong chính phủ, thậm chí giữ cương vị tổng thống. Khắp khuôn viên Đại học Dhaka, các nữ sinh tươi trẻ mặc trang phục truyền thống sari, với mái tóc dài và dày đặc trưng, cài hoa đỏ, xách giỏ, tung tăng nói cười rôm rả. Tôi ghé mặt nhìn vào giảng đường rộng. Hàng trăm sinh viên đang im lặng tập trung làm bài thi. Cách đó không xa, trong tòa nhà của Viện Hóa sinh, sinh viên nam nữ đang mặc áo blouse trắng quây quần bên kính hiển vi nghiên cứu.

Tôi chợt nhớ đến Lumma Hasan, cô bạn trong lớp TESOL⁷ tại Đại học Maryland hồi năm 2013. Cô có chồng, hai con, thân hình phốp pháp đúng kiểu Nam Á, lúc nào cũng mặc sari và luôn cười toe toét. Thịnh thoảng cô ấy kể về đất nước mình với niềm hân hoan và nỗi xúc động khó tả. Lumma bảo khi nào có dịp sang Dhaka nhớ nhắn tin, mình sẽ dẫn bạn đi khắp nơi thăm thú. Tiếc là tôi đổi ngày đi vào phút cuối nên không báo được. Mãi sau về Mỹ, tôi gửi cho bạn một tin. Lumma trách quá trời, nói đã hứa sang thì báo mà sao im ru. Tôi bảo an tâm đi, tôi sẽ quay trở lại đất nước của cô thêm một, hai lần nữa.

⁷ Teaching English as a Second Language – Chứng chỉ dạy tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai.

Một cậu bé bưng thau đậu phộng chạy tới hỏi mua không. Tôi không nỡ chối từ, móc tiền ra mua một bọc. Abdullah chỉ tôi vườn thực vật của trường với đủ các loại cỏ cây, hoa lá. Đầu hè, thực được, vạn

thọ và sao nháy khoe sắc khắp nơi. Đặc biệt là mấn đình hồng đang nở rộ giữa lòng thủ đô Bangladesh, loài hoa mà ở Việt Nam dường như đã tuyệt chủng. Buồn ghê! Mới hôm nào tôi vẫn còn làm hoàng tử bé ở Ninh Hòa, được chiều chuộng hết mình, ăn món quê thơm mùi ký ức. Rồi hôm kia còn ngồi ở Bean uống cà phê sáng, ra nhậu vỉa hè Mạc Thị Bưởi với đám bạn thân thiết nói đủ thứ chuyện trên đời. VẬY mà giờ bên đóa hoa nửa lạ nửa quen, lòng rộn ràng nhớ quê quá đỗi.

Abdullah hỏi trưa muốn ăn gì, có cần tới nhà hàng không. Đâu cũng được, có ăn là ngon rồi. Thế là ghé vô một quán ăn bên đường, gọi hai đĩa cơm gà ướp cà ri. Tôi bảo ngồi chung bàn cho vui. Nhưng cả hai nhất quyết không chịu. Tôi một bàn, Abdullah một bàn, anh tài xế cao to như ông hộ pháp xin ly nước lạnh rồi lẳng lẳng ra xe.

Phần lớn dân Bangladesh theo Hồi giáo, nhưng tôi nghĩ, do từng thuộc Ấn, nên tư tưởng phân tầng giai cấp của Ấn Độ giáo vẫn bao trùm sâu rộng lên đất nước này. Xã hội Hindu được chia thành bốn giai cấp. Brahmins (Bà La Môn) gồm giáo sĩ, lãnh đạo tinh thần tôn giáo, tự nhận mình cao thượng, được sinh ra từ miệng của Brahma – Đấng Sáng Tạo. Thứ hai là Kshatriyas (Sát Đế Ly) thuộc hàng vua chúa, quý tộc, tự cho mình được sinh ra từ cánh tay của Brahma, và thay mặt người nắm giữ quyền hành thống trị dân chúng. Thứ ba là Vaishyas (Vệ Xá) là các thương gia, chủ đồn điền, tin rằng mình được sinh ra từ bắp vế của Brahma, có nhiệm vụ đảm đương kinh tế trong nước. Thứ tư là Shudras (Thủ Đà La), thuộc hàng tiện dân, được sinh ra từ gót chân Brahma, nên phải hầu hạ các giai cấp bên trên. Chưa hết, Ấn Độ giáo còn có một đẳng cấp khác nữa, gọi là Pariah hay Dalit (Tiện Dân), nằm ngoài giai cấp, cùng khổ, mặt hạng, bị xếp ngang hàng với súc vật, không có quyền con người. Họ chủ yếu làm nghề gánh phân đổ ra đồng, dọn dẹp chuồng gia súc, chùi rửa cầu tiêu, chôn người chết. Suốt đời Dalit sống khổ nhục, không được chạm tay vào đồ vật, giẫm lên cái bóng, hay ngồi, ăn, học chung trường, kết hôn với các giai cấp bên trên.

Đĩa cơm gà cà ri thơm phức để trên bàn. Liếc qua đồng chén đĩa, thấy ruồi nhặng bám đầy, chủ quán đưa tay đuổi thế là cả bọn bay

tứ tán khắp nơi. Tự nhiên hơi nhờn. Mà thôi, sống chết có số cả rồi, đói quá cứ ăn. Tôi xin thêm muống nữa, trong khi Abdullah bốc tay ăn ngon lành. Phía bên kia đường, có người đàn ông đang ép nước mía bán. Thấy tôi chép miệng thêm, cậu ta hỏi muốn uống không. Tôi chẳng thể nào lắc đầu từ chối. Abdullah chạy ra mua một ly to. Trời nóng như điên dại, có ly nước mía mát lạnh đỡ biết là bao. Tiếc là hồng có đá. Tôi hỏi xin quán ăn, họ lắc đầu bảo mùa này đá hiếm lắm. Tôi uống cái ực. Nước mía ngọt lịm, thơm lừng chạy tọt vào miệng đã già đầu. Tôi tiếp tục liếm môi. Không nói không rằng, Abdullah chạy ra ngoài, mua thêm ly nữa.

Điểm cuối cùng của buổi tham quan là Ahsan Manzil hay còn gọi là Pink Palace, cung điện hồng hay một cái tên khác... điểm tình là Hồng Lâu (chỉ thiếu mộng) bởi lớp sơn hồng chói lọi bên ngoài. Pink Palace nằm trên bờ sông Buriganga đen thui thùi lù, là điểm nhấn tuyệt đẹp giữa lòng phố thị. Nhưng trước khi vào đó, chiếc xe cà tàng của chúng tôi phải chen chúc trong một khu phố (hay chợ) có vô số đàn ông đang bung vác, ôm đội, gánh gồng, tay xách nách mang bao tải hoặc thùng hàng cồng kềnh, từ dưới bến sông đi lên. Đường như tất cả các bộ phận trên cơ thể có thể mang vác, họ đem ra xài hết, không bỏ sót cái nào. Sáng giờ gặp toàn người đói nghèo, giờ nhìn chung quanh càng thấy họ khổ hơn gấp bội. Nắng gió thiêu đốt xứ này, nhuộm lên làn da họ một màu đen bóng. Sắc màu thần thánh mà bao trai gái phương Tây thèm khát, hễ tới mùa hè là ra biển nằm ườn trên bãi cát để nhuộm thì dân Bangladesh đâu cần tốn khoản tám nắng này nọ mà vẫn đen. Cứ đầu trần không áo dài che bọc, một bữa thôi là đã thành cục than rồi. Phải công nhận mắt của họ đẹp ghê hồn. Đen nhánh của họ nhấn lẫn màu nâu đất. Có điều lúc nào cũng buồn rĩ rượi. Âm ảnh cả chuyển đi.

Hình như đang diễn ra cuộc bầu cử ở thành phố, nên phía trên, bầu trời bị che kín bởi bụi mù, bên dưới là hàng triệu tấm hình, pano, bảng hiệu của các ứng cử viên, được kết nối thành hàng ngàn dải băng dọc ngang không hàng lối. Thêm xe hơi, xe máy, xe ba bánh, xe đạp chen nhau kèm tiếng còi xe ầm ĩ, người hét la, loa phát thanh xoáy thẳng vào màng nhĩ. Ngồi trong xe kín mít mà đầu tôi muốn vỡ tung ra. May mà vào cổng, mọi ồn ào chộn rộn ngoài kia

biến mất. Từng đoàn người lặng lẽ tham quan với vẻ mặt thành kính vô cùng. Thấy một nhóm các cô gái mặc sari, đầu đội khăn choàng che tóc, tôi ngỏ ý chụp hình chung. Trong phút chốc, tôi thấy mình như gươm lạc giữa rừng hoa.

Ahsan Manzil từng là tòa lâu đài lộng lẫy của dòng dõi quý tộc Nawab Abdul Ghani, xây xong vào năm 1872 với phong cách Indo-Gothic. Nó được chia làm hai phần, phía Đông với mái vòm được gọi là Rangmahal và phía Tây là phòng khách Andarmahal. Bên trong có phòng vẽ tranh, thư viện, khiêu vũ, phòng ngủ và phòng khách. Hơn 200 năm tuổi, sao đời vật đổi, nổi trôi theo số phận dòng tộc Ghani. Rồi lũ lụt, lốc xoáy, gió mưa, động đất, chiến tranh, thay đổi chính quyền, Pink Palace giờ thành viện bảo tàng quốc gia, trưng bày cổ vật. Có điều bụi bặm quá. Dơ kinh khủng.

Tôi ra phía sau đi vệ sinh. Từ phía xa thôi đã ngửi thấy một mùi muồn ói. Làm sao bây giờ? Nên tiếp tục đi hay ráng nhịn. Chưa bao giờ tôi phải đấu tranh tư tưởng mãnh liệt như vậy. Nhưng không kéo dài thêm được nữa rồi, phải đi thôi. Tôi nhắm mắt, hít hơi thiệt dài, kéo áo lên che kín mũi, rồi xô cửa vô trong, lật đật làm việc cần làm trong khi vẫn ngừng thở. Đầu óc choáng váng vì thiếu oxy, lồng ngực như muốn vỡ tung ra vậy. Nhưng tôi nhất quyết không hít vô bởi sợ chết sớm hơn. Xong rồi! Tôi không kịp rửa tay, mừng rỡ ào ra sân như cơn gió. Quả thật, đó là giây phút kinh hãi nhất đời. Nhưng nhu cầu tối thiểu của bản thân, phải đi thôi, nếu không muốn giải quyết giữa thanh thiên bạch nhật.

Abdullah gọi chiếc đồ mỏng manh, với người chèo ôm nhóm, đen nhẻm, mang khuôn mặt buồn hiu bởi nắng gió để đưa tôi đi dọc dòng Buriganga, một nhánh của sông Hằng, trước khi đổ ra vịnh Bengal. Bangladesh là trung tâm dệt may của thế giới. Hầu như các hãng quần áo đắt hay rẻ tiền đều có nhà máy tại đây. Chính vì thế mà sông ngòi đều ô nhiễm nặng vì thuốc nhuộm thải ra. Và Buriganga không ngoại lệ. Nó có màu đen kịt như chè đậu đen bởi hơn 60 ngàn m³

nước độc hại và hơn 4,5 ngàn tấn chất thải đổ thẳng vô mỗi ngày. Sông dài 18km, chạy dọc Dhaka, trở thành nơi vận chuyển hàng

hóa và con người của thủ đô (khi kẹt xe trở thành vấn đề nghiêm trọng). Hai bờ đầy rác rến, xà bần và những chiếc rickshaw nát mem không còn gì để rách. Sông bốc mùi thum thum. Y chang mấy xóm nước đen và kênh Nhiêu Lộc ở Sài Gòn trước khi bị giải tỏa. Thỉnh thoảng anh lái hát mái chèo lên vài ngum cát, cũng sẫm màu như than đá, sau ngàn ấy năm ngâm mình dưới nước đen. Nếu tôi đoán không lầm, đây là nguồn cung cấp nước uống lẫn sinh hoạt cho cả thành phố. Tự nhiên thấy lợm cả giọng khi nghĩ tới mớ thức ăn và nước uống sáng giờ.

Bỏ qua mùi hôi kinh hoàng và dòng nước đen thui, tôi tĩnh tâm nhìn cuộc sống trên sông diễn ra vô cùng nhộn nhịp. Chuyển đò đơn sơ với người chèo quần xà rong, thân hình như lá lúa, chỉ cần cơn gió thổi qua là rút xuống nước cái ùm. Thế mà họ vẫn vững tay chèo, chở năm, sáu người to lớn gấp đôi đón đưa đi – về hai bên. Hàng chục tàu chở khách và hàng hóa đậu sát bờ chuẩn bị nhổ neo tới các thành phố khác xa hơn. Mấy cậu thanh niên thả gàu xuống sông, mức nước dội lên người ra chiều thích thú. Tôi rùng mình thêm lần nữa. Thà ở dơ chứ không bao giờ dám tắm thử nước kinh hoàng này. Lênh bênh trên con nước đen là mảng lục bình xanh, nương theo dòng ra biển lớn. Mới hay, trong bất kỳ hoàn cảnh, môi trường nào, con người và cỏ cây cũng có thể thích nghi chứ chẳng chết chóc gì.

Chiều chậm chậm xuống dần ở trên phố xá thủ đô. Thật khó để mặt trời vệt hết đám mây bụi kia ra để rải nắng xuống dòng sông đen nhánh. Thuyền về bến. Vốn lãng mạn, nên tôi thấy khung cảnh chung quanh tự nhiên đẹp vô ngần. Trăm năm trước, khi Bangladesh chưa bùng phát dân số và ô nhiễm như bây giờ, chắc dòng Buriganga xanh đẹp lắm. Và có gì thú vị hơn khi bơi thuyền giữa chiều tà trên dòng nước biếc xanh, ngắm cung điện màu hồng tươi xinh, soi mình bên dòng nước.

Trên đường về khách sạn, Abdullah chỉ tôi khu tòa nhà chính phủ rộng bao la là nơi ở của tổng thống và hội họp quốc hội, hỏi muốn ghé không. Tôi lắc đầu, nhiều đây đủ rồi. Một phần vì chung quanh hàng rào, tôi ngửi được mùi thum thum của nước tiểu.

*

Xe về tới khách sạn đã gần tám giờ. Khoảng ba giờ sáng mới có chuyến về Bangkok. Từ đó tôi sẽ sang London, tiếp tục cuộc hành trình viễn xứ trên đất Mỹ. Tôi hỏi Abdullah có thể chở tôi ra sân bay được không, sẽ gửi thêm tiền, chứ giờ ở đây cũng chẳng ăn ngủ gì. Đi ra ngoài càng không thể. Nửa đêm biết gọi xe đâu ra. Dù có to gan cỡ nào tôi cũng không dám lang thang một mình ở xứ này đâu nhé. Abdullah gật gật đầu nói “đừng lo, tôi sẽ đưa ông ra đến tận nơi”. Xe ngừng trước cổng khách sạn, tôi chạy vô lấy đồ. Coi như ở chưa tới một ngày mà trả tiền tới hai đêm. Đồ đạc cũng gói ghém sẵn rồi. Trong vòng năm phút tắm rửa tôi đã xuống sảnh, cũng vừa kịp cổng nạp cho lũ muỗi thêm một mớ máu.

Abdullah kêu tôi viết nhận xét thật tốt cho dịch vụ sáng giờ. Và nếu có trở lại, nhớ liên lạc với gia đình cậu ấy. “Ít tháng nữa tôi sang Trung Quốc học rồi. Giờ giúp ba tôi được ngày nào hay ngày ấy”. Tôi chúc Abdullah học thật tốt sau khi gửi tặng 20 đô-la cho cậu ấy và cả lái xe. Hai đứa cảm ơn tôi không kịp thở. Xe dừng lại ở sân bay. Sau khi để va li của tôi xuống, cả hai tạm biệt ra về. Đang xớ rớ trước đoàn người dài ngoằng, bỗng có hai cậu thanh niên chạy tới, hỏi tôi muốn vô trước không. Chỉ cần 5 đô-la là đẩy qua cổng ưu tiên, không cần xếp hàng chờ lâu như thế. Tôi nhún vai bảo không cần. Còn cả mấy tiếng nữa, chờ được mà. Hai cậu ta cứ lẻo đẻo theo tôi và không ngừng lải nhải bên tai. Bỗng gia đình đang đứng trước quay ra nói xí xa xí xò gì đó tôi không hiểu. Thấy mặt tôi đàn thối ra, họ cười tươi, giơ tay mời tôi lên trước. Rồi cả đoàn dài làm y như vậy, đẩy tôi lên đầu hàng. Hên và xúc động ghê. Với lại đang lười nên tôi đi liền, chẳng đứng im để phụ lòng họ.

Còn sớm quá nên quầy check in của Thai Airways chưa hoạt động. Làm gì bây giờ? Ngủ không được. Sân bay chẳng có wifi. Ở đây, ngoài mấy quầy bán nước không có nhà hàng hay quán ăn để chui vô. Tôi chép miệng, mới nhận ra là mình đang khát nước. Thế là đẩy hành lý tới quầy, hỏi họ có nhận thẻ credit cho chai nước không. Không. Có nhận đô-la không. Cũng không. Mà đi đổi tiền đi. Giờ mới thấy mấy đồng taka của Bangladesh giá trị thấp tè nó quan

trọng cỡ nào. Tới quày bên cạnh, bên cạnh, rồi bên cạnh nữa. Ở đâu cũng gặp cái lắc đầu từ chối buồn hiu. Tới quày thứ năm, anh nhân viên gạt đầu cái rụp làm tôi mừng hết lớn. 5 đô-la mua được chai nước và hai hộp bánh. Thôi kệ. Mặc nhưng có nước uống là được rồi.

Tôi vẫn chưa thoát nạn muỗi chích đầu nha. Sáng giờ nó chui vô bụi rậm, vũng nước tù đọng trốn hết, đêm xuống lại mò ra hành hạ người ta. Máy lạnh sân bay cũng chẳng hoạt động. Cửa mở toang và mấy cái quạt trần không đủ sức đuổi muỗi đi nơi khác. Tôi mở va li, lôi hai cái áo dài tay, thêm áo thun trùm kín đầu, chỉ chừa mặt. Tôi ngả người nằm trên ghế, hai chân gác lên va li to, giỏ nhỏ thì gác tay, ba lô gói lên đầu cho chắc. Mặc kín mít như vậy mà mấy con yêu tinh muỗi không tha. Tôi đập bôm bốp thiếu điều muốn sưng cả mặt. Khi về tới Mỹ, qua ngày hôm sau, lúc tắm rửa soi gương, mặt tôi nổi lốm đốm như trái rạ.

Chiếc Airbus 330 của Thai Airways ra phi đạo rồi lao vút lên trời, để lại bên dưới những vệt đèn mờ tỏ Dhaka nhấp nháy tiễn chân. Tôi không biết mình có đủ can đảm quay lại đất nước này không nữa. Có đủ dũng khí ngồi trên những chiếc rickshaw cũ nát đi khắp phố phường. Bữa nào Lumma thấy tôi để hình lên facebook chắc sẽ tỏ ra hờn trách. Chỉ biết, trong hộ chiếu của gã đàn ông xê dịch, sẽ có thêm con dấu xuất nhập cảnh nữa rồi. Nhưng tôi sẽ tự hào kể cho mọi người nghe, mình đã tới đất nước đông, nghèo và dơ nhất trên trái đất này rồi nhé.

Hơn 24 tiếng đồng hồ hiêm hoi rảo bước khắp Dhaka, tôi để ý khuôn mặt đàn ông xứ này lúc nào cũng hiện lên nỗi dàu dàu khó tả. Những đôi mắt đen nhánh không thể nào buồn hơn, luôn né ống kính chụp hình, ám ảnh tôi nhiều ngày sau đó. Tôi nhận ra sự thờ than, oán trách cuộc đời của mình trước khó khăn đều trở thành vô nghĩa khi đứng giữa lòng Dhaka rục rờ. Phải sống, bằng bất cứ giá nào cũng phải vươn lên giữa bần cùng và đói khát là cách mà Abdullah nói với tôi về đất nước yêu quý của mình.

London giữa mùa dã yên thảo

Em đã ở đâu một quãng đường trần?

Mùa dã yên thảo trên đầu anh loay hoay phía nào cũng không nguôi nhớ

Mỗi bước anh qua dùm dằng từng hơi thở

Tản ngẩn tản ngẩn, vương vương nụ cười em.

(HP)

Năm lớp 12, khi vào ký túc xá Lê Quý Đôn ở Nha Trang học ôn thi quốc gia, tôi cầm theo cái máy cassette má mua 50 ngàn ở tiệm cầm đồ và cuốn băng nhạc nhõ nhoẹt các bài hát thu âm bên hải ngoại. Khi bắt đầu những năm ba mươi của nhạc sĩ Trần Duy Đức qua tiếng hát thần sầu của nữ danh ca Lệ Thu là bài tôi nghe nhiều nhất. Nha Trang chiều cuối năm, gió biển se se lạnh, có hơi điên khi cậu học trò nhà quê mười bảy bẻ gãy sừng trâu mộng mơ nghĩ về năm tháng ba mươi? Không biết có phải cạo mặt mỗi ngày hay để râu lởm chớm? Lúc ấy đang ở Ninh Hòa, Nha Trang, Sài Gòn, hay xa tít tắp vùng trời nước Mỹ? Có sống được với nghề giáo viên yêu thích, hay phải chạy ăn từng bữa mà quên hết đam mê? Bạn bè có liên lạc thường xuyên hay lặn tằm mất hút? Có sánh bước với người mình thâm thương trộm nhớ hay sẽ mãi vò võ cô đơn?

Tôi mang mấy câu ấy hỏi đi suốt thanh xuân trên đất Mỹ. Bạn rộ thì không nhớ gì, chứ rảnh rỗi vẫn hay nghĩ về quãng thời gian xa nhà ngẩn ngủ nhưng nhiều kỷ niệm đó. Nhìn lại bước đường mình đã đi qua, mới thấy sức chịu đựng phi thường của con người giữa quãng quật cuộc đời. Người ta bảo cái gì càng mong đợi thì càng lâu đến. Nhưng tuổi tác thì khác, vèo một cái nó đã tới trước mặt và tỏ vẻ kiêu hãnh thách thức rồi. 30 tuổi, ngoài công việc ổn định với số lương kha khá, tài khoản ngân hàng có ít tiền và bằng đại học loại giỏi, tôi chẳng sở hữu gì nữa. Ba má bỏ tôi đi khi chưa kịp nói xong

lời từ biệt. Ngày má mất, tôi không về để chịu tang và gục đầu khóc ngất trên cơ thể lạnh lẽo, khói hương nghi ngút vì chẳng đủ tiền. Ngày ba lia bỏ cuộc đời, tôi chỉ kịp về nhìn mặt lần cuối qua tấm gương mịt mờ rồi mấy tiếng sau đau đớn tiễn ông về lòng đất lạnh. Bao nhiêu năm nay, tôi thèm cầm bàn tay tảo tần của má áp lên mặt, mong được nắm lấy bàn tay nhăn nheo của ba hẹn lúc trở về. Tôi muốn nghe tiếng má thở dài mỗi khi gió mưa về giăng khắp lối, nghe giọng nghèn nghẹn của ba khi tôi cất bước giã từ. Nhưng ước mơ tưởng đâu giản đơn mà thiên thu không thể nào thực hiện được. Mãi mãi tôi chẳng gặp lại họ nữa bao giờ.

Cái mốc 30 quả là kinh khủng. Nhưng dù muốn dù không thì số phận vốn vậy, có gào thét khóc la cũng chẳng thay đổi được gì. Người ta bảo nửa đời người rồi, hạ cánh đi là vừa chứ đừng lông bông nữa. Nhưng đó là thời đói khổ của ông Y Vân mấy chục năm trước. “Em ơi có bao nhiêu, sáu mươi năm cuộc đời”. Chứ giờ y học phát triển quá trời, 30 chỉ mới một phần ba thôi, tôi vẫn còn hai phần ba để nhìn đời và suy ngẫm.

Ngày rời Việt Nam ở tuổi 18, tôi nghĩ, tới 30 sẽ quay bước trở về. Giàu sang nghèo hèn gì cũng bỏ hết để làm lại từ đầu. Nhưng dần thân rồi mới biết, cuộc đời không êm đềm như mình nghĩ. Buồn ghê.

Tháng 9-2011 mộng mơ, tôi về giữa vòng tay ấm áp của gia đình và bè bạn trong tiệc mừng sinh nhật 30 mùa nắng lạ. Sài Gòn bao giờ cũng nhân hậu đón tiếp tôi trở lại. Thành phố vẫn dịu dàng từ phía trên cao, lung linh giữa ánh đèn đêm huyền ảo. Coffee Bean luôn yêu thương tôi mỗi sáng. Quán nhậu lề đường với hàng trăm câu chuyện trên trời dưới đất chưa bao giờ thôi hết vui cười. Ninh Hòa là nơi cho tôi ngủ cả ngày đêm không giật mình hốt hoảng. Các món ăn quen ngoài đường hay chị nấu lúc nào cũng giữ mãi mùi vị quen thuộc, chỉ cần ngủi là biết được hàng quán của ai rồi. Quyển luyến thể rồi cũng phải rời xa, để về lại bên kia trời kiếm sống.

Thay vì bay một lèo về Mỹ (sau khi dừng ở Tokyo như mọi khi), tôi phát hiện mình có thể dùng điểm thưởng của United Airlines để quá cảnh một chặng bất kỳ ở châu Âu hoàn toàn miễn phí. Lúc đầu tôi định ghé Paris hoa lệ, lấp lánh ánh đèn khi màn đêm buông phủ ở

Eiffel, hay tới Rome, thành phố vĩnh hằng ngàn năm còn ghi dấu, hoặc về Copenhagen ngồi nghe nàng tiên cá hát giữa biển khơi... Suy đi nghĩ lại, tính tới tính lui, sực nhớ tới Hoàng đang đi học ở London, thế là nhắn tin cho em “Có rảnh không dẫn anh đi chơi?”. Năm phút sau đã có câu trả lời đồng ý.

30 chẵn, lần đầu tôi đặt chân tới châu Âu. Và London trở thành miền nhớ khôn nguôi, chưa bao giờ thôi hết yêu thương mỗi khi tôi trở lại.

Chiếc Boeing 747 của Thai Airways to lớn nhưng già khú rung lên bần bật mỗi khi qua vùng nhiễu động, cuối cùng cũng đưa tôi tới London sương mù che khuất. Do lần đầu bay của Thai Airways nên tôi không rành. Chứ sau này quen rồi, tôi mặc sức chọn máy bay, ghế ngồi, khoang hạng... để tạo sự thoải mái nhất cho mình trong mười mấy tiếng lơ lửng trên trời. Heathrow rộng kinh hồn, cổng này tới cổng khác xa lác lợ. Đứng xếp hàng nhập cảnh cả tiếng mới được thông quan. Cuối cùng cũng ra được bên ngoài sau khi lấy hành lý trong tiếng nhạc rộn rã của Spice Girls, năm cô gái tuổi thanh xuân tươi đẹp.

If you want my future, forget my past

If you wanna get with me, better make it fast

Now don't go wasting my precious time

Get your act together we could be just fine.

Hoàng đợi tôi ngay tại cổng như lời đã hứa. Hơn năm không gặp, cậu trai trẻ nắng gió Nha Trang ngày nào giờ trắng ra chút đỉnh, cao nhòng, ăn mặc chất và hiện đại hơn. Hai đứa mừng mừng tủi tủi ôm nhau giữa trời se lạnh xứ người, hỏi han về vài người bạn cũ. Biển quê em vẫn thế. Sóng to, gió lớn nồng nàn. Khách phơ mình trên biển mỗi độ hè về mang lại nguồn lợi khổng lồ cho thành phố. Sài Gòn nơi em học vẫn chưa bao giờ thôi quyến rũ. Ai lỡ một lần vương vấn, cứ nhớ mãi khôn nguôi. London đối xử với Hoàng hơi tệ. Số tiền để dành và gia đình tích góp đưa sang du học, gặp phải

trường ma đóng cửa. Thế là toàn bộ tín chỉ và học phí bị mất sạch. Phải cày cuốc để làm lại từ đầu.

Hai đứa lên tube⁸, vòng vèo mấy line, nào là Piccadilly tới Central, District Line để về nhà trọ. “Mind the gap. Mind the gap”, giọng cô gái rặt Anh vang lên dễ thương vô ngần. Lời thông báo ngắn gọn mỗi khi tàu vào ga là biểu tượng không thể thiếu của hệ thống tàu điện ngầm London, kêu gọi người ta chú ý khoảng cách giữa sàn tàu và sân ga, đề phòng tai nạn. London Underground là hệ thống tàu ngầm chạy bằng hơi nước đầu tiên trên thế giới (1863). Đây là sáng kiến vĩ đại của vương quốc Anh, nơi nổ ra cuộc Cách mạng công nghiệp. Hơn 150 năm sau, vòng tròn màu đỏ trên nền trắng với dòng chữ xanh da trời ghi tên ga đã trở nên thân quen với bao thế hệ người Anh và du khách khắp nơi. Dẫu giờ hơi cũ và tụt hậu, nhưng với 402km đường ray, kết nối 270 ga và chuyên chở hơn một tỷ hành khách mỗi năm đã tỏa đi khắp nơi trong thành phố, ra tận vùng ngoại ô, thực hiện triệt để chính sách giãn dân của London. Nếu không có nó, chẳng biết mọi người phải xoay xở ra sao. Bữa nào tube bị trục trặc, chắc cả London tê liệt quá. Mỗi lần đi đâu xa, lại nhớ câu “Mind the gap” dễ thương của cô gái ấy.

⁸ Người Anh không gọi tàu điện ngầm là subway hay metro, mà gọi là tube.

London tháng Chín, sắp sửa vào thu. Nắng không gay gắt mà rớt mật vàng ươm lên khắp mọi ngõ đường phố xá. Buổi sáng tinh mơ, hàng cây ven ga bắt đầu trở vàng, gió mơn mơi phượng thổi nhẹ mơn man, thơm thơm mùi bánh nhà ai đang nướng. Hai đứa ngồi trên ghế gỗ đợi tàu. Hoàng chắc không có cảm xúc gì ngoài việc mong tàu đến thật nhanh, để về nhà nghỉ ngơi vì phải dậy sớm. Tôi lại muốn tàu đừng vội đến để thanh thoi hít thở không khí thoáng đãng, nghe chim vu vơ hót trên cành cao và đợi chiếc lá úa vàng rơi xuống gót chân để nhặt về làm kỷ niệm. Ngẫm ra cũng có lúc mình sến đởn đau, khác hẳn với vẻ ngoài lạnh lùng và bị nhiều người chửi là tàn nhẫn, khô khan và khó chịu.

Tàu từ từ vào sân ga. Tôi nghĩ, đó là hình ảnh đẹp và bình yên lâu rồi mới tìm thấy được. Để rồi sau đó, lần nào có dịp đến đây, tôi cũng ra mấy ga trên mặt đất để ngồi. Chẳng để làm gì. Chỉ ngắm cảnh chung quanh và nhớ lại thời trai trẻ của mình, lần đầu đến với London mê đắm.

King's Cross! King's Cross! Trời ơi, cái bảng đỏ hiện ra ngay trước mắt mình mà tôi cứ nghĩ là đang nằm mộng. Không ngờ một ngày nào đó, tôi được chạm tay vào sân ga cổ tích này. Tôi nhìn trái phải, ngó trước sau, coi thử có trụ nào thiết to giữa platform 9 và 10 của dân Muggle để lấy đà thiết nhanh, chạy xuyên qua vào platform 9, nơi Harry Potter cùng các bạn bắt chuyến tàu Hogwarts Express trong bảy mùa thu đến trường Hogwarts học thành pháp sư và phù thủy. Cũng tại nơi này, trong thế giới nửa thực nửa ảo, sau khi bị Voldemort đánh chết phần hồn lưu lại trong người mình, Harry đã gặp thầy Dumbledore và kể cho nhau nghe cuộc hành trình gian nan đi tìm và tiêu diệt trường sinh linh giá.

Thế giới tưởng tượng của nhà văn Rowling phong phú quá, đã đi theo chúng tôi từ khi còn là đứa trẻ chập chững vào đời, cho tới giờ đã ngoài 30, nhưng từng chi tiết và nhân vật cứ gắn mãi trong đầu. Giờ đứng giữa nhà ga King's Cross, tự nhiên lòng rưng rưng muốn khóc.

Do có người dẫn đi, nên tôi chẳng phải ghi nhớ đường làm gì cho mệt. Hoàng bảo chuẩn bị xuống thì tôi xuống, lên thì tôi lên. Có lẽ vì thế mà tới tận bây giờ tôi hơi mù tịt ở đây. Hoàng bảo: “Em ở trọ trong căn phòng tầm 5m² trong ngôi nhà chẳng lớn là bao của một chú Việt Nam lãnh trợ cấp xã hội. London chật chội, giá nhà đất nhất thế giới, nên thuê được phòng giá rẻ có chỗ ngủ và đi tắm là mừng lắm rồi. Ông sướng lắm anh ơi. Mỗi năm về Việt Nam sáu tháng trời, nhà ở đây cho thuê kiếm thêm, ngoài mớ tiền giúp đỡ từ chính phủ”. Sếp tôi từng làm cho Bộ Xã hội Anh gần 30 năm trước, lúc chưa tới Mỹ. Nhiệm vụ của ông là đi kiểm tra mấy người ăn tiền trợ cấp mà sống sang hơn cả nữ hoàng. Hệ thống an sinh xã hội nước Anh tốt cực kỳ. Nhiều người hỏng làm gì, cứ sồn sồn đẻ con, rồi xếp hàng xin giúp đỡ. Mà họ không thêm ở nhà chật chội trong

mấy khu ổ chuột đầu nha. Luôn chọn khu xịn và sang, phòng ốc tiện nghi cho thoải mái.

Bay 12 tiếng. Thêm hai tiếng ngồi tàu nữa mới về tới nhà. Tôi chỉ kịp tắm rửa, chẳng ăn uống gì, hai anh em mỗi người mỗi góc, nhắm mắt ngủ khò, giữa tiếng niệm kinh “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật” thanh bình trong chiếc loa thùng, chủ nhà dọn mở thâu đêm suốt sáng.

Thủ đô nắng lên dần còn khá lạnh. Thành phố đa sắc tộc nhất thế giới với hơn 300 ngôn ngữ đang háo hức đợi chờ. Sau một giấc đã đời, việc đầu tiên phải làm là bắt tàu đến ga Waterloo thăm chuông đồng hồ Big Ben danh tiếng.

Khi đặt chân lên cầu Westminster trứ danh, tôi mừng phát khóc. Sông Thames mùa thu nước xanh trong, êm đềm chảy qua cây cầu đông khách. Thames không đơn thuần là dòng sông lớn, uốn quanh, chia cắt London thành hai bờ Nam – Bắc, mà còn mang trong lòng bao lịch sử kiêu hùng lẫn đau thương của thủ đô và cả nước Anh xinh đẹp. Từ di chỉ khai quật, các nhà khảo cổ đã xác định con người bắt đầu định cư bên dòng Thames khoảng 4,5 ngàn năm trước Công nguyên. Vào năm 43 sau Công nguyên, người La Mã đã lập nên Londinium, tiền đề của London, rồi người Anglo-Saxon chuyển đến cư trú vào thế kỷ 7. Sau hai ngàn năm đặng đặng, London chuyển mình kỳ vĩ bên hai bên. Dưới đáy sâu trầm tích, Thames đã khóc cười với phố phường, chứng kiến bao đau thương, tang tóc. Sông chôn vào lòng hàng ngàn người chết vì dịch bệnh và hỏa hoạn, như sông mẹ, đi qua bao thế hệ cuộc đời, vào bóng bẩy thơ ca, làm nhiều người như tôi mơ ước chạm vào, giờ mới thỏa lòng, toại nguyện.

Và thoáng thấy bóng dáng Big Ben soi bóng dưới Thames, tôi mới biết mình đã thực sự đến London. Big Ben trên bưu thiếp trước tu viện Westminster, Big Ben trong tờ lịch treo tường, Big Ben biểu tượng cao quý của nước Anh, đang hiện ra sờ sờ trước mặt. Tôi không phải là người mắc chứng “ái vật” nhưng thiết tình muốn hét thật to cho cả thế giới biết mình đang vui sướng và hạnh phúc thế nào khi đối diện với “người tình trong mộng”. Big Ben là tên gọi thân

thương của quả chuông bên trong tháp đồng hồ lớn. Còn tên thật của nàng là Great Bell (quả chuông lớn). Từ tiếng chuông đầu tiên vào năm 1859, Big Ben và nước Anh đã đi qua những khủng hoảng quốc gia, Thế chiến I, Thế chiến II, Chiến tranh Lạnh... nhưng đáng về oai phong của tháp chưa bao giờ mất. Chuông vẫn vang giòn khắp bốn phía thủ đô.

Tôi không muốn rời nơi này tí nào hết. Tôi muốn dựa vào thành cầu nghiêng mình xuống Thames xanh thẳm, để nhìn London Eyes, vòng quay Thiên niên kỷ khổng lồ, cao 135m lúc nào cũng đông nghẹt khách ngồi trong lòng kính ngắm 55 địa danh nổi tiếng nhất thủ đô từ thấp đến cao. Tôi muốn im lặng ngắm chuyến xe buýt hai tầng màu đỏ qua lại trên cầu. Bác tài nào cũng nhấn ga chậm chậm, không phải để né người khỏi tai nạn, mà để cho khách giờ máy ảnh hay điện thoại chụp hình, lưu lại khoảnh khắc tuyệt đẹp lúc xe chạy ngang qua.

Hai đũa chằm chằm đi bộ xuống cạnh bên sông để có thể thấy toàn cảnh tu viện Westminster Abbey xây bằng đá vàng in bóng dưới Thames. Nằm trước nghị viện Vương quốc Anh, giữa hai ngôi tháp Big Ben và Victoria Tower, thánh đường có hai tháp chuông bằng đá giống Notre Dame ở Paris, luôn là một biểu tượng gắn liền với sự thăng trầm của thành phố. Được vua Edward the Confessor xây vào năm 1042, đến nay đã gần một ngàn tuổi mà Abbey chưa hề già cỗi. Là chỗ lên ngôi và an nghỉ của các vị vua, nữ hoàng của nước Anh hùng mạnh, nơi chôn cất hay khắc tên của những nhà khoa học nổi tiếng như Newton, Darwin và Shakespeare lừng danh.

Được nhà thiết kế nổi tiếng Giles Gilbert Scott giới thiệu vào năm 1924, hơn 90 năm sau, buồng điện thoại đỏ đã trở thành nền cho hàng tỷ tấm hình du khách đến London. Và tất nhiên, chẳng có lý do gì để tôi không có một vài pô ảnh với nàng ấy. Bao năm nhìn lại, tôi nghĩ, đó là hình ảnh lộng lẫy nhất của mình. Sau này đi nhiều thành phố khác như Oxford, Manchester, Blackpool, tôi cũng gặp các buồng điện thoại đỏ, nhưng hình như chỉ ở London nó mới rực rỡ, nồng nàn và tươi thắm, như mới được sơn từ tối qua. Thời đại công nghệ thông tin, smartphone thay thế vai trò của các buồng điện

thoại công cộng nên chắc chẳng mấy ai dùng nó nữa. Nhưng biểu tượng muôn đời vẫn là biểu tượng. Mỗi đất nước, mỗi thành phố có một biểu tượng nổi tiếng đã vui rồi. Nhưng không hiểu sao ở London, cái gì cũng là biểu tượng.

Hai đứa xuống thuyền đi dọc Thames. Thay vì ngắm nàng ấy từ trên cầu cao, tôi có cơ hội ngồi trong lòng, sát một bên, len lén thò tay vọc nước và ngửi được mùi rong nòng ắm từ dưới đáy. Sông Thames đoạn qua London có 33 cây cầu lớn nhỏ bằng đá, thép, bê tông, cầu vòm, dây võng, dây văng... nổi hai bờ Nam - Bắc. Cầu sông Thames không chỉ là phương tiện qua sông, mà còn gieo thương nhớ cho bao nhiêu người già trẻ. Buồn ra cầu đứng cho bớt buồn. Vui chạy tới cầu chia sẻ sự hân hoan. Nhớ ai chạy ra cầu đứng nhìn cho đỡ tủi.

Cầu Tháp (Tower Bridge) kết hợp giữa cầu treo và máy nâng cho thuyền lớn đi là cây cầu đẹp nhất, làm xao xuyến lòng người qua mấy trang tạp chí. Trong nắng trưa, Cầu Tháp được xây theo lối Gothic, hoàn thành năm 1894, với hai ngọn tháp cao 65m oai phong hiện lên uy dũng, bất chấp thời gian tàn phá. Thuyền đi qua City Hall có hình vỏ sò bằng kính và tòa nhà chọc trời khổng lồ The Shard ở phố Southwark đang dần dần hoàn thiện. Cầu Waterloo ngay tại nhà ga Waterloo đông người, gợi nhớ trận đánh kinh hoàng trên đất vương quốc Bỉ, đã làm vỡ tan giấc mộng vĩ cuồng của Napoleon, thống nhất châu Âu... Chui qua cầu London từng được bán với giá 2,5 tỷ đô-la cho doanh nhân người Mỹ, giờ đã thay hình đổi dạng từ cầu đá cong sang dầm hộp bê tông. Anh hướng dẫn cất giọng đọc bản đồng dao buồn của con nít xứ này: "London Bridge is falling down/ Build it up with wood and clay/ Wood and clay will wash away/ Build it up with bricks and mortar/ Bricks and mortar will not stay/ Build it up with iron and steel/ Iron and steel will bend and bow/ London bridge is falling down⁹...", hay đó cũng là tiếng thờ dài của dân London, cho cây cầu cả ngàn năm tuổi giờ chẳng còn hồn vía.

⁹ Cây cầu London đang gãy đổ/ Hãy xây nó bằng gỗ và đất sét/ Gỗ và đất sét rồi sẽ bị mục ruỗng/ Hãy xây lại nó bằng gạch và vữa/

Gạch và vữa rồi cũng sẽ rơi/ Hãy xây lại nó bằng sắt và thép/ Sắt và thép rồi cũng bị uốn cong/ Cây cầu London đang gãy đổ...

Chúng tôi xuống thuyền ngay bên Tháp London (London Tower) bên bờ Bắc của sông Thames. Trải theo dòng lịch sử, nơi đây từng là pháo đài, rồi cung điện, xưởng đúc tiền, kho vũ khí và sở thú. Tương truyền nó là nơi bị ma ám nhiều nhất nước Anh. Tháp London từng giam nữ hoàng Elizabeth II (khi còn là công chúa) và hàng ngàn người khác theo đạo Tin lành, rồi những người không từ bỏ niềm tin công giáo hoặc chống đối với vương lệnh của Elizabeth II khi bà lên ngôi. Hai đũa ngòi bệt trên thềm đá, nhìn bãi cỏ xanh bị hàng rào ngăn lại. Lũ bồ câu dạn dĩ nhào tới tìm thức ăn như chỗ không người. Xa xa, Tháp Máu (Bloody Tower) hiện lên đau đớn. Tôi đồng tai nghe hướng dẫn viên gần đó say sưa trình bày cho du khách. Sau khi vua Edward IV qua đời vào năm 1483, em trai của ông, Richard công tước xứ Gloucester, đã tiến ngôi, giam cầm hai người cháu là vua Edward V và Richard trong tòa Tháp Máu. Mãi đến năm 1674, mấy người thợ sửa sang tòa tháp đã đào được hộp gỗ chứa hai bộ xương trẻ nhỏ, nhưng tới giờ hoàng gia vẫn chưa khẳng định đó là xác của vụ án năm xưa.

Dù hàng ngàn người bị giam cầm ở đây, nhưng chỉ có năm phụ nữ và hai đàn ông bị chém đầu trong khu vực của tháp để giữ danh tiếng cho họ. Đó là hoàng hậu Anne Boleyn vợ của vua Henry VIII, Catherine Howard và nữ hoàng Jane Grey. Gần 1,5 ngàn người khác bị chém ở ngọn đồi Tower. Đầu bị bêu thị chúng trên cầu London và thi thể được chôn dưới nền nhà thờ trong tháp. Người ta nói rằng, hồn ma không đầu, mặc váy trắng xóa của hoàng hậu Anne Boleyn thỉnh thoảng đi lại trong tháp. Hồn ma của Arabella Stuart, cháu gái nữ hoàng Mary xứ Scotland vẫn vất vưởng sau khi bị bỏ cho chết đói. Rồi vua Henry VI, Jane Grey và các hoàng tử kể trên mấy trăm năm rồi vẫn chưa siêu thoát, oan hồn vất vờ dưới bóng trăng thanh.

Đói bụng quá, hai anh em tới gần đó mua đồ ăn. Đã đến nước Anh rồi thì phải thưởng thức đặc sản cá và khoai tây (fish and chips). Nắng bớt gắt hơn, nhạt dần giữa bãi cỏ xanh, trên nóc Tháp London

và vàng đi hần. Tôi ngược mặt lên, để tia nắng lung linh nhảy múa lên da mình. Có cảm giác ngời một tí thôi là đủ vitamin D cho cả mùa thu đông sắp tới. Dã yên thảo, loài hoa rực rỡ mùa hè với đủ màu đỏ, hồng, vàng, tím, ở Mỹ giờ có lẽ sắp tàn, thay bằng cúc nồng nàn thơm mát nhưng ở London sau vài tháng, sắc thắm hắt lên trời, lên mắt, lên tay, lên màu tường xám của những lâu đài xung quanh như bức tranh đẹp tuyệt trần, khó lòng phai nhạt.

Hai đĩa fish and chips thiệt bự được bưng ra để trước mặt. Mùi cá thơm lừng kèm mớ khoai tây chiên giòn có miếng chanh và nước sốt trắng nhìn tôi thách thức. Nghe đồn có tới 10 ngàn cửa hàng như thế khắp nước. Ở đây gọi khoai tây chiên là chips chứ không phải french fries. Chắc do mối thù “bất cộng đái thiên” giữa người Pháp với Anh nên phải né. Mỗi năm, số lượng cá tuyết bị giết để lọc xương đem chiên chắc lên đến vài trăm triệu con. Và số khoai tây được thu hoạch cỡ hàng tỷ tấn. Tôi cắn miếng cá. Da giòn, thịt ngọt kinh hồn. Chỉ có điều ăn tới miếng thứ ba thôi là ngán vì dầu mỡ quá nhiều. Do tôi không thích khoai tây chiên, nên chắc chỉ ăn một lần cho biết.

No căng bụng. Hai đĩa lại lên tàu qua Soho gần Chinatown để uống trà.

Nếu như ẩm thực của người Anh vào loại chán nhất thế giới, thì ngược lại, họ lại rộng rãi và bao dung vô cùng với các thể loại trà. Trà sáng, trà trưa, trà chiều, trà tối. Hết trà xanh tới trà đen, trà chanh, trà lài, trà đậm, trà nhạt vào tất cả mọi ngày trong tuần mà không biết chán. Chuyện cũ kể rằng, người Anh thường ăn ngày hai bữa, sáng và tối. Khoảng thời gian chính giữa cách nhau cả nửa ngày, cho nên khoảng bốn giờ là bụng bắt đầu đói meo. Thế là nữ công tước Anna Maria xứ Bedford đã nghĩ ra món trà chiều kèm bánh ngọt để chống đói. Việc này lúc đầu chưa phổ biến trong giới quý tộc Anh. Sau đó lan rộng ra nhiều tầng lớp khác trong xã hội, dần dần trở thành một thói quen chẳng những không bỏ được mà còn là đặc trưng của cả Vương quốc Anh. Chẳng biết người Mỹ có ảnh hưởng bữa trà chiều của dân Anh không, mà có thêm bữa ăn phụ khá nhẹ vào đầu giờ chiều gọi là brunch, mặc dù họ không

quên bữa sáng với trưa và sau đó là tối. Có lẽ do ăn nhiều bữa quá, mà Mỹ là một trong những đất nước có số lượng người béo phì đứng đầu thế giới cũng không chùng.

Lúc này đã là giờ tan tầm nên phố xá bắt đầu đông những chàng trai, cô gái lẫn anh chị trung niên. Ai cũng ăn mặc lịch sự, cao ráo, xinh đẹp, đứng đầy các pub ven vỉa hè, tràn xuống cả lòng đường vô tư cười nói. Họ bỏ hết công việc áp lực của một ngày lao động tại thành phố đất đỏ nhất nhì thế giới, ở trung tâm tài chính toàn cầu, đứng đây cho mọi căng thẳng giãn ra, không cần uống say, chỉ ngà ngà thôi, tối về ngủ vui, mai lại bắt đầu một ngày rất khác.

Hai đứa bỏ ly trà xuống, ra phố ngắm nhìn. Những chậu hoa trong ánh nắng chiều lả lơi mời gọi. Nghe đồn ở Soho nổi tiếng về câu chuyện bảy chiếc mũi bằng thạch cao có kích thước khác nhau, được ẩn giấu trên nhiều con phố. Đây là tác phẩm nhà điêu khắc Rick Buckley thực hiện vào năm 1997. Lúc đầu ông tạo 35 chiếc đủ kiểu hợp với màu tường rồi đem dán khắp nơi để chụp hình lưu giữ. Qua hôm sau, nó bị dẹp đi nhưng sau đó được gắn lại. Nhiều người tin rằng nếu tìm thấy tất cả bảy chiếc mũi này, họ sẽ có một cuộc đời giàu sang, ấm no và hạnh phúc. Tôi bảo hay mình đi loanh quanh, biết đâu tìm thấy rồi mặc sức đổi đời, không phải đi làm nữa.

Hai anh em đi về phía phố Tàu rục rĩ cao cao lồng đèn. Mùi dầu mỡ, thức ăn quen thuộc xộc thẳng vào mũi. Đang no cảnh hông, chứ không cũng vô đó làm một tô mì hoành thánh kèm há cảo cho đã đời. Sau này đi đến nhiều phố Tàu nổi tiếng ở New York, Los Angeles, San Francisco, Paris, Bangkok, Sofia, Chợ Lớn ở Sài Gòn hoặc ngay tại quê hương Ninh Hòa, tôi nghĩ, không đâu sạch và ít mùi như Chinatown ở London kỷ niệm.

Không khó để nhận ra tấm bảng “City of Westminster” hay “City of London” nằm ở nhiều góc đường như định phân ranh giới. London mà chúng ta biết là vùng Đại (Greater) London rộng lớn với gần 10 triệu người. Thành phố Westminster vốn là khu tự quản của London, chiếm phần lớn diện tích trung tâm thủ đô và khu West End. Hầu như các danh thắng nổi tiếng như Cung điện Buckingham, Cung điện Westminster, tòa nhà số 10 đường Downing (nơi cư ngụ của

các thủ tướng Anh) đều nằm ở thành phố Westminster này hết. City of London lại là một khu vực rất nhỏ trong vùng Đại London ấy. Là khu lõi chính lịch sử của London thuộc đế chế La Mã thời Trung cổ. Người ta vẫn hay gọi đó là khu Dặm Vuông (Square Mile) vì diện tích chỉ 1,12 dặm vuông bé nhỏ. Nhưng ở đây lại có thị trường và hội đồng thành phố riêng. Và nghe đâu ngày xưa, mỗi lần các vị vua hay nữ hoàng từ City of Westminster muốn vào City of London, đều phải xin phép.

Soho luôn là góc phố năng động và tươi trẻ nhất của London bởi các pub, bar, quán cà phê, tiệm bánh ngọt dọc khắp ngã đường. Gần đó, còn một khu phố dành cho dân đồng tính. Phải công nhận giới trẻ London đẹp quá. Đúng kiểu thị thành cosmopolitan. Cái chất của áo quần, giày dép, đồng hồ, kiểu tóc, nước hoa lẫn từng bộ ria được chăm chút, sẫm soi cẩn thận. Dân thẳng (straight) đã lịch thiệp rồi, thì các bạn gay, ngoài một số ăn mặc lập dị, đủ sắc màu vui nhộn, phần còn lại tinh tế đến ngỡ ngàng. Hoàng cao gần 1,8m nên chẳng lọt thỏm chút nào giữa đám đông. Tôi độn thêm giày cũng chỉ mới có 1,72m, nên thấy thiệt là buồn. Giá mà hồi xưa tôi chịu uống nhiều sữa tươi, chắc giờ không đến nỗi.

Hai anh em đi vô mấy tiệm bán sex toy và tạp chí khiêu dâm cho biết với người ta. Đúng là xứ sở tự do về dục tình, tất tần tật mọi thứ đều được phô bày ra một cách rõ ràng, không e ngại.

*

Đêm tối lạnh lạnh. Tự nhiên thích chơi trò ú tim. Hai đứa đi về phía Đông, để mua tour khám phá về tên sát nhân Jack the Ripper và một phần bí mật không lời giải, từng là cơn ác mộng gieo rắc kinh hoàng khắp cả London.

Tour bắt đầu ngay tại Durwald Street (xưa mang tên Bucks Row), vào ngày 31-8-1888, người ta bằng hoàng phát hiện ra cơ thể bầm tím của Mary Ann Nicholls với hai vết cửa sâu trên cổ làm cho đầu gần như rời ra và bụng bị rạch toang, các cơ quan nội tạng bên trong bị lộ hết ra ngoài. Chưa dừng lại đó, liên tiếp mấy ngày sau, các thi thể khác lần lượt được nhận dạng. Từ Annie Chapman, đến

Elizabeth Stride, Catherine Eddowes, rồi nạn nhân thứ năm Mary Jeanette Kelly được phát hiện. Những người phát hiện ra xác chết than rằng sẽ bị ám ảnh đến cuối đời, không thể nào quên. Tất cả các nạn nhân đều có điểm chung là làm nghề gái điếm và cùng bị giết với cách thức phanh thây. Cả London hoảng loạn. Khu phố nghèo Whitechapel phút chốc thành hang ổ của tên đồ tể giết người. Ai nấy cũng ở hết trong nhà không dám ra đường nửa bước. Bức thư của Jack được gửi đến hãng thông tấn Trung ương Anh như thách thức cả lực lượng cảnh sát. Ngoài năm phụ nữ bị giết có chung một kịch bản, sáu người khác bị sát hại ở nhiều nơi theo cách thức khác nhau. Trước dư luận giận dữ và sự hoảng sợ của đám đông, giám đốc sở cảnh sát London là Charles Warren phải từ chức. Mọi sự tìm kiếm tên sát nhân đều đi vào ngõ cụt. Dấu vết quan trọng hán ta để lại không được phân tích một cách rõ ràng. Những người bị nghi ngờ như Kosminski, Montague Drutt, Micheael Ostrog, hay Francis Tumblety hoặc tự tử chết, hoặc bỏ trốn ra nước ngoài đều không có chứng cứ phạm tội rõ ràng. Tên sát nhân tâm thần, bệnh hoạn vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật. Vụ án 11 phụ nữ bị giết một cách tàn nhẫn tới giờ vẫn mãi mãi chìm sâu vào bức màn bí mật, không lời giải đáp cho họ yên lòng nơi suối vàng.

Chúng tôi đi qua từng con đường, góc phố hơn trăm năm trước xác của từng nạn nhân lổ lổ được phát hiện. Khu ổ chuột khổ nghèo ở phía Đông East End ngày nào giờ được xây cất, thay đổi khá nhiều nhưng dễ dàng nhận ra vết tích u buồn và thê lương còn sót lại. Cả nhóm người không ai khuyên bảo, tự nhiên đứng sát lại gần. Có người sợ hãi run run. Vài cô gái đưa tay bịt miệng, mắt đỏ hoe khi chuyển tay nhau hình ảnh và bài báo về các nạn nhân tội nghiệp. Trong ánh đèn leo lét, Whitechapel ảo mờ, gió se se lạnh. Ván vương đầu dây trên từng viên gạch, mái ngói, bức tường, hàng cây, cọng cỏ, hồn ma của mười một nạn nhân năm cũ vẫn ngày đêm than khóc, đòi mạng kẻ sát nhân.

Thành phố hết sương mù rồi nắng to ban sáng, sau khi mặt trời về núi, đã khoác lên chiếc áo lông lầy sắc màu. Trụ đèn ven đường tỏa ánh sáng nhạt vàng, dịu dàng khôn tưởng. Hàng sao soi mình ven bóng. Buồng điện thoại và mấy chiếc xe buýt đỗ khắc khoải hơn

giữa đêm thu. Nhà còn xa không em? Cũng không gần mà cũng không xa. Tiếc quá, nếu gần thì mình đi bộ. Anh không muốn ngồi trong tàu điện ngầm xuyên qua lòng đất. Muốn đi dọc hết phố xá chật chội nơi này và mang hết nỗi nhớ cất giấu tận trong lòng. Để năm năm, mười năm và nhiều năm sau nữa, mỗi lần có dịp kể cho ai nghe về London tuyệt mỹ, anh sẽ nói về đêm đầu tiên cùng với người bạn quý đi khắp cùng trên lối mòn bằng đá, ven các tòa nhà có ngàn năm lịch sử, giữa ánh điện đường huyền ảo, bên mấy chậu dã yên thảo đêm khuya vẫn khoe sắc thắm và khẳng định tình yêu dành cho London nhiều vô cùng vô tận, một lần rời đi là quay quắt nhớ thương.

Hoàng hôn Greenwich

Không nhớ đêm qua sau khi tắm xong tôi đã đi ngủ từ mấy giờ. Chỉ biết khi tỉnh dậy nắng chói chang đã rọi vô cửa sổ. Hoàng dậy từ sớm, chuẩn bị gần xong bữa ăn sáng đúng kiểu Ăng lê. Ở Việt Nam bước ra đường là có cơm, phở, hủ tiếu, bún, bánh mì, xôi, bột chiên, bánh bèo, bánh hời... Người Mỹ siêng thì nướng bánh mì ăn với trứng, bơ và mút, làm biếng thì chạy vô drive through¹⁰ của McDonald's mua một phần to bagel¹¹, thịt bò, trứng và khoai chiên rồi ăn ngay trong xe. Người Anh thì khác, bữa sáng gồm thịt xông khói, cà chua nướng, trứng ốp la, nấm chiên, bánh mì nướng với bơ, xúc xích và đặc biệt không bao giờ thiếu đậu.

¹⁰ Mua hàng kiểu lái xe tạt ngang qua cửa sổ mà không cần vô bên trong.

¹¹ Một loại bánh mì ở Mỹ.

Tôi là đứa lười ăn sáng kinh hoàng, chắc do thói quen từ nhỏ, lật đật chạy ù vì sợ trễ giờ học. Ra chơi tới căn tin mua ổ bánh mì lót bụng. Ngày nào cũng thế, riết tạo thành thói quen cho bao tử đến tận giờ. Sang Mỹ, sáng uống cà phê với sữa rồi lên công ty. Trưa ăn thiệt nhiều còn tối thì lai rai thôi bởi sợ mập. Có lần đổi thói quen, bày đặt sáng ăn no này nọ. Hậu quả là bụng căng kè, đâm lười, lái xe hồng nổi.

Hai đĩa thức ăn to bở chẳng để trên bàn. Nhìn thôi tôi đã thấy rùng cả mình mà vẫn ráng ăn khỏi phụ lòng bạn. Hoàng hỏi tôi muốn uống trà, cà phê hay nước ép trái cây. Đã đến đây, dù thêm cà phê, nhưng tôi sẽ uống trà cho đúng điệu.

Tôi với Hoàng kể đủ thứ chuyện hồi xưa ở Khánh Hòa, hiện tại ở nước ngoài, rồi tương lai mịt mù, vô định. Tôi dù công việc ổn định, có chút đỉnh tiền, nhưng vẫn thấy mình chưa trưởng thành, hồng biết mai đây sẽ sống ở đâu khi ước mơ được về Sài Gòn vẫn âm

thầm cháy bỏng. Sau vụ bị lừa, Hoàng đi làm nhiều hơn, dành dụm tiền rồi mới tính chuyện trở lại trường lần nữa. Hoàng bảo: “Anh sang lần này trời ẩm áp, nắng nhiều, chứ trùng mùa đông, trời lạnh hoài, âm u như bão sắp tràn vào, sương mù giăng mờ mịt. Em quen với nắng gió biển quê mình, ở đây bốn giờ chiều, mặt trời đã lặn mất tiêu, trời tối sầm, lạnh kinh hồn. Sống riết em đâm ra trầm cảm”.

Thôi thì cứ coi như ông trời thử thách mình. Nhưng thử kiểu này, thiệt tình cũng hơi quá.

Nếu như thủ đô Washington D.C. nổi tiếng với các bùng binh (circle) mang tên các danh tướng trong nội chiến Bắc – Nam giải phóng chế độ nô lệ, thì London mê đắm lòng người với những quảng trường (square) nằm rải rác khắp nội ngoại ô. Đây là nơi tổ chức các sự kiện văn hóa, hòa nhạc, triển lãm hay các phiên chợ trời. Hễ từ dưới tube trời mặt lên là gặp ngay một quảng trường nhộn nhịp. Hôm qua gặp mấy cái rồi. Từ Soho cho tới Berkeley, Hanover, Leicester, Sloane và giờ chuẩn bị đi quảng trường nổi tiếng và lộng lẫy nhất London, Trafalgar. Axel, bạn của Hoàng đang chờ nơi đó.

Chỉ còn vài tháng nữa thôi là Thế vận hội Mùa hè diễn ra. London sẽ đón hàng triệu vận động viên và du khách khắp nơi đổ về tham dự. Không khó để thấy cảnh đường kẹt như nêm. Công nhân đang hối hả dựng xây cho kịp tiến độ. Các sân vận động được sửa sang, vỉa hè xây mới, underground nâng cấp nên nhiều trạm bị đóng. Và tím, tông màu chủ đạo của Olympic 2012 hiện diện khắp phố phường. Nói về mê thể thao chắc không đâu bằng người Anh hết. Họ luôn tự hào là nơi khai sinh ra bóng đá và có giải vô địch tennis Wimbledon lâu đời nhất thế giới. Nhìn giải Ngoại hạng Anh thì rõ. Sân vận động lúc nào cũng dày đặc khán giả tới ủng hộ, dù là Manchester United, Liverpool, Chelsea hay mấy đội vô thưởng vô phạt Everton, Crystal Palace. Riêng thủ đô London đã có gần 10 đội bóng chuyên nghiệp với sân riêng rồi. Mỗi đội có fan cuồng và lãnh địa riêng, bất khả xâm phạm. Hay hai tuần Wimbledon danh giá, khán giả dậy từ sáng sớm rồng rắn xếp hàng vô xem từ vòng một tới trận chung kết mà không cần có bất kỳ vận động viên chủ nhà nào thi đấu. Mà họ bày ra đủ thứ luật lệ bắt buộc mọi người tuân

theo, như vận động viên phải mặc toàn màu trắng, thi đấu xong là vô liền không được giao lưu với bất kỳ ai trên sân, khán giả ăn mặc lịch sự theo yêu cầu chứ xộc xệch là bị mời về dù là người nổi tiếng.

Axel là luật sư, tuổi gần 40 nhưng còn trẻ và rất đẹp trai. Anh ta cao cỡ 1,9m, tôi đứng tới ngực. Có điều đang thất nghiệp nên chi tiêu dè xẻn từng đồng. Và hồng biết có “xài thuốc” nhiều ảnh hưởng tới thần kinh không, mà nói chuyện cứ chậm chạp, rề rà, nghe dễ nổi khùng. Cũng may dù người Scotland, sống ở London khá lâu, nhưng Axel nói tiếng Anh rất dễ nghe, một phần do tính chất công việc tiếp xúc với nhiều người và hồi trẻ đi chu du bốn biển.

Quảng trường Trafalgar rộng cỡ sân bóng đá, mang tên trận thủy chiến Trafalgar (ở Tây Ban Nha) của hải quân Anh đánh thắng đội quân hùng hậu Napoleon vào năm 1805. Chính giữa, là tượng đài Nelson's Column cao 52m hướng về trung tâm thành phố. Bao quanh chân tượng là bốn con sư tử khổng lồ bằng đá đen uy nghi nằm phủ phục. Người London coi Trafalgar như một phần linh hồn họ. Nơi đây từng diễn ra những cuộc biểu tình phản đối chiến tranh, chống vũ khí hạt nhân, biến đổi khí hậu, ngày chủ nhật đẫm máu năm 1887 (Bloody Sunday) và đêm không hết các buổi hòa nhạc. Mỗi năm, cứ vào dịp Noel, chính phủ Na Uy sẽ tặng London một cây thông to và họ sẽ trồng trên Trafalgar suốt 12 ngày mừng Chúa giáng sinh trong niềm hân hoan hồ hởi.

Chúng tôi đi vào Bảo tàng Quốc gia (British Museum) gần đó. Tôi không thích bảo tàng lắm bởi mê sự sống động bên ngoài hơn là những mẫu vật trưng bày với vài dòng ghi chú ngắn ngủi. Nhưng nguyên nhân lớn hơn là không đủ nền tảng văn hóa để hiểu và cảm hết giá trị lẫn thông điệp các cổ vật để lại. Học sinh Âu Mỹ từ nhỏ đã được vô bảo tàng chiêm ngưỡng, làm bài, học hỏi. Còn dân Việt Nam hơi yếu ở điểm này. Nhưng bữa đó tôi phải vô vì một vài báu vật nổi tiếng của nhân loại mà người Anh có công sưu tầm, mua lại, lần “mượn” trong các cuộc chinh phạt khắp nơi rồi quên không trả. Mưa dầm thấm đất, chắc giờ đã thành của riêng.

Gần tám triệu hiện vật được trưng bày từ khởi đầu của thế giới loài người là các mầm sống ngoài đại dương, đến Lương Hà, Trung

Đông, Babylon, Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa... tới thời cận, hiện đại. Ai mê bảo tàng chắc dành cả tháng vào đây nghiên cứu cũng không hết bởi tầng tầng, lớp lớp các cổ vật được chất từ sàn dựng lên tới nóc theo ranh giới địa lý khác nhau. Gian phòng Ai Cập đầy ắp các xác ướp quấn băng từ mấy ngàn năm trước. Xác ướp nhiều tới nỗi người ta phải chồng lên nhau, nhiều gấp chục lần bảo tàng ở Cairo tôi tới sau này. Tượng đá đảo Phục Sinh (Easter Island) với đôi mắt khổng lồ không dãi ra mệnh mông đại dương Chile mà đứng đây nhìn vu vơ vào mấy bức tường vô hồn bằng kính. Cả một phần đền Parthenon của Hy Lạp cũng được mang trưng bày. Lúc sang Athens, vô bảo tàng quốc gia, nghe hướng dẫn viên nói về khiếm khuyết trong lịch sử Hy Lạp vì các hiện vật bị mất hay lấy cắp đi, mới hiểu được nỗi xót xa vô bến bờ trong lòng họ.

Rosetta Stone là hòn đá được một người lính phát hiện năm 1799, khi đang xây pháo đài tại Rosetta, ven bờ Địa Trung Hải, được để trang trọng ngay cửa ra vào. Có lẽ đó là mẫu vật nổi tiếng nhất mà bất kỳ ai đến đây cũng phải ghé qua chiêm ngưỡng. Theo các nhà khảo cổ, đây là bia đá cổ bằng đá bazan, nặng hơn nửa tấn, có khắc nội dung bằng ba ngôn ngữ Hy Lạp, Demotic và Hieroglyph (chữ tượng hình Ai Cập cổ đại). Sau nhiều năm đầu đầu nghiên cứu, người ta cũng giải mã được nội dung của nó. Đó là sắc lệnh ban hành ở Memphis vào năm 196 trước Công nguyên nhân danh vua Ptolemy V do các linh mục gửi lên nhằm ủng hộ các Pharaoh như người lãnh đạo xuất chúng, khiêm nhường và là người thờ cúng đáng kính đối với các vị thần Ai Cập. Rosetta chỉ là một tấm bia đá bình thường. Nhưng những dòng chữ ngàn năm khắc trên ấy lại là vô giá, hé lộ kho báu của nền văn minh vĩ đại nhất loài người.

Mình đi đâu tiếp nữa anh? - Notting Hill em nhé!

Câu trả lời vô thức bật ra cửa miệng tôi làm cho Hoàng và Axel cười to khùng khục. Nhiều người đến viếng thăm một thành phố hay đất nước nào đó vì vô tình coi bộ phim hay đọc được bài báo từ thuở nhỏ. Ước mơ ấy cứ lớn dần theo năm tháng, cho tới ngày được đặt chân đến nơi mình mong ngóng, thấy háo hức làm sao. Vì thế mà Casablanca (nghe đồn) không có gì quyến rũ nhưng vẫn thu hút cả

triệu khách mỗi năm vì bộ phim trắng đen cũ. Hay hai hàng cây hạnh nhân rải kín lá vàng ở Seoul sau Trái tim mùa thu cũng quyến luyến hồn bao nhiêu du khách. Tôi muốn tới Notting Hill uống cà phê, vào cửa hàng của Will Thacker mua sách. Dẫu mình không phải là diễn viên Hollywood nổi tiếng Anna Scott, nhưng biết đâu sẽ gặp được người tình trong mộng ước bao năm.

Notting Hill với những ngôi nhà bằng gạch đủ màu, cửa gỗ san sát nhau kèm hàng trăm chiếc xe đất tiền đậu kín nhiều con phố. Chẳng tiếng ồn ào của người hay âm nhạc, cũng chẳng thấy cọng rác nào rơi vãi trên các vỉa hè. Đúng là khu phố nhà giàu thành thị, im ắng và sạch sẽ đến lạ thường. Dẫu biết phim hư cấu, nhưng tôi cũng đưa mắt nhìn chung quanh để ráp vào bối cảnh. Hình như Anna với nụ cười rộng như đại lộ Broadway vào hiệu sách ngay chỗ ấy. Đúng khúc này Will va vào Anna làm bắn hết bộ đồ. Phải chăng nhà này là của Will nơi Anna đã hôn anh ngay bậc tam cấp? Và khách sạn nào xa xa nơi đó, hai người đã có một đêm đáng nhớ bên nhau.

Tôi chia tay Sương Mù hơn ba năm trước đó. Hơn ngàn ngày trái tim đã đôi lần rung động, nhưng dường như vẫn chưa sẵn sàng để đón nhận bất cứ bóng hình nào. Tôi cứ ngỡ lừa dối và chót lưỡi đầu môi hóa thành lớp xi măng bọc tim mình chai sạn. Nhưng hôm nay đứng giữa Notting Hill tuyệt đẹp, mới hay cảm xúc trong mình vẫn còn mãnh liệt. Tự nhiên thêm yêu đương vu vơ rồi hờn giận. Gặp gỡ rồi chia xa mỗi người mỗi ngã. Rồi số duyên tiền định, mình và người tình nào (chưa biết mặt), sẽ như Anna và Will xinh đẹp, rồi cũng gặp lại nhau.

Axel bỏ về vì có việc cần làm. Hồng biết việc gì mà tôi thấy tay chân anh ta run run, giọng lạc đi và nói năng không tròn câu cứ y như người thiếu thuốc. Tôi và Hoàng lên xe buýt, dọc bờ sông Thames, đến đồi thiên văn Greenwich, nơi cùng lúc, bạn có thể đứng trên cả hai bán cầu Đông – Tây của quả địa cầu mà ở giữa là đường kinh tuyến gốc chạy ngang qua.

Buýt ngừng dưới chân đồi, hai đứa thong thả đi bộ lên phía cao, giữa đồng cỏ xanh êm ru có mấy con vịt chạy lạch bạch dễ thương và lũ quạ dạn dĩ đi tìm thức ăn rơi vãi. Sinh viên của Đại học

Greenwich gần đó đang ngồi phơi nắng lẫn học bài hăng say lắm. Thanh bình ghé.

Vừa thò mặt lên đồi cao, chúng tôi đã thấy ngay trụ lớn bằng gạch đỏ gắn đồng hồ to đùng với dòng chữ Royal Observatory Greenwich (đài Thiên văn Hoàng gia Greenwich) hiện ra trước mặt. Như có luồng điện chạy xẹt qua cái rẹt, tôi muốn móc điện thoại ra gọi khoe khắp thế gian, mà biết gì không, tao đang chạm tay vào đường kinh tuyến số 0 huyền thoại đó. Say mê địa lý bao năm, đọc quá trời sách và tạp chí Việt lẫn Anh, nghe thầy cô giảng hồng biết nhiều lần, giờ tận mặt chứng kiến, bảo sao tôi hồng tràn đầy xúc động.

Từ thế kỷ 19, các nhà hàng hải và thiên văn học đã nhất trí lấy Greenwich là kinh tuyến gốc số 0 và chia trái đất 360 kinh độ ra làm 24 múi giờ, mỗi múi trải dài 15 kinh độ. London vinh hạnh được mang giờ khởi đầu số 0 hay GMT – Greenwich Mean Time. Nếu đi sang phía Đông một múi là tăng thêm một giờ đồng hồ, sang Tây một múi thì trừ đi một giờ. Giản đơn là vậy. Các quốc gia tự chọn cho mình múi giờ theo đặc điểm tự nhiên và quyền lợi kinh tế. Nước có diện tích nhỏ như Singapore, Thụy Sĩ, Hà Lan... thì không có vấn đề gì. Riêng các quốc gia lớn hơn sẽ gặp nhiều rắc rối. Việt Nam gọt gọt nằm ở múi giờ GMT+7. Mỹ chia làm ba múi. Bờ Đông Washington D.C. đi trước bờ Tây Los Angeles ba tiếng. Trước đây Nga có 11 múi giờ. Vào năm 2010, Tổng thống Medvedev (giờ là Thủ tướng) giảm xuống còn chín. Người Nga luôn tự hào về hệ thống múi giờ “vô địch” của mình, nhưng khổ thay ở Moscow mới vô giường ngủ thì ở vùng Viễn đông Vladivostok dân chúng đã dậy chuẩn bị đi làm rồi. Lãnh thổ Trung Quốc chỉ có một múi giờ duy nhất là Bắc Kinh GMT+8, nên không hiếm để thấy các cảnh dở khóc dở cười. Có nơi 10 giờ trưa mặt trời mới mọc, chỗ khác phải ăn tối lúc 11 giờ đêm.

Do hơi trễ nên cổng đóng, người ta hồng cho vô trong nữa. Vậy cũng hay, hai đứa ra ghé ghế gỗ ngồi, nhìn xa xa về phía London. Chiều rơi nhẹ như chiếc lá thu trên đầu xoay tròn trong không khí. Từ ngọn đồi thoáng đặng, chúng tôi say mê chỉ trở, ngắm nhìn những địa danh quen thuộc hiện ra mòn một trong ánh nắng chiều. Nhà thờ St.

Paul nơi công nương Diana và thái tử Charles làm lễ cưới (thay vì ở Westminster Abbey theo truyền thống). London Eye chậm chậm xoay tròn giữa khoảng không trống trải. Tháp Big Ben cổ kính bên cạnh tòa nhà The Shard chuẩn bị hoàn thành. Sân vận động O2 đang trang hoàng chuẩn bị cho Olympic sắp diễn ra. Và đẹp nhất, thú vị nhất là được ngắm khúc uốn quanh của dòng Thames dài 215 dặm, đoạn chảy qua London cong mềm như dải lụa. Bao địa danh nổi tiếng của thành phố, chiều nay bỗng thu gọn vào một tầm nhìn.

Không biết từ nơi đâu, giọng Beatles huyền thoại vang lên: “Yesterday, all my troubles seemed so far away/ Now it looks as though they’re here to say/ Oh, I believe in yesterday/ Suddenly, I’m not half the man I used to be/ There’s a shadow hanging over me/ Oh, yesterday came suddenly...¹²”. Tự nhiên tôi thấy lòng mềm ra hết cả, hai chân như dính chặt vào chiếc ghế gỗ không tách rời ra được. Mặt trời đang rời bỏ phố phường để lui về sau núi. Thần Apollo tuần tú ơi, dùng quạt roi vàng lộng lẫy, để tôi ngắm London thêm xíu nữa. Đêm đen có thể chờ đợi được mà.

¹² Ngày hôm qua, mọi rắc rối của tôi đều đã xa cả rồi/ Vậy mà giờ đây có vẻ như chúng đang quay lại/ Ôi, tôi tin vào ngày hôm qua/ Bất chợt, tôi không còn là một nửa của mình như ngày xưa nữa/ Có một chiếc bóng đang bao trùm lấy tôi/ Ôi ngày hôm qua lại đến bất chợt...

Nhưng hình như Apollo không nghe được lời cầu khẩn của tôi nên đánh bầy ngựa thần về núi. Tôi muốn gọi ngay cho United đổi vé để ở lại đây lâu hơn. Hai ngày ngắn ngủi chưa đủ thiếu gì. Còn quá nhiều nơi để đi và khám phá. Tôi không biết mình còn quay lại London thêm lần nào nữa. Có thả lỏng bước chân đi khắp từng góc phố ấp đầy lịch sử? Có chạm vào đóa dã yên thảo đủ màu rủ treo trên lầu đài cổ? Có dịp gặp lại người bạn cùng quê giữa xứ người lạ lẫm? Và có thể ngồi đây trong tĩnh lặng, nhìn London yêu dấu, như ngắm mãi một người lần đầu tiên mới gặp, đã bị tiếng sét ái tình đánh cho xiềng liềng, mê man?

Stonehenge ngàn năm rêu phủ

Tháng Bảy vào hè. Thời tiết Maryland đồng đánh như cô gái lỡ thì, bốn mươi mấy tuổi vẫn chưa tìm được ý trung nhân hợp mắt. Sáng thì nắng chói chang, chiều lại mưa vùn vủ tới tận nửa khuya, qua hôm sau nóng hừng hực như thiêu đốt. Vừa thò mặt ra đường chưa tới hai phút, mồ hôi mồ kê đã đổ ra như tắm vì độ ẩm không khí quá cao. Thỉnh thoảng trời lại nổi phong ba, lốc xoáy, bão to ập về ở thung lũng sâu hay núi đồi gần đó.

Vậy mà Thắng bảo mùa đó nước Anh mới đẹp vì độ chớm hè, nắng vàng rải đều như rót mật sau bao ngày mưa lạnh. “Lộng lẫy lắm anh à, sang chơi với tụi em đi, trước khi lại chìm trong giá rét, mưa gió, ẩm ương, đúng với tên gọi “đất nước sương mù” mà người ta đã mỹ miều dành cho nó”. Tôi vốn ham chơi, không cưỡng được lời rủ rê nồng hậu đó, nên thu xếp nghỉ mấy ngày, mua vé sang Anh lần vài nước châu Âu. Sếp tôi, dân Do Thái, nhưng sinh ra ở Liverpool, từng có gần chục năm học tập ở London, nên nghe tôi xin đi Anh là đồng ý liền, dù không tin lắm chuyện tôi bảo chỉ nghỉ ba hôm kèm hai ngày cuối tuần ít ỏi.

Thắng đang du học ở Oxford, Khanh từ Sài Gòn, Thương ở Hàn Quốc, ba đưa đi Scotland và Wales chơi trước mấy ngày. Tôi chỉ có thể “nói chuyện” từ London đi Stonehenge cho tiện.

Chuyến bay của United hạ cánh xuống London lúc bảy giờ sáng. Vừa ra khỏi máy bay, tôi đã lật đật chạy tới làm thủ tục hải quan cho kịp. Heathrow rộng kinh hoàng. Từ cổng vô cổng chính (main terminal) cách nhau cả cây số mà lại không có tàu chuyển tiếp. Khách thì đông nườm nượp. Cả trăm chuyến khắp thế giới đổ về. Hàng ngàn người chen chúc xếp hàng nhập cảnh. Heathrow kiểm tra an ninh vào loại khó nhất thế giới. Nếu bạn có bất kỳ chất lỏng nào, dù chỉ là chai thuốc nhỏ mắt bé xíu, cũng phải lấy ra, bỏ vào bịch nylon, để riêng đi qua máy chiếu. Nếu sơ ý hay cố tình quên, qua máy sẽ bị phát hiện và nhân viên kéo bạn ra xét riêng rất mất

thời giờ, trễ chuyến như chơi. Nếu bạn mang hộ chiếu của Vương quốc Anh hay các nước thuộc khối Schengen thì còn nhanh, chứ hộ chiếu các nước khác, kể cả Mỹ, thì ôi thôi cứ bao la xếp hàng chờ. May mà trong sân bay có wifi, nên tôi có thể viber cho bạn bè biết tình hình hiện tại.

Chờ thì lâu nhưng thông quan diễn ra chưa tới 30 giây với vài câu hỏi đơn giản. Thế là tôi tiếp tục kéo va li chạy như bay ra mua vé tốp hành có giá gấp đôi đi một lèo tới ga Victoria cho kịp giờ lên buýt. Victoria cũng thuộc loại to vật vã. Một bên dành cho xe buýt, bên kia thì tube và tàu. Theo sự chỉ dẫn của Thắng, nhưng do lẫn lộn, tôi mất tới 15 phút chạy lòng vòng giữa hai cửa hàng Burger King trong nỗi sợ trễ giờ và bị bỏ lại. Cuối cùng mới thấy ba đứa đang tí ta tí tởn đứng chờ. Thế là nhào tới ôm nhau, tay bắt mặt mừng rồi chạy vô nhà vệ sinh (tốn hết nửa bảng) thay đồ, yên vị ngồi lên buýt.

Và cuộc hành trình thăm Stonehenge, công trình vòng đá thượng cổ có từ thời đồ đá mới, được xây dựng khoảng 2,5 ngàn đến hai ngàn năm trước Công nguyên, một trong các nơi bí ẩn nhất thế giới khi các nhà khoa học, lịch sử, thiên văn vẫn cố tìm ra lời giải đáp, bắt đầu trong một buổi sáng vất vả giờ lên cổ.

Stonehenge nằm cách London khoảng 130km về hướng Tây, được UNESCO công nhận là di sản thế giới vào năm 1986. Từ thủ đô nước Anh, có nhiều cách để đến Stonehenge. Có thể bắt buýt hay tàu South Western từ ga Waterloo, mất khoảng một giờ rưỡi tới Salisbury, rồi thêm chuyến buýt ngay bên ngoài nhà ga (chạy nửa giờ một lần vào mùa cao điểm, một giờ vào mùa thấp điểm) thêm 20 phút nữa là tới nơi. Giá vé khoảng 40 tới 70 bảng mỗi chặng. Nếu không có nhiều thời gian và sợ bị lạc đường, thì cách tốt nhất là đi theo tour, đặt trên mạng, khởi hành từ nhà ga Victoria. Còn không cứ nhờ khách sạn mua giùm, sẽ có xe tới tận nơi đón rước. Giá vé dao động từ 90 tới 120 bảng tùy theo lịch trình, mắc hơn nếu ghé thị trấn Salisbury hay thành phố Bath đậm dấu La Mã gần đó.

Từ ga Victoria, xe buýt chậm rãi len lỏi qua góc phố cổ kính của London, dẫu chật chội bàng hoàng. Đã đến nơi đây rất nhiều bận, nhưng hễ mỗi lần đi ngang qua góc phố nào, cảm giác rộn rã, bồi

hồi vẫn cứ noi nhói trong tim. Muốn được đi trên từng miếng đá lót đường, tận tay sờ vào từng viên gạch thân thương, mà ở đó, mỗi góc phố đẹp xinh hay mỗi tên đường đều mang trong mình một câu chuyện thấm màu lịch sử. Mặt trời lên cao lắm rồi. Bầu trời trong vắt không một gợn mây. Người dân xứ này sau bao ngày ngập ngụa trong sương mù và mưa bão, phút chốc bỗng bừng lên sức sống. Ai nấy đều hào hứng, vui cười thấy thương gì đâu. Sếp nói, hể ngày nào mặt trời lên, cả thành phố ai cũng muốn nghỉ làm, vác ghế ra công viên hay bên vệ đường, ngửa mặt lên trời đón nắng ấm.

Tôi thì buồn ngủ không nói gì vì mới bay sang. Quay qua thấy ba đứa kia cũng gật gà gật gù do mới ngồi buýt xuyên đêm từ xứ Wales về. Bên đó mưa lạnh kinh hồn. Ngồi xe nhúc cọt nhúc xương, chứ có thảnh thảng ngủ được đâu mà bảo không mệt. Tôi lôi mớ bánh kẹo mang từ Mỹ qua để cả bọn vừa ăn vừa nói cho đỡ buồn ngủ và ngắm cảnh, bởi ngoài cửa sổ mọi thứ cứ như giấc chiêm bao. Cảm giác tù túng bên trong nội ô nhường chỗ cho con đường nhỏ xíu, khúc khuỷu, lên đồi, xuống dốc, như xé dọc, cắt ngang, len lỏi giữa đồng lúa mì, lúa mạch vào vụ chín vàng. Bên đường, bồ công anh, cúc vàng, cúc dại trắng phau, giữa bãi cỏ xanh, cứ muốn chen lấn nhau, khoe hết sắc màu tươi thắm. Lúc này, bốn bề chỉ có lúa và hoa, chẳng thấy người ta hối hả đi về, ngoài vài chiếc xe chạy qua phá vỡ sự yên tĩnh của đồng quê bình lặng.

Gần tới Stonehenge, đường xá nhỏ hẹp dần. Mang tiếng đường hai làn, mà thua cả một làn trên cao tốc. Đường như ở đây người ta nhường hết đất cho nông dân trồng trọt thì phải. Buýt nghiêng ngả vượt đồi, leo dốc, gió thổi mơn man, lúa ngả nghiêng nhảy múa như đưa tay chạm vào thành xe. Chung quanh, vài gò đất thấp cao xanh cỏ nối tiếp nhau, như nắm mồ hoang giữa đồng không, bao bọc là thảm hoa anh túc đỏ (Remembrance Poppy) chen lẫn giữa cúc dại và cỏ xanh nổi bật lên nền trời trong vắt.

Cô hướng dẫn, bằng cái giọng miền Bắc Anh đặc sệt, khó nghe khôn cùng, kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về loài hoa anh túc. Tôi phải trở hết 100% công lực, dỏng tai lên, tập trung cao độ để cố

hiểu cô ấy nói gì. Poppy là biểu tượng cho lòng tri ân các nạn nhân vô danh của chiến tranh, đặc biệt là lính Anh và các nước trong khối Thịnh vượng chung đã ngã xuống trong hai trận chiến tranh thế giới. Chuyện bắt đầu vào năm 1915, John McCrae, cựu trung tá quân y người Canada đi thăm mộ người bạn Alexis Helmer ở Flanders (Bỉ) và thấy hoa anh túc đỏ nở rộ trên mộ phần mới đắp, nên đã viết bài thơ *In Flanders Field* (Trên những cánh đồng Flanders).

In Flanders fields of the poppies blow

Between the crosses, row on row,

That mark our place, and in the sky,

The larks, still bravely singing, fly,

Scarce heard amid the guns below.

We are the dead; short days ago

We lived, felt dawn, saw sunset glow,

Loved and were loved, and now we lie

In Flanders fields.

Take up our quarrel with the foe!

To you from failing hands we throw

The torch; be yours to hold it high!

If ye break faith with us who die

We shall not sleep, though poppies grow

*In Flanders fields.*¹³

¹³ Trên những cánh đồng Flanders, hoa anh túc nở rộ

Xen kẽ giữa những thập tự giá đặt từng hàng

Nơi ghi lại vết tích của chúng tôi

*Và ở trên trời những con chim sơn ca bay lượn cùng anh dũng hát
vàng, dù chẳng nghe được rõ*

Bởi quyện lẫn với tiếng súng to bên dưới.

Chúng tôi đã ra đi, vài ngày trước đó

*Chúng tôi đã sống thật lòng, rung cảm trước cảnh mặt trời mọc,
hoàng hôn buông xuống*

Đã yêu và đã từng được yêu, và bây giờ chúng tôi nằm xuống

Giữa những cánh đồng Flanders.

Các bạn hãy tiếp tục cuộc chiến với kẻ thù

Nâng cao bó đuốc mà chúng tôi đã trao khi gục ngã

Nếu các bạn mất niềm tin với chúng tôi, những người vẫn sống

Thì chúng tôi sẽ chẳng bao giờ yên nghỉ, dù hoa anh túc nở đầy

Trên những cánh đồng Flanders.

Và bài thơ phút chốc nổi tiếng toàn thế giới, biến anh túc đỏ thành biểu tượng bất tử, cho lòng anh dũng và trung thành của người lính ngã xuống vì quê hương. Sự kiêu hùng của họ mãi mãi trường tồn, như hạt anh túc sống sót qua tàn phá của chiến tranh, bền bỉ với thời gian và luôn luôn rục rịch. Vào ngày Tưởng niệm (Remembrance Day) hay Ngày hoa anh túc đỏ (Poppy Day) – 11-11 hằng năm – người ta đeo anh túc nhựa trên ve áo và gắn vòng hoa đỏ rục trên đài tưởng niệm lẫn mộ phận của người lính anh hùng để biết rằng cuộc đời này mãi luôn nhớ họ.

Mãi mê ngắm cảnh làng quê và đắm chìm theo câu chuyện, xe vào bãi lúc nào không hay. Mọi người bước xuống, theo hướng dẫn viên vào khu đón khách. Lúc này có gần 20 xe buýt, ít nhất cũng hơn 500 người, chia thành nhiều nhóm tụ tập chung quanh. Ý chang chúng tôi, mặt mũi người nào cũng đừ đừ nhưng mắt thì sáng trưng, tỏ vẻ háo hức, bồn chồn, muốn đi vô ngắm Stonehenge liền thay vì đứng nghe phổ biến nội quy, soát vé, nhận audio guide, xếp hàng chờ lên xe nhỏ để đi vào thế giới huyền bí của khu cự thạch.

Xe trung chuyển ngừng lại, cả bọn thả bộ trên lối mòn trải nhựa ướt sương đêm. Thỉnh thoảng lại ghé vô nhìn mẫu cự thạch có bảng ghi thông tin dọc theo lối đi như Heel Stone (đá Gót chân), Slaughter Stone (đá Hiến tế). Hướng dẫn viên với giọng tự hào bảo, đây là di tích được tham quan nhiều nhất nhì của nước Anh, mỗi năm đón gần 1,5 triệu lượt khách. Hôm nay ngày thường nên ít đó. Chứ cuối tuần nha, xe đậu từ ngoài kia vô tới trong này. Tụi mày xếp hàng mấy tiếng cũng chưa chắc vào được đây. Hú hồn chưa. Bỏ tiền đi tham quan mà khổ quá.

Chưa kịp mỗi chân, hít chưa đã không khí trong lành, thì Stonehenge hiện ra trước mặt.

Tôi nhìn Thắng. Thắng nhìn Khanh. Khanh nhìn Thương. Thương quay lại nhìn tôi. Cả bốn đứa nhìn nhau, cảm giác choáng ngợp, không tưởng tượng nổi là mình đang tận mắt chứng kiến kỳ quan huyền bí vô ngàn dấu vết tình nó không to như trong hình và lại nằm lọt thỏm giữa đồng cỏ mênh mông. Du khách không được tới gần, phải ngắm Stonehenge từ xa, sau lớp dây bao quanh. Chắc họ sợ nhiều đứa bê đá, khắc tên, bôi bậy làm kỷ niệm.

30 tảng đá nặng vài mươi tấn, rêu phong bám đầy vì tiết trời ẩm ướt, được dựng thẳng đứng theo hình móng ngựa, với một vòng gồm 30 thanh dầm đá nằm trên đỉnh, đã làm đau đầu không biết bao nhiêu nhà nghiên cứu. Khai quật khảo cổ gần đó, đã tìm ra hơn 50 ngàn mẫu xương người được hỏa táng và dấu vết nền nhà nguyện nên nhiều nhà khoa học tin rằng Stonehenge được xây dựng qua nhiều giai đoạn, kéo dài khoảng 1,5 ngàn năm, nguyên thủy vốn là một trung tâm rộng bao gồm nhà nguyện, nghĩa trang và

đền làm nghi lễ cho gia đình quý tộc. Các nhà thiên văn thì hồng nghĩ vậy. Họ cho rằng những khối đá tảng này nhìn có vẻ lộn xộn không hàng lối, nhưng từ trên cao sẽ thấy, nó được sắp xếp theo một vòng tròn nhất định để mô tả sự chuyển động của mặt trời, mặt trăng, các vì sao nhằm dự đoán nhật thực, nguyệt thực để phục vụ cho trồng trọt, chăn nuôi lẫn thu hoạch mùa màng. Vào ngày Hạ chí, nhiều người đổ đến đây để xem ánh mặt trời mọc từ Heel Stone ở phía Đông, chiếu thẳng hàng với tảng đá trung tâm và hòn Tế đàn (Alter Stone) nằm ở phía Tây của khu cự thạch.

Mọi người đi một vòng tròn để ngắm từng khối đá và chọn góc chụp hình đẹp nhất. Tự nhiên tôi muốn làm người nổi tiếng, ngày mai sẽ lên trang nhất của mấy trang báo Anh, là có một du khách châu Á đến từ Mỹ, cả gan vượt lớp dây chận và một nùi an ninh, chạy vô tít bên trong chạm vào mấy hòn đá cổ và chụp quá trời hình. Chứ đi một chặng đường xa lắc xa lơ và tốn một mớ tiền đến đây, mà hồng được lại gần thì uổng chết. Nhưng thôi, nói nào ngay, tôi không muốn mình lên báo một cách bất chấp và vô duyên như vậy.

Giữa trưa, nắng chiếu lên tảng cự thạch sừng sững ngàn năm vẫn không thể hong khô lớp rong rêu ẩm mốc. Mọi người bảo nên ở lại đây tới chiều tà, sẽ thấy hoàng hôn nơi này đẹp vô ngàn, khi mặt trời lấp ló đằng sau các tảng đá to và nắng len lõi vào từng khe hở tạo nên những bức tranh sống động. Nhưng xe sắp khởi hành, chúng tôi không ở lại thêm được nữa rồi. Đi tour mà. Đành phải hẹn ngày trở lại.

Chúng tôi rời Stonehenge với những bí ẩn không lời giải đáp, giữa lúc lũ quạ trên cự thạch vỗ cánh, cất tiếng thê lương gọi bầy hay réo gọi những vong hồn ngàn năm vất vưởng phiêu linh, chưa siêu thăng về với Chúa.

Tháng 7-2014

Thèm tắm tiên ở Bath

Từ Stonehenge, xe buýt dừng tại khu chính tòa của Đức Trinh nữ Maria hay còn gọi là nhà thờ Salisbury, di sản văn hóa của UNESCO, có hơn 750 tuổi gần đó để ăn trưa trước khi lên đường tới Bath. Nơi đây có tòa tháp cao nhất (123m), nhà thờ chính lớn nhất, mảnh sân bên trong lớn nhất ở Anh và một trong những tháp đồng hồ cổ nhất trên thế giới. Tương truyền, khi có ý định xây nhà thờ, Đức Giám mục của thành phố Sarum bắn một mũi tên theo hướng ông dự định. Mũi tên trúng một con hươu. Thế là ông quyết định xây chính tòa ngay chỗ con hươu nằm chết.

Chúng tôi là người ngoại đạo nên không hiểu hết ý nghĩa của chuyện cầu kinh. Việc có thể làm là vào trong đứng dưới tượng của Đức Chúa Jesus và Đức Mẹ Đồng Trinh xin sự bình yên trong tâm hồn dưới mái vòm tuyệt đẹp. Bên trong không có nhiều hàng ghế như thường thấy ở các nhà thờ mà chỉ là mấy cái xếp thẳng hàng cho mọi người ngồi làm lễ. Tôi đến sớm vào các trụ đá được mài nhẵn thín, mấy trăm năm nay vẫn vững vàng nâng đỡ mái vòm chạm trổ hoa văn. Vừa chạm vào tảng đá đã thấy lạnh run nơi bàn tay và dường như nghe đâu đó tiếng cầu kinh từ xa xưa vọng lại.

Bốn đứa mua vài cái sandwich khô như gói kèm mấy chén xúp với bánh ngọt lót lòng. Vừa ăn vừa cần nhìn, tại sao người Anh lại có thể ăn uống chán đến thế này. Giờ mà có ổ bánh mì đầy thịt với chả lụa hay tô phở tái nóng hồi nhiều hành, chắc tụi tôi giành lộn nhau mà ăn cho đã.

Người ta ví Bath như một thị trấn cổ và xinh đẹp nhất còn sót lại của Vương quốc Anh. Chuyện kể vào đầu thế kỷ 1 sau Công nguyên, khi đế chế La Mã hùng cường bành trướng gót giày của mình khắp châu Âu hay sang tận trời Phi nóng cháy. Nước Anh xinh đẹp cũng không thoát khỏi việc trở thành một phần thuộc địa của họ. Trên bước đường viễn chinh hùng cường, người La Mã dừng chân đến Bath và phát hiện ra nguồn nước nóng tự nhiên khổng lồ có từ thời

đồ sắt. Thế là cả đoàn binh quyết định xây dựng hệ thống nhà tắm giống y chang kinh thành Roma để thư giãn. Có lẽ vì thế mà Bath khác biệt với các thành phố ở Anh, bởi kiến trúc La Mã hiển hiện trên từng nhà thờ, đền đài, dinh thự và cả từng viên đá lót đường. Dân xứ này gọi Bath theo tiếng Latin là Aquae Sulis bởi họ muốn dâng tặng nguồn nước tinh khiết này cho Sulis (nữ thần Minerva) nữ thần đồng trinh của thơ ca, y học, trí tuệ, thương mại, dệt, hàng thủ công, ảo thuật của người Roman cổ.

Phải công nhận tay lái của anh tài xế quá ư là lẹ mớn mới có thể điều khiển chiếc buýt to đùng chở mấy chục người đi dọc con đường nhỏ xíu, uốn éo như vòng eo cô thiếu nữ đương xuân, đi qua khu đồi rợp bóng cây để vào trung tâm thành phố. Chúng tôi phải bám chặt thành ghế chứ không là bị nhồi như xe chở heo. Gan lì như tôi, mà mỗi lần lắc bên này trợn bên kia, cũng muốn ói ra hết mớ bánh mì khi nãy vừa ăn cho sạch bụng. Xe chạy ngang cây cầu Pulteney bắc qua sông Avon phía Tây thành phố. Dòng sông hiền hòa, trôi lững lờ như chàng thanh niên (có vẻ) lười biếng đang bơi du thuyền chở khách xuôi dòng. Giữa khung cảnh thanh mát như thế này, người ta không nỡ khuấy động mái nước trong lành để phá vỡ sự bình yên của khách viễn du đứng ven bờ hay ngồi quán xá uống ly trà chiều, ăn bánh ngọt. Xe lên phía Bắc, tới khu phố Royal Crescent (Vòng cung Hoàng gia) gồm 30 ngôi nhà cất liền kề nhau, mặt trước có 14 cột theo kiến trúc Gothic Hy Lạp, như vòng thành vĩ đại, bảo vệ Bath khỏi kẻ thù xâm lược hay bão tố của dòng Avon những ngày hung hãn.

Giữa tháng Bảy, trời xứ Bath dịu dịu. Gió nhè nhẹ, mơn man từ bốn phía của bảy ngọn đồi xanh, mang theo mùi đồng cỏ thơm lừng kèm chút nồng nàn của hoa cúc trắng lẫn hương bánh táo nhà ai đang nướng. Gọi là thành phố cho to, chứ Bath giống như thị trấn xinh xinh, đi một vòng là hết những con đường lát đá cũ xưa, ánh lên màu thời gian và dấu chân viễn xứ làm người ta có cảm giác mình đang lạc vào miền cổ tích mộng mơ của hoàng tử, công chúa và phù thủy độc ác quyền năng cùng bà tiên hiền hậu với mái nhà cũ xưa lớp ngói đỏ nằm trong thung lũng bao quanh bởi bảy ngọn đồi nhuốm thời gian.

Xe dừng lại ở ngay trước Thermes Romains, giống dinh thự hai tầng nguy nga chứ không phải là nhà tắm công cộng nằm ở trung tâm Bath. Hướng dẫn viên đưa mỗi người một đồng xu để bỏ vào trạm khi vào cổng và dặn hai tiếng sau phải tập trung trước quảng trường để lên xe buýt về lại London. Cả đoàn chậm rãi bước lên hành lang lát đá hoa cương đến bể nước và phòng tắm. Hai ngàn năm chứ ít ỏi gì, vậy mà mái vòm lợp ngói lẫn mấy trụ đá chạm trổ hoa văn dường như bất biến với thời gian. Bên dưới hồ tắm, dòng nước không biết tự bao lâu rồi chưa thay, ánh lên màu xanh của rong rêu. Người ta nói nước chảy đá mòn. Kiến trúc ngăm mình dưới nước trước sau cũng sẽ lụi tàn. Chẳng hiểu sao người xưa kết nối khối đá vô tri này bằng chất liệu gì, mà hai ngàn năm mọi thứ vẫn sừng sững uy nghi không lay chuyển.

Theo các nhà khảo cổ, từ những năm đầu tiên của thiên niên kỷ thứ nhất, tới lúc người La Mã bị đánh lui, nhà tắm kiểu này thấy khắp nơi trong thành phố. Là chỗ để gặp gỡ, chuyện trò, thư giãn sau ngày lao động chứ không hẳn dành riêng chỉ cho chiến binh và quý tộc. Người ta đã tìm thấy được gần 130 tấm bảng trừng phạt ở Bath (Bath curse tablets) viết bằng tiếng Latinh, vén lên một phần lịch sử lâu đời của Bath. Trên đó, họ khắc vài mẫu chuyện hay luật lệ về việc trừng phạt người ăn cắp áo quần, nữ trang hay tiền bạc trong nhà tắm từ thế kỷ thứ 4.

Tôi đưa tay chạm vào dòng nước. Cảm giác âm ỉ, rần rần theo từng tế bào da, thấm sâu vào mạch máu. Hèn gì, cả thế giới luôn ngất ngây trước nguồn nước nóng chảy ra từ mạch ngầm trong lòng đất. Tôi nhắm mắt lại, tưởng tượng quanh mình là khung cảnh của thuở xưa, người chiến binh La Mã ngực rộng như cánh đồng, vai ngang như ngọn đồi trọc cỏ, đang trầm mình trong dòng nước bốc khói ngạt ngào khoáng chất. Và cạnh đó, vài thiếu nữ ngực trần, đẹp như tượng thần Venus, đang cầm khăn lẫn mớ trái cây ngọt lịm để hầu hạ các dũng sĩ của lòng mình, vừa thắng trận trở về từ chiến trường rẫy đầy nguy hiểm.

Tôi thì thâm vô tai Thắng: “Chỗ này mà vắng người, anh sẽ lột đồ, trần truồng nhảy xuống cái ùm, ngăm mình trong nước khoáng để trị

bệnh lười và thư giãn gân cốt sau chuyến bay dài và mấy tiếng đồng hồ ngồi xe”. Thắng gật gù: “Em sẽ làm y chang anh, nhưng nhớ mỗi người một góc nhé”. “Ôi, làm như bấu lăm, chẳng ai thêm dùm em đâu!”.

*

Quảng trường thành phố chen chúc cả ngàn người từ khắp mọi miền của nước Anh và cả thế giới. Cạnh đó là nhà thờ xứ Bath, vốn là một tu viện được xây dựng từ năm 1967. Trải qua nhiều lần bị phá hủy và xây dựng lại, Bath Abbey trở thành nhà thờ cho tới bây giờ. Đúng lúc đang có buổi lễ tốt nghiệp đại học. Hồng biết bọn trẻ ăn cái chi, uống thứ gì, mà chân dài thông, cao như cây sào. Đứa nào cũng roi roi, mặc áo choàng đen, đội mũ hình vuông, miệng nói líu lo đặc sệt kiểu Anh, gặng lăm mới hiểu được. Mà cũng lạ, chừng chục năm nữa thôi, cũng các thanh niên này sẽ uống bia rượu như hũ hèm, phá tướng, rồi béo ú lên mất đẹp.

Có con chim nào đó liệng cánh báo hiệu mặt trời sắp lặn ở phía Tây. Dưới hàng cây to của các ngọn đồi, mặt trời không rực rỡ như buổi ban mai mà óng ả vàng như mật ngọt thơm lừng rớt trên thảm xanh tươi tốt. Mấy cái bánh trưa nay không đủ làm tụi tôi no dạ. Thế là ghé vô quán đồ ăn nhanh bên đường mua bánh mì gặm cho đỡ đói. Không muốn rách cuống họng nên tôi hồng thêm, đi mua kem về mút cho ngon miệng. Các thành phố Anh đất chật, người đông, xứ Bath không ngoại lệ. Đường xá bé xíu, quá trời người nhưng họ vẫn dành phần đất hiếm hoi, xây vỉa hè cho bà con ngồi ngắm đất trời thư giãn.

Buổi chiều se se lạnh, ngồi ăn kem bên vỉa hè, cạnh chậu hoa đủ màu rực rỡ thắm tươi, sau một ngày mệt mỏi đi thăm ba di sản văn hóa của UNESCO nằm cạnh nhau trong bán kính chưa tới 20km, tự nhiên muốn ở lại ngủ với Bath một đêm, sáng ra nghe lũ chim chuyền cành phía ngọn đồi xa, ngửi mùi thơm của sương đêm lẫn với hương hoa, uống ly trà kiểu Anh và tìm một nhà tắm nước nóng nào còn mở cửa, ngâm mình như người Roman cổ, một lần đến Bath, không chịu quay bước rời chân.

Sếu không bay ngang bầu trời Oxford

Cho K.

“... Khải thờ dài. Tất cả đã hóa xa xăm. Trong anh, ngoài tên, mái tóc dài, đôi mắt nâu và mùi Woods nồng nàn, Khải không có bất cứ thông tin gì về Yên hết. Anh không biết nhà cô ấy ở đâu, số điện thoại bao nhiêu, tấm hình chụp chung, thậm chí facebook, instagram cũng không có nốt. Rồi lúc nghĩ về cô ấy, anh cũng không biết làm sao cho bớt nhớ ngoài việc vẽ lại chân dung Yên ngay trong trí nhớ mình.

Nếu cuộc đời là những cơn mơ, thì giấc mơ đêm qua hoàn toàn không có hậu.

Khải dẹp dọn áo quần bỏ vào va li, định tắm rửa và đi dạo một vòng kiếm gì ăn, rồi ra Megabus quay về Hoa Thịnh Đốn.

Một mẫu giấy nhỏ, hình như là bảng tên, rơi trên sàn gỗ.

MS. YEN NGUYEN

Associate Professor¹⁴

Oxford Brookes University

¹⁴ Associate Professor tương đương với phó giáo sư ở Việt Nam.

Như bắt được cục vàng to thiên hạ đánh rơi, anh mừng đến nỗi tưởng mình đang ngừng thờ.

Ngoài kia, nắng tắt. Trời bỗng tối sầm. Thiên hạ lao nhao tìm chỗ trú mưa. Có đàn chim nào tưởng chiều rơi nên bay về tìm tổ ấm. Khải nhìn mẫu giấy, thờ dài. Có lẽ giờ này cô ấy đang ngồi ở phi trường,

chờ chuyến bay chở mình về Oxford. Mà cũng có thể, ở một nơi nào đó trong thành phố này, Yên đang co ro trong một góc vắng, để trốn chiều về và dõi mắt nhìn đàn chim vỗ cánh bay qua”¹⁵.

¹⁵ Trích Những đàn chim chấp chới của tôi trong tập truyện ngắn Thiên đường phải không anh? – NXB Văn hóa – Văn nghệ phát hành 2017.

Trong truyện ngắn sắp viết, tôi từng nghĩ, sẽ cho Khải bay đến Oxford vào buổi chiều đông tuyết đổ trắng trời, trong cái lạnh se thắt tâm hồn, để tìm cô gái anh vô tình gặp giữa Times Square và đã có một đêm mặn nồng trong men tình thoáng chốc. Chia sẻ với bạn thân, nó bảo nhân vật giống mày quá vậy. Chuyện! Có gì tốt hơn việc lấy mình làm nhân vật mẫu cho khỏi mất công nhào nặn, vẽ vờ! Ngày đó, K. rời bỏ tôi ra đi như cơn gió nhẹ thổi qua, sau vài tuần quen nhau ngắn ngủi. Tôi quen lắm rồi khoảnh khắc lúi thủ lái xe khi mặt trời tím chạy về với núi. Máy con đường đi qua vạn ngày, quen mặt, biết tên, như một quán tính không cần bày biểu, cũng đưa tôi về với căn gác lưu đày. Vậy mà nổi nhớ về K. đông đầy như tia nắng ấm trong buổi chiều mưa lạnh. Như ly chè sượng sa hột lựu thiếu nước cốt dừa. Tôi hứa sẽ không bao giờ đến Oxford tìm em, dấu rất muốn. Ba mươi rồi, đâu mãi bốc đồng, lãng mạn và cuồng nhiệt như thuở 20.

Vậy mà tôi đã vi phạm lời hứa chắc nịch ấy. Vốn là tác giả “sang chảnh”, tôi không bao giờ mượn google làm cảm hứng mà phải tới tận nơi để tìm bối cảnh cho truyện của mình. Vả lại hai đứa đâu còn gì nữa của nhau, ép buộc làm chi cho lòng thêm xót.

Khi buýt về lại London trời đã bắt đầu chạng vạng. Xe dừng lại ở ga Victoria như ban sáng. Chúng tôi có hai tiếng ngơi nghỉ, trước khi tiếp tục về nhà trọ của Thắng ở Oxford. Với mấy đứa sống ảo, 30 phút cũng quý chứ hưởng hồ chi là hai tiếng. Bọn tôi tay xách nách mang, kéo va li ra Westminster nhộn nhịp. Trên đường, đói quá, tấp vô quán sushi gần đó. Cuối ngày, thức ăn chẳng thể để lâu nên người ta hạ giá 50%. Thế là mua một nùi sashimi, Californian rolls,

thêm ít salad và mấy chén xúp miso húp xì xụp ngon lành. Nghĩ tới mớ bánh mì trưa nay, tự nhiên thấy khát khô cả họng.

Cầu Westminster chưa bao giờ vắng khách. Sáng, trưa, chiều, tối gì cũng đông nghẹt người qua lại. Ai đến đây cũng muốn một đôi lần đứng trên cầu nhìn xuống dòng Thames lờ lững. Nghe chuông Big Ben đổ dồn trong ánh nắng mai lẩn chiều, nhìn xe buýt đỗ chậm rãi đi về và cả London Eyes lúc nào cũng đầy người lên xuống.

Từ London về tới Oxford độ tầm 90 phút. Sau tám tiếng đồng hồ trên máy bay, rồi cả ngày ngồi xe lòng vòng tham quan miền quê yên tĩnh, cái lưng và đôi chân tôi muốn gãy ra từng mảnh vụn. Thiệt tình mà nói giờ quãng cho cái nệm, chẳng cần biết nó cứng hay mềm, bản thủ hay thơm tho, không tắm rửa gì ráo, tôi sẽ ngủ một trận đã đời như vừa mới uống một vốc thuốc xong. Xe bỏ lại những con phố London tuyệt đẹp trong ánh điện đường, lao mình về phía trước. Tôi liếc qua Thắng, thấy nó ngủ gà ngủ gật. Qua Khanh với Thương, thấy hai đứa cũng gật lên gật xuống mệt mỏi quá trời. Coi ra mình là đứa tỉnh táo nhất đám này. Nhìn va li và ba lô đồ để trên sàn, tự nhiên tôi nhớ đến hình ảnh của Harry Potter lúc rời bỏ nhà của dì Petunia, sau khi bị dượng Dursley đuổi đi bởi cái tội làm căng phòng bà chị mập ú, khó ưa của dượng. Cũng đêm tối đen như vậy, giữa ánh đèn leo lét, có ánh mắt tinh ranh của quái thú trong bụi rậm chăm chú nhìn. Harry hoảng sợ, vội vã lên chiếc xe phù thủy trờ tới để trốn chạy đến Hẻm Xéo và vô tình đọc được bài báo về Sirius Black, gã tù nhân duy nhất trốn thoát bầy giám ngục gớm ghiếc ở nhà tù Azkaban chơi vui trên hoang đảo. Cũng từ đêm đó, bí mật về cái chết của bố mẹ Harry chính thức được phơi bày ra ánh sáng.

May mà Thắng kịp tỉnh lúc xe dừng tại trạm chứ không phải đón buýt đi ngược về. Từ ngoài đường chính, cả bọn đi bộ vô một quãng nữa mới tới căn hộ của Thắng. London rộn ràng bao nhiêu thì Oxford tĩnh lặng bấy nhiêu. Ngoài tiếng bước chân trên lối mòn lát gạch, chỉ có tiếng chó sủa vu vơ vọng lại và lũ cú mèo giờ này chưa an giấc, đứng trên ngọn cây chót vót, dõi đôi mắt sáng ngời nhìn

xuống và cất tiếng gọi bầy cảnh báo nhớ canh chừng cẩn thận, có bốn đứa nào khả nghi lắm đang đi lại giữa đêm.

Tôi không biết mình đã ngủ bao lâu trước khi tỉnh giấc vì tiếng lục đục ngoài bếp của Thắng. Chỉ nhớ đêm qua tôi quăng đồ đạc một bên, không tắm rửa thay đồ, kịp đánh răng, rồi nằm dài trên salon ngay phòng khách và ngủ như một đứa bé mới lọt lòng, chẳng nhiều mộng mị. Thường thì mỗi lần đi chơi, không Mỹ đen Mỹ đỏ, không chủ không sếp, không nhân viên quấy rối, cũng chẳng điện thoại hay email, đầu óc tôi thanh thản đến lạ kỳ, nằm xuống là ngáy khò khò. Nhưng thiệt tình mà nói lâu rồi tôi mới có giấc ngủ ngon đến thế.

Thắng hỏi: “Anh uống cà phê hay trà, em pha. Còn hai người kia cứ mặc họ ngủ đi, đừng đánh thức”. Tôi thì quen với hai gói G7 kèm chút cà phê phin mỗi sáng, nên không một sớm một chiều chuyển qua uống trà như Thắng được. Mới qua chưa lâu mà đã nhiễm ngay thói quen uống trà sáng của người Anh rồi. Sinh viên mà giàu ghê. Đi học có 18 tháng mà mượn nguyên một căn hai phòng ngủ để ở. Bên ngoài cửa sổ, rùng cây xanh lá mộng mơ nô đùa theo gió. Mấy đám cúc, hồng nhà hàng xóm nở rộ trong nắng mai. Lũ chim chuyền cành đùa giỡn vô tư hát ca ríu rít. Chẳng có tiếng xe cộ hay tiếng hàng xóm nào lọt vô đây. Nếu Thắng không thức dậy pha trà, chắc tôi sẽ ngủ tới trưa mất.

Hai anh em đứa trà, đứa cà phê tâm sự đủ chuyện trên đời, thì hai nàng kia mới dậy, thay đồ, ăn sáng, và chuẩn bị một ngày tham quan thành phố.

Từ nhà Thắng ra đường cái, giữa ban mai, cuộc sống quá đổi im lìm. Thứ sáu mà chẳng thấy ai lang thang qua lại. Mấy căn nhà bằng gạch san sát nhau, tận dụng tối đa không gian ít ỏi. Phía trước sân, đám hoa tượng bưng khoe sắc và dây leo bám kín cửa nhà. Tôi tò mò hỏi không ai đi làm sao mà xe vẫn còn để chật cứng ở đây? Thắng nói xứ này xăng mắc như gì, với lại lái xe vô nội ô tốn đủ thứ phí với tiền đậu xe. Mà nhiều khi có tiền cũng không thể tìm chỗ đậu. Nên ai nấy đều sử dụng phương tiện công cộng, là buýt màu đỏ hai tầng. Với lại sẵn tiện thể dục thể thao luôn cho khỏe.

Từ chỗ Thắng không phải đi ngoằn ngoèo đâu xa, ngồi buýt thẳng một đường, là tới ngay trung tâm thành phố.

Nếu như Mỹ có vùng đất học Boston, thì ở Anh có Cambridge và Oxford. Người ta gọi nơi đây là thành phố đại học, chan hòa giữa tòa tháp cổ trong mơ, bảng lảng giữa lớp sương mù, rêu phong bám phủ và cao ốc hiện đại. Trung tâm thành phố là làng đại học với 38 trường (college) và một viện trực thuộc Đại học Oxford, đã đào tạo ra 29 nhà khoa học đoạt giải Nobel, 27 thủ tướng Vương quốc Anh, rất nhiều nguyên thủ và chính trị gia, cùng hàng ngàn học giả nổi tiếng thế giới. Hiện tại có gần 24 ngàn sinh viên khắp nơi đang học tập và nghiên cứu. Cứ đi vài bước là thấy một bảng đề tên trường trước ngôi nhà bằng đá trăm năm được gió mưa lướt qua, nhuộm lên màu nâu vàng bắt mắt. Thích nhất là ngắm ô cửa sổ tháp lè tè, chỉ cần kiễng chân là có thể nhìn vào trong, để vài chậu hoa xanh đỏ mùa hè, làm hiện lên khung cảnh vô cùng lãng mạn cho chốn học đường. Thích nhì là mảng tường cũ, thường xanh tốt bám đầy. Hồng biết ở đây vào giữa mùa đông rét căm căm, có cô sinh viên nào nằm trong phòng vì ốm một trận thập tử nhất sinh, đang đợi chiếc lá cuối cùng rơi xuống dưới đám cỏ kia và nghĩ đời mình sẽ kết thúc?

Trên mọi nẻo đường, sinh viên đủ màu da vóc ba lô, nói cười vô sự. Đây quả là nơi tri thức và sức trẻ căng tràn. Trên khuôn mặt đầy háo hức của họ, biết đâu sau này, sẽ xuất hiện thêm nhiều nhân tài như từng có. Khắp nơi chỗ nào cũng thấy toàn xe đạp đen đỏ, trắng vàng, là phương tiện cho sinh viên di chuyển. Hình như thiên hạ cứ quăng đó chứ chẳng sợ mất mát gì. Ai ăn cắp thì soi gương tự thấy xấu hổ vậy.

Chúng tôi băng ngang Christ Church Meadow, đồng cỏ mang tên người thắng cuộc trong trận đấu cờ năm xưa để vào Christ Church, đại học có từ thời Trung cổ 800 năm trước, do vua Henry VIII thành lập. Đây là trường nổi tiếng và quan trọng nhất của cụm đại học Oxford, nơi Albert Einstein lỗi lạc và 13 vị thủ tướng của nước Anh từng học tập. Đứng trên quảng trường Tom Quadrangle, ngỡ như đang đứng giữa Hogwarts phép màu bởi đoàn làm phim Harry

Potter đã mượn nơi này làm bối cảnh. Ngay chính chỗ đó, Harry đã bắt đầu bài học bằng chổi bay và chụp được quả cầu nhắc nhở của Longbottom do Malfoy ném ra xa và được Giáo sư McGonagall giới thiệu làm Tầm thủ của đội tuyển Quidditch nhà Gryffindor siêu việt. Tại chỗ này, mấy trận Quidditch bốn nhà Hogwarts diễn ra ác liệt. Quả bóng bay vù vù trong không khí. Các Truy thủy, Tấn thủ và Thủ môn quay trên mấy chiếc chổi bay vù vù không rõ mặt. Và nhiệm vụ của Tầm thủ như Harry là cố bắt được trái banh nhỏ (snitch) để kiếm 150 điểm, kết thúc trận đấu trong tiếng vỗ tay vang dội của khán giả ủng hộ nhà Gryffindor và lời chửi rủa vang trời của nhà Slytherin hắc ám.

Chúng tôi vô sảng, mơ màng nghĩ cảnh chiếc mũ Sorting Hat đang xếp mấy đứa trẻ vào nhà nào cho phù hợp. Phía trên kia thầy Dumbledore với mắt kiếng hình nửa vàng trắng đang nghiêm nghị ngồi nhìn, thầy Snape mặt trắng tinh, lạnh như tiền, cô McGonagall tuy nghiêm trang nhưng vô cùng tốt bụng, bác Hagrid to như ông khổng lồ, đụng đầu đồ đày. Trên đầu, cả bầu trời đang rộng mở. Cái trần nhà có thể thay đổi theo ý muốn, giữa ngày nắng to rực rỡ, mà giống như cả bọn đang đứng dưới vì sao chói sáng, giữa đêm trăng thượng tuần lấp lánh trên cao.

Nếu như Christ Church là ngôi trường lớn và nổi tiếng nhất của Oxford, thì Magdalen giàu có quyền luyến hồn người bởi công viên xanh như nhung, liễu rủ êm đềm giữa con sông uốn khúc. Đi ngang qua vườn dược thảo, hình ảnh mấy lớp học của giáo sư Sprout hiện lờ mờ với áo quần xốc xếch lại hiện về. Hồng biết mấy cây sâm của cô có còn được trồng, để chiết xuất ra chất giải độc cứu Hermione và mấy đứa học sinh thoát khỏi hình hài bằng đá dưới ánh mắt con Tử Xà, vũ khí bí mật của Slytherin cất dưới hầm bí mật¹⁶.

¹⁶ Các tình tiết ở đây dẫn từ bộ tiểu thuyết Harry Potter của nữ nhà văn nước Anh J. K. Rowling.

Cả bọn đi ngang qua cây cầu Than thở (Bridge of Sighs) xây dựng từ năm 1914, bắc ngang hai trường Hertford College và New College Lane. Giai thoại kể rằng, mục đích của cầu là nối hai tòa

nhà lại với nhau. Nhưng trong nhiều lần kiểm tra sức khỏe, sinh viên của Hertford thường bị đánh giá là béo và lười vận động hơn sinh viên các trường khác. Thế là ban giám hiệu quyết định đóng cây cầu này lại cho các bạn đi đường vòng để tăng cường vận động giảm cân. Thế là lời thờ than được nghe mỗi ngày, nên người ta gọi nó là cây cầu Than Thở.

Đói bụng quá. Phải kiếm gì ăn thôi. Cá và khoai tây là thứ mà cả bọn không ai thèm đụng tới. Kiếm món gì châu Á ăn cho hợp khẩu vị. Đồ Việt thì chưa thèm lắm. Món Hàn thì Thương bảo ăn hoài. Bàn tới bàn lui một hồi, chúng tôi quyết định ăn đồ Thái. Mở máy dò wifi, tìm kiếm một hồi, có nhà hàng Thái gần đó, nằm trong con hẻm nhỏ chắc hai người đi dàn ngang không lọt. Thế là tới ngay. Ngoài các tòa nhà cổ kính san sát nhau và vỉa hè đầy xe đạp, tôi nghĩ, những con hẻm Oxford xứng đáng đi vào sử sách, để mọi người nhắc nhớ mỗi khi lần bước đến đây. Hẻm nhỏ vậy thôi chứ mấy quán ăn, cà phê, trà chiều, kem, trà sữa nhỏ xíu, tận dụng tối đa không gian chật hẹp và lúc nào cũng đông nghẹt khách.

Tụi tôi leo cầu thang ọp ẹp, kêu ken két để lên lầu. Dẫu được tận dụng tối đa nhưng để được năm cái bàn là hết chỗ. Đồ ăn Thái thì cũng quần quanh mấy món pad Thai, drunken noodle (mì xào), tom yum (canh chua cay), gỏi đu đủ, tráng miệng với xôi xoài. Chúng tôi gọi cà ri vịt ngon tuyệt trần. Lâu lắm rồi mới ăn thịt vịt mềm mềm trong nước dừa, lá cà ri với gia vị. Người Mỹ ăn thịt gà nhiều hơn thịt vịt. Muốn ăn ngon phải lái xe gần cả tiếng tới nông trại mua vịt sống về tự cắt tiết, nhổ lông, nấu cháo hay cơm vịt thần sầu. Bữa nào lười thì ra chợ mua. Con vịt đông lạnh, to tổ bà chẳng, nặng gần ba ký, về lọc ra hết một nửa là mỡ rồi. Bên này nuôi khép kín, vịt đứng im, hết ăn rồi ngủ, ngủ rồi ăn, nên béo ú. Mà trứng vịt cũng mắc lắm nha. Gà nhiều khi giảm giá một vỉ 12 trứng chưa tới 2 đô-la, chứ vịt thì 80 cents một quả.

Xong bữa trưa, đưa nào cũng ních cho một ly trà sữa to. Báo hại cái bụng căng kè, đi hồng nổi.

*

Ở Mỹ cherry đã bị người ta ăn sạch từ tháng Tư, nhưng bên Anh thời điểm này mới chính thức vào mùa. Đối với người Việt Nam, cherry như món đặc sản mắc như gì, mỗi năm chỉ nhập hàng về vài tuần là hết. Cứ tới mùa hè, các bạn ở Việt Nam viết status than thở thèm cherry, phải nhịn ăn dành tiền mua với giá cả triệu đồng cao ngất ngưởng. Rồi bảo mấy người ở Mỹ sung sướng quá, ra chợ mua cả tấn về nhâm nhi. Mà họ đâu có biết, ăn cherry bên Việt Nam, cũng như tụi tôi xách tiền đi mua chôm chôm, nhãn, vải, sầu riêng bên này. Xót hết cả ruột. Đặc biệt là măng cụt. Nhiều lúc thèm đến tan lòng, không thèm mua đồ hộp hay đông lạnh, bấm bụng mua một chùm mấy trái (ngỡ) còn tươi về ăn. Cắt ra, hư hết trơn. Hồng biết kiện ai, đành ngồi chép miệng thở than cho bớt bực. Nên một khi đã tới đây vào lúc biết cherry chín trĩu cây, không đi hái là một “tội ác”.

Chúng tôi đi dọc bờ Thames để quay lại trung tâm đón buýt đi Oxfordshire, vùng quê nằm ở ngoại ô thành phố. Anh chèo thuyền bên bờ hỏi chúng tôi muốn đi không? Giá không mắc lắm đâu. Dù thấy mấy bạn sinh viên vạm vỡ chèo chống ngoài kia mà ham quá trời nhưng do hồng biết bơi nên tôi bàn ra tức khắc. Thôi, đứng nhìn lũ vịt trời, thiên nga, ngỗng quàng quạc một khúc sông, cũng thấy nhẹ nhõm cả lòng, muện phiền gì cũng theo gió mây bay về bốn phía. Buýt từ trung tâm Oxford đến Oxfordshire tầm 30 phút. Không khí trong lành, yên tĩnh quyến luyến hồn người. Nhà nào nhà nấy có sân to, trồng đủ thứ cỏ hoa, với hàng rào đầy dây leo, như tách biệt với thế giới ồn ào bên trong thành phố.

Bốn đứa tíu tít vô nông trại. Phía trước nguyên cả một vườn đầy các luống dâu. Tiếc là cuối mùa nên toàn dâu dập. Họ đưa mỗi đứa một cái xô. Giá 7 bảng một ký. Tôi đã từng đi hái mấy lần rồi nên không còn sự hào hứng như ban đầu nữa. Chỉ tội ba đứa kia, vừa thấy cây cherry thấp lè tè mà trái trĩu cành, muốn lăn đùng ra xỉu. Không ham sao được, khi lần đầu tiên trong đời mới chứng kiến loại trái trong mơ, mọc la liệt khắp nơi. Chẳng cần bắc ghế hay leo lên, cứ đưa với tay là nguyên chùm chín mọng bỏ vô xô liền. Nói nguyên chùm cũng hơi quá, ít nhất gần một nửa chui vô bụng tụi tôi. Cherry chín cây, vừa giòn vừa ngọt, mát từ cổ tới bụng, chứ không phải như loại

người ta hái bỏ tủ lạnh cả tuần, mất một nửa vị ngon. Dù đã bao bụng rồi, nhưng cũng sợ người ta thấy mình hái ít mà ăn nhiều, nên khi nhả hạt ra, tụi tôi phải quăng ra đằng xa, tít tấp.

Bốn đứa đi lòng vòng hơn tiếng đồng hồ, từ luống này qua luống khác, vừa hái, ăn, cười giòn vang trời y như mấy tiên nữ của Vương Mẫu nương nương vô vườn hái đào tiên dâng lên thánh thần trong hội bàn đào rộn rã. Thấy tụi tôi ở trồng lâu quá trời mà hồng chịu ra, nên nhân viên chạy vô coi thử tình hình ra sao. Nhìn mấy xô đầy nhóc cherry, thế là cười tươi đi ra. Họ mà biết đám này đã ăn hơn nửa rồi, chắc chửi cho ngạt đầu quá.

Mãi đến khi bụng căng kè, cả bọn mới đi ra cho người ta cân. Tổng cộng hết 20 ký cherry. Đêm ấy Khanh với Thương ngồi nhặt từng trái to, bỏ vô hộp đem về Việt Nam làm quà. Nghe đâu ai cũng mê mẩn khi thưởng thức mớ cherry căng mọng.

*

Chiều hôm ấy, tôi để đám bạn ở nhà sắp xếp hành lý, bắt buýt đến Grand Café ở số nhà 84 High Street, trên đường dẫn ra ga Oxford. Người ta bảo đây là quán cà phê đầu tiên của Anh có từ năm 1650, với dòng chữ trước quán rất hiên ngang và đầy kiêu hãnh. Quán bên ngoài sơn màu xanh dịu dàng, bên trong màu vàng chủ đạo cùng với trụ đá cẩm thạch vân đỏ, mang lại cho người uống một tâm thế nhẹ nhàng tĩnh lặng. Có cảm giác mình đang ở trong không gian của 500 năm xưa, ngoài kia lộp cộp xe ngựa giữa tiếng mưa rơi nhẹ nhẹ. Mạch sống nhộn nhịp của các sinh viên trẻ trung, năng động ban sáng đã nhường chỗ lại cho một Oxford cổ điển, buồn thương khi chiều tà buông xuống. Ai cũng muốn tìm góc vắng lặng ngồi cô đơn, hoặc cùng với một ai đó, người yêu, người thương chẳng hạn, chỉ để uống tách trà, cười khúc khích mộng mơ.

Thắng nhắn tin hỏi: “Đi pub không anh?”. “Khi nào và ở đâu?”. “Tí nữa, đi Trout Inn cho tiện”. Dân Anh uống bia như nước lã. Càng về phương Bắc tửu lượng càng cao do mỗi năm tới tám tháng lạnh teo nên uống cho ấm bụng và giải sầu. Không khó để thấy dân thị thành buổi chiều tan tầm, đứng chen chân trước cửa các quán rượu

truyền thống, trên vỉa hè, thậm chí tràn xuống lòng đường. Ăn uống, nói cười không màng gì đến xung quanh, nhiều khi quên hết giờ giấc. Nhưng để cảm nhận đúng nghĩa của pub, chắc chỉ có ở Oxford. Quán rượu của dân quý tộc Anh không chật hẹp, chen chúc trong nội ô, mà phải nằm bên bờ Thames, vừa ngắm gió thổi mây bay, nước chảy hoa trôi, nghe chim hót thú kêu, chẳng nhạc thời thượng hay hét la. Chỉ có tiếng trò chuyện thì thầm giữa không gian thoáng đãng.

Tôi nhâm nhi ly trà lại và nghĩ về phần tiếp theo của Những đàn chim chấp chới. Chắc tôi cho Khải từ Washington D.C., ngồi máy bay đến đây để tìm Yên, người tình một đêm nồng mặn. Nhưng cô ấy không còn dạy ở trường Đại học Oxford Brookes nữa và chẳng ai biết Yên đã chuyển đi đâu. Khải lê bước chân trên từng con phố lạnh trầm, mong gặp lại người tình với mùi Woods nồng nàn còn vương trên cổ áo. Anh vào Grand Café, chọn góc ngồi thật đẹp (y chang tôi giờ), để ngắm bầu trời khi chiều rơi trên tóc rối, thần thờ nhìn đàn chim bay về tổ ấm và nghĩ trong một góc nhỏ nào đó ở Oxford, hay Vương quốc Anh, hoặc nơi nào đó trên trái đất xa xôi, vào thời điểm này, có một người con gái đang nhìn từng đàn sếu bay qua trên vòm trời và thầm nghĩ, trong từng đôi cánh mỏng, mang linh hồn người tình cũ của cô.

Nhưng sếu vĩnh viễn không bay qua vùng trời Oxford. Cơ hội gặp Yên lần nữa chắc không còn. Dẫu trong Grand Café chiều hôm ấy, có ánh mắt của cô phục vụ lén nhìn anh xao xuyến. Biết đâu Khải sẽ bắt đầu một mối quan hệ khác, nồng nàn hơn New York một đêm hè.

Chỉ có tôi chiều nay cô đơn ngồi đây với ly trà và tự hỏi K. của mình đang làm gì, ở nơi nao. Truyện ngắn như đời mà đời cũng là truyện ngắn. Liệu K. có biết tôi không giữ lời hứa năm xưa, đã tìm đến nơi này với ước mong gặp mặt? Một đôi lời đùa cợt, tội mình như hai cánh chim bay về hai hướng, vĩnh viễn không bao giờ đối diện, khi mặt trời tắt bóng phía chân mây.

Gặp lại người xưa ở Brussels

Cho anh một lần được gặp lại em

*Đóa cúc dại ngày xưa chắc giờ đã đóng băng trên đường ray
thương nhớ*

Ánh mắt buồn chắc đã hằn thêm những tủn mủn tần mần lo sợ

Quyển luyến năm nào theo gió lên vào mơ...

(HP)

Sáng hôm sau, mới năm giờ, tôi đã dậy sớm khi Khanh với Thương đang ngủ, để bắt taxi ra chỗ buýt, chạy lên Heathrow rồi bay tới Brussels. Thẳng mắt nhắm mắt mở tiến tôi xuống dưới đường cho tròn nghĩa vụ. Mới đứng một chút mà sương đã ướt xuống ướt đầm mái tóc. Lũ chim sẽ đã ríu rít gọi bầy từ sáng sớm. Hai đứa ôm nhau tạm biệt rồi hẹn ngày gặp lại. Không biết sẽ gặp lại ở London thương nhớ, Oxford yên bình hay giữa Sài Gòn rộn rã cách đó 12 giờ bay. Tôi bảo Thắng “tiến tới đây được rồi, vô ngủ tiếp đi, để tí nữa còn tí tởn đi chơi tiếp”.

Còn 10 phút nữa xe chạy mà trạm đã kín người. Coi bộ bà con cũng tranh thủ chuyến sớm nhất lên London để đi khắp cùng quả đất. Tôi đưa vé cho tài xế, xếp hàng lên xe. Phía trước mặt có ông cụ, bằng chất giọng Anh nhà quê, cứ lèm nhèm không ngơi nghỉ. Mà thiệt tình tôi cũng chẳng hiểu ổng nói gì vì giọng khó nghe quá. Khổ tâm, tôi với ổng ngồi cùng hàng ghế mới chết. Mà thôi, phải nhường nhịn người già, cứ để mặc ổng nói vậy. Xe chạy chắc sẽ ngừng. Nào ngờ, xe lăn bánh đã cả đoạn dài mà ổng cũng hông chịu im lặng cho tôi nhờ. Quay xuống, quay lên, chật như nêm. Thế là đành chịu trận. Tôi lấy điện thoại ra, gắn headphone, mở cái lượng hết cỡ nhưng giọng nói chậm chậm, từ từ của ổng vẫn không ngừng bám đuổi suốt cả chuyến đi.

Vừa tới Heathrow, từ hàng ghế thứ tư, tôi là đứa đầu tiên nhào xuống, đi vô cái lều tới quầy Lufthansa để in thẻ lên máy bay, chạy thẳng vô cổng cứ như sắp trễ giờ bay vậy. Tôi lên máy bay sớm. Ghế lồi đi nên dễ bề xoay trở dù chuyến bay chưa tới hai tiếng đồng hồ. Đang lơ mơ dán mắt vô điện thoại, tôi nghe giọng cảm rằm quen quá là quen. Ngược mặt lên. Lạ hồn. Người đàn ông ấy xuất hiện trước mặt, như nợ duyên từ muôn kiếp trước. Đã vậy còn khều khều, kêu tôi đứng dậy để ổng vô bên trong, ngay cửa sổ ngồi. Chuyện gì đang diễn ra thế này? Có phải mình đang lâm vào cảnh ghét của nào trời trao của đấy? Sao mà giống mấy truyện ngắn hay bộ phim ngôn tình sến rữ, có chàng trai đẹp với cô gái thiệt xinh (hay hai chàng trai, hai cô gái cùng hệ) gặp nhau trên xe buýt, trong tàu điện ngầm, ngồi cùng chuyến bay. Ổng ẹo, liếc qua nhìn lại một hồi rồi nảy sinh tình cảm, nắm tay, hôn hít, yêu nhau. Có cặp còn cưới nhau sinh con đàn cháu đống. Phim ảnh đúng là tưởng tượng. Chẳng có cô gái hay chàng trai đẹp xinh gì đấy xuất hiện cho tôi nhờ. Chỉ có một ông già khú để ngồi chung hàng và nói nhiều muốn nổ não.

Hú hồn, trời vẫn thương xót loài người. Chuyến bay còn quá trời ghé trống. Tôi hỏi tiếp viên có thể đổi chỗ được chẳng? Không cần hỏi nguyên nhân, cổ gật đầu liền. Thế là tôi thoát nạn.

*

Trước khi đặt vé, tôi hỏi Hải Vân giữa Dusseldorf và Brussels nên ghé sân bay nào. Vân nói chỗ nào cũng gần nhà, tùy Tài thôi. Thế là tôi chọn ngay Brussels, trái tim của châu Âu già cõi. Một phần Bỉ là quê hương của họa sĩ Peyo (tên thật là Pierre Culliford), người đã vẽ mấy chú Xi Trum tí hon vui tính. Và đây cũng là nơi sinh của họa sĩ, nhà văn Hergé (Georges Remi), tác giả của Những chuyến phiêu lưu của Tintin, chàng trai có chòm tóc củ hành và chú chó Snowy, đã quyền rũ hàng triệu trẻ em lẫn người già trên quả đất.

Chẳng khó để nhận ra Hải Vân đang cùng với chồng đứng ở cổng đón. Hai năm không gặp từ sau buổi ra mắt Nỗi buồn rục rở giữa Sài Gòn, Vân cắt tóc ngắn, béo hơn vì đang mang bầu ở tháng thứ năm nhưng đôi mắt và nụ cười không bao giờ thay đổi. Giữa sân

bay Brussels rộng thênh thang, ngỡ như thấy chung quanh đang mọc lên rừng hoa cúc vàng của ngày Vân cùng bạn bè từ phố biển ra Ninh Hòa thăm viếng. 18 tuổi, giữa sân ga chiều cuối năm, tôi hái tặng Vân một đóa cúc dại. Rung động đầu đời của cậu học sinh phố huyện khổ nghèo, co ro lạnh giữa gió biển Nha Trang khi không có đủ tiền mua cho mình tấm áo ấm và cô nữ sinh nhà giàu với khuôn mặt đẹp như một nữ tu mua áo mà không dám đưa giờ chỉ là dĩ vãng mờ xa. Hoa cúc Ninh Hòa mỗi năm vẫn rực rỡ vàng như buổi chiều sân ga hôm ấy. Trang thơ nồng thắm gửi cho nhau năm nào vẫn y nguyên còn giữ. Tôi giờ ở Mỹ, Vân theo chồng sang tận Hà Lan. Mừng mừng, tủi tủi gặp nhau giữa châu Âu xa xôi, có niềm lòng đến thế nào, cũng không khỏi rưng rưng trong dạ.

Vân không thay đổi gì nhiều so với hồi trẻ, nhưng anh Hòa thì khác quá trời. Chàng lẳng tử bển lên cao 1,8m, tóc bông bênh thi sĩ, giờ nói nhiều không tưởng. Đã vậy tóc rụng sạch trơn. Anh bảo do làm phòng lab thử nghiệm hóa chất quá trời nên vậy đó chứ không phải stress như người ở Mỹ đâu nha.

Trời còn sớm. Đủ để cả ba dạo một vòng thủ đô xứ Bỉ rồi về lại bên phía Hà Lan.

Sau Thế chiến thứ II, Brussels là trung tâm chính trị của châu Âu. Nhiều tổ chức quốc tế đặt bản doanh ở đây như NATO, Hội đồng liên hiệp châu Âu, văn phòng chủ tịch EU. Các buổi họp cấp cao của châu lục luôn diễn ra tại thủ đô nước Bỉ. Brussels được xây dựng chủ yếu vào cuối thế kỷ 17, sau khi bị người Pháp đánh bom tàn khốc và thiêu trụi gần nửa thành phố. Đây còn là thành phố “diversity” (đa văn hóa), nhiều màu da nhất châu Âu. Trên khắp các ngã đường lớn nhỏ hay con hẻm lát đá hoa cương, dễ dàng nhận thấy nhiều sắc dân đang bán buôn, mua sắm lẫn đi tới đi lui vô sự. Bỉ là nơi có hệ thống an sinh xã hội cực kỳ tốt. Nên hầu như dân nhập cư đều muốn tới để được trợ cấp sống an nhàn, phè phỡn. Phần lớn người da màu có nguồn gốc từ Congo và Rwanda, thuộc địa cũ của Bỉ. Trong suốt năm tháng lên ngôi của chủ nghĩa thực dân, Bỉ là đất nước nổi tiếng bởi sự tàn ác. Không khó để tìm hình

ảnh hay các thước phim lính Bỉ chặt đầu nô lệ châu Phi gắn lên cột còn đầy trên internet.

Hai vợ chồng Vân chở tôi len lỏi đi tìm chỗ đậu xe. Ngoài đường lớn không có. Trong hẻm cũng chẳng còn chỗ nào. Trận bóng World Cup giữa Bỉ và Argentina sắp diễn ra, nên đông nghẹt người. Máy bán công quán bia đầy cổ động viên say xỉn đứng hét la phấn khích. Lòng vòng một hồi mới nhét chiếc xe nhỏ xíu của anh Hòa vô trong con hẻm đầy graffiti, hình Xi Trum và Tintin nổi tiếng trên tường nhà. Ôi ký ức lại hiện về. Thân quen biết là bao. Có ai ngờ một ngày nào đó mình lại được đặt chân đến quê hương của nhân vật truyện tranh yêu thích.

Trước mặt tôi, trong công viên Heysel, quả cầu nguyên tử Atomium do Andre Waterkeyn thiết kế cao 102m, xây từ năm 1958 để chào đón hội chợ quốc tế Brussels (Expo'58) hiện ra sừng sững. Nếu như Pháp tự hào có Eiffel chọc thẳng lên trời, người Anh kiêu hãnh vì có Big Ben, New York luôn bảo mình là quê hương của Nữ thần Tự Do, thì với người Bỉ, Atomium được coi là biểu tượng, linh hồn của đất nước. Atomium được thiết kế hiện đại với khối hình cầu có đường kính 18m, gồm chín quả cầu bạc lơ lửng trên không, mô phỏng cấu trúc một phân tử sắt được phóng đại lên 165 tỷ lần. Bên trong quả cầu là phòng triển lãm và nhà hàng. Vân bảo: “Nếu đến đây vào buổi tối, Tài sẽ được thưởng thức chín quả cầu giao hoán vị trí giống như sự di chuyển của các nguyên tử trong ánh đèn màu đẹp khôn tả”.

Chúng tôi chậm chậm bước trên con đường lát gạch, giữa biển người địa phương và hàng ngàn du khách để đi đến trung tâm. Vân chỉ vô mấy hàng quán bên đường bán thức ăn Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Ban Nha, Nhật, Tàu và món Moule Mariniere, đặc sản ốc nổi tiếng của Bỉ. Anh Hòa hỏi tôi có đói thì ghé vô ăn. Đang nôn nao đi khám phá Brussels, chưa thấy đói bụng tí nào hết.

Từ con hẻm nhỏ bên ngoài, bạn như con ếch ngồi đáy giếng nhìn bầu trời bên trên rồi tưởng mình vĩ đại, thì một bước chân thôi, Grand Place với diện tích 20 ha, xây vào thế kỷ 11, được đại văn hào Victor Hugo ca tụng là “quảng trường đẹp nhất thế giới” như

trang sách uy nguy mở ra, rộng không thể nào tưởng tượng. Quảng trường rộng thì ai cũng biết rồi, nhưng to như thế này, mà lại toàn cung điện, lâu đài, cửa nhà, quán xá nằm lộn xộn trộn lẫn tứ tung, tưởng chẳng ăn nhập gì nhau, nhưng về tráng lệ là thứ mà người ta phải trầm trồ khen ngợi. Tòa thị chính Brussels không nằm giữa trung tâm quảng trường mà lệch một bên, có tuổi đời hơn 600 năm. King's House chưa một vị vua nào vào ở vẫn được gọi là cung điện của hoàng đế. Khách sạn Thiên Nga Trắng nằm ở phía Đông quảng trường thu hút nhiều du khách bởi cách đây 150 năm, Karl Marx và Friedrich Engels từng ở đây trong suốt ba năm (1845 – 1848) để hoàn thành công trình Tuyên ngôn Đảng Cộng sản nổi tiếng toàn thế giới.

Chúng tôi rẽ trái, đi vào một con hẻm đông người. Những cửa hàng bán chocolate, đặc sản của xứ Bỉ, đầy vẻ gọi mời. Mùi bánh nướng thơm lừng bay lên mũi. Waffle, thứ bánh kẹp giòn giống như bánh tổ ong ở miền Trung, Việt Nam hay mấy chị nướng trong khuôn, treo lủng lẳng trên hai đầu gánh, bán 30 ngàn một bịch giữa Sài Gòn, đang được bày bán đông vui. Ăn không? Phải ăn chứ, để coi waffle ở nơi xuất xứ, có giống waffle trong bữa sáng ở khách sạn tại Mỹ luôn làm tôi ớn lòi họng. Mà xiu nữa đi. Mình phải đi thăm “Công dân số một”, Manneken Pis, “Chú bé đứng tiểu” ngay đó.

Bức tượng bằng đồng cao 60cm (tượng gốc bằng đá sau nhiều lần bị quân xâm lược và bọn trộm cướp đi, đã được mang về cất trong bảo tàng), được đặt trên đài đá hoa cương 20m, bao quanh bằng hàng rào nhỏ, với mái tóc xoăn và chiếc mũi hếch, hút hồn du khách. Gần 400 năm qua, nhiều huyền thoại về chú bé này được lan truyền khắp thế giới. Có chuyện mang hương siêu thực về cậu bé đi ngang qua nhà mù phù thủy độc ác, mắc tiểu quá nên vạch quần đứng tè một cách ngon lành. Mụ ta tức giận hóa phép biến chú thành bức tượng. Hay chuyện cặp vợ chồng quý tộc đi vũ hội để lạc mất con. Cả hai vội vàng huy động kiếm tìm và may mắn tìm thấy cậu bé đang đi tiểu trong một khu vườn nhỏ. Trong nỗi mừng vui khôn xiết, họ bỏ tiền ra xây bức tượng ngay khu vườn. Cũng có truyền thuyết mang hơi hướng hùng ca, vào thế kỷ 14, Brussels bị ngoại bang xâm lược. Quân thù đặt chất nổ tại bức tường bao

quanh. Một cậu bé tên Julianske đã đi tiểu vào dây dẫn và nhờ đó cứu được cả thành phố.

Đang mùa World Cup, nên cậu bé hồng ở trường mà mặc bộ đồng phục của đội tuyển Bỉ, nhưng “cậu nhỏ” vẫn thò ra xi thành dòng bên dưới, nhìn mắc cười và đáng yêu ghê.

Vân mua hai cái waffle. Hai vợ chồng một cái, tôi một cái. Thơm thì có thơm, nhưng người ta trét lên nào là kem rồi bơ, mật ong, dâu, đào... thành một đĩa thiệt to, hồ lớn. Tôi cắn tới miếng thứ ba là ngán tới tận óc vì mớ “phụ kiện” ngọt lịm, béo ngậy bên trên. Tự nhiên lại thêm vị béo của dừa, giòn ngọt của đường và thơm lừng của bột năng trộn mì từ mấy cái bánh ổ ong ở Ninh Hòa xa tít tắp.

Chiều chậm chậm rơi, nhưng không khí chung quanh ngày càng nóng dần lên bởi trận đấu bóng đá bắt đầu diễn ra sôi nổi. Các quán bia chung quanh không còn chỗ trống. Hết chỗ ngồi, thiên hạ lố nhố đứng cả trên hành lang, vỉa hè, tràn ra lòng đường, mắt dán lên màn hình ti vi lớn nhỏ. Thiệt là may, ba đứa tìm được quán bia ngay trên Quảng trường Lớn còn trống đúng ba ghế. Anh Hòa kêu hai ly bia, móc túi trả tiền. Tôi bảo để tôi mời cho, nhưng Vân liếc một cái bèn ngọt kiêu để yên đi cho hai vợ chồng chúng tôi tính nhé. “Bộ bia mắc lắm hay sao mà anh đưa tới 100 euro? Biết vậy uống nước lạnh cho rồi”. Anh thảm thì vô tai: “Phải trả tiền “thế chân” cho hai cái ly”. Tại quán ở đây đều thiết kế một kiểu ly riêng, mang đặc trưng để hút khách. Mà nhiều người tới uống rồi... cầm đi luôn để về làm kỷ niệm. Nên họ mới làm thế để giảm thiểu tới đa sự mất cắp. Đúng là chiêu hay, tôi gật gù thưởng lãm.

Giữa quảng trường, cổ động viên Bỉ trong áo đỏ, vàng, đen, tóc nhuộm màu quốc kỳ, cầm trống, cờ, thanh la, vừa gõ vừa hét la cổ vũ mỗi khi chàng tiền vệ tạo tóc xù Marouane Fellaini, đứa con cưng của Bỉ, đang chơi cho Manchester United, có bóng. Mỗi lần Messi với đôi chân ma thuật làm xiếc đi qua những hậu vệ khổng lồ xứ Bỉ, thiệt tình tôi muốn la bẻ làng nhưng nghĩ làm sao át được tiếng hét gào như sấm lẫn tiếng trống chiêng rầm trời kia.

Tôi muốn té xỉu khi anh phục vụ chân dài, râu quai nón, đẹp như diễn viên Hollywood bưng hai ly bia ra, hé miệng tươi cười. Không phải vì nhan sắc của anh, mà tôi đang lo làm cách nào uống hết cái ly bia tươi một lít kia mà bụng không to và tăng thêm ký. Tôi biết dân châu Âu và Bỉ rất bộp nhậu. Một ly thế này không bõ bèn gì. Nhưng lần đầu chứng kiến, tôi muốn đổ mồ hôi hột.

Vàoooooooooooooooooooo!

Higuain ghi bàn ngay phút thứ tám. Tôi lấy tay bịt miệng mình rồi gục đầu xuống để giấu đi vẻ sung sướng và ngăn chặn tiếng la đang muốn thoát ra khỏi họng. Vân kê tai tôi nói nhỏ: “May mà Tài kịp giấu, chứ không họ đánh cho bồm đầu. Dân châu Âu coi bóng đá như máu thịt của mình. Tối về Maastricht, tụi mình ra phố cổ coi trận gặp Costa Rica, sẽ thấy người Hà Lan mê bóng đá khủng khiếp như thế nào, vì ít ra, họ cũng có thành tích ấn tượng hơn đội Bỉ”.

*

Xe rời trung tâm Brussels. Anh Hòa ghé trạm đổ xăng đầy bình. Hai nước cạnh nhau, biên giới hầu như vô hình, nhưng xăng bên này luôn rẻ hơn Hà Lan gần cả euro một lít. Bữa nào cũng có cả đoàn xe biển Hà Lan rong rảnh xếp hàng ở mấy cây xăng bên này, tiết kiệm vài đồng bạc lẻ.

Nhà cửa cao tầng và dòng người chen chúc bị bỏ lại phía sau. Đang mê say với đồng lúa mát xanh vô tận trải dài, thì tám bảng “Waterloo” xuất hiện trước mắt. Trong đầu tôi, giai điệu của ABBA từ chiếc loa thùng trong quán cà phê trước nhà bỗng hiện về nhảy múa.

At Waterloo, Napoleon did surrender

Oh yeah

And I have met my destiny in quite a similar way

The history book on the shelf

*Is always repeating itself.*¹⁷

¹⁷ Bài hát được phát hành năm 1974, giúp ban nhạc Thụy Điển đăng quang cuộc thi Eurovision Song Contest. Waterloo là đĩa đơn đầu tiên đánh dấu sự nghiệp của ABBA trên thị trường quốc tế. Đĩa đơn thành công về mặt thương mại, bán gần sáu triệu bản, đứng đầu các bảng xếp hạng âm nhạc ở Bỉ, Đan Mạch, Phần Lan, Đức, Ireland, Hà Lan, Na Uy, Nam Phi, Thụy Sĩ và Vương quốc Anh.

Ngay tại nơi này, 200 năm trước, đã diễn ra trận Waterloo ác liệt. Đó là trận chiến cuối cùng kết thúc sự thống trị của hoàng đế nước Pháp vĩ đại Napoleon.

Sau khi bị danh tướng huyền thoại Mikhail Kutuzov đánh bại, tàn quân của Napoleon phải tháo chạy trong cánh rừng nước Nga băng giá, lạnh thấu xương mà không có gì lót dạ. Napoleon bị đày đến đảo Elba trên Địa Trung Hải. Đầu năm 1815, ông trốn về Pháp để thiết lập chế độ mới. Nhờ uy tín vẫn còn rất cao và sức hút mãnh liệt, ngài đã tập hợp được lực lượng khổng lồ để tiếp tục mở rộng biên giới và chinh phục các vùng đất khác. Ngày 18-6-2015, Napoleon dẫn 72 ngàn quân chống lại đội quân của công tước xứ Wellington đang đóng tại vị trí vững chắc gần làng Waterloo. Sau nhiều cuộc tấn công liên tục, Napoleon không thể phá vỡ thế trận, đưa quân tiến tới trung tâm của lực lượng đồng minh. Đã vậy, quân Phổ đang kéo tới và gây sức ép lên sườn phía Đông. Khi hoàng hôn buông xuống, quân Pháp dần bị đẩy lùi. Kỵ binh liên quân truy đuổi đến tận nửa đêm. Gần 40 ngàn người chết, bị thương và mất tích cùng chín ngàn tù binh bị bắt giữ. Tham vọng bá chủ châu Âu của Napoleon bị chôn vùi tại Waterloo. Napoleon thoái vị, nhường ngôi cho con trai mình, bị lưu đày đến Saint Helena, một hòn đảo hoang vu trên Đại Tây Dương và sống ở đó sáu năm cho tới khi qua đời vì bạo bệnh.

Tôi bước ra khỏi xe, đứng bên vệ đường, vẫn vờ nhìn chung quanh giữa chiều nắng nhạt. 200 năm qua, thế giới trải qua thêm bao cuộc chiến tranh đẫm máu, Waterloo luôn là trang sử của lòng tham, quyền lực và bi thương không kể hết nên lời. Giấc mộng vĩ cuồng

của Napoleon bị dập vùi trong giông tố, bão bùng, bùn đất, sinh lầy của Bỉ. Sách vở, cuộc đời, bao thế hệ sau này vẫn nhớ đến Napoleon nhưng nhân loại chẳng bao giờ tha thứ. Không một thành phố, đại lộ, con đường mang tên vị hoàng đế kiêu hùng ấy. 20 năm lãnh đạo đoàn quân tang tóc, Napoleon làm chết sáu triệu người và để lại hơn 10 triệu người thương tích khắp địa cầu.

Văng vẳng đâu đó trên cành cây, ngọn cỏ lẫn hàng vạn ngôi mồ giờ thành đất bằng màu mỡ, tiếng rên la hay hấp hối của người lính năm xưa vẫn còn hiển hiện. Những hồn ma oan khuất luẩn quẩn đâu đó trên đất cát xứ này, để trong đêm mưa gió bão bùng, vẫn hiện ra khóc than như muốn nhắc nhở con người về giấc mộng vĩ cuồng và lòng tham quyền lực của loài người chưa bao giờ biến mất.

Waterloo I was defeated, you won the war

Waterloo promise to love you for ever more

Waterloo couldn't escape if I wanted to

*Waterloo knowing my fate is to be with you...*¹⁸

¹⁸ Waterloo - anh đã bị đánh gục, em là người chiến thắng

Waterloo - anh hứa sẽ yêu em trọn đời

Waterloo - anh không thể trốn thoát dù rất muốn

Waterloo - anh biết số mệnh mình sẽ ở mãi bên em.

Maastricht bên hai bên sông Meuse

Xe về tới Maastricht thì đã xế chiều. Từ trên đồi cao, thành phố với trăm ngôi nhà trắng, mái đen nằm trong thung lũng được bao bọc bởi rừng xanh trầm mặc. Maastricht xinh đẹp, chẳng nhiều xe như Brussels láng giềng. Bù lại, khắp mọi ngã đường, nam mặc áo vest, nữ váy ngắn dài, giở sách hay cặp táp để phía trước, thông dong trên xe đạp chạy bon bon ra chiều thích thú. Vân bảo dân Hà Lan mê thể thao lắm. Họ lười đi ô tô và xe máy nên nhà nào cũng sắm vài chiếc xe đạp. Đông cũng như hè, có người sáng chiều gần 20km lái xe tới chỗ làm. Hay cuối tuần, vợ chồng đèo con cái, chở ra công viên hít khí trời. Vừa tiết kiệm được khối tiền xăng đắt đỏ ở châu Âu, vừa gìn giữ môi trường kèm vận động. Vì thế mà dân xứ này cao tổng ngồng, một phần do uống sữa bò tươi và biết đạp xe cho chân dài từ bé.

Anh Hòa chở tôi đến nhà hàng Trung Quốc đối diện ga ăn tối. Ngày hai buổi sáng chiều, Vân thường đứng đây đợi tàu đi làm rồi chờ chồng chở về như lập trình có sẵn. Ga tỉnh lẻ buồn thiu, như buổi chiều muộn xứ này và mấy con đường ngang dọc. Phải yêu thương dữ lắm, người ta mới rời bỏ phố xá Sài Gòn, với công việc ổn định mấy ngàn đô, để theo người yêu từ thuở tóc xanh, về an phận ở phố thị hắt hiu, vắng lặng. Hai vợ chồng thuê căn hộ ở con phố nhỏ, suốt ngày hồng nghe thấy xe chạy hay tiếng nói của loài người. Yên tĩnh vậy cũng hay. Nhưng đối diện hoài, đâm ra trầm cảm mất.

Vốn không thích đồ Tàu, trừ dimsum, nên nhìn đĩa thịt vịt quay Bắc Kinh và mớ rau xào toàn dầu với ớt sa tế kèm cơm khô rang là muốn đứng dậy đi ra, nhưng phải ráng ăn hết để bạn vui. Ước gì lúc này có tô mì Miliket hai tôm, tôi sẽ húp nước đã đời trong niềm sướng vui vô bờ bến.

Tối rồi. Phải ra đường thôi. Không thể ở nhà mở ti vi, khi mà cả phố phường Maastricht và đất nước Hà Lan đang cuồng lên bởi đứa con cưng chuẩn bị thi đấu với Costa Rica, giành vé vào bán kết. Lâu lắm rồi, người Hà Lan mới có cơ hội sống trong không khí bóng đá cháy bỏng. Họ muốn cơn lốc màu da cam biến thành bão dữ, càn quét mọi chướng ngại vật, đánh bại bất kỳ đội nào, từ Đức, Argentina hay gã khổng lồ Brazil, để lên ngôi vô địch. Hà Lan giờ có thể không như xưa, thời của ngài Johan Cruyff hai lần đưa cơn lốc lên vị trí á quân, hay bộ ba huyền thoại Van Basten, Ruud Gullit và Frank Rijkaard làm mưa làm gió trong màu áo sọc đỏ đen của AC Milan – đội bóng yêu thích nhất của tôi và đưa Hà Lan lên ngôi cao nhất châu Âu vào năm 1988.

Ngẫm ra tôi vô cùng may mắn. Được hòa vào không khí tung bừng như ngày hội bốn năm một lần trên đất nước này. Tất nhiên, dù láng giềng với nhau, mọi người cũng hả hê vì Bỉ vừa bị Argentina loại.

Trời đang âm, mắc chi phải trốn trong phòng nên trận đấu chưa bắt đầu mà quán xá trong nội ô lẫn hai bên sông đều đông kín khách. Người Hà Lan coi đá bóng phải kèm rượu bia. Nhớ lại ly bia cả lít chiều nay làm tôi nhợn cả giọng. Thiệt tình vẫn chưa tỉnh hồn sau khi tổng cả đồng cồn vào bụng. Nhưng phải uống thôi. Đâu thể thua kém chàng trai, cô gái hay các cụ ông cụ bà ngồi bên cạnh đang nốc bia và say mê với từng đường bóng.

45 phút trôi qua, mặc cho tiếng hét la, bực bội khản cả giọng, tỷ số vẫn lạnh lùng 0 – 0 trên màn ti vi bự tổ chẳng. Chắc vì thế mà người Mỹ thực dụng không thích bóng đá cho lắm. Với họ là phải có thắng thua, không được hòa. Kiểu như bóng rổ hay bóng bầu dục, tỷ số luôn thay đổi từng phút, từng giây mới hào hứng. Tranh thủ 15 phút giải lao, anh Hòa rủ vô phổ cổ cho đông. Mà đúng là vui thật. Mấy cô cậu thanh niên Hà Lan cao như cây sào cầm cờ đi dọc phố phường, bàn tán về bóng đá bằng ngôn ngữ tôi hồng hiểu gì. Nhưng kệ, thấy họ vui là mình vui lây rồi. Cả ba chui vô quán bar khác, tiếp tục kêu bia và xem hiệp hai trận đấu.

45 phút nữa hết vèo mà tỷ số vẫn là 0 – 0. Thêm 30 phút của hai hiệp phụ, con số 0 – 0 vẫn thủy chung hiện trên màn hình. Penalty

shootout! Đá luân lưu là thứ mà tôi ghét nhất trên đời bởi đã vỡ cả tim khi huyền thoại có mái tóc đuôi ngựa thần thánh Roberto Baggio sút bóng bay lên trời trong trận chung kết World Cup 1994, dâng cúp vàng cho Brazil may mắn. (Nhưng cũng chính 12 năm sau ở World Cup 2006, cũng từ loạt luân lưu ấy, Fabio Grosso, bằng cái chân ốm nhom của mình, đã xé lưới đội tuyển Pháp trong trận cầu đầy căng thẳng với cú húc đầu của Zidane vào ngực Materazzi, đưa đội tuyển thiên thanh lên ngôi cao nhất).

Tim tôi như muốn rớt ra khỏi lồng ngực. Gương mặt anh Hòa với Vân cũng căng thẳng tột cùng. Chung quanh, người nào người nấy ngửa mặt lên trời, chấp tay khẩn cầu. Nhân viên phục vụ cũng chẳng thêm rót bia hay bán cocktail. Tất cả dồn mắt lên màn hình như trời trông vậy.

1 – 0. Costa Rica sút trước.

1 – 1. Van Persie đẹp trai cân bằng liền.

1 – 1. Tỷ số vẫn giữ nguyên khi Tim Krul chặn được cú sút của cầu thủ Costa Rica.

1 – 2. Không khó để Robben đưa Hà Lan lên dẫn trước.

2 – 2. Tỷ số lại về mức cân bằng.

2 – 3. Sneijder lạnh lùng đưa bóng vào lưới.

3 – 3. Lại đều nhau.

4 – 3. Kuyt đá bóng như đại bác.

Không vô! Không vô! Ba đứa đồng thanh kêu to muốn bể làng. Chỉ cần chặn được cú này, không cần đá quả tiếp theo, đội tuyển Hà Lan sẽ đường hoàng vào bán kết. Tim Krul đổ người đón hướng bóng như lập trình sẵn. Mấy mươi người trong quán bar hét lên điên loạn. Chúng tôi nhảy căng lên ôm chầm nhau mừng muốn khóc. Chúa đã quay lưng lại với đội tuyển Costa Rica, không giúp

họ chiến thắng trong loạt luân lưu như trận hôm trước với Hy Lạp nữa. Đêm nay, Ngài thuộc về người Hà Lan dũng mãnh. Cả bọn ùa ra ngoài (tất nhiên sau khi tính xong tiền). Hơn 120 ngàn dân Maastricht đổ hết ra đường, cầm cờ, băng rôn thét gào, chạy nhảy như điên trong niềm vui sướng vô bờ bến. Dân ở đây chẳng ham xe máy, chứ không chắc cũng đi bão như ở Sài Gòn hay Hà Nội, mỗi khi đội tuyển Việt Nam thắng Thái Lan hay Indonesia để vào bán kết hay lên ngôi vô địch. Chẳng thấy cảnh sát nào làm nhiệm vụ. Họ biết khi thắng người ta sẽ không nổi khùng đập phá. Chứ thua, chắc cầm súng đầy đường quá.

Ba đưa về tới nhà thì đã quá khuya. Cảm giác trên mây sau cú sút dũng mãnh của Kyut và cú đỡ người chặn bóng thần sầu của Tim Krul vẫn chưa biến mất. Trận bán kết sắp tới tôi sẽ ủng hộ ai? Tất nhiên là quay lưng với Hà Lan và chuyển qua Argentina rồi. Nhưng tôi phải giả lả thảo mai, giấu kín chuyện này, chứ Vân mà biết được, tôi chắc sẽ ăn ngay một trận chửi.

Phía kệ sách, Nỗi buồn rục rờ của tôi với gã đàn ông cô đơn ngồi ở Bean chơ vơ cùng với mớ tài liệu khác. Tôi lật sách, đọc lại con chữ thân yêu của mình, ở thời điểm mới chập chững vào nghề viết lách. Đi qua những bình yên hoa cúc, bài viết tôi dành tặng cho Vân vẫn bóng chày từng lời. Ước mơ ngày xưa hai đứa sẽ chia ở sân ga chiều cuối năm và trong mấy lá thư tay gửi cho nhau không còn hiện hữu. Mỗi đứa giờ có một mục tiêu của cuộc đời để theo đuổi. Nhưng quan trọng là sau ngàn ấy thời gian hai đứa vẫn là bạn và có cơ hội gặp lại nhau giữa đất khách xa xôi.

Tôi nhắm mắt, mơ màng. Giữa hè mà trời chẳng nóng tí nào. Kiểu này tiết kiệm tiền điện chắc nhiều, dồn hết cho mùa đông xài máy sưởi. Ngoài cửa sổ, lũ côn trùng đêm tối vẫn chưa an giấc. Chúng cất giọng nỉ non hát ca bản nhạc không rõ lời. Nó du dương và trầm ấm, như lời ru ngọt ngào thuở má hát, ru tôi vào giấc ngủ bình yên.

Sáng chủ nhật nắng đẹp chan hòa. Chẳng có lý do gì để co ro trong chăn êm nệm ấm dù đêm qua đã thức rất khuya. Phải dậy thôi để thăm thú phố xá ngoài kia nữa chứ. Vân dậy sớm chuẩn bị bữa sáng. Chẳng có gì ngoài bát tét kèm trứng với rau và đậu. Tài ở đây

hơi ngán, chứ không bày ra đúc bánh xèo ăn. Nghe hai tiếng bánh xèo, cái bụng tôi bắt đầu đánh lô tô, nhất là buổi sáng trời lành lạnh như vậy ăn đã gì bằng. Mấy ngày lang thang rồi còn gì, không nhắc thì thôi, gợi làm chi để bụng thêm món ăn quen thuộc.

Tuy là thành phố nhỏ, chỉ hơn 120 ngàn dân, nhưng nó luôn được cả thế giới nhắc đến nhờ Đại học Maastricht, thu hút đông đảo sinh viên khắp nơi học tập và nghiên cứu. Không nổi bật như hệ thống kênh đào dọc ngang của Amsterdam, sầm uất và tươi trẻ như Rotterdam, hay cổ kính, uy quyền như Hague, hoặc được coi là trái tim của Hà Lan – Utrecht, Maastricht được biết nhờ bề dày lịch sử, văn hóa từ thời La Mã cổ đại, dưới triều đại của Caesar anh hùng, được phát triển sầm uất hơn suốt giai đoạn Trung cổ đầy rẫy chiến tranh.

Maastricht bị dòng Meuse (dân bản địa gọi là Maas) chia làm hai nửa. Sông bắt nguồn từ Pháp, chảy qua Bỉ, đến Hà Lan rồi đổ ra biển Bắc. Nhưng tuyệt nhiên, ở đây không thấy bất kỳ sự chia cắt nào. Bên này tươi trẻ, đông vui, qua bên kia con sông, phố cổ ươu tư, lấm sấm màu nhờ những quán cà phê ven bờ lộng lẫy. Hai nửa Maastricht làm nên một khu phố an lành, quyến rũ du khách bởi hành trình lịch sử cùng sự đa dạng của văn hóa Tây Âu. The International Meuse Route là hành trình bằng xe đạp bốn ngày chạy dọc bờ sông rất nổi tiếng. Bắt đầu từ Maastricht, qua thung lũng sông Meuse, ngang những lâu đài cổ kính, làng xóm an bình của Hà Lan, Bỉ và Pháp, cuối cùng dừng lại ở thị trấn Sedan của Pháp, có tòa lâu đài lớn nhất châu Âu. Vân nói tôi khi nào có dịp qua đây lâu lâu, tụi mình sẽ đăng ký đi cho đã. Mà ít nhất phải ba năm nữa cơ, chờ sanh xong mới chở nàng ấy đi cùng, chứ giờ là bó tay chịu trận.

Cũng như các thị trấn, thành phố đậm chất châu Âu khác, có ba thứ bạn phải đến thăm khi đặt chân đến Maastricht: Quảng trường, tòa thị chính và nhà thờ. Không cần phải đi đâu xa, ba kiến trúc này thường nằm chung một chỗ. Đơn giản từ thuở xa xưa mới thành lập, đó là nơi để dân chúng tụ tập ăn mừng lễ hội, dâng lòng thành lên Chúa và để đi qua nỗi buồn mất mát của phố phường. Từ nhà Vân, chúng tôi đi bộ trên vỉa hè lát đá, dọc theo mấy cửa hàng bán

hoa khô lẫn tươi, xà bông hay môi giới địa ốc, băng qua cầu Sint-Servaasbrug được xây dựng từ thế kỷ 13 bắc qua Meuse để vào lòng phố cổ. Maastricht ngập sắc da cam sau chiến thắng vang dội của đội tuyển đêm qua, mấy ông chủ cũng tranh thủ nhập áo quần, mũ nón, cờ xí về bán cho trận kế tiếp.

Không khó để tìm thấy nét trầm tư hiện ra ở Maastricht. Từ Het Vrijthof – quảng trường rộng thênh thang như câu chuyện cổ tích bạn thường đọc trong sách, tới Vương Cung Thánh Đường St. Servatius, nhà thờ cổ nhất Hà Lan với viện bảo tàng The Treasures of St. Servaaskerk trưng bày những bức tranh, tượng đài từ thời La Mã và hàm mộ thánh Servatius qua đời năm 384. Cách đó không xa, nhà thờ của thánh John, nhà thờ Đức Bà uy nghi trong nắng mai. Nhìn hai tháp chuông nhà thờ Đức Bà Maastricht, mà ngỡ mình đang đứng trên phố xá Sài Gòn, nghe tiếng chuông ngân giữa ngày mới bắt đầu với ly cà phê sữa đá.

*

Chúng tôi chọn một quán cà phê ven sông thư giãn. Không cần điều hòa, cũng chẳng nhạc nhẽo điếc tai, phần lớn khách lớn tuổi, tóc bạc trắng phau, ăn mặc sắc màu, trang điểm cẩn thận, ngồi bên mấy chậu hoa đỏ hồng, đôi khi bạn sẽ nhầm hoa với màu áo. Họ thò thân nói chuyện thì thào, cười tươi, thưởng thức vị mùi của cà phê, ăn bánh ngọt. Người Hà Lan rất biết lo và chăm sóc cho bản thân. Họ biết tích góp từ trẻ. Luôn cẩn thận trong việc chi tiêu. Về già thông dong sống khỏe với số tiền dành dụm và đi du lịch khắp nơi. Ở đây chế độ an sinh cực tốt nên chẳng lo nghĩ gì nhiều. Sáng sớm bắt kể ngày nào trong tuần, cứ đạp xe ra cà phê ngồi với bạn bè, thông dong không vướng bận.

Đó không phải là đích đến của mỗi người chúng ta? Tuổi trẻ vừa làm lụng, vui chơi, tiết kiệm để dành, về già an dưỡng. Kể ra dân Hà Lan và rất nhiều người phương Tây, không bao giờ muốn lụy phiền, hay dính dáng gì tới con cháu. Chẳng bù cho người Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ, cả đời quần quật làm lụng nuôi con, chăm sóc gia đình, tới tuổi nghỉ hưu cũng chẳng yên thân, khi con cái luôn miệng nói thương yêu, nhưng để con, quăng cho ông bà giữ. Tôi thấy

nhiều trường hợp con cái sống ở Mỹ luôn miệng kêu bảo lãnh ông bà qua đây hưởng thụ tuổi già. Mà hưởng thụ nổi gì khi tiếng Anh tiếng u một chữ cũng không rành. Suốt ngày cứ ở mãi trong nhà. Đã vậy còn phải giữ thêm vài đứa cháu vì xót cả ngàn bạc gửi nhà trẻ. Cả đời nuôi con cực nhọc, về già chẳng được yên, lại tiếp tục bồng ẵm cháu con.

Hai vợ chồng dẫn tôi vào hiệu sách Selexyz Dominicanen đẹp nhất thế giới. Nơi này trước kia vốn là nhà thờ của giáo hội Gothic, sau đó các kiến trúc sư đến từ văn phòng Merks+Girod thiết kế thành hiệu sách to đùng. Người ta tận dụng hết tất cả không gian nhỏ hẹp của nhà thờ, xếp thành từng kệ sách thật cao với lối đi tinh tế. Ước gì không có chuyện để làm, tôi có thể ngồi đây cả ngày đọc rồi viết, thả lòng mình giữa khung cảnh thanh bình và hoài cổ, với ly cà phê nóng hôi thơm ngất ngây.

Maastricht còn là thành phố của các ngôi chợ. Không khó để thấy chợ Maastricht, Organic Market (chợ đồ hữu cơ) hay Flea Market (chợ trời) sầm uất, chen chúc quán hàng bán đủ loại trái cây, bánh mì, pho mát, xoong nồi, củ quả, hoa trái, xà bông... tràn đầy sức sống.

Cả bọn nói hồng mua gì, ghé lại chơi thôi. Mà cuối cùng cũng xách một mớ đồ về cho đúng hai từ “đi chợ”.

Ăn phở ở Aachen

Bây giờ mình qua Đức chơi nhen. Xa không? Gần xít à. Chạy xe tầm 30 phút là tới phố cổ Aachen. Tôi biết Maastricht nằm ngay biên giới giữa Đức, Bỉ và Hà Lan, nhưng thiết tình không nghĩ nó lại gần đến thế.

Từ một cô tiểu thư đài các ở Nha Trang rồi vô Sài Gòn học được bao chàng trai săn đuổi, Vân giờ về thành phố nhỏ sống với chồng. Sáng bắt tàu đi làm cách đó hơn hai giờ, chiều tiếp tục hai tiếng chạy về. Công việc quen rồi, nhiều lúc muốn nghỉ vì xa nhà, nhất là mùa đông dậy sớm lạnh thấu xương, nhưng cũng chưa quyết định được vì chỗ thân tình. Với lại Vân muốn học tiếng Hà Lan cho giỏi. Ngôn ngữ gì mà khó quá trời. Học muốn long não cũng chưa thuần thục. Mà xứ này muốn vô quốc tịch phải thông thạo tiếng chứ không là bị chối từ.

Trong giấc mơ dọc ngang, tôi vốn không có thiện cảm với Đức. Chắc bởi do khuôn mặt lạnh như tiền của mấy cầu thủ Đức và vai trò của Chủ nghĩa Phát xít, khơi mào cho bao cảnh tang thương, chết chóc trong hai cuộc chiến tranh thế giới. Lúc Vân rủ đi tôi cũng hơi lưỡng lự. Thà ở nhà coi chung kết quần vợt Wimbledon còn hay hơn dù không ưa Djokovic hay Federer. Tôi muốn Nadal lên ngôi vô địch. Nhưng mình là khách, bạn có lòng, chẳng có lý do gì để chối từ. Với lại được đi thêm một nước làm tôi hào hứng hơn. Mà biết đâu, sau chuyến đi này, quan điểm của tôi về Đức sẽ đỡ cực đoan hơn và bắt đầu thay đổi.

Điều tôi luôn thích và ấn tượng ở châu Âu là sự xóa nhòa biên giới. Tôi từng có hàng trăm lần xuất nhập cảnh, sưu tầm từng dấu mộc hải quan bằng đường hàng không. Hơn chục lần băng qua biên giới các nước qua ngã đường bộ như sang Hà Khẩu từ Lào Cai để đến bên kia Trung Quốc, hoặc Mộc Bài để thăm Campuchia. Tôi từng đứng bên này vắng tanh San Diego nước Mỹ, nhìn bên kia hàng rào kẽm gai sát bên là Tijuana núi đồi, tội phạm, ma túy, chết chóc kinh

hoàng của Mexico, chen chúc những mái nhà. Vượt qua biên giới giữa Mỹ với Canada, chạm mặt chàng hải quan mặt lạnh như tiền hỏi mấy câu ngớ ngẩn về gia đình và sắc tộc. Hay đám Mỹ trắng nhà quê New York, nhìn chúng tôi như trên cung trăng xuống vì cả đời chưa lần nào gặp người châu Á mũi tẹt, da vàng... Đi giữa lòng liên hiệp châu Âu, biên giới đôi khi chỉ là đường vẽ chạy dọc quán cà phê, băng qua giữa ngôi nhà, hay tấm bảng xanh, chữ trắng và những ngôi sao vàng báo hiệu bạn sắp sang một nước khác luôn làm tôi thấy nhẹ nhõm. Thay vì tranh nhau từng centimet lãnh thổ ở nơi heo hút gió sương, chẳng ma nào mò tới, cảm giác hòa bình, đồng thuận đang bao trùm lên khắp châu lục, dẫu mấy ngàn năm nay, người châu Âu chém giết nhau để tranh giành đất đai lẫn quyền hành thống trị.

Chặng đường ngắn hơn nhờ anh Hòa ra làn ngoài cùng, phóng vút như tên bay. Xe cũ mà bốc ghê. Đức là nước duy nhất trên thế giới có làn đường không giới hạn tốc độ.

Aachen được xem như biểu tượng, hơi thở của cả châu Âu, mang hết nét tinh hoa châu lục vào trong lòng phố cổ hơn ba ngàn năm lịch sử. Từ thời điểm là một quốc gia nhỏ do người Celtic xây dựng, dưới sự đô hộ của La Mã, thành phố này là nơi nghỉ dưỡng của quý tộc giàu sang. Tương truyền, vào kỳ nghỉ Giáng sinh năm 768, Hoàng đế Charlemagne đã quyết định xây dựng Aachen thành trung tâm hành chính cho cả đế chế và lập nên khu nghỉ dưỡng mùa đông băng giá. Và đó cũng là nơi ông đã trút hơi thở cuối cùng vào năm 814. Khắp mọi nơi ở Aachen vẫn lưu giữ bức tượng Hoàng đế được đặt giữa quảng trường, trước cổng tòa thị chính, tới đại lộ mang tên Charlemagne để nhớ ơn vị “thành hoàng” nổi tiếng.

11 giờ sáng, phố xá, hàng quán vắng tanh. Các shop thời trang hay cửa hàng đóng cửa im lìm như còn ngái ngủ. “Châu Âu mà Tài, đâu phải Mỹ mà cuộc sống lúc nào cũng vội vội vàng vàng như thể ngày mai tận thế. Bên đây họ sống nhẹ nhàng, chậm rãi”. Thứ bảy, năm giờ chiều hàng quán dẹp sạch hết rồi. Chủ nhật phần lớn ở nhà nghỉ ngơi, không thèm mở cửa bán. Tới cuối hè nhiều khi vắng tanh, bởi thiên hạ đổ hết ra biển đảo hay bay qua Mỹ để đi mua sắm cho hết

ngày phép. Nghĩ lại bên kia Đại Tây Dương, mỗi sáng phải cuống cuống vệ sinh, pha cà phê, luộc trứng, mang ra xe uống lấy uống để cho tỉnh cơn ngái ngủ. Trưa nhiều khi không kịp về nhà, phải mang theo đồ ăn hâm nóng ngay tại văn phòng. Ngủ trưa là chuyện không bao giờ xảy ra. Chiều lật đật chạy về để tránh cảnh kẹt xe. Ngày cũng 24 giờ, hồng biết sao lúc nào cũng vội vàng, căng như dây đàn sắp đứt.

Phố cổ Aachener Altstadt đẹp như vùng đất trong chuyện thần tiên hiện ra sau khi bước qua vòi phun nước Elisenbrunnen trắng, được xây theo lối kiến trúc vòng cung kiểu La Mã với hàng cột cao cùng hai tượng sư tử dát vàng, miệng phun ra nước. Khác với hai màu đỏ và xám chủ đạo của phố cổ Mỹ, các mảng màu chón này cứ đan xen, trộn lẫn vào nhau. Màu xanh của cỏ cây vào độ giữa hè nổi bật trên nền xám của viên đá lát đường, màu phấn nhạt của gạch, đỏ của ngói cong, lẫn ban công sắt rọc rờ màu hoa tươi thắm.

Aachen nằm trên miệng núi lửa đã ngưng hoạt động nên nguồn nước ngầm lúc nào cũng nóng và có độ lưu huỳnh khá cao. Mùi hăng hắc, ngậy ngậy khai sẽ làm người ta nhớ mãi không quên khi lỡ một lần đặt chân đến. Chính vì sự giàu có tài nguyên nước, trên khắp mọi ngã đường, góc phố, quảng trường, thậm chí quán ăn, nhà riêng, người ta thiết kế đài phun nước nhỏ to, đủ dạng hình, màu sắc. Khi thì nước phun ra từ miệng sư tử, lúc thì nước chảy ra từ chiếc lá to, hay nữ thần La Mã ôm bình quen thuộc. Người Đức tin rằng, nếu người già ngâm mình vào nước nóng ở Aachen, thì các chứng bệnh đau đủ thứ các loại khớp đặc trưng của các nước phát triển, từ hông, gối, vai tới khuỷu tay sẽ biến mất. Hoặc uống nước ở đây sẽ trị được các chứng bệnh về tiêu hóa. Nhưng thiệt tình, nghĩ tới cái mùi lưu huỳnh hôi rình, tôi cũng đã nôn ra hết.

Trên nền trời trong xanh của Aachen vào cuối tuần, màu xám phủ bụi thời gian của nhà thờ Aachen như thách thức luật lệ khắc nghiệt của tạo hóa. Giáo đường là một trong những lâu đài cổ nhất ở Bắc Âu, nơi tiến hành lễ đăng quang của vua và hoàng hậu Đức và cũng là di sản văn hóa thế giới đầu tiên của Đức được UNESCO công nhận năm 1978. Ban đầu, nó là một nhà nguyện hoàng gia trong

thời Trung cổ, trải qua nhiều thế kỷ thăng trầm, chiến tranh, hòa bình, cắt chia đất nước, nhà thờ vẫn đứng im sừng sững bất chấp đạn bom. Vào bên trong, ngõ mình đang đi lạc vào một viện bảo tàng với hàng ngàn bức tranh chạm khắc tinh xảo và cả chùm đèn treo lủng lẳng trên cao lộng lẫy. Giữa vương cung thánh đường là hòm thánh tích của Đức Mẹ Maria. Tương truyền bên trong có chứa bốn thánh tích vô cùng quý giá: Áo choàng không tay của Đức Mẹ, tám vải liệm, tám khối đầy máu của Đức Jesus và khăn quấn quanh lưng ngài trong ngày bị treo mình trên cây thập tự. Kho bạc của nhà thờ là nơi quan trọng và quý giá nhất của dãy Alps, nơi lưu giữ Thánh giá của Lothair, tượng bán thân bằng vàng và được cho là nơi an táng vua Charlemagne trong quan tài bằng đá, loại được sử dụng để làm áo quan cho hoàng đế Caesar huyền thoại.

Tôi tới bên hông nhà thờ, uống một ngụm nước hăng hắc mùi lưu huỳnh. Dầu là người ngoại đạo, nhưng cũng mong giọt nước chảy từ lòng đất của thánh tích này, sẽ rửa sạch hết mọi lỗi lầm, vỡ về nỗi buồn và mang lại sự thanh an trong cuộc đời quá nhiều trần trở.

Đi ăn đồ Việt Nam nhen? Ở đây chỉ có một tiệm phở duy nhất. Ngon hay dở gì cũng ráng mà ăn đó. Chỉ cần nghe Vân nói nhiều đó thôi, hai mắt tôi đã rưng rờ như vừa trúng số độc đắc vài trăm triệu bạc. Tôi may mắn đi khắp năm châu bốn biển, được ăn hàng trăm món ngon vật lạ lắm vị nhiều mùi. Để rồi sau ngàn ấy năm lênh đênh xứ người, cố gắng mãi mà chẳng hòa nhập được. Đành quay về với món Việt, coi đó là một phần hồn vía không thể tách rời khỏi bản thân mình. Mà đâu phải chỉ mình tôi, hầu hết người Việt xa quê thuộc loại khó hòa nhập nhất thế giới. Dầu bao nhiêu năm sống ở xứ người, nhưng chỉ cần nhìn thấy tô cơm kèm chai nước mắm, nghe lòng lộng mùi phở từ xa, là bao nhiêu món ngon Tây Tàu đều sẵn sàng bỏ hết. Mới hay, dầu mang tiếng bỏ lìa xứ sở, nhưng chúng tôi luôn canh cánh bên lòng nỗi nhớ giếng nước, làng quê, cây lúa, mái đình qua hình hài của những món quen thân.

Người ngoại quốc thường biết tới Việt Nam qua tô phở thơm lừng, đĩa cơm sườn đầy hương vị, chả giò (nem rán) giòn rụm và ổ bánh mì thịt nguội. Và gần đây, thêm chai tương ớt hiệu con gà trong các

nhà hàng Mỹ, hay phòng nghỉ của United và các hãng máy bay khác. Mà khẩu vị của dân Tây đơn giản. Hông cần ngon, chỉ to và sạch là đủ rồi. Nên mới có chuyện vài chỗ bán tô phở loại... xe lửa, to bằng cái thau với đầy đủ thịt thà, rau củ và cả nửa ký bánh tươi với giá trên dưới chục đô (nên đừng mơ người ta sẽ hầm xương cốt bò cho ngọt nước nhé). Nhìn thôi, tôi đã no tới hết tuần. Vậy mà vẫn có vài người Mỹ hoặc Mẽo ăn ngon lành, húp một lèo hết sạch.

Kỳ lạ, xa nhà, gái hay trai, dù lười biếng cỡ nào, chỉ một năm thôi là biết nấu phở hết. Đơn giản, muốn ăn thì lăn vô bếp. Mà muốn ăn phở ngon, nhất là chiều mưa ử dột bầu trời hay đêm đông tuyết rơi mù mịt, cách tốt nhất là tự nấu theo ý của mình, chứ ra tiệm toàn mùi hôi với quế, nước lèo đầy bột ngọt, ăn xong đờ lưỡi cả ngày. Để ồm à, ra chợ mua xương bò, về hầm chung với sả cho ra nước cốt. Sau đó để nguội, đem bỏ tủ lạnh, sáng hôm sau lấy ra vớt lớp mỡ bên trên cho bớt béo. Để nước lèo lên bếp, vặn gas thiệt nhỏ cho sôi từ từ rồi nêm nếm tí mùi phở, gia vị cho vừa ăn. Tranh thủ chờ nước sôi, mài dao thiệt bén để xắt tái, gân, nạm (đã hầm mềm) thành từng lát mỏng. Hành ngò bỏ riêng một hộp. Giá với rau rửa sạch sắp vô rổ. Xắt vài miếng chanh để một bên. Rót chén nước mắm, dầm vài trái ớt xanh đổ cho cay. Tương ớt, tương đen sẵn sàng. Chờ nước sôi, trụng ít bánh phở, để vài miếng thịt lên trên, lấy vá múc ít nước lèo chế vô. Thơm phưng phức.

Thế là tô phở thơm lừng, bốc khói, sạch sẽ, không bột ngọt, đúng khẩu vị của mình được dọn ra vào một ngày đông lạnh buốt. Khi ăn phở, tôi thường xịt tí xì dầu (nước tương hay tàu vị yếu). Bạn thử đi, nó sẽ mang lại một vị lạ vô cùng vô tận. Húp miếng nước lèo cái rột, để hơi nóng lẫn nồng nàn ngấm vào từng tế bào da thịt. Nhai miếng gân giòn rụm chấm tương ớt ôi thôi mới thấy nó dẻo làm sao. É quế thơm lừng, giá mát lạnh, ngò gai nồng đượm. Ăn một tô chưa đã, thêm tô nữa thấy no cảnh hông. Đứng dậy, đi lòng vòng cho tiêu. Không thì đứng rửa chén bát, xoong nồi cho xuống bụng.

Chả trách những ai xa quê, ăn được tô phở ngon, nghe vị quê hương rưng rưng trên đầu lưỡi.

Mà lần nào nấu phở, tôi đều quay quắt nhớ tới thuở hàn vi, tháng năm ba má gồng gánh hơn chục đứa con với một bầy cháu. Mỗi sáng, tôi thường lục cơm nguội chan nước mắm hay ít cá kho còn sót lại ăn lót lòng. Bữa nào rủng rỉnh, chị cho ngàn bạc, đi mua ổ bánh mì hay gói xôi bắp gói lá chuối thơm lừng, mừng phát khóc. Phở, với tôi, là món sơn hào hải vị, của ngon vật lạ người ta đi cống nạp cho vua, tôi là phận thứ dân, có thêm tới cỡ nào cũng chỉ đứng ngó cho đã cơn ghiền rồi quay bước bỏ đi, chứ hổng dám nghĩ chuyện ăn ngon miệng.

Má bán hàng đường ngoài chợ, trước mặt là hàng phở của dì Há, bên dưới gốc bàng già. Dì cao to phốp pháp, giọng nói rền vang như chuông khánh trên chùa. Trưa đứng bóng, khách đông nườm nượp, dì miệng liền miệng, tay liền tay, vừa nói, vừa hét la mấy người giúp việc bưng bê, rửa chén, lau dọn ghế bàn, vừa bốc phở bỏ vớt, nhúng chín, để vô tô, chan nước lèo, xắt thịt, thêm tái kèm móng, giò như cái máy không sai một tý. Bữa nào ra chợ, tôi cũng lảng lạng ngồi ngó trần trần, hít lấy hít để xoong nước lèo bốc khói thơm lừng lựng mùi thịt bò với sả. Rồi trách sao ông kia phí quá ăn bỏ hết cả nửa tô. Dì kia sang ghê, cục giò thiệt ngon mà quăng cho chó gặm. Nhiều lúc muốn đánh bạo mở miệng xin tiền má cho con ăn một tô thôi, rồi sai biểu gì con cũng làm hết trơn. Nhưng nghĩ tới tô phở bằng cả ký gạo, nấu ra được nồi cơm cả nhà ăn nên đành nuốt nước miếng cái ực cho xong. Thầm ước một ngày nhà mình giàu thiệt giàu như con Vi, con O, hay mai sau đi làm kiếm được nhiều tiền, sẽ mua một chục tô tái sống giò gân ăn cho đã.

Vậy mà giờ kiếm rủng rỉnh đủ tiền thì dì Há nghĩ bán mất tiêu. Với lại tôi ăn nửa tô phở thôi đã sợ mập ù, lật đật lo chạy bộ giảm cân thấy mồ. Nên ước mơ “chục tô” ngày xưa mãi chỉ là mơ ước.

Buồn ghê!

Chúng tôi men theo mấy con dốc thoai thoải để tới nhà hàng. Hai bên đường, các quán cà phê cùng nhà hàng bán đủ loại thức ăn, tiệm hoa, quầy xà phòng đã mở cửa. Thấy chúng tôi đi qua, mấy ông bà già Đức giơ tay vẫy chào. Lúc này trong tôi, sự ác cảm về nước Đức cũng vơi đi phần nào khi nhìn hoa nở khắp nơi giữa âm

thanh, vị mùi và nghe mấy câu chuyện về lịch sử ở khu phố có ba ngàn năm lịch sử.

Quán toàn khách Tây, chỉ có ba đứa tôi và mấy bạn phục vụ là người Việt. Mùi hồi từ bếp thoang thoang bay ra. Lần đầu tiên trong đời tôi thấy thơm quá trời vì bụng đang đói. Vân với anh Hòa kêu hai tô phở to. Tôi thì không ăn được bánh phở Bắc nên chỉ kêu chén súp tái trong niềm háo hức vô bờ bến. Đĩa giá kèm một canh é quế được bưng ra. Hồng biết ai ăn ai nhịn. Mà thôi, ở châu Âu mà có quế tươi xanh cũng mừng rồi chứ đâu phải giữa lòng Việt Nam mà đòi hỏi.

Tôi muốn té xỉu khi nhìn hai tô phở và chén tái được đặt trên bàn. Không bắp hay sách, chẳng gân hay bò viên, chỉ có mấy miếng tái xắt to chần dần, dày cui thách thức. Tôi nếm thử miếng súp như thói quen trước khi nặn chanh và thêm tương ớt. Thiệt tình luôn biết món Việt ở châu Âu không ngon, nhưng í ẹ thế này thì đau lòng quá đỗi.

Hoang đàng Amsterdam

Lúc đầu tôi định đi tàu từ Maastricht tới thẳng Amsterdam luôn nhưng do anh Hòa có việc, nên hai vợ chồng sẽ chở tôi tới ga Utrecht, trái tim của Hà Lan, rồi từ đó bắt thêm chuyến nữa là tới thủ đô. Thông cảm nhen, đi một chặng nữa cũng không sao nhưng sợ kẹt xe, về không kịp để ngủ mai Vân còn đi làm sớm. Tôi cảm ơn không hết chữ trách móc gì. Như thế là tốt lắm rồi. Bạn bè được gần thêm chút nữa.

Đây là mấy tháng cuối cùng của Vân ở Maastricht. Hai vợ chồng đã đặt cọc tiền, mua nhà ở Eindhoven cách đó một giờ lái xe. “Năm sau Tài sang chơi là có nhà rộng to, sân vườn đầy đủ trồng hoa, mặc sức nấu ăn uống”. Tôi cũng chẳng dám hứa hẹn gì việc sẽ quay lại Hà Lan dù rất thích không khí nơi này. Công việc bận quá trời. Rảnh rồi lại bay về Việt Nam thăm gia đình. Vả lại ngoài kia trong các cuộc rong chơi của mình, có rất nhiều nơi còn chưa đến. Nhưng Vân an tâm, từ đây tới già Tài sẽ quay lại lần nữa để ăn dầm nằm dề vài tháng, viết cho xong chục cuốn sách du ký của mình. Gì chứ Tài sang là Vân đón tiếp nhiệt tình. Lúc nào trong nhà cũng dành sẵn một phòng. Cơm nước đủ đầy, cứ việc đi khắp đó đây, về tới nơi là có chỗ ở.

Anh Hòa chưa vội ra cao tốc, mà chạy vô đường làng be bé, với mấy ngôi nhà có dây leo bám tường và mảnh sân đầy hoa nở. Hà Lan nổi tiếng bởi hoa tulip đủ màu trải dài tới chân trời, như tấm thảm rực rỡ trùm lên mặt đất mỗi độ xuân sang, hay cối xay gió sừng sững và cả đàn bò gặm cỏ tung tăng cho ra loại sữa thơm nồng, giàu dinh dưỡng. Tháng Bảy, tulip tàn hết rồi nhưng bò gặm cỏ thì bao la. Hình như ngoài thành phố, thị trấn sầm uất người, Hà Lan giành đất để trồng lúa với cỏ cho bò ăn hết vậy. Cái mảng xanh đó không phải từng khóm, từng vùng, mà như sông biển cuộn tràn, trải dài đến tận đâu đâu. Hễ mỗi lần có gió lên, cả đồng lúa ngát xanh và lớp cỏ tươi tốt lượn sóng mát mắt kinh hồn. Chưa thấy nơi nào có nhiều cỏ như ở đất nước này hết.

Tôi hét thật to khi thấy hai cối xay gió giữa đồng xanh ngát. Không cần đề nghị, anh Hòa cũng đã dừng xe để tôi chạy xuống chụp hình sống ảo rồi. Giữa nền trời mù mịt mây đen, cối xay gió như hai ông khổng lồ bảo vệ xóm làng bé bỏng. Lịch sử hình thành và phát triển của Hà Lan gắn liền với việc chống lũ, bồi đất lấn biển và tưới tiêu khi phần lớn diện tích đất nước nằm dưới mực nước biển. Và cối xay gió là một cách giúp người dân bơm nước ra biển ngăn ngập. Giữa trời nổi gió giông, bốn cánh quạt đứng yên theo hình dấu cộng. Tôi đọc đâu đó trên Internet, đó là lúc cối đang trong trạng thái nghỉ ngơi. Chuyển về dấu X nghĩa là nghỉ lâu dài. Nếu cánh trên cùng nghiêng về bên phải là cả làng đang có niềm vui sinh nở hay cưới xin hạnh phúc. Còn khi cánh nghiêng về bên trái là đang có tin buồn. Ngày nay, người ta dùng hệ thống bơm thủy lợi khổng lồ để điều hòa nước tưới tiêu, nhưng cối xay vẫn muôn đời là biểu tượng bền bỉ, sáng tạo của người dân đã dũng cảm đứng lên và chống lại sức mạnh của thiên nhiên, khuất phục cơn giận dữ của thủy triều, để Hà Lan mãi luôn là đất nước giàu mạnh.

Vân bảo lúc Tài đứng giữa đồng, mình sực nhớ đến chàng dũng sĩ Don Quixote đang vật lộn với mấy chiếc cối xay gió.

Xe dừng lại ven đường đỗ xăng. Sắp dọn về nhà mới, chắc cũng tiện nó lên đường vì uống quá trời xăng và Eindhoven chật chội cũng không cần thiết lắm. Khác hẳn với Mỹ, dọc đường cao tốc hay trong các cây xăng luôn có nhà vệ sinh miễn phí dành cho khách, thì ở châu Âu việc đó hoàn toàn không tưởng. 50 cents là giá thấp nhất. Không có tiền thì khỏi đi nhen. May mà lúc tôi nói sắp sửa đi, Vân dúm vào tay một ít tiền cent làm bùa hộ mệnh.

Tạm biệt anh Hòa, người đàn ông thủy chung và bền vững nhất trong công cuộc theo đuổi người yêu từ cái hồi cấp hai vô tư lự, tạm biệt Hải Vân cô bạn đẹp xinh đong đầy trí nhớ của cậu học trò nghèo trường huyện, tạm biệt sự chân thành của hai người bạn cùng xứ sở, tôi lại đi. Chỉ nói hẹn gặp lại một ngày không xa chứ chẳng biết khi nào. Cuộc đời vốn chứa đựng nhiều bất ngờ. Gặp lại nhau một lần đã là duyên số.

Tôi lên lầu, mua vé, vào ga. Tàu đến, mới tinh, sạch sẽ và ngăn nắp kinh hồn. Bên trong có wifi và màn hình báo giờ chạy, ga sắp đến đủ đầy, chính xác đến từng giây một. Tàu rời Utrecht, tiến về phía Amsterdam, nơi trước kia là làng chài nhỏ nằm cuối sông Amstel, trên vùng đất thấp gần đầm lầy nên lụt lội quanh năm. Cuối thế kỷ 13, người ta xây một con đê (dam) ngăn lũ, đắp đập để phục vụ tưới tiêu. Họ đặt tên nó là Amsterdam, có nghĩa là “con đê trên dòng Amstel”. Từ đó, tên này được dùng để gọi thành phố lãng mạn, hoang đường và tự do nhất của cựu lục địa. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Hoàng hôn bắt đầu phủ bóng xuống đồng xanh. Chỉ thiếu lũ trâu, đám mục đồng và mấy cây cầu sắt rung lên bần bật bắc qua sông, là ngỡ mình đang trên chuyến tàu Bắc Nam đi suốt bốn mùa vui xình xịch.

Tàu tới ga Amsterdam Central to dữ dằn. Lỡ ai không biết đi lạc vô đây, chắc lòng vòng một hồi là rữ cả giò quá. Tòa nhà không mang bóng dáng gì của ga, được xây trên ba hòn đảo nhân tạo vào năm 1889. Nó giống như lâu đài gạch đỏ rực rỡ giữa bầu trời chạng vạng sắp sửa sang đêm. Hàng chữ “I am sterdam” nổi tiếng màu đỏ trắng thiết to nằm trước cửa nhà ga. Tôi chụp vài tấm hình.

Trước khi đến đây tôi dò sẵn đường, cứ ngỡ khách sạn nằm xa lắm. Ai dè băng qua cái giao lộ cả chục làn đường đầy xe, với hàng rào dây điện từ trường chằng chịt của buýt trên đầu là tới. Giống như Paris, London hay New York chật chội, nội ô Amsterdam không khá hơn gì. Sảnh khách sạn vừa đủ cho ba người đứng sát vào nhau còn chật. Hai cậu thanh niên đi cùng, một Á, một Âu, nói tiếng Anh lơ lơ với tiếp tân về vụ thẻ tín dụng không thanh toán tiền nên phòng bị hủy. Rất may là còn phòng, nên hai chàng ta mới có chỗ trú chân. Chứ không cái cảnh giữa xứ lạ quê xa mà hồng có chỗ ở đêm nay, chắc rầu lắm. Tự nhiên thấy cũng buồn, người ta đi chơi có bạn có bè, giúp đỡ nhau. Còn mình thì cứ thui thủi hoài. Hồng biết có thức trắng đêm vì sợ ma không nữa.

Phòng tôi chắc cỡ 10m². Bên trên có cửa sổ to bằng hai lòng bàn tay, chính giữa để cái giường đủ một người nằm và tủ áo quần nho nhỏ. Tôi nằm vừa, chứ gặp bạn Hà Lan cao lớn nào, chắc lòi chân

cả khúc. Tôi vô toilet. Vừa ngồi xuống là đụng mặt với vách tường. Mình ôm nhóm chứ mặt thêm chút nữa chắc sáng đi tắm sớm, kẹt luôn trong này hồng ra được. Tôi bắt đầu bày biện “đồ nghề” ra. Quyển kinh Phật, mớ tỏi trừ tà, xâu chuỗi bồ đề lẫn hình Đức Quán Thế Âm. Tôi lâm râm bảo quý ma gì cũng đừng có hiện lên chọc phá tui nha. Mong các ngài gia hộ cho con đêm nay ngủ thiếp đã.

Từ khách sạn đến khu đèn đỏ Red Light District – De Wallen không xa. Đi bộ chừng năm phút, băng qua cây cầu bắc ngang kênh là tới. Ai đến Amsterdam mà bảo không muốn tới đây là xạo sự vì nó hút khách nhất mà. Mặt trời đã lặn, ánh sáng từ ô cửa sổ của các căn nhà nhỏ san sát nhau làm cả khu phố đỏ rực một màu mê đắm. Hình như du khách và cả dân bản địa đang đổ dồn về, chen khắp những cây cầu, mấy con đường ngang dọc nhỏ xíu xiu vừa đủ cho hai người dạo bước. Mùi nước tiểu bốc lên khai quá. Trộn lẫn vào đó là mùi cần sa kinh hoàng quen thuộc. Không phải tôi từng hút đâu nha. Làm công việc quản lý cho thuê mướn nhà, tôi quen lắm mấy căn hộ đặc quánh mùi marijuana mỗi khi có ai đó dọn ra. Hay thỉnh thoảng đi ngang qua, từ trong căn hộ, khói bốc ra, làm tôi ho sặc sụa. Ở Amsterdam, hút cần sa ngoài đường là vi phạm pháp luật. Bạn phải vào mấy “quán nước” để bằng hiệu rải khắp khu phố mua và lim dim thả khói cho hợp pháp. Nhưng mấy ai quan tâm chuyện này. Ghiền lên là hút.

Trước mặt, sau lưng, bên trái, bên phải có hàng trăm cô gái xinh đẹp, chân dài, chủ yếu dân Đông Âu thiếu vải, uốn éo gợi tình, gọi mời sau mấy khung cửa sổ. Chẳng mấy nơi mà mại dâm hoàn toàn hợp pháp và được chính phủ thừa nhận. Các cô gái phải thường xuyên kiểm tra sức khỏe, đóng thuế và được luật pháp bảo vệ. Cô trong ô cửa trước mặt đã tìm được khách. Trên mạng bảo tầm 50 euro cho 15 phút sung sướng. Cũng chẳng rẻ gì. Gã khách hùng dũng đi vào không lấy chi mắc cỡ. Cả hai mất hút sau cánh cửa “thần kỳ”. Gần đó, gã đàn ông khác sửa soạn lại áo quần, vuốt tóc, vẫy tay tạm biệt cô gái rồi hiên ngang bước ra. Đám đông chỉ trở xì xào. Anh ta nhún vai, tỏ vẻ không quan tâm. Tự nhiên tôi thấy chạnh lòng. Giá trị của phụ nữ đứng đường (hay trong ô cửa), hợp pháp hay bất hợp pháp ở xã hội văn minh này đều bị coi rẻ mặt.

Gần đó, lố nhố hơn trăm người xếp hàng từ cổng ra tới ngoài đường, ra chiều kiên nhẫn nhưng không kém phần háo hức. Nhìn lên bảng hiệu. Lạy Chúa tôi! Thay vì biểu diễn ca nhạc, ảo thuật, opera hay kịch nghệ tượng bưng, chỗ này lại dành cho sex show, là nơi nam nữ quan hệ tình dục sống động bên trên, để khán giả ngồi coi rồi tán thưởng. Bên kia dòng kênh, cũng có một sân khấu y chang vậy nhưng vắng người. À thì ra việc kinh doanh thế này cũng được “nhân rộng” khắp nơi, nhưng không phải ai muốn làm giàu cũng được.

Châu Âu vốn nổi tiếng tự do giải phóng tình dục. Tôi đọc báo thấy mấy cuộc đạp xe trần truồng giữa lòng phố xá Paris, London, hay các bãi biển khóa thân có thể tìm thấy khắp nơi trên lục địa. Xem vài bộ phim đoạt Cành cọ vàng của Cannes hay Gấu vàng ở Berlin, phải nói là đở mắt vì độ bạo và thật. Mấy phim đó có mơ mới được chiếu hay đi dự liên hoan ở Mỹ. Các nhà đạo đức, tổ chức bảo vệ phụ nữ và trẻ em sẽ làm rùm beng lên, thậm chí kéo tới biểu tình, đánh sập hãng phim mất.

Nhưng để hợp thức hóa mại dâm như thế này có lẽ Amsterdam là duy nhất. Hút hay mua bán, vận chuyển cần sa phần lớn bị cấm ở Mỹ (ngoài vài bang cho trồng, buôn bán và sử dụng vì mục đích y tế hay nhu cầu cá nhân). Trong tất cả các thành phố tôi đã đi qua, có lẽ Amsterdam là hoang đàng, phóng khoáng và tự do nhất. Nơi con người tự do bộc lộ nhu cầu thầm kín của bản thân mà không bị ai chê trách.

Đi một hồi tôi cũng thấy chán òm, chẳng có gì để xem ngoài mấy cô gái nhảy múa sau cửa sổ và chen lán với cả ngàn người giữa mùi cần sa, mồ hôi với nước tiểu nồng nặc. Về ngủ có vẻ sướng hơn. Đêm tối hù. Dường như những gì rực sáng, lung linh, đông đúc nhất đã bị khu phố đèn đỏ hút hết rồi. Chuyển xe buýt cuối ngày uể oải chở khách về trạm. Vài du khách ngất ngưỡng trong cơn say bí tỉ, chân thấp chân cao, mắt nhắm mắt mở tìm về chỗ trọ. Taxi chạy tới, tài xế mở cửa kiếng hỏi tôi đi không? Tôi bảo khách sạn gần đây, đi bộ tí là tới. Anh ta nói, hôm nay còn đi được, chứ tối qua cả

Amsterdam loạn cuồng vì Hà Lan vô bán kết, chẳng có chỗ chen chân.

Tôi về tới phòng, nhìn đồng hồ cũng đã hơn 10 giờ. Mắt mở không lên, hai chân mỗi như vì đi bộ. Tôi nốc vội viên thuốc ngủ rồi lên giường. Thiệt tình cũng không dám lăn. Một bên thì đụng phải vách tường, bên kia thì lọt ngay xuống khoảng sàn chật hẹp. Tiếng gió thổi ngoài kia nghe phần phật. Giật bắn cả người, đứng dậy kéo cửa sổ lại ngăn gió lùa. Tôi với tay mở Chú Đại Bi, lấy tượng Phật để trước ngực mình. Đèn vẫn mở. Lấy tai nghe đeo lên. Tròng mắt nạ bịt mắt. Miệng lâm râm khấn vái Đức Phật phù hộ cho mình. Thuốc bắt đầu ngấm. Giọng đọc chú đều đều, nền nhạc thanh tao, tôi nghe rõ ràng tiếng ngáy của mình, nhưng thiệt tình mệt quá, chẳng có lý do gì để giật mình tỉnh dậy.

Sáng sớm, mùi sương đêm qua vẫn còn sót lại ở Starbucks gần khách sạn. Tôi tranh thủ vô đó mua ly latte đá nhạt thích uống tạm cho tỉnh ngủ. Thiệt tình tôi vẫn thèm cà phê G7 của Trung Nguyên kèm chút cà phê phin đẳng đẳng như thói quen mỗi sáng ở Mỹ hơn. Nhưng trong cái khó cũng hạ thấp nhu cầu bản thân xuống một chút. Bảo tàng tình dục (Sex Museum) nằm cạnh bên. Tiện ghê. 4 euro để vào cổng. Tôi khá dễ dãi khi hẹn hò, quan hệ an toàn, chứ không phải là người bảo thủ. Nhưng trộm nghĩ, sex chỉ nên trao đổi thoải mái trong phòng kín giữa hai người hay nhóm bạn thân, hơn là tát tạt tạt phô bày cho thiên hạ ngó nhòm, chỉ trở như phố đèn đỏ đêm qua, hoặc bên trong bảo tàng đầy hình ảnh, hiện vật thì cực kỳ tế nhị.

Tôi băng qua bên kia đường. Bảo tàng danh họa Van Gogh với hơn 700 bức tranh và những lá thư tay trong giai đoạn trước và sau khi ông nổi cơn điên tự xẻo tai mình được trưng bày. Cái bảng thiệt to xin lỗi phải đóng cửa để sửa chữa làm tôi cụt hết hứng. Dù không hiểu lắm về hội họa, nhưng một khi đã tới quê hương của Van Gogh mà không vô được cũng buồn. Đành hẹn lại lần sau.

Sáng thứ hai hèn chi đông ghê. Dân Hà Lan xách cặp táp, mặc đồng phục đi làm như ông bà khổng lồ, cao toàn trên mét tám. Có người chắc lêu nghêu gần hai mét. Mà có già chi đâu. Nhiều đứa

học sinh mặt non choẹt, nếu lập gia đình sớm chắc tôi đẻ ra tụi nó quá.

Chín giờ sáng. Dòng người lố nhố xếp hàng trước số 263 đường Prinsengracht, ven con kênh, dài tầm cây số. Không khó để nhận ra bức tượng đồng nhỏ tạc hình Anne Frank để trước nhà. Du khách đến đây từ sớm để thăm bảo tàng trưng bày di vật phục dựng của gia đình, chứng tích chiến tranh và cuốn nhật ký đau thương suốt năm tháng trẻ thơ của Anne Frank đã ẩn nấp, trốn chạy cuộc thanh trừng và tàn sát người Do Thái dã man của phát xít Đức trong đệ nhị thế chiến.

Anne Frank sinh ngày 12-6-1929 tại Frankfurt (Đức). Cô bé sống trong cộng đồng dân cư nhiều chủng tộc, luôn mơ ước trở thành nhà văn, và khoe với chị gái rằng mình sẽ viết sách và đặt tên thật giản dị: Nhật ký của tôi. Sau khi Hitler lên nắm quyền vào tháng 01-1933 và bắt đầu chính sách bài Do Thái, gia đình cô đã di cư sang Amsterdam. Năm 1940, Hà Lan bị Đức Quốc xã chiếm đóng. Cả gia đình Anne ẩn náu trong căn phòng kín tại nhà kho ở số 263 đường Princegracht với sự tiếp tế lương thực của vài người Hà Lan tốt bụng. Đến ngày 04-8-1944, bọn mật vụ Gestapo Đức được chỉ điểm, đã phát hiện ra căn phòng bí mật nơi ẩn nấp của gia đình. Cả nhà bị bắt đưa đến trại tập trung Westerbork (Hà Lan), sau đó chuyển đến trại Auschwitz-Birkenau (Ba Lan) khét tiếng giết người bằng hơi ngạt, treo cổ, bỏ đói chết hàng loạt, hay thí nghiệm về y học trên thân thể người sống, rồi cuối cùng là Bergen-Belsen (Đức) vào tháng 9-1944. Trong ngày tháng kinh hoàng sống ẩn nấp ở nhà kho, Anne Frank đã viết nhật ký về những gì xảy ra quanh mình. Cô miêu tả về thời gian lẩn trốn kinh hoàng, và cả nỗi lo bức hại, chết chóc đang phủ bóng đen lên cộng đồng người Do Thái. Mẹ cô bé mất vào tháng 01-1945. Anne và người chị gái bị chết vì sốt phát ban vào tháng 3-1945, hai tuần trước khi trại này được giải phóng.

Sống sót sau chiến tranh, Otto Frank, cha của Anne, đã được bà Miep Gies, trợ lý công việc kinh doanh của gia đình, đưa cuốn nhật ký cho ông để xuất bản. Sau nhiều lần bị từ chối, cuốn sách đã được dịch ra gần 60 thứ tiếng, tạo nên tiếng vang lớn trên toàn thế

giới về sự tách lìa, chia biệt, bị tước đoạt quyền sống và quyền làm người trong thảm họa diệt chủng người Do Thái.

Người đông quá. Tôi không đủ thời gian để xếp hàng mua vé vào thăm căn nhà bị kín, không có ánh sáng lọt vào và sờ lên vật dụng lẫn hình ảnh của cô bé dũng cảm kia. Nhưng ngay trên vỉa hè, bên bức tượng bé nhỏ của Anne Frank, tôi cũng mừng tượng được sự khốc liệt của chiến tranh, khi gần sáu triệu người bị giết hại bởi sự bạo tàn của Hitler và đồng bọn. Sếp và chủ tôi đều là người Do Thái. Nhiều lúc tôi cũng bực bội vì cái tánh keo kiệt, bủn xỉn của họ, nhưng phải công nhận Chúa trời đã sinh ra một chủng tộc thông minh và làm ăn giỏi đến thế. Trong đầu họ lúc nào cũng toàn con số và làm thế nào để kiếm được nhiều tiền hơn. Ba ông chủ có tháng ngày chạy trốn phát xít Đức theo hướng Liên Xô, qua Trung Quốc, sau đó dừng lại và định cư trên đất Mỹ. Mẹ của chủ là người sống sót hiếm hoi trong trại tập trung. Những năm tháng cuối đời bà luôn bị ám ảnh bởi đòn roi và sự hành hạ của bọn cai ngục. Ông kể, nhiều đêm cả nhà đang say ngủ, bà lại hét lên như có ai đó đang dí súng vào đầu rồi bừng tỉnh, chạy khắp nhà, cố chen lách để thoát ra khỏi đám đông đang bị lừa vào căn phòng đầy khí độc.

Tôi được sinh ra sau chiến tranh. Nhưng hai cuộc chiến tranh khốc liệt của dân tộc đã ảnh hưởng sâu nặng đến cả cuộc đời. Má kể, sau 1954, ông ngoại và cậu tôi tập kết ra Bắc, hẹn với gia đình hai năm nữa sẽ về. Nhưng lời hứa ấy không bao giờ thành sự thật. Mãi đến sau 1975, cậu tôi vào Nam, dẫn theo hai đứa nhỏ và bảo đó là con của ngoại. Ông tôi trúng bom, nằm lại trên đất Bắc vào mùa hè đỏ lửa năm 1972. Ông và cậu đều lập gia đình, sinh con ngoài ấy, để ngoại, mợ và các dì tôi mòn mỏi trông mỗi ngóng suốt hơn 20 năm. Còn ba tôi ngày xưa là sĩ quan của chế độ cũ. Việc gia đình chia cắt, tôi sống trên đất Mỹ, thỉnh thoảng lại phải đi – về khi nhớ cũng khởi nguồn từ cuộc chiến tang thương ấy.

Trong thời điểm viết bản thảo này, tôi đi châu Âu, tìm đến trại tập trung Auschwitz-Birkenau và tận mắt chứng kiến phòng hơi ngạt, cùng hệ thống nhà tù khốc liệt của Đức Quốc xã. 1,1 triệu người (chủ yếu là dân Do Thái) đã bị bỏ mạng tại đây trong cuộc diệt

chủng Holocaust. Hơn 70 năm sau, những tấm hình còn sót lại, cùng với da người, tóc phụ nữ, va li, hàng chục ngàn chiếc giày và nhiều hiện vật khác, đã tái hiện lại nỗi bi thương của một trong những dân tộc thông minh nhất thế giới và sự tàn ác của Hitler với đồng bọn sống động đến bàng hoàng. Đến nỗi suốt đêm ấy tôi không ngủ được trong khách sạn vì ám ảnh. Và phải mất hơn một tuần sau khi về lại Mỹ, tôi mới lấy lại thăng bằng.

Amsterdam mỹ lệ, giàu sang nhưng dấu vết và nỗi buồn chiến tranh vẫn mãi hằn sâu. Gần bảy thế kỷ trôi qua nhưng dòng nước mát lành của sông Amstel vẫn chưa thể xóa nhòa và rửa sạch.

Tôi quay lại đi bộ ra khu phố đèn đỏ. Sáng lên, mọi nhộn nhịp xô bồ đêm qua trong ánh đèn hoan lạc nhường lại cho sự tĩnh lặng, trầm mặc vốn có của Amsterdam (dù vẫn còn mùi nước tiểu và bồ đề). Quả thật, tôi có thể ở đây hàng ngày, hàng tuần chỉ để ngắm những chiếc xe đạp đơn sơ không cần khóa lại, dựng bên mấy cây cầu bắc qua kênh, cạnh vài chậu hoa dã yên thảo đủ màu đang khoe sắc. Amsterdam một sáng mùa hè nắng đẹp. Trời trong veo, khóm hoa hai bên bờ khoe sắc đỏ vàng rực rỡ, hàng cây mướt xanh không biết tuổi tên, mấy chiếc thuyền đưa khách rẽ sóng ngược xuôi, vẫy tay chào nhau dấu chẳng biết chẳng quen, hoàn toàn xa lạ. Hàng ngàn ngôi nhà gạch đỏ, có tuổi đời vài trăm năm, san sát nhau lặng im soi bóng nước trong lành, không rác rến, chẳng mùi hôi hám.

Tôi xuống bến, mua vé tàu đi dạo hệ thống kênh rạch dài nhất thế giới trong vòng 90 phút, kèm một phần nước uống có giá 20 euro, để chiêm ngưỡng Venice phương Bắc vì đã một lần hệt đến Venice phương Nam ở nước Ý thân yêu. Tàu khá nhỏ, có mui, hai bên không có mái che, rẽ nước chậm chậm đi về phía trước, lướt trên con kênh được đào từ tận thế kỷ 14 xa xăm. Tàu đưa khách qua ba kênh đồng tâm hình cánh cung, được xây dựng vào thế kỷ 17, gồm Prinsengracht (Hoàng tử) và Keizersgracht (Hoàng đế) và Herengracht (Quý ông). Đây là ba con kênh quan trọng nhất của Amsterdam vì các thương gia giàu có, thị trường hay người có ảnh hưởng lớn đến xã hội thường sống ven hai bờ. Ba con kênh này đã mở rộng diện tích thành phố lên gấp ba lần, dân số tăng từ 50 ngàn

lên tới 200 ngàn người và nâng tầm Amsterdam lên hàng giàu có của châu Âu, đưa hàng hóa đến tận từng góc ngách của thành phố, mang lại công ăn việc làm cho hàng ngàn người và lợi nhuận khổng lồ cho các ông chủ.

Hướng dẫn viên chỉ chúng tôi căn nhà nơi Anne Frank trú ngụ. Thỉnh thoảng, cô bé vẫn lén lén ra bên ngoài ngắm hoàng hôn. Phía xa là tháp canh của lâu đài cổ. Có người thiếu phụ tiễn chồng ra trận rồi hẹn ngày về. Nhưng năm dài tháng rộng, chiến tranh kết thúc mà người xưa cứ tăm cá bóng chim. Bữa nào cô ấy cũng bồng con leo lên vọng gác đứng chờ. Chờ mãi, chờ hoài, đến mỗi mòn mà người chồng năm xưa vẫn không một lần trở lại. Một ngày, người ta tìm thấy nàng gục chết bên xác đứa con thơ. Nghe câu chuyện xong tự nhiên thấy giống hòn vọng phu bên mình. Cũng nỗi đợi chờ biệt lập năm này qua tháng nọ. Có điều người thiếu phụ phương Tây chẳng như hòn vọng phu phương Đông ngàn năm hóa đá thăm sâu. Đói quá. Hồng biết ăn gì cho ngon bây giờ. Tôi vác ba lô lòng vòng xem thử món gì hấp khẩu vị để bỏ bụng. Đứng giữa thành phố giàu sang gần chín triệu người mà bảo hồng tìm được món gì để ăn thì thiệt tệ. Bỗng tôi ngửi được một mùi vô cùng quen thuộc, mà nhất thời chưa định hình được. Liếc sang bên đường, thấy một xe mì xào để bảng “Wok to Walk”. Thiệt tình tôi muốn rơi nước mắt khi thấy hai chữ Sài Gòn thân yêu trên bảng hiệu. Nước mắt! Đúng là nước mắt của người Việt rồi. Làm sao không nhận ra ngay từ phút đầu cơ chứ.

*

Tự nhiên tôi nhớ má quá trời. Hồi mới mở cửa còn khó khăn, thay vì tốn tiền mua mắm lóng bống pha toàn nước muối, má tôi kiêm luôn việc làm mắm cho gia đình. Lựa lúc trúng mùa, cá cơm biển về chợ rẻ rẻ, má mua cả cần xé, rửa sạch, đem bỏ vô thùng gỗ, bên trong trám kỹ. Cứ một lớp cá dày là một lớp muối hột. Cứ thế mà làm cho tới đầy tận nóc thùng. Sau đó lèn chặt, cột kỹ, để trong bếp ủ mấy tháng trời. Thịt cá tiêu ra, hòa với muối thành thứ nước mắm cốt sền sệt. Má khoét lỗ, gắn ống nhựa bọc vải dù, để từng giọt mắm nhĩ vàng ươm, sóng sánh nhỏ xuống cái tìn bằng sành chầm chậm.

Gian bếp nhà tôi lúc này đặc quánh mùi hôi hôi, hăng hăng, tanh tanh, nhưng thơm lừng khó tả. Ai vô nhà, thích thì khen lầy khen để, bảo chị Năm làm mắm ngon ghê. Người không thích thì bịt mũi chửi hôi, bỏ chạy có cờ. Má nấu nước sôi để nguội, pha với mắm cốt, thành chai mắm loại một, loại hai, loại ba cất trong gác-măng-giê. Loại một thì để dành ớt ăn không. Loại hai giã mắm ớt tỏi, bỏ thêm chanh đường. Loại ba thì để kho cá, nêm canh. Mắm nhà tự làm, thơm ngon phải biết.

Tôi lại gần xe mì xào tại chỗ theo khẩu vị châu Á. Trước hết, phải chọn mì (gồm mì trứng, mì gói hay udon), rồi rau hay thịt (nấm, heo, bò, tôm, mực...), và cuối cùng là nước sốt. Tôi chọn một lèo mì gói và đủ thứ các loại thịt, rồi dừng lại ở “nước sốt Sài Gòn”. Giá gốc thì hồng có bao nhiêu. Nhưng sau khi cộng dồn đủ thứ món, đĩa mì xào lên 15 euro. Kệ. Miễn ngon là được rồi. Chỉ ba phút sau, anh đầu bếp trẻ măng đưa đĩa mì nóng hổi cho tôi. Bữa đó nếu không phải đang đứng giữa đám đông, chắc tôi đã khóc hu hu vì đĩa mì có lẫn vị mặn mòi của nước mắm.

Tôi quay lại quảng trường Dam, nằm gần ngay khách sạn. Sáng nay đã đi ngang qua rồi nhưng không ghé vô mà để dành đó cho buổi chiều chạng vạng. Quảng trường Dam được xây cùng thời điểm với con đập quanh dòng Amstel, ngăn biển Zuiderzee làm ngập úng làng chài bé nhỏ. Gần tám thế kỷ qua, quảng trường là nơi tụ tập của người dân và du khách thưởng lãm hội chợ, biểu diễn kịch, hay là nơi kiếm sống của các nghệ sĩ đường phố. Chỉ cần tới quảng trường Dam là bạn đã đến với những kiệt tác tiêu biểu nhất của đất nước Hà Lan. Từ Koninklijk Paleis (Cung điện Hoàng gia), nơi anh trai Louis của Napoleon cai trị trong thời gian Pháp chiếm đóng, tượng đài Quốc gia có màu trắng để tưởng nhớ các anh hùng của đất nước trong đệ nhị thế chiến, hay nhà thờ Nieuwe Kerk theo kiến trúc Gothic, với các cửa sổ lớn bằng kính màu tuyệt đẹp.

Nhưng tôi đến Dam không phải vì các di tích này mà do một nguyên nhân khác.

16 tuổi, trong căn nhà trọ của cô Mai giữa Sài Gòn, tôi bồi hồi với mối tình chị em trong Hoa cúc vàng, bộ phim Hàn Quốc đầu tiên vào

Việt Nam, kéo theo phong trào “oppo oppa” 20 năm sau vẫn chưa hết sốt. 18 tuổi, giữa buổi chiều muộn sân ga, tim tôi thoáng xao lòng khi hái tặng cô bạn học đóa cúc đại vàng rực thắm. 31 tuổi, giữa đêm tuyết rơi lạnh giá, một mình trong căn phòng xứ Mỹ, tôi khóc muốn hết nước mắt khi xem mỗi tình đơn phương của gã sát thủ chuyên nghiệp mang nụ cười thiên thần Park Yi với cô họa sĩ đường phố Hye Yong kiếm tiền bằng cọ giữa Amsterdam trong phim Daisy (Hoa cúc đại).

Park Yi thuê căn hộ gần quảng trường để từ ô cửa nhà mình, gã có thể ngắm cô họa sĩ miệt mài phóng cọ trên giá vẽ, họa chân dung khách du lịch khắp nơi hay uống một ly cà phê khi chiều đổ. Biết cô yêu cúc đại, gã sát thủ suốt ngày ám mùi thuốc súng, luôn nhận lệnh giết người bằng chậu tulip đen để trước nhà, tập thành trồng hoa cúc trắng mỏng manh và gửi một chậu đến nhà cô mỗi ngày, vào lúc bốn giờ 15 phút. Park Yi muốn hoàn lương, mơ ngày quên đi mùi thuốc đạn ám trên đầu súng và cầm tay cô gái gã yêu thương trong thoang thoảng mùi cúc nồng nàn.

Chưa kịp nói tiếng ân tình, thì người đàn ông lạ mặt đã thế vị trí của gã và lấp đầy khoảng trống tâm hồn cô họa sĩ trẻ. Hye Yong tưởng Jung Woo, một cảnh sát Hàn Quốc, làm cho Interpol, là người đàn ông bí mật hằng ngày gửi hoa cúc đến nhà mình và đem lòng yêu anh say đắm. Trái tim Park Yi vỡ nát. Gã một mình làm lũi trong cơn đau tình, lại chìm vào trong bóng tối đậm đặc chung quanh. Đóa tulip đen vẫn được đặt trước cửa nhà. Mùi thuốc súng vẫn ám ảnh anh khi nụ cười hiền lành của Hye Yong đã vĩnh viễn thuộc về người khác.

Lũ bò câu vô tư vỗ cánh bay qua ánh hoàng hôn như chúc mừng tôi cuối cùng đã đến với Amsterdam như hẹn ước, dấu chẳng tìm được cho mình một bông cúc trắng giữa quảng trường.

Có cảm tưởng quảng trường Dam chính là Amsterdam trên đất nước Hà Lan xinh đẹp và cô họa sĩ ngày ngày ngồi vẽ cho khách lãng du. Đường phố Hà Lan với các ngôi nhà gạch đỏ, nổi bật trên nền trời xám, ảm đạm của bối cảnh phim khác với chiều nay nắng đẹp. Cánh đồng hoa cúc đại trắng muốt không thấy chân trời và mùi

thơm nồng nàn như rải đều trên từng góc phố nằm đâu đó ngoại ô Amsterdam xanh cỏ. Mỗi tình cảm lặng của Park Yi đều đẹp, nhưng đóng lại bằng một cái kết đớn đau và tàn nhẫn. Gã có thể chết để bảo vệ tình yêu mong manh nhưng có thứ anh ta chẳng bao giờ làm được là nói với Hye Yong một lời ngán ngủi rằng “anh yêu em suốt cả đời này”.

Thời gian không đợi chờ một ai cả. Nếu yêu, hãy dũng cảm bước qua lằn ranh mỏng dính, để sống thật với chính trái tim mình. Dù chỉ một lần nhưng hãy cứ ngổ lời, để thiên thu khỏi dần vật tự trách sao ngày ấy cứ hoài cảm nín.

Barcelona cháy bỏng khát vọng tự do

Chuyến bay của hãng hàng không giá rẻ Vueling từ Schiphol Amsterdam đưa tôi đến El Prat ở Barcelona lúc đã gần chín giờ đêm. Họ tuyển người thế nào mà tiếp viên gái trai nhìn y siêu mẫu. Ai nấy cũng cao nhông, ốm nhom, mặt góc cạnh, nước da ngăm đen mùi biển Địa Trung Hải, trong trang phục hai màu đen trắng thắt khăn vàng. Ngồi ngắm họ không cũng đáng tiền rồi. Chợt nhớ mấy ông bà tiếp viên già, mập ú của United, America, Delta, hay các cô nàng to như hộ pháp của KLM Hà Lan mà phát rầu. Chẳng biết họ lấy đâu ra tiền để thuê toàn người đẹp.

Màu cờ, sắc áo của câu lạc bộ Barcelona, lẫn hình ảnh Messi có mặt khắp nơi ở sân bay. Cứ như đây là nhà của đội bóng không bằng. Mà sao không tự hào cho được, khi chính Messi và Barcelona làm rạng danh tên tuổi của cả đất nước Tây Ban Nha. Tôi cá, phần lớn khách tới đây khám phá văn hóa, con người, ẩm thực xứ này thì ít, mà mơ ước được một lần ngồi giữa Nou Camp, xem đôi chân ma thuật của Messi làm xiếc với trái bóng hay xỏ kim khâu người qua các hậu vệ đối phương thì nhiều vô kể.

Tôi ra trước cổng đón buýt về trung tâm thành phố. Và kể từ giờ phút này mới thấy việc không chịu nghe lời nhân viên học tiếng Spanish là một sai lầm kinh khủng. Công ty tôi có tới 60% nhân viên gốc Nam Mỹ (hợp pháp lẫn lậu). Phần lớn họ đều ở Mỹ khá lâu nhưng tiếng Anh tệ vô cùng. Gặp mặt là xỏ tiếng Sì ra nghe như chim hót. Chúng tôi phải ra luật, dân văn phòng không được nói ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh, nhằm tôn trọng đồng nghiệp và tạo sự dễ dàng trong giao tiếp. Nhưng nói vậy thôi, vắng mặt các sếp là các bạn vô tư xí xa xí xồ. Cô nhân viên ruột Maria nhiều lần ngỏ ý dạy tôi tiếng Spanish vì có cùng bảng chữ cái Latinh với Việt Nam. Dễ học lắm, vài tháng là thuần thục. Nhưng tôi viện đủ lý do

chối từ, nên tới giờ ngoài đếm 1, 2, 3, 4, 5... uno, dos, tres, cuatro, cinco... và ola (xin chào), bien (khỏe) ra thì đành trơ mắt ngó.

Tôi đưa địa chỉ khách sạn, rồi múa may quay cuồng ra dấu bảo ngừng gần đây giùm. Anh tài xế có vẻ mệt mỏi vì cả ngày lái xe nên gạt đầu rồi mặt lạnh như tiền tiếp tục ôm vô lăng, không thèm đoái hoài tới người khác. Khẩn Phật cầu Trời cho anh ta đừng đứng trạm chừ đêm hôm khuya khoắt lạc đường nữa thì nguy. Nhìn chung quanh ai cũng lim dim làm mình cũng muốn gạt theo. Người ta nói buồn ngủ có tính chất lây lan mà. Tôi lấy ngón tay chống hai mắt lên. Ráng xiu nữa đi, về tới khách sạn ngủ cho đã.

Vậy mà tôi không gắng gượng nổi nên gục lúc nào không hay. Đang mơ màng tự nhiên xe thắng cái két. Anh tài xế quay ra sau kêu to, “Amigo, Amigo. Get off right here”¹⁹. Chưa kịp định thần, tôi đã bật dậy kéo va li và ba lô đi xuống. Tới lúc tỉnh hồn thì xe chạy mất tiêu. Nhìn trái phải trước sau chỉ biết mình đang đứng trên xa lộ, gần quảng trường to, không biết phải đi về hướng nào. Ngó điện thoại (không có một chút sóng wifi) thấy đã gần mười một giờ đêm. Cũng may đường cái sáng trưng, đèn điện khắp nơi, chừ đang ở trong một xó xỉnh nào chắc sợ phát khiếp. Tôi băng qua đường, ghé vô cửa hàng tiện lợi còn mở cửa, đưa địa chỉ hỏi nhân viên nhờ giúp. Cậu thanh niên trẻ măng, bằng mớ tiếng Anh bập bẹ kêu tôi đi xuống đại lộ trước mặt thêm vài trăm mét, khách sạn sẽ ở bên tay trái, trong hẻm nhỏ. Tôi “gracias, gracias”²⁰ rồi rít rồi kéo va li tiếp tục đi.

¹⁹ Anh kia, anh kia (tiếng Tây Ban Nha). Xuống ở đây!

²⁰ Cảm ơn, cảm ơn.

Tôi đoán mình đang đi giữa đại lộ Rambla, biểu tượng của Barcelona, rợp bóng cây xanh. Hai bên hông là đường xe buýt, ô tô, xe máy, còn ở giữa rộng thênh thang dành cho khách bộ hành. Nhưng giữa đêm, quán cà phê trên phố đi bộ đóng cửa hết rồi. Hàng quán hai bên hông chìm sâu vào giấc ngủ. Đứng nép mình trong mấy quầy bán cà phê là những cô gái ăn mặc hở hang, váy

ngắn tới bắp vế chân, áo trễ xuống tận bụng, khoe tất cả đường cong cơ thể ra ngoài. Thấy khách nào xuất hiện thì máy cổ đi ra, vẫy vẫy, mời chào. Nếu như phần lớn ở khu đèn đỏ Amsterdam là các cô Đông Âu, thì ở đây toàn gái châu Phi phồn thực. Chợt nghĩ, cái áo ngắn ngắn kia sẽ rớt xuống bất kỳ lúc nào và bầu ngực khổng lồ của các cô sẽ lộ ra tất tặn tặn. Hay chỉ cần nhón chân lên cao là bờ mông căng mọng sẽ lọt hết ra quần làm xiêu lòng bao kẻ phàm phu.

Tôi nép về phía trái, tránh mấy quầy ra để khỏi bị các cô mời chào. Mới có một đoạn ngắn thôi mà có cỡ 20 người. Đi nhiều chắc còn nữa. May quá, tên đường vào khách sạn nằm kia rồi. Tôi đi vô hẻm, tường đá bị vẽ bậy tứ tung. Cái bảng ghi tên khách sạn nhỏ xíu gắn trên cao. Cửa sắt đóng im lìm. Tôi bấm chuông tới bận thứ ba mới có người ra mở cổng. Lễ tân lớn tuổi, mặt buồn ngủ thấy thương nhưng không thấy phiền vì tôi tới muộn. Anh trao chìa khóa, xé đưa tấm bản đồ rồi chúc ngủ ngon và nói cần gì mai cứ hỏi. Phòng khu phố cổ nên cũng có chút xíu vừa đủ để cái giường. Chắc rộng hơn bên Amsterdam chừng 1m² nhưng có nguyên cái cửa sổ rộng chà bá. Tôi quăng đồ một bên, đóng cửa cẩn thận, móc “đồ nghề trị ma” ra để khắp nơi. Hình như đêm ấy tôi chưa kịp mở Chú Đại Bi thì đã ngủ vùi sấp mặt.

Buổi sáng, con phố đi bộ La Rambla lát đá hoa cương nằm giữa trung tâm rộn tiếng người nói lẫn chim ca. Phía bên kia khu Raval trộn lẫn nhiều nền văn hóa tưng bừng khoe sắc. Khác với vẻ “đáng sợ” vào ban đêm, phố xá nơi đây chuyển mình khi ngập tràn ánh nắng. Hàng cây sao cổ thụ thân trắng hai bên rợp bóng mát xanh. Mấy tiệm hoa tươi lẫn đồ lưu niệm bán nam châm (magnet), thiệp sinh nhật, cờ và búp bê Messi đã ra niềm nở mời chào. Quán cà phê bắt đầu mở cửa. Mỗi quán một phần đường, phân biệt nhau bằng bàn ghế đủ sắc màu. Đi một quãng lại thấy nghệ sĩ hóa trang thành các anh hùng, đứng im như tượng để du khách tò mò nhìn, chụp hình cho tiền tip. Một anh bán báo da màu hỏi tôi mua không? Rẻ lắm. Hàng hiệu không đầy. Hiệu con mắt anh ta. Giờ mới để ý, đội quân bán dạo đồ chơi, túi xách, khăn choàng toàn đen không. Tây Ban Nha là cửa ngõ rộng mở cho dân tị nạn từ châu Phi, nên

các cô gái đêm qua và mấy người đàn ông bán dạo sáng nay, phần lớn xuất thân từ châu lục ấy.

Tôi vào quán cà phê, kêu ly cappuccino và bánh sừng bò kèm mứt dâu nhâm nhi ngắm cuộc đời. Còn sớm mà anh họa sĩ bên cạnh đã được hai khách rồi. Dưới bàn tay điêu luyện của mình, chân dung cô gái hiện rõ tươi vui qua cây bút chì đơn giản. Bên cạnh, chàng nhạc sĩ ôm guitar thùng khảy điệu nhạc sôi động, quên hết đất trời. Nhìn anh, tôi bỗng nhớ đến nhà thơ Federico Garcia Lorca lưng lầy: “Guitar bắt đầu khóc/ Ai bắt được nó ngừng/ Ai bắt được nó lặng im/ Tiếng khóc cô đơn/ Như nước khóc trên sông/ Như gió gào trên tuyết...”²¹.

²¹ Bài thơ Đàn guitar của nhà thơ Lorca, Nguyễn Việt Thắng dịch.

Tôi thông thả về hướng chợ Mercado de La Boqueria với tấm bảng to và quá trời khách. Chợ nằm trong nhà lồng, bán đủ thứ hải sản tươi tới trái cây, nước ép, đặc biệt là gia vị, thỏa mãn người khó tính nhất bởi cảm xúc về vị giác lẫn xúc giác do sắc màu mang lại. Họ tận dụng hầu như gần hết không gian chật hẹp bên trong nên các gian hàng nằm san sát nhau, chỉ chừa lối nhỏ cho người mua sắm. Nghe đâu chủ hàng từng yêu cầu hội đồng thành phố hạn chế số lượng khách mỗi ngày để họ có điều kiện phục vụ chu đáo hơn chứ đông quá làm không xuể. Như hàng triệu du khách khác, ước gì tôi có cái bụng thiệt to, để có thể ăn hết mớ trái cây tươi ngon đang bày bán. Các bà chủ sẵn sàng mời bạn thử một chút nước ép dưa hấu, thơm, tươi cười chào nếu bạn không mua, hay rít cảm ơn khi bạn đưa mấy euro ra đổi lại mớ trái cây tươi ngọt đó. Hàng hải sản tươi sống đông khách kinh hồn. Tôm, cua, cá, mực món gì cũng có. Thích cứ chỉ, người ta chế biến để thưởng thức tại chỗ. Khách Tây thì ít chịu ăn, chứ Trung Quốc và Nhật thì chỉ liền tay và móc tiền ra liên tục. Tôi mua nửa ký chà là và hai kí fig (quả sung) phơi khô, đặc sản của Trung Đông và Địa Trung Hải. Nói ra thì nhiều, chứ từ đây tới lúc lên máy bay, đảm bảo không còn một hột.

Giờ tôi mới nhận ra, khách sạn mình nằm ngay Gothic Quarter, nên bước ra là ngửi được ngay mùi Trung cổ phảng phất quanh mình.

Chung quanh, mặt trời chẳng thể chạm được con hẻm dài, sâu hun hút do các tòa nhà (hay lầu đài) án ngữ. Từ con hẻm nhỏ hơi tối nối liền với La Rambla, Plaça Reial (Quảng trường Hoàng gia) ngập nắng hiện ra trước mặt. Giống lữ khách đi trên Sahara toàn cát nóng, bỗng lạc vô ốc đảo thanh bình với nguồn nước dồi dào và cây cọ vút cao, vươn thẳng lên đón ánh mặt trời. Nhà hàng trong này chật cứng. Thiên hạ ngồi ăn sáng, hưởng thụ cảm giác thanh bình, để tia nắng giàu vitamin D nhảy múa trên làn da giữa không gian lịch lãm.

Trước khi đến đây, tôi không dự định sẽ tới đâu (ngoài Nou Camp và bảo tàng của Picasso). Mục đích chính là đặt chân lên đất nước, bối cảnh tiểu thuyết Chuông nguyện hồn ai của nhà văn Ernest Hemingway và ngó nghiêng tìm hình ảnh của Robert Jordan cùng nàng Maria xinh đẹp. Cứ bước chân đi, tới chỗ nào thường lăm chỗ ấy. La Rambla như xương sống chạy dọc Barcelona. Bạn có thể đi đến bất kỳ nơi đâu trong thành phố này. Lỡ lạc, chỉ cần men con hẻm nhỏ to, tìm về với nàng Rambla thủy chung muôn kiếp.

Tôi nhìn vào bản đồ lễ tân tặng, mới hay đêm qua xe buýt dừng lại Plaça Espanya (Quảng trường Tây Ban Nha) hoành tráng nằm phía rìa thành phố. Còn trước mặt là linh hồn của xứ sở Catalonia, quảng trường Plaça de Sant Jaume, nơi đặt tòa thị chính, hội đồng vùng tự trị Catalonia với cờ Barcelona và cờ vàng bốn sọc đỏ Senyera tung bay trên nóc. Senyera là một trong những lá cờ lâu đời nhất của châu Âu (có từ thế kỷ 11), là niềm tự hào của gần 7,5 triệu người Catalonia anh dũng. Đây là mảnh đất hình tam giác gồm bốn tỉnh Barcelona, Girona, Lleida và Tarragona, nằm ở phía Đông Bắc Tây Ban Nha, ven bờ Địa Trung Hải. Theo dòng lịch sử, Catalonia là vùng đất chịu nhiều tang thương bởi sự thống trị của người La Mã, Visigoth, Hồi giáo và cả trận dịch tả kinh hoàng vào giữa thế kỷ 17, giết chết một nửa dân số. Vào thế kỷ 20, Barcelona là thủ phủ của phe Cộng hòa chống lại chế độ phát xít của tên độc tài Franco. Năm 1939, Franco kéo quân vào chiếm thành phố, giết chết gần 35 ngàn người chống đối. Để rồi từ đó đến nay, xứ Catalonia chưa một ngày thoát khỏi khát vọng tách khỏi Tây Ban Nha để thành lập nhà nước của riêng mình.

Bảo tàng danh họa Picasso nằm gần đó nên không cần đi tàu điện. Cũng may là sáng sớm, nên tôi không phải rờng rấn xếp hàng mua vé vào xem. Chỉ mất mười lăm phút đợi chờ, đủ để nghe hai bản hòa tấu của chàng nhạc sĩ trẻ măng, đẹp như thiên thần ngồi bên đường vừa đàn vừa hát. Anh ta mà qua Việt Nam, chắc chắn sẽ có khối cô (lẫn chàng) chết lên chết xuống, sẵn sàng bỏ tiền ra mà nuôi cho to béo, chứ không phải ngồi chơi nhạc kiếm sống qua ngày.

Pablo Picasso sinh ra ở miền Nam Tây Ban Nha nhưng chuyển đến Barcelona sống khi còn rất trẻ. Ông đã dành năm tháng thanh xuân tươi đẹp của mình ở đây cho tới khi trút hơi thở cuối cùng vào năm 1973. Chính Picasso đã chọn Barcelona làm nơi đặt bảo tàng trưng bày hơn 3,5 ngàn bảo vật. Bảo tàng nằm trong tòa lâu đài phong cách Gothic cổ cùng vài tòa nhà xung quanh được xây dựng sau này. Ngay cửa ra vào, là các bức ảnh, phác họa bằng chì từ thời ấu thơ của ông tại miền Nam nắng ấm. Có lẽ đây là khu tôi “cảm” được nhiều nhất bởi các nét vẽ khá ngây ngô nhưng hình thù rõ ràng, dễ dàng cho một người không có kiến thức hội họa nắm bắt. Càng vô sâu, lên cao, não tôi phải căng hết sức để mừng tượng những hiện vật tiêu biểu cho năm tháng ông trú ngụ ở Paris, “Thời kỳ xanh” và giai đoạn Las Meninas. Nhiều bức tranh trừu tượng triệu đô của ông hầu như không được để ở đây. Nó đã nằm trong bảo tàng tư nhân của các triệu, tỷ phú bỏ tiền ra mua về làm giàu cho bộ sưu tập. Những gì được trưng bày trong giai đoạn Las Meninas lấy lừng hầu như được chép lại bởi họa sĩ Diego Velázquez. Cho nên có chút xíu thất vọng khi không thấy được các bản gốc nổi danh của *Femme assise dans un jardin* (Người phụ nữ ngồi trong vườn), *Nu au Plateau de Sculpteur* (Khỏa thân, lá xanh và bầu ngực), *Garçon à la Pipe* (Chàng trai với chiếc tẩu), *Le Rêve* (Giấc mơ), *Les Femmes d'Alger* (Những người phụ nữ Alger) và đặc biệt là *Dora Maar au Chat* (Dora Maar và mèo) mà hồi nhỏ, mỗi lần nhìn vô, tôi hay cười vì hông biết ổng vẽ gì, mắt mũi tay chân, đầu mình chân cẳng lẫn lộn hết vào nhau, mà thiên hạ khen nức khen nở, tranh nhau trả vài chục tới cả trăm triệu đô để sở hữu. Tôi đưa máy ảnh lên chụp. Ngay lập tức, một anh bảo vệ mặt lạnh như tiền tiến tới, lắc lắc đầu yêu cầu tôi không được làm vậy. Tôi líu ríu xin lỗi. Thấy

quê dễ sợ. Hồi nãy đi vô quên đọc bảng nội quy chần dần bằng mấy thứ tiếng dưới kia.

Tôi ghé lại một nhà hàng gần đó kêu món đặc sản Tapas. Mang tiếng là món khai vị ăn chơi, mà nhìn cái đĩa bự có cá mòi, cá thu trộn với dầu ô liu, sốt cà, phô mai với bánh mì, rồi thêm thịt viên, lòng heo, xúc xích với quả trời ớt bột và tỏi là tôi thấy mình tăng tới năm ký. Anh phục vụ thấy tôi giật mình trước mớ đồ ăn khổng lồ thì nhõn miệng, khoe hàm răng trắng ngần, bảo nếu dùng với một chút vang đỏ thì sẽ thấm hơn. Tôi gật đầu theo đề nghị. Năm phút sau, anh ta mang rượu ra rồi đứng kề bên thì thầm kể với tôi về truyền thuyết của Tapas. Nó được ra đời vào thời vua Alfonso X ở thế kỷ 13. Mới phục hồi sau bạo bệnh, đức vua bảo nhà bếp phục vụ rượu cùng với vài món ăn nhỏ giữa bữa trưa. Các đầu bếp trứ danh đã làm nhiều món nhỏ mang lên. Thấy ngon miệng và khỏe mạnh hơn, vua ra lệnh cho thần dân không được uống rượu giữa bữa ăn trừ phi có Tapas. Và từ đó về sau, món này trở thành một phần tất yếu trong cuộc sống dân Tây Ban Nha. Mỗi đầu bếp, mỗi vùng miền có cách chế biến khác nhau, chủ yếu là để làm phong phú bữa ăn nhẹ ấy.

Tôi xuống tàu điện ngầm, mua vé ngày cho tiện. Trạm đầu tiên mang tên nơi cần đến, Sagrada Familia. Ló mặt lên đã thấy cả ngàn người lố nhố, rộn ràng, y chang lúc bước ra khỏi subway ở New York. Và chưa hết bất ngờ với cảnh quen thuộc, lại gặp tiếp bất ngờ khác vì trước mặt là một kiến trúc vô cùng quái dị của kiến trúc sư Antoni Gaudí. Nếu không biết trước đó là nhà thờ, tôi sẽ nghĩ nó giống như một tổ... ong to đùng, hay là một khu tập thể những ngôi nhà cho người lùn chồng lên nhau vô tận. Hàng trăm người ngồi trên ghế đá, trên vỉa hè, nằm bệt xuống đất. Tất cả đều có điểm chung là ngửa mặt lên trời, ngắm cho hết và cố thu vào ống kính, vẻ đẹp rất lạ của vương cung thánh đường Sagrada Familia.

Tương truyền nhà thờ do người bán sách Josep Bocabella, sau khi đi viếng Vatican về đã có ý định xây với tiền ông quyên góp được. Sagrada Familia được khởi công vào ngày lễ Thánh Joseph (Giuse) do kiến trúc sư Francisco de Paula del Villar làm chủ công trình theo

lối Gothic Phục Hưng. Đến 1883, ông về hưu và thiên tài Antoni Gaudí tiếp tục theo đuổi công trình nhưng thay đổi toàn bộ kiến trúc. Ông lấy cảm hứng từ vẻ đẹp thiên nhiên, kết hợp với kiến trúc Gothic và ý niệm về tôn giáo để mang lại sự cảm nhận sâu sắc và cao độ về đức tin cho con chiên của Chúa. Đến năm 1926, Gaudí mất vì tai nạn giao thông khi chỉ một phần ba của nhà thờ được hoàn thành. Ông từng bảo “Công trình này không có chỗ cho sự vội vàng”, và sự chậm rãi đó vận cả vào Sagrada Familia. Nhà thờ được giao cho kiến trúc sư khác thi công. Rồi nội chiến Tây Ban Nha năm 1936, sự chiếm đóng của chế độ độc tài Franco, bản vẽ bị cháy mất trong chiến tranh... Gần một thế kỷ sau ngày mất của Gaudí, vương cung thánh đường vẫn còn dang dở.

Tôi tiếp tục lên tàu, tới trạm Passeig de Gràcia, đi bộ trên con phố cùng tên để đến căn nhà một thời là tư gia của Gaudí. Casa Batlló được gọi là tòa nhà của những chiếc xương. Người ta gọi thế không phải do nó được làm từ xương, mà với bộ óc quái dị của mình, Gaudí đã thiết kế mái nhà như xương sống khổng lồ của con rồng bị thánh George giết chết. Các cây cột chống đỡ, ban công, kèo cột không theo đường thẳng mà cong vồng, uốn lượn như xương ống quỳn ghép lại. Bên ngoài tòa nhà được dán bằng hàng triệu miếng gốm xanh đỏ đủ màu, trong ánh mặt trời hay đèn đêm huyền ảo, rực rỡ lên sắc màu lạ lẫm. Nhìn từ xa, như lớp sóng triều lang bạt, lúc thì âm ỉ, lúc lại lăn tăn vỗ nhẹ vào bờ.

Cách đó không xa, cũng ngay trên phố Passeig de Gràcia, là Casa Milà với mặt tiền đá vôi, nhìn như hệ thống hang động màu trắng của người nguyên thủy tìm về trú ngụ. Tòa nhà mười tầng, nằm chênh lnh ngay đại lộ, khác lạ với các căn nhà mang dáng dấp lâu đài bên cạnh. Tôi cùng cả đoàn du khách cứ chóc miệng ngó lên rồi cười tủm tỉm, vì không biết mình đang nhìn kiến trúc gì. Lúc đầu thì lạ, nhìn một hồi lại thấy vui, bởi xi măng, sắt thép không mang lại cảm giác bức bối, chán chường như các tòa cao tầng khác. Những hang động như chập chờn, nhấp nhô ẩn hiện trong mây trời, gió nước. Ban công đầy cỏ hoa lạ lẫm uốn lượn trên nền trời xanh thẫm giữa trưa hè. Di sản của Antoni Gaudí để lại cho Barcelona, cho đất nước Tây Ban Nha và nhân loại thật là vĩ đại. Trăm năm có lẽ đã trôi

qua, nhưng với bộ óc đi trước thời đại của mình, Gaudí đã khiến hậu thế mai sau phải trầm trồ khi chiêm ngưỡng.

Tôi mở bản đồ thần thánh. Ngó nghiêng một hồi, nghĩ mình đã đi gần đủ nơi phải đi trong thành phố rồi. Giờ đến lúc ra ngoại ô, tới Nou Camp để được đi trên lối mòn mà Messi đã đặt chân mỗi khi ra sân làm điên cuồng hàng triệu fan hâm mộ. Thật sự thì tôi không mê Barcelona như đã từng si cuồng AC Milan thời kỳ đỉnh cao chói lọi. Cũng chưa đến nỗi khóc òa khi Argentina của Messi phải về sớm ở các kỳ World Cup như lúc Maradona dẫn dắt những đứa con của dòng sông Bạc lên đến đỉnh cao danh vọng rồi chìm sâu dưới đáy doping. Nhưng với Messi, tôi luôn có một cảm tình đặc biệt vì dáng người nhỏ bé nhảy múa giữa các gã hậu vệ khổng lồ to khỏe, về cái chân trái mỗi khi có bóng như dán keo super dính chặt, gieo rất bao kinh hoàng cho đối thủ, khiến không một ai có thể lấy bóng từ nó và có thể ghi bàn trong mọi tình huống trên sân.

Mùa hè, World Cup đang diễn ra, nên sân Nou Camp có sức chứa gần 100 ngàn người chỉ là chỗ để luyện tập và cho khán giả vào tham quan với cái giá không hề rẻ. Từ trạm tàu điện, chẳng cần hỏi đường sá, tôi và cả trăm người khác cuốc bộ một quãng khá xa để tới sân vận động. Tôi đi một mình hồng nói gì, chứ có người dẫn cả gia đình đủ thế hệ, mặc áo đấu của Barcelona, cười nói thiệt to như sắp sửa vào sân. Trước khi bước vào tham quan, mọi người phải ghé qua khu bảo tàng với giá vé 20 euro và cửa hàng bán đồ lưu niệm. Tôi cũng thuộc loại thích đồ rẻ tiền và cực ghét bảo tàng nên chẳng thèm vô đó làm gì, lượn lờ qua cửa hàng tính mua ít đồ về làm kỷ niệm. Một cái áo đấu của Messi giá 100 euro. Cái áo khoác cũng in tên anh lên tới 150 euro. Hút máu người chắc. Vậy mà mấy đứa bé chút xíu mua quá chùng chùng. Cha mẹ chúng thì hào hứng xếp hàng tính tiền, cứ như hàng chợ vài đô không bằng. Giờ mới tin là các câu lạc bộ bóng đá không tiếc tiền để nhận chữ ký của các danh thủ và trả lương với giá ngất ngưỡng, người sau cao hơn người trước. Nhiều khi thấy con số lên tới vài trăm triệu đô la cứ nghĩ họ khùng. Nhưng chỉ cần bán áo đấu một vài mùa, đảm bảo sẽ thu hồi số tiền khổng lồ ấy. Tôi không còn cái tuổi đi đến đâu mua sắm đồ đến đấy, rồi về nhà quăng một đồng chẳng bao giờ đụng

đến. Cái mà tôi thường mua và hôm ấy đã sở hữu là nam châm (magnet) có hình đội bóng mang về dán tủ lạnh, để lâu lâu nhìn, nhắc lại là mình đã đến sân Nou Camp và thành phố Barcelona rồi nhé.

Tôi cũng không vào trong sân bởi nhìn đoàn người xếp hàng giữa trưa nắng như điên là muốn xỉu rồi. Chỉ kịp chụp cho mình vài tấm hình ngay cổng vô sân, ngay dưới tấm hình Messi, Suarez và vài cầu thủ khác của đội tuyển với dòng chữ Qatar Airways thiết lớn của hãng hàng không Trung Đông tài trợ. Gia đình gặp hồi nãy ở trạm tàu đang hào hứng xếp hàng với mấy cái túi xách nặng lặc lè vừa mua hàng xong, đang xếp hàng tham quan sân cỏ với một vẻ mặt rất hân hoan. Mà toàn dân gốc Tây Ban Nha xếp hàng không, chứ dân châu Á hay sắc dân khác đều đi loanh quanh chụp hình sống ảo rồi thôi chứ hông mua sắm gì nhiều.

Đến đây rồi mới biết, bóng đá ở Barcelona là một thứ tôn giáo, Nou Camp là một đền đài và Messi là một vị thần oai dũng bằng bất cứ giá nào họ cũng phải sở hữu để người Catalonia hiên ngang chống lại thủ đô Madrid, thể hiện tinh thần quật khởi, khát khao độc lập và muốn thoát ra khỏi sự ràng buộc của hoàng gia lên vùng đất đau thương này.

Tôi quay lại Plaça Espanya, leo lên xe buýt, đi thẳng lên đỉnh đồi ven biển Montjuïc, ngay chỗ pháo đài Castell de Montjuïc. Giống như Central Park ở New York, đây được coi là lá phổi xanh của cả thành phố sáu triệu dân, từng được tổ chức Olympic 1992 thành công vang dội. Tôi đi dọc mấy con đường mòn ven biển ngắm cỏ hoa và tảng xanh mát rượi. Mỗi chân, ra ghế đá nhìn xuống Địa Trung Hải điệp trùng sóng vỗ. Trời sắp về chiều nên số người đi dạo, chạy bộ trong mấy công viên đông dần, nhưng tiếng ồn được giữ ở mức thấp nhất. Dân phương Tây được cái bề ngoài khá thân thiện. Hông quen biết gì nhưng thấy người lạ cũng giơ tay chào như thân từ muôn kiếp trước.

Lúc này, cả châu Âu đang lao đao vì chuyện Hy Lạp vỡ nợ, kéo theo các nước Nam Âu lâm vào tình cảnh khó khăn phải nhờ EU giải cứu. Mấy nước ven Địa Trung Hải như Pháp, Italy, Tây Ban Nha, Bồ

Đào Nha, Hy Lạp... vốn được thiên nhiên ưu đãi, nắng ấm quanh năm, không bao tuyết mịn màng như Bắc hay Tây Âu lạnh lẽo. Có lẽ vì thế mà họ đâm ra lười và không màng gì đến mai sau. Có nhiều ăn nhiều, xài hết thì đi vay nợ tiếp. Cho nên phần lớn người Tây Ban Nha tôi gặp hai hôm nay, dường như không có gì là lo sợ hết. Cuộc sống vẫn điềm nhiên diễn ra, mua sắm thả ga, ăn uống thoải mái, chiều lên đây ngồi ngắm biển vô ưu. Cơ lốc thất nghiệp, đói nghèo không ảnh hưởng gì tới họ. Một phần Catalonia là vùng đất giàu có nhất Tây Ban Nha, nơi tập trung nhiều công ty sản xuất và tài chính của châu Âu, nên tỷ lệ thất nghiệp khá thấp. Mặt khác, bản tánh của họ vốn vậy rồi, không thay đổi được. Chính vì lẽ đó mà Catalonia không muốn chung tay nuôi các tỉnh thành lười biếng khác. Nên phong trào đòi độc lập vẫn cứ âm ỉ chảy trong dòng máu người dân, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Tôi xuống đồi, tìm đường ra biển. Cuối cùng trong chuyến đi ngắn ngủi của mình, tôi cũng đã tìm về với niềm yêu thích muôn năm. Tôi mở ba lô, lấy khăn mang theo, trải trên cát vàng, cởi áo, nằm phơi dưới nắng chiều êm ả. Biển Địa Trung Hải chạy qua phố xá Barcelona xanh như ngọc bích. Màu xanh trong lành ấy nổi trên nền cát vàng mịn màng làm tôi vu vơ nhớ Dốc Lết quê mình. Mấy cô cậu thanh niên Tây Ban Nha roi roi, chân dài, ngực nở, hết đánh banh trên cát lại nhảy ùm xuống biển nói cười. Tôi liếc xuống cái bụng bắt đầu hơi to vì cả tuần hồng tập luyện được gì của mình, tự nhiên xấu hổ vô chừng. Thế là quơ áo mặc vô. Nếu ai có hỏi thì bảo là do gió lạnh vậy.

Chiều rồi. Mặt trời như cái mâm to từ từ rớt xuống đại dương xanh. Cả bầu trời ánh lên sắc đỏ hoàng hôn nổi trên nền xanh ngọc bích. Cặp đôi bên cạnh ôm nhau hôn ngẫu nhiên. Hai bạn phía trước quấn vào nhau như chỗ không người. Trước khung cảnh lãng mạn như thế này, không ôm siết nhau thì thiệt là quá uổng. Cho nên, dù rất cô đơn và hơi chạnh lòng, nhưng tôi cũng cảm thông cho họ.

Tôi men theo La Rambla, từ bức tượng của Christopher Columbus, dọc theo con đường đá nhện nhíp để về lại phố cổ. Đói bụng quá, nhưng mình mẩy đầy mồ hôi nên phải tắm một trận đã đời rồi mới đi

ăn. Hình như tiếp tân làm ngày hai tư tiếng. Khuya qua cũng ảnh, sáng nay cũng ảnh, giờ chiều tối về cũng gặp ngay ảnh. Anh ta tươi cười đưa chìa khóa và hỏi tôi có bị... bọn móc túi hỏi thăm không? Tôi cười sảng sặc về sự quan tâm lạ kỳ đó. Cũng dễ hiểu, Barcelona là thành phố du lịch khá yên bình, nhưng do số lượng người nhập cư đến đây quá đông làm cho tình hình an ninh trở nên lộn xộn dù cảnh sát có mặt khắp nơi. Nhất là La Rambla, lợi dụng đám đông như nêm, hớ ra một tí là bóp tiền, giỏ, máy ảnh của du khách bị dân bỉ vỏ thó ngay trong chớp mắt mà chẳng ai làm được gì. Ớn trời, cả ngày nay tôi cũng cẩn thận. Vật quý giá mang theo người là chiếc máy ảnh kè kè trên cổ. Còn tiền bạc thì chỉ mang vừa đủ xài, lại nhét sâu trong túi.

Tôi ra lại La Rambla khi trận bóng giữa Đức và Brazil mới bắt đầu. Chiều nay tôi có viết trên Facebook, Đức sẽ ăn Brazil... tám bàn không gỡ. Bạn bè tôi vô chữi hà rằm. Nói mày điên à! Mọi đâu ra dự đoán đó? Chắc do tôi đã ghét Brazil dữ quá từ World Cup 1994, đánh bại đội tuyển thiên thanh của tôi. Tới giờ đã đúng 20 năm, năm mùa cúp thế giới đã trôi qua, nhưng mỗi hận vẫn còn ghi dấu mãi. Máy quán pub dọc hai bên đường đầy khách đứng coi, hét la sung sướng. Năm nay Tây Ban Nha bị loại sớm, chứ mà vô sâu, hay vô địch như hồi 2010, chắc cả thành phố vỡ tung ra. Bụng đói mà tôi cũng chẳng biết ăn gì. Tapas nữa thì hơi ớn. Vô nhà hàng Tây thì ngồi lâu trịnh trọng quá cũng mệt. Ghé tới quầy tiện lợi bên đường bán bánh chiên xù Croquetas thì sợ mập bởi lớp nhân phô mai béo ngậy bên trong. Nhìn quần nhìn quanh, đúng là trời thương, cái xe mì huyền thoại Wok to Walk tôi ăn bên Amsterdam như có phép lạ hiện ngay trước mặt. Không cần suy nghĩ, tôi nhào vô liền. Và vẫn y như cũ, trong khi chờ người ta xào, mùi “nước xốt Sài Gòn” như có ma thuật làm tay chân tôi run lẩy bẩy, bụng đánh lô tô. Phải kèm lòng dữ lắm chứ không là nhào tới kêu đầu bếp xê ra, để tôi xào cho nhanh. Đói lắm rồi, không chịu nổi nữa.

Tôi cầm hộp mì, đứng ngay bên đường, lua lấy lua để, miệng thì nhai không nghĩ, mắt dán vào ti vi. Chuyện gì đang xảy ra thế này. Mới có đi mua hộp mì thôi, mà tỷ số đã là 1 – 0 rồi. Tiếc quá. Phải chi đứng nhìn về thất vọng của cầu thủ Brazil chắc sướng lắm.

Chưa kịp hoàn hồn, thì trong vòng sáu phút, tôi đã hét thiệt to khi lưới của Brazil rung lên bốn lần nữa. 5 – 0 sau 45 phút thi đấu. Coi như Brazil thần thánh sụp đổ. Trận đấu được định đoạt rồi. Cả đám thanh niên nam nữ từ trong các quán bar túa ra đường nhảy múa hát ca như đang lễ hội. Chắc các fan của Brazil ở hết bên trong, gục đầu đau đớn vì tỷ số kinh hoàng. Trong lịch sử các kỳ World Cup, chưa có đội nào lội ngược dòng khi bị dẫn tới năm bàn trắng bóc.

Tôi bớt hào hứng hơn khi nhìn Brazil bị thua tan nát. Nhưng cũng ráng đứng lại coi cho hết trận, để xem Đức có thắng tám bàn không gỡ như mình đã dự đoán không?

6 – 0.

7 – 0.

Thôi rồi! Về nước, phù thủy Scolari, người từng đưa đội tuyển lên đỉnh vinh quang chắc phải từ chức. Cả đội bóng sẽ bị giải tán ngay lập tức vì thất bại kinh hoàng này. Tôi nghĩ mình cũng ác ghê, người ta thua tan nát mà mình thì hớn hờ mừng. Mà thôi kệ. Tôi vốn vậy rồi, thương ghét rõ ràng, không lờ đờ được. Phút thứ 90, mọi người chuẩn bị tràn ra đường tiếp tục ăn mừng, thì Oscar, cầu thủ số 11 của Brazil đưa bóng vào lưới của thủ thành Meuert. 7 – 1! À ha, trận đấu đúng là có tám bàn như tôi dự đoán. Nhưng đây chẳng phải là bàn thắng danh dự gì ráo trọi vì lần đầu tiên trong lịch sử trăm năm của đội bóng lừng lẫy nhất thế giới, phút chốc bị xe tăng Đức hạ nhục một cách tàn nhẫn.

Những ngõ phố dẫn ra La Rambla đông đặc người. Phố đi bộ đẹp nhất Barcelona không một chỗ chen chân vì ngập tràn người hâm mộ Đức, lẫn những ai ghét đội Brazil như tôi. Họ bất chấp sắc tộc, giới tính cầm tay nhau quay cuồng hát vang quốc ca Đức. Tôi không nhảy như một kẻ điên, nhưng cũng cười toe toét, lo quay phim giữ làm kỷ niệm. Giờ này nếu ở Berlin, Frankfurt hay Aachen, chắc sẽ chứng kiến được niềm vui bất tận, vỡ òa của người Đức mang tiếng lạnh lùng và tàn nhẫn. Niềm hân hoan kéo dài cả tiếng đồng hồ vẫn chưa hạ nhiệt. Đoàn người tiếp tục đi dọc La Rambla trong niềm vui sướng vô biên. Tôi buồn ngủ lắm, nên hồng bon chen đi theo họ

nữa mà về khách sạn nghỉ ngơi để mai dậy sớm đi loanh quanh rồi ra phi trường. Vậy mà phải một lúc sau, tiếng ồn ào mới vơi dần, để tôi chìm sâu vào giấc ngủ trên vùng đất đầy trăn trở ấy.

*

Vì là buổi sáng cuối cùng cho cuộc hành trình nên tôi không muốn làm gì hay đi đâu xa hết. Sau khi sắp xếp áo quần, tôi lại ra La Rambla, chọn quán cà phê nhỏ đầy hoa ngắm người ta. Nghệ sĩ đường phố bắt đầu chuẩn bị hóa trang để đứng im như tượng. Mấy anh da màu châu Phi lại dọc ngang ôm hàng hóa bán cho khách thập phương. Quầy hoa tươi yêu kiều khoe sắc với mớ bong bóng bay. Kiosk sách báo trầm tư quên hết mọi bon chen, nhộn nhịp. Cô gái, chàng trai đẹp xinh lại tận tình phục vụ khách...

Nhóm vũ công gần đó đang chuẩn bị áo quần, nhạc cụ để trình diễn vũ điệu đường phố. Sắp rời Barcelona mà còn được chiêu đãi thì còn gì bằng. Carmen! Tôi và vài khán giả la to khi cô gái mặc váy đỏ, mang giày đỏ, hoa tai cũng đỏ, có khuôn mặt đẹp như hoa thực được bước ra dậm chân kêu thiết to trên nền đá. Vũ điệu Flamenco sôi động của người Tây Ban Nha bắt đầu. Như được truyền lửa trong lòng, ai nấy cũng lắc lư theo điệu nhạc.

Carmen lộng lẫy. Carmen đẹp xinh. Carmen hút hết hồn tất cả mọi người và cả chàng sĩ quan Don José hiền lành, chất phác. Vì cô gái xinh đẹp, lẳng lơ, anh đã bỏ rơi người tình phúc hậu ở quê nhà, chống lại chỉ huy, rời bỏ quân ngũ, tham gia vào nhóm buôn lậu – cuộc sống không được người Digan thừa nhận. Và kìa, chàng Escamillo đẹp trai, lầy lừng, với chiếc khăn đỏ như màu máu từ đâu hiện ra, với con bò hai sừng cong vút. Chàng sừng sững như pho tượng đồng tuyệt mỹ, quất chiếc khăn đỏ thắm trước mặt con bò hung dữ. Carmen hoang dã. Carmen phóng khoáng. Carmen say tình. Carmen bỏ Don José để chạy theo chàng dũng sĩ đấu bò oai dũng ấy. Trong phút chốc, cả hai quán vào nhau cuồn loạn. Tám váy đỏ trên người Carmen như tám khăn đấu vung lên, tung xuống rồi hóa thành tám màn che chiếc giường ân ái giữa tiếng thở gấp gấp cùng tiếng guitar réo rắt, bộ gõ hào hùng và tiếng guốc nện trên nền đất oai phong.

Một góc nhỏ La Rambla lúc này như một sân khấu opera to lớn. Nghệ sĩ đường phố phất cờ hồng hiên ngang như các tên tuổi lừng danh. Giọng soprano của Carmen vút cao như tiếng chim vành khuyên giữa đêm mưa bão.

L'amour est un oiseau rebelle

Que nul ne peut apprivoiser,

Et c'est bien in vain qu'on l'appelle

S'il lui convient de refuser.

Rien n'y fait, menace ou prière.

L'un parle bien, l'autre se tait.

Et c'est l'autre que je préfère.

Il n'a rien dit mais il me plait.²²

²² Aria Habanera (trích từ Opera Carmen của G. Bizet): Tình yêu là một chú chim nổi loạn không ai có thể thuần hóa được/ Nếu nó đã thích từ chối rồi thì có mời gọi cũng vô ích thôi/ Dù dọa dẫm hay khẩn cầu gì cũng vậy/ Kể thì nói nhiều, người thì im lặng nhưng tôi thích anh chàng lặng thinh ấy/ Anh ta chẳng nói gì nhưng lại thỏa mãn tôi.

Mối tình tay ba tội lỗi đó cuối cùng không thể nào tồn tại. Trái tim hoang vu của Carmen không thể mãi mãi bay cao bên chàng Escamillo kiêu dũng. Carmen nằm xuống trên nền đá. Tấm khăn đỏ giờ đây hóa thành máu, chảy tràn trên thân xác đầy nhục thể tội nghiệp của nàng. Carmen phải trả giá cho sự lựa chọn tình yêu tội lỗi bằng nhát dao oan nghiệt bởi sự ghen tuông mù mắt của gã sĩ quan vì nàng mà buông bỏ tình yêu mộc mạc và danh tiếng cao sang. José quỳ xuống trong tuyệt vọng, bên cái xác lạnh lẽo của người tình, lầm rầm một lời xin tội thứ tha.

Tôi bỏ vào chiếc mũ của họ 5 euro rồi quay về khách sạn. Phía sau, tiếng vỗ tay vang lên không dứt kèm tiếng khóc thút thít của một vài khán giả mau nước mắt, còn thương xót Carmen. Gió từ đâu thổi nhẹ mơn man, chiếc lá sao rơi xuống chân nghe xạc xào. Giữa hè nắng nóng mà cứ nghĩ mình là con nai vàng ngơ ngác vào buổi chiều thu mát rượi.

Tôi mở iPhone. Sắp tạm biệt Tây Ban Nha, nghe bản này là hợp nhất:

Mặt trời hồng trên cát nóng Espana

Là tiếng đàn guitar của Lorca

Giọt lệ nào ướt đầm áo choàng đỏ thắm Espana

Hay giọt buồn guitar của Lorca

Lorca Garcia

Anh sống mãi với cây đàn guitar

Lorca Garcia

Lời anh vang mãi trong tâm hồn chúng ta

Nếu tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn guitar

Nếu tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn guitar²³.

²³ Ca khúc Cây đàn guitar của Lorca của nhạc sĩ Thanh Tùng.

Đâu đó bên tai, văng vẳng tiếng hét vang dũng mãnh của Lorca, trong ngày từ giả Madrid để về miền Nam Granada yêu dấu, dấu ông biết nơi đó vô cùng nguy hiểm. Lorca nằm xuống, mãi mãi không bao giờ trở lại với đời sau phát súng oan nghiệt của chế độ độc tài Franco vào mùa thu năm 1936.

Lorca từng nói: “La Rambla là con đường duy nhất trên thế giới mà tôi ước sẽ không bao giờ kết thúc”. Đến đây mới thấy, cũng như ông, tôi nhận ra con phố đi bộ này có ma lực hấp dẫn nhiều người đến thế. Tại sao ai đến Barcelona cũng đều phải ghé tới đây ngắm nhìn? Do đâu La Rambla lúc nào cũng nhộn nhịp, hừng hực như dòng chảy miên man, với sức trẻ cuộn tràn, không bao giờ ngơi nghỉ?

Tôi không muốn chuyến đi của mình dừng lại. Tôi chẳng thiết về lại nước Mỹ đầy áp lực, đối diện với chủ, sếp, Mỹ đen, Mỹ trắng, tòa án, luật sư, nhân viên, hay con số vô hồn. Tôi muốn ngồi mãi ở đây, dưới bóng hàng sao, để chiếc lá héo vàng rơi xuống chân, vô tình giẫm lên giòn khô vỡ nát.

Kathmandu sau động đất

Tôi đến Kathmandu vào độ giữa hè, sau chuyến về Việt Nam ra mắt cuốn Nước Mỹ – những ngày xê dịch. Hình như đó là chuyến “quá cảnh” dài ngày nhất chen giữa Việt Nam và Mỹ. Sau này United đổi chế độ vé thường, phải trả thêm nhiều dặm nếu muốn dừng lại ở nước thứ ba ngoài Đông Nam Á kè bên.

Kathmandu là thành phố huyền thoại được xây dựng bởi vua Guna Kamadeva từ năm 723 trước Công nguyên, tính ra cũng đã hơn 2,7 ngàn tuổi. Thủ đô Nepal nằm chông chênh trong lòng thung lũng, bao phủ bởi các ngọn đồi núi xanh um, đẹp ngỡ ngàng từ trên máy bay nhìn xuống. Chiếc Boeing 777 của Thai Airways hạ cánh. Chẳng có thang ống hay xe buýt chờ vô ga cuối. Hành khách tay xách nách mang, lật đật chạy thiệt nhanh vô trong làm thủ tục. Việc nhập cảnh vào Nepal cũng dễ. Ai có hình thì chuẩn bị hai tấm, điền giấy tờ dán vào, không thì tới máy để khai báo và chụp luôn. Kế tiếp là xếp hàng đóng tiền mua tem dán vô passport. Đưa cho hải quan kiểm tra, đóng dấu cái cụp cho du lịch 15 ngày. “Welcome to Nepal!”. Xong, ung dung đi ra, chẳng gì rắc trở.

Chưa kịp hít khí trời, đã thấy lố nhố cả chục các bạn trai lái taxi nhào tới hỏi đi hông, đi hông rồi đưa ra đủ thứ các giá trên trời dưới đất. Để chắc chắn, cứ tới quầy mua vé kê chờ về khách sạn ở Thamel. Dẫu sau này mới biết, giá ở quầy gấp đôi taxi thường. Mà thôi. Tới nước xa lạ, an toàn là trên hết.

Kathmandu rộng chưa tới 50km², nhưng có gần 1,5 triệu người, coi ra gần 30 ngàn người/km² chen chúc nhau sinh sống. Xe vừa ra khỏi phi trường, cái sự náo nhiệt, chật cứng ấy đập ngay vào mắt. Thanh niên nam nữ, con nít người già, áo quần màu sắc, đứng ngồi lố nhố, tụ tập nhau thành từng nhóm ở chợ, trước các cửa hiệu nói đông đen như mùa lễ hội. Trên đường cái, xe cà tàng chạy khắp phố phường, chen lẫn mô tô phân khối lớn nổ pô nẹt trời, khói bay

mịt mù. Thịnh thoảng ở mấy bùng binh, lại gặp cảnh sát vung gậy chỉ đường thân thiện.

Không khó để nhận ra tàn tích và hậu quả của trận động đất kinh hoàng vào tháng 4-2015 vẫn còn nguyên đó. Hơn 8,5 ngàn người thiệt mạng, 17 ngàn bị thương và hàng trăm ngàn ngôi nhà, di tích cổ bị phá hủy. Khắp nơi, các tòa nhà bằng gạch đổ gục đổ trước sự giận dữ của mẹ thiên nhiên. Đường sá còn nguyên vết nứt, rồi mưa nắng tàn phai vẫn cố gắng gồng gánh bao người. Ngày đó chỉ coi mấy clip trên mạng và đọc tin thôi, đã sợ quíu cả người. Nepal như vùng chiến sự. Tiếng rên la, oán than rầy đầy khắp nơi. Sân bay Kathmandu thất thủ. Cả chục ngàn hành khách quay quắt, dáo dác tìm chuyến bay thoát khỏi cảnh sống tối tăm. Nhiều nước phải điều máy bay quân sự đưa công dân về. Không biết khi mình đang ở trong hoàn cảnh đó, sẽ ra sao nhỉ? Tôi đã trải qua nỗi hoảng sợ động đất rồi nên thấu hiểu. Tám bảy năm trước, đang ngồi trong văn phòng. Bỗng nhiên mặt đất rung rinh. Cả đám nhìn nhau rồi nhún vai, chắc là chiếc xe tải nào chạy qua làm mặt đường chuyển động. Hai phút sau, cả tòa nhà lắc lư như nhảy múa thêm lần nữa. Động đất! Cả đám chỉ hét được nhiều đó rồi mặc chủ tớ, da trắng, đen hay vàng, ai nấy cũng bùng té chạy ra ngoài tìm chỗ thoát thân, không muốn bị lấp vùi nếu lỡ tòa nhà đổ sập. Chưa tới 5 độ Richter thôi mà vậy rồi. Đàng này tới 7 - 8 độ Richter và tâm chấn nằm gần Kathmandu, bảo làm sao không tang thương cho được.

Và bụi. Đâu đâu cũng thấy toàn là bụi. Bám lên nhà cửa, xe cộ, áo quần, trên mớ trái cây treo lủng lẳng, lên hàng cây ven đường đang cố gắng làm lá phổi xanh của thành phố đông đen. Nhiều quá, không còn chỗ bám nữa, nó bèn bay lơ lửng giữa trời, hòa vào không trung, kết thành một đám mây khổng lồ, che mất mặt trời bên trên. Nên hơn hai ngày ở Kathmandu, lúc nào tôi cũng ho sù sụ và chẳng chiêm ngưỡng được màu xanh của bầu trời lẫn tia nắng chan hòa, óng ả.

Khách sạn tôi ở Thamel, khu phố Tây chật chội, chen chúc người như Bùi Viện bên mình, ngay giữa lòng Kathmandu chật hẹp. Ở đó, bước chân ra khỏi cửa là đụng mặt nhà hàng, cà phê, lưu niệm, đổi

tiền, quây trái cây, báo chí, tranh ảnh, áo quần hiking, trekking đông đen trong mấy con hẻm chật cứng hai người chen nhau không lọt. Đi bộ một quãng, ra khỏi Thamel, thấy bà con họp chợ giống y chang ở quê mình khi chiều xuống. Mỗi người một góc, mớ rau dưa, cà rốt, củ cải, nhúm ớt lẫn chanh chua với gia vị đủ màu. Rồi mấy nải chuối để trên mặt đất được lót nhựa hay anh trai trẻ tuổi đang gọt dưa hấu với thơm, bỏ trong bịch hỏi mua hông, ngon lắm. Mê nhất là mấy mâm vạn thọ vàng xỏ râu thơm lừng, để người Hindu mua về dâng lên các vị thần quyền phép. Đôi vợ chồng già ven đường, ông lột bắp, bà ngồi nướng, niềm nở bán cho khách với giá 20 NPR²⁴. Gần đó có người phụ nữ với hai đứa con ôm như que kem, nhào ra đường mỗi khi đèn đỏ dừng xe, cầu xin lòng bố thí. Lâu lâu tôi phải nhảy cái thui né mấy bãi nước miếng từ miệng đàn ông xứ này nhỏ ra cái phệt. Trời ơi, trong vòng một tiếng mà tôi nhảy hơn 30 lần. Nếu còn trẻ tôi sẽ dọn qua đây ở chừng một năm để rèn luyện kỹ năng nhảy cao với xa rồi đi thi Olympic. Chắc chắn giành huy chương vàng như chơi vì đã tập luyện nhiều và quá dữ.

²⁴ 1 NPR (Nepalese Rupee) = 214 đồng.

Tháng Năm, nét u ám, khổ nghèo ấy được khóa lấp bằng thời tiết nhẹ nhàng, dịu dịu, mát lành khi Kathmandu nằm sâu trong thung lũng, bọc bao bởi núi tuyết. Khắp các ngã đường, phượng tím nở hoa làm nao lòng khách lãng du yêu cái đẹp. Những bông hoa theo gió rớt nhẹ giữa khoảng trời cao, rụng khắp mặt đường, vĩa hè, lối đi và rơi ngay trên triền tóc rối. Cái màu tím mộng mơ như nét chấm phá tượng lên hoàng hôn vàng vọt làm người ta đi không nổi, ở không toại lòng, lừng khừng chẳng muốn rời chân. Ôi luyến lưu vô cùng vô tận.

Vui và thương nhất là thấy mấy chiếc xe buýt xập xệ đến mức thảm buồn, được người ta che lại bằng lớp sơn xanh đỏ tím vàng, lẫn hoa văn truyền thống. Hễ chiếc nào trờ tới, cả đám người lao nhao leo lên, chen chúc tìm chỗ để về lại nhà khi hoàng hôn đỏ bóng. Xe nào cũng đầy nhóc, ì ạch chạy hồng nổi. Do gan họ to hay không đi thì chẳng có gì để đi nên phải liều. Lễ gì mà khắp nơi treo cờ có hai tam giác màu đỏ, viền xanh chồng lên nhau, bên trong là mặt trời

rực sáng. Nepal là nước duy nhất trên thế giới có quốc kỳ không phải hình tứ giác như thường thấy. Coi ra nghèo nhưng đặc biệt ghê.

Con sông Bagmati ô nhiễm, nước đen thùi lùì len lỏi qua ngõ hẹp sâu, chảy tràn trong lòng thành phố. Ở đây hầu như chất thải không được xử lý triệt để. Cứ đổ thẳng ra mặt đất, xuống dòng sông. Nước cạn thì lênh bênh trôi. Mưa to, nước lớn đẩy hết ra sông to rồi tìm về biển. Cũng như sông Hằng bên Ấn, Bagmati là sông thiêng, là cội nguồn, linh hồn, lẽ sống của người dân cả nước. Trong lòng nó chứa bao câu chuyện huyền thoại, bí mật của cả người Phật giáo và Ấn Độ giáo. Dọc hai bờ sông, các ngôi đền Hindu thờ đủ vị thần lẫn chùa chiền chen chúc nhau, tỏa bóng xuống lòng sông hẹp.

Với người Nepal, dù có dơ cỡ nào, được một lần tắm thân thể giữa dòng Bagmati có nghĩa là bạn đã gột rửa tất cả tội lỗi của cuộc đời này và sắp đắc đạo hay thành chánh quả. Chiều hôm ấy, tôi chứng kiến một buổi hỏa táng ven bờ. Tương truyền, thân thể người chết phải được tắm gội ba lần dưới lòng sông, sau đó mới được đem lên giàn hỏa. Chẳng biết dòng nước đen ngòm hôi hám ấy sẽ gột rửa hết những ưu phiền trần thế hay làm tăng thêm mùi hôi của xác chết. Nhiều chuỗi vạn thọ vàng được rải đầy trên cáng. Lửa nổi to lên. Người thân xúm xít một bên. Thiên hạ như uống phải một thứ thuốc dị kỳ, ma quái, nên nhảy múa, hát ca giống lên đồng, mong cho ngọn lửa thật to kia thiêu xác cơ thể tục trần, để đưa linh hồn của người chết lên gặp thần Vishnu quyền lực. Phải mất mấy tiếng đồng hồ sau xác chết mới cháy thành tro. Người ta đem tro cốt rải xuống dòng nước đen thui. Chủ lễ và thân nhân người chết sẽ trầm mình xuống Bagmati linh thiêng lần nữa để tắm gội, tẩy trần và đưa tiễn người quá cố về với các vị thần.

Tôi quay bước bỏ đi, trước khi kịp nghe tiếng khóc nghẹn ngào của người thiếu phụ rất đẹp nhưng mang hết nỗi buồn thương của thế nhân vào trong đôi mắt thất thần.

Tôi quay lại Thamel. Cái bụng bắt đầu biểu tình kêu đói. Ở đây cũng có các quán từ truyền thống tới Thái lẫn Tàu, đông nghẹt khách. Tôi ghé vô nhà hàng Nepal vì vắng. Cúp điện. Hèn chi hông có ai. Cậu

phục vụ đẹp trai, cao gần 1,8m mang menu ra chờ gọi thức ăn. Tôi hỏi ở đây nên ăn gì cho ngon. Rai bảo món dak-bhat-tarkari truyền thống đi thưa ngài. Ngon lắm. Nhưng ông phải chờ lâu một chút nhé vì bên trong tối hù à. Mà nè, Rai là họ chứ đâu phải là tên? Sao ông biết? Đám nhân viên từ Bhutan của tôi toàn mang họ Rai không thôi. Tôi có một vài người bạn là dân tị nạn Bhutan nên lấy Rai làm tên thân mật. Hồi đó họ không được ra ngoài nhưng cứ lén đi chơi chung hoài. Mà giờ cũng chẳng biết họ định cư ở đâu. Lâu rồi chúng tôi không liên lạc.

Người ta luôn bảo Bhutan là đất nước hạnh phúc nhất thế giới, là thiên đường còn sót lại trên quả đất này. Nhưng với mấy nhân viên tị nạn của tôi, đặc biệt là Hosh, thì mọi thứ hoàn toàn không phải thế. Nhiều thế kỷ trước, các sắc dân Magar, Brahman, Chhetri và Gurung đã di cư lên Bhutan phía Bắc nhưng không hòa nhập vào cuộc sống mới. Họ vẫn giữ tiếng Nepal là ngôn ngữ chính và Hindu là tôn giáo của mình. Điều này trái ngược với mong muốn đồng hóa của chính quyền Bhutan. Vào những năm 1990, nhà vua Jigme Singye Wangchuk ra lệnh cho các sắc dân này, nếu muốn tiếp tục sống ở đây, thì phải nói tiếng Bhutan và cải sang đạo Phật. Tất nhiên chẳng có sự đồng thuận nào được chấp nhận. Phong trào biểu tình chống sự “đồng hóa”, đòi dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo như các sắc dân theo Phật giáo diễn ra gay gắt. Và hậu quả, gần 100 ngàn người sống gần biên giới bị buộc phải rời khỏi Bhutan bằng súng đạn và chết chóc. Họ trốn chạy ra khỏi quê hương mình, tới sống trong những trại tị nạn do Cao ủy Liên Hiệp Quốc lập và bảo trợ ở miền Đông Nepal. Đó là cuộc khủng hoảng tị nạn lâu đời nhất thế giới, khi họ phải ở trong lều trại với điều kiện tồi tàn suốt mười bảy năm. Cả hai nước Nepal và Bhutan gặp bất đồng trong việc nhận lại họ dù nhiều người muốn quay lại quê hương mình. Một số khác tìm đường trốn sang Ấn Độ. Năm 2006, Hoa Kỳ tiếp nhận một lượng lớn người tị nạn này và một số nước châu Âu đã đứng ra bảo lãnh cho họ có cuộc sống mới.

Dân Bhutan luôn hiền lành và lễ phép. Nhân viên đi làm luôn chấp tay, cúi đầu chào sếp. Đặc biệt không bao giờ phản kháng hay đòi tăng lương (điều mà các ông chủ da trắng luôn thích). Có lẽ mười

mấy năm trong trại tị nạn đã làm thui chột ý chí đấu tranh. Mà cũng có thể do tư tưởng Phật và Ấn Độ giáo đã thành hơi thờ, ngấm sâu vào máu họ rồi. Trong trại tị nạn, mày làm gì? Hosh bảo suốt ngày đi học tiếng Anh, làm vài việc vặt, xếp hàng lấy thức ăn rồi đi ngủ. Ở đó thiếu thốn lắm, không có điện nước, tủ lạnh hay bếp gas như vậy. Tối không có gì làm, cứ lều này qua lều kia tâm sự với nhau. Sếp thấy đó, tôi lấy vợ và có con sớm quá chừng. (Trong khi sếp nó ngoài ba mươi vẫn ở vậy bất di bất dịch). Hosh bảo mình nhớ Nepal nhiều hơn. Một ngày nào đó con lớn, làm có nhiều tiền, sẽ quay trở lại thăm nơi mình đã gắn bó mười bảy năm đằng đẳng.

Mâm thức ăn gồm cơm nóng nằm chính giữa, chung quanh là những chén nhỏ thịt gà hoặc cá, súp đậu, rau dưa chua trộn cà ri trong mấy cái chén nhỏ bày biện đẹp mắt. Tôi hỏi xin đĩa để ăn. Rai nói dân Nepal không ăn bằng muỗng đĩa đâu. Tập bốc tay ăn thử xem sao. Tôi phải vô toilet rửa tay trước khi thử ăn bằng cách của người bản xứ. Mà đúng là ngon thật. Bốc từng vốc cơm trộn thêm tí thịt gà, rau sống, bỏ vô miệng nhai nó thoải mái gì đâu. Không phải dao nĩa lễ nghi theo kiểu người phương Tây, hay dùng đĩa gắp cái này cái kia như người Đông Nam Á. Mà dân Nepal ăn nhiều cà ri quá. Họ ăn ngày ba, bốn bữa sáng trưa chiều tối, quanh năm suốt tháng không bỏ bữa nào. Chung cư tôi có gia đình người Bhutan ở tầng dưới ngày nào cũng nấu cà ri. Hậu quả là mỗi năm tôi phải tốn cả ngàn đô tiền nển, vì không chịu nổi mùi cà ri xộc thẳng vào mũi mình mỗi lúc đi làm về. Nó ám vô áo quần, sách vở, chiếu giường. Kinh không thể tả. Hèn chi người họ lúc nào cũng nặng mùi. Và Rai không thoát ra khỏi cái “vòng xoáy” kinh hoàng ấy.

Sáng hôm ấy tôi dậy rất sớm dù suốt đêm ngủ không ngon bởi... sợ ma. Hai viên thuốc cũng chẳng giúp được tôi nhiều trên đất Phật. Tôi cố xối lên người mớ nước lạnh vì máy nước nóng không hoạt động mà ngõ đang tắm trực tiếp bằng băng tuyết từ đỉnh Himalaya quanh năm giá rét. Lợi hại ghê, tỉnh cái vèo. Tôi xuống sân. Phía ngoài là nhà hàng kiểu Âu đầy hoa đỏ. Tưởng mình dậy sớm chứ ai dè một mớ khách nước ngoài đã uống cà phê, ăn sáng từ đời nào. Tôi gọi ly cappuccino nóng và bánh sừng bò kèm mút thơm. Lâu rồi mới ăn lại đồ Tây, cũng thú vị. Tôi ra đầu hẻm, tính đi dạo một vòng

cho giãn gân cốt nhưng thấy chung quanh vắng tanh không một bóng người. Bà con chắc cũng chưa ai thức dậy sau đêm bán buôn, hay quay cuồng trong tiếng nhạc. Sáng tinh sương, phố xá se se buồn. Máy chiếc xe đầy khói đen chưa kịp tỉnh giấc để khuấy động phố nghèo lẫn tung cuốn lớp bụi vàng mù mịt. Phải tận hưởng phút giây thoải mái này trước khi ô nhiễm thức dậy làm rộn lòng người. Giá mà thấy mặt trời mọc và bầu trời xanh. Chắc sẽ thích.

Anh tài xế taxi ngái ngủ bên đường bước ra chấp tay vái chào (và tôi cũng làm y chang như vậy). Anh hỏi tôi muốn đi đâu, sẽ chờ đi với giá hữu nghị. Một buổi sáng lòng vòng quanh các di tích, anh lấy bao nhiêu? 1.000 NPR. Quá rẻ. Tôi chẳng thèm trả giá làm gì, lên phía trước xe ngồi ngay tức khắc.

Thamel ngái ngủ thế thôi, chứ ngoài đường chính đã chật kín bao người đi làm lẫn bán buôn ồn ã. Phố xá cũng tung bụi mù như vó ngựa giẫm đầy trên sa mạc. Đôi khi tự hỏi, ở Nepal, tìm được con đường trải dầu trơn tru, chẳng lên dốc xuống ghềnh, không ổ chó ổ gà, chắc còn khó hơn lên trời. Cái mộng tôi dần lên, xóc xuống, ê ẩm toàn thân. Địa hình thung lũng nên đường cái chẳng bằng phẳng gì cho cam, cộng với đất nước quá nghèo, chưa có kinh phí để sửa lại đường, nên đành chịu vậy.

Anh dừng xe lại trong hẻm nhỏ. Chỉ tôi đại bảo tháp Boudhanath nằm gần đây, bảo sẽ ngồi đây đợi chứ người ta hồng cho đậu xe miễn phí khu vực này. Tôi băng qua đường chật cứng người, tới con hẻm đầy bao tải thuốc đông y thơm lừng lẫn nhang đèn, trầm hương nghi ngút khói. Boudhanath được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới, một công trình mang đậm dấu ấn Phật giáo linh thiêng, nằm giữa thung lũng Kathmandu trên tuyến đường thương mại cổ đại từ Nepal đến Tây Tạng. Các thương nhân, tăng lữ, khất sĩ, học giả hay dừng lại đây nghỉ ngơi trước khi vượt qua Hy Mã Lạp Sơn hiểm trở hoặc các thung lũng đầy cướp bóc. Trước mặt tôi, không phải là bảo tháp hùng dũng, uy nghi giống như trong hình chụp trên mạng, mà chỉ còn phần thân bầu đồ vỡ. Cái chóp nhọn đã nát mem trong động đất năm ngoái rồi. Gần 400 ngày trôi qua, dấu vết tang thương vẫn còn nguyên vẹn. Đôi mắt rất lớn của Đức Phật

trên đỉnh tháp nhìn cõi thế gian đã sụp đổ. Cả con mắt thứ ba biểu tượng cho giác ngộ cũng không còn. Nhưng có lẽ bên trong dòng chữ Om Mani Padme Hum (Án ma ni bát di hồng) được khắc trên tường và 108 hình tượng hóa thân của Quán Thế Âm vẫn còn nguyên vẹn.

Chuyện kể ngàn năm trước, Quán Thế Âm Bồ Tát đã lập đại nguyện dưới chân đức A Di Đà, ngài sẽ giải thoát tất cả chúng sanh thoát khỏi bể trầm luân. Trải qua nhiều kiếp, ngài đã đi khắp cùng tam thế giới, qua 108 hình tượng hóa thân, bằng nhánh cam lồ và bình tịnh thủy nhiệm màu giúp đỡ thế nhân, ngài ngỡ rằng mình đã đạt thành tâm nguyện. Nhưng một ngày trên tòa sen quyền pháp, nhìn xuống hồng trần, ngài thấy vẫn còn rất nhiều chúng sinh ngập lặn trong bể trầm luân sinh lão bệnh tử chứ chưa siêu thăng như mình tưởng. Quán Thế Âm dùng ngón trở quệt hai giọt nước mắt và mong nó có thể giúp cuộc đời bớt làm than khổ ải. Lời thỉnh nguyện của ngài thành sự thật. Hai giọt nước mắt biến hóa và đầu thai thành hai người con gái của vua trời Đế Thích – nữ thần Viên Mãn (Purna) và Không Viên Mãn (Apurna).

Một lần Apurna hái trộm hoa, vi phạm luật trời và bị đày xuống cõi trần, làm con gái của người nuôi gà Ansu và Purna mang tên Shamvara. Lớn lên Shamvara xinh đẹp tuyệt trần, nhưng số phận lại long đong. Nàng làm vợ bốn người đàn ông thuộc giai cấp hạ tiện nuôi cừu, heo, chó, gà và sinh được bốn con trai. Nhờ nghề nuôi gà, Shamvara nuôi con khôn lớn, học giỏi thành tài. Khi giàu có, bà nghĩ mình nên giúp đỡ mọi người bằng cách xây một đại bảo tháp nơi chứa tâm của chư Phật, cho chúng sinh cúng bái và giữ gìn xá lợi của Như Lai. Bà bèn đến gặp nhà vua, xin một miếng đất xây tháp. Vua hứa cho khu đất rộng trong phạm vi bao phủ của tấm da trâu. Bà về nhà, cặm cụi cắt miếng da thành các sợi mỏng rồi nối lại với nhau thành sợi dây dài bao quanh khu đất lớn. Giữ lời, nhà vua ban đất cho bà. Shamvara cùng bốn con trai, lừa và voi đi xây đại bảo tháp. Họ mang đất đá tới đổ nền, xây tường đến tầng thứ mười ba thì bị dân Nepal kéo tới làm dữ. Dân chúng bảo một người đàn bà hạ tiện không có quyền xây dựng công trình vĩ đại. Nhưng dưới sự cho phép của vua, bảo tháp tiếp tục được xây. Bốn năm kiên trì và

cực khổ, khi tháp gần xây xong, thì Shamvara nhắm mắt lìa đời. Người ta đánh chuông trống lên tiễn linh hồn bà về cõi trời Đế Thích. Bất ngờ chư Phật xuất hiện cùng hoa tươi thắm trên bầu trời rực rỡ cầu vòng để rước bà về cõi niết bàn. Bốn người con tiếp tục công việc của mẹ, xây tháp thêm ba năm nữa mới xong. Họ đặt vào chính giữa một cây sự sống có chứa xá lợi của đức Cổ Phật Ca Diếp linh thiêng. Bất thành linh, Đức Ca Diếp cùng với chư Phật, Bồ Tát mười phương, các vị La Hán, Thiên Vương ba cõi Sắc Dục Giới hiện lên, rải hoa mừng ngày hoàn thành bảo tháp.

Giữa buổi sáng buồn bã không nắng chẳng mưa, những lá cờ năm màu biểu trưng cho đất, nước, lửa, gió, trời và lũ bò câu ung dung tự tại vỗ cánh tung bay trong gió sớm. Các nhà sư Đại Thừa mặc áo hở vai lẫn dân thường đi qua bảo tháp đều dừng lại quỳ xuống, cúi đầu lâm râm khẩn vái. Tôi đứng xó rợ đó cũng chẳng biết làm gì, cũng quỳ xuống bên đường chấp tay vái lạy. Hồng biết Phật ở Nepal có hiểu được lời thỉnh cầu của tôi không? Chẳng biết Đức Quán Thế Âm đang ngự tòa sen ở Nam Hải xa xôi có nhìn thấy cảnh khổ của cuộc đời hay nỗi cơ cực làm than của chốn nhân gian rồi nhỏ giọt nước mắt thần kỳ hay vẩy nhánh cam lồ cứu đời, độ thế?

*

Tài xế chở tôi đến quảng trường Durbar gồm nhiều cung điện, đền thờ, sân miếu cổ xưa gần đó. Đây là địa điểm thiêng liêng của cả người Ấn Độ giáo và Phật giáo. Trải qua hai thiên niên kỷ, rất nhiều vị vua đã làm lễ lên ngôi ngay tại đây. Trời còn sớm nên quầy vé chưa hoạt động. Đỡ tốn 200 NPR. Cũng như bao di tích bằng gạch nung và tường đất không chống chọi nổi với trận động đất 400 ngày trước, cả quảng trường rộng với kiến trúc ngoạn mục của các nghệ sĩ Newar và thợ thủ công trong nhiều thế kỷ giờ tan hoang. Mái ngói vòm cong gãy đổ oằn mình, đồng gạch vụn rơi vãi khắp nơi như tàn tích bị bỏ hoang bao nhiêu năm rồi không người chăm sóc. Tôi tới Hanuman Dhoka, cung điện hoàng gia nơi các vị vua sinh sống. Bức tượng thần khỉ Hanuman của vua Riêm nằm ngay lối vào cung điện. Bên trong đen thui, tối hù, gạch ngói vương vãi tan tành. Năm sáu người bán đồ lưu niệm bày hàng ra bán trên nền. Tôi hỏi xin

chụp hình. Họ nghe rằng cười đúng chất bình dị của người Nepal hiền hậu.

Gần đó là nhà của các Kumari hay nữ thần Sống nổi tiếng. Đây là chỗ ở của các trinh nữ được lựa chọn lúc hai đến bốn tuổi, có ngày tháng năm sinh theo chiêm tinh phải hỗ trợ cho vua Nepal và được coi là hiện thân của các nữ thần đạo Hindu (nhưng cũng được giáo chúng của đạo Phật tôn thờ). Kumari phải có mi dày rậm như mi bò, giọng nói thanh như tiếng vịt kêu, đôi mắt sắc như nai. Các cô phải sống cùng bố mẹ trong nhà cho tới tuổi trưởng thành. Suốt ngày phải ngồi trong kiệu, không được phép chạm chân xuống mặt đất. Trong các lễ tế, Kumari được vẽ mặt thật đẹp, mặc trang phục nữ thần và ban phước lành cho người dân. Người Nepal tin rằng, nếu chúng kiến được nụ cười của Kumari, họ sẽ có cuộc đời hạnh phúc và thịnh vượng.

Xe chạy về hướng Swayambhunath và tôi càng tận tường sự đông nghẹt kinh hồn của Kathmandu. Con hẻm nhỏ như lỗ mũi đầy áp người. Thiên hạ cả ngàn người già trẻ gái trai đổ ra hai bên đường bán hàng bà lằng áo quần, giày dép, mũ nón đến trái cây, thuốc bắc, ớt tỏi, chanh đường, lúa gạo. Xe nhích từng chút một. Chẳng cần bóp còi hay mở cửa la hét xin đường, chạy tới đâu, bà con bưng đồ né đến đấy. Phải là tay lái lựa mới sống sót qua các ngõ không tuổi chẳng tên hay bảng chỉ đường tráo trời. Đền thờ thần Hanuman với hình khỉ thật to bằng gạch nung đỏ nằm lọt thỏm giữa khu chợ. Nhiều vòng hoa vạn thọ vàng ươm được đặt chung quanh. Thật tình tôi muốn dừng lại chụp hình nhưng cũng chẳng có chỗ để ngừng. Bốn bề toàn người hồng chen nổi.

Xe theo con dốc gỗ ghè ở triền tây thung lũng để lên phía trên tới Swayambhunath có đỉnh màu vàng, mái vòm màu trắng vươn lên trời cao bao quanh toàn cây cối. Nơi này còn gọi là chùa Khỉ vì hậu duệ của thần Hanuman có mặt khắp nơi. Phải cẩn thận chứ không là từ trên nhánh cây, bảo tháp hay tượng Phật lẫn Hindu linh thiêng, các chú sẽ nhào xuống chụp điện thoại, máy ảnh rồi chuyền cành đi mất.

Tương truyền hơn hai ngàn năm trước, khi Kathmandu là cái hồ lớn, chính giữa có một đóa sen do Phật trồng. Mỗi lần hoa nở, ánh sáng diệu kỳ tỏa khắp cả thế gian khiến nhiều thần linh tìm tới để giác ngộ. Bấy giờ Bồ Tát Văn Thù đang ngự trên núi cao, thấy ánh sáng của sen chiếu khắp nơi, bèn cỡi sư tử đến làm lễ. Ngài nghĩ nếu hồ cạn nước, không những các vị tiên mà dân chúng sẽ tìm tới đảnh lễ và hưởng phước từ đóa sen linh thiêng. Thế là ngài dùng gươm cắt một triền núi, tháo cạn nước bên trong để hồ biến thành ngọn đồi và hoa sen thành bảo tháp mãi mấy ngàn năm còn hiện diện.

Mấy chị bán hàng rong và nhang đèn hỏi tôi muốn mua gì cúng Phật lẫn chuỗi cho khỉ ăn không? Tôi lắc đầu từ chối rồi một mình với đầu gối ê ẩm kinh hồn, chậm chậm trèo 365 bậc thang lên tới tận cùng đỉnh núi. Bảo tháp sơn màu trắng, chỉ có đôi mắt Phật linh thiêng mà không có tai hay mũi, biểu trưng cho con đường giác ngộ của Đức Phật, không quan tâm tới lời khen tặng của người đời mà chỉ mong phù độ chúng sinh. Tôi chấp tay vái lạy Swayambhunath lẫn đền thần Shiva và miếu Harati, nữ thần đậu mùa và dịch bệnh của Ấn Độ giáo. Ở xứ sở này, hai tôn giáo lớn dường như hòa quyện vào nhau, không tách rời nửa bước.

Giữa không khí thanh bình, se sắt lạnh sớm mai, hòa lẫn tiếng kinh cầu và lời trì chú bằng ngôn ngữ lạ, toàn cảnh thung lũng Kathmandu với hàng ngàn ngôi nhà nhỏ có mái đơn sơ thấp thoáng phía sau rừng cây hiện ra trước mắt. Có sân si ham hố, hùng hổ, ganh đua thế nào đi chăng nữa, giữa bình yên linh thiêng của Phật giáo, kèm bên cạnh là chàng trai, cô gái Nepal với đôi mắt trong veo không vướng bụi hồng trần, mọi vui buồn, khổ hạnh lẫn lo toan, tranh đoạt của đời sống này ngỡ như nước chảy qua cầu, như giọt sương giữa sớm ban mai, lúc mặt trời lên thì bốc hơi, tan biến hết đi, còn lại chẳng là sự nhẹ hẫng như mây trong tâm hồn giữa cõi ta bà ô trọc.

Tháng 5-2016

Lumbini - Nơi Đức Phật đản sanh

Vườn Lumbini (Lâm Tỳ Ni) nằm dưới chân dãy núi Himalaya, phía Tây Nam Nepal, giáp biên giới Ấn Độ. Cùng với Bồ đề đạo tràng (Bodh Gaya – nơi Đức Phật thiền định 49 ngày), vườn Lộc Uyển (Sarnath – chỗ Đức Phật lần đầu giảng pháp) và Câu Thi Na (Kushinagar – nơi Đức Phật nhập niết bàn), thì Lumbini là một trong bốn điểm linh thiêng, được gọi là “tứ thánh địa” của Phật giáo.

Theo kinh kể lại, hoàng hậu Ma Da (Mayadevi), vợ của vua Tịnh Phạn trị vì vương quốc dòng tộc Thích Ca (Sakya), nằm mộng thấy con voi trắng sáu ngà theo luồng ánh sáng bay đến nhập vào thân thể, khiến bà thụ thai. Gần đến ngày khai hoa, hoàng hậu xin phép đức vua cho mình về quê mẹ Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu). Khi đến vườn ngự uyển Lâm Tỳ Ni của vua Thiện Giác xứ Ấn Độ, bà cho đoàn người dừng lại nghỉ ngơi, rồi đi dạo quanh vườn. Hoàng hậu thấy một đóa hoa vô ưu màu trắng nở trên thân cỏ thụ. Bà giơ tay định hái, nhưng ngay lúc đó, bào thai trở mình và bà hạ sinh hoàng tử Sĩ Đạt Đa (Siddhartha) ngay bên nách trái mình. Lúc mới chào đời, hoàng tử đã đi bảy bước, mỗi bước có một đóa sen nâng đỡ chân ngài. Tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất mà nói: “Thiên thượng địa hạ. Duy ngã độc tôn. Nhất thiết chúng sinh. Giai hữu Phật tính” (Trên trời dưới đất. Chỉ có ta là duy nhất. Hết thảy chúng sinh. Đều có Phật tính).

Theo truyền thuyết, từ thủ đô Kathmandu của Nepal, tôi cũng tìm về chốn Đức Phật đản sanh để tận mắt chứng kiến nơi tôn nghiêm ngàn năm còn ghi dấu.

Có hai cách để đến Lumbini từ thủ đô Kathmandu. Rẻ nhất là đi xe buýt Saleena, rời Kathmandu vào lúc bảy giờ sáng và đến Bhairahawa hay Sunauli lúc bốn giờ chiều với giá 1.000 rupee (khoảng 215 ngàn tiền Việt). Sau đó đón buýt, taxi hay rickshaw

thêm 30 phút nữa để đến Lumbini. Với cách này, bạn phải mất đến ba ngày đi – về và tham quan đất Phật. Đường sá Nepal xấu kinh hoàng. Đèo núi điệp trùng. Giao thông vào loại hỗn loạn nhất thế giới. Nhìn mấy chiếc xe có tuổi đời năm sáu chục năm, được vẽ đủ thứ hình dạng, sắc màu, đầy nhóc người, chắc chắn bạn sẽ chùn bước. Nhanh hơn nhưng khá mắc là đi máy bay. Từ Kathmandu đến sân bay Gautama Buddha ở Bhairahawa khoảng 40 phút. Có hai hãng máy bay khai thác chặng này là Yeti Airlines và Buddha Air. Mỗi ngày có tổng cộng sáu chuyến khứ hồi. Giá vé đồng hạng cho người nước ngoài từ 125 đến 145 đô-la mỗi chặng (dân Nepal bay với giá rẻ hơn). Bạn có thể rời Kathmandu vào sáng sớm mai, chiều tối bay về. Hoặc ngủ lại một đêm trên đất Phật, sáng hôm sau về sớm.

Không có nhiều thời gian để ngồi buýt, nên tôi chọn chuyến bay sớm nhất của hãng Yeti. Sáng sớm, mắt nhắm mắt mở, chuông điện thoại réo vang, cộng với tiếng gõ cửa báo thức của nhân viên khách sạn, tôi lao ngay vào toilet, tắm cho tỉnh người, rồi lật đặt quơ vội ba lô chuẩn bị sẵn từ tối hôm qua, chạy nhanh ra ngõ. Hú hồn có taxi đậu trước cửa. Tôi gõ cửa, anh lái xe còn ngái ngủ, chắc đêm qua dừng lại bên đường ngủ một giấc không về nhà, hạ kính xuống hỏi đi đâu. Tôi bảo cho tới sân bay nội địa. Anh ra giá, chẳng cần trả làm gì, tôi gạt đầu cái một.

Nếu như sân bay quốc tế Tribhuvan ở Kathmandu đã nhỏ và chật rồi, thì sân bay nội địa nhìn giống như một cái hộp diêm vậy. Nó y chang nhà chờ của bến xe đò ở Việt Nam chứ không thể gọi là sân bay này nọ. Bà con áo quần đủ màu xúng xính, tay xách nách mang, í ới gọi nhau tới làm thủ tục. Tôi tới quầy Yeti, anh nhân viên nhìn vé xong bảo ra trước ghế ngồi chờ đi. Vì hiện giờ chưa tới giờ làm thủ tục cho chuyến này. Tôi liếc đồng hồ, đúng là mình đến sớm 60 phút so với giờ khởi hành. Coi ra luật bay quốc tế không áp dụng ở đây được. Thế là ra băng ghế ngồi, nhìn chung quanh, ngấm nghĩa cho đỡ buồn. Trên trần nhà, mấy cái quạt trần chạy hết công suất vẫn không đủ đẩy lui hơi nóng ngột ngạt của hàng trăm người chen chúc. Những ô cửa bên trên không đủ to để lấy ánh mặt trời

vào chiếu sáng khắp sân bay. Trên sàn la liệt thùng, giỏ, túi xách, bao bọc đủ kiểu chờ nhân viên tới lấy đi. Mọi thứ thiệt là hỗn độn.

Bảy giờ sáng. Cái bảng bên trên được đổi qua chuyến bay 891 tới Bhairahawa. Tôi lật đật chạy tới làm thủ tục liền. Anh nhân viên liếc xuống bên dưới tờ giấy để dò tên, lấy viết màu quẹt qua đánh dấu, cầm boarding pass, ghi họ tên, chuyến bay rồi đưa tôi. Mọi thủ tục đều được làm bằng tay chứ không có máy tính nào xuất hiện. Tôi bỏ ba lô qua máy chiếu, làm thủ tục hải quan, tiếp tục vô bên trong nhà chờ. Chỗ này sạch sẽ và có nhiều ghế ngồi chờ hơn, dù muốn qua cửa phải vén màn như vô phòng ngủ vậy. Ngồi cạnh là mấy cặp khách phương Tây kèm người bản địa dẫn đường xúng xính ba lô, áo quần leo núi gọn gàng, chắc chuẩn bị cho cuộc chinh phục đỉnh cao hiểm trở. Trước mặt, một gia đình ba thế hệ toàn phụ nữ đang vô tư ngồi ngó. Hai đứa bé mắt nhỏ xíu nhìn tôi lạ lẫm. Tôi ra dấu xin chụp hai tấm hình. Tất nhiên với sự thành tâm của mình, họ chẳng có lý do gì từ chối. Chụp xong, tôi vô quầy báo mua hai hộp khoai tây chiên ra tặng. Chắc lần đầu mới ăn snack nên đứa nào cũng ngạc nhiên, mở mắt hết cỡ ra mừng mà vẫn nhỏ xíu xiu như hai lần chỉ.

Tới giờ khởi hành, tiếng rao trên loa dồn dập báo. Mọi người trật tự xếp hàng ra xe buýt. Mà phải xếp cho đúng cổng nhen, sai là ráng chịu. Chiếc máy bay có cánh quạt cổ lỗ sĩ, với ba màu xanh lá cây, vàng và trắng của Yeti Airlines nằm chờ vờ giữa sân bay làm tôi giật nảy người. Chân run run bước lên. Hai tay lấy bẫy sờ vào cánh cửa. Tôi nhắm mắt, đưa tay lên ngực tự nhủ với lòng: “Sống chết có số, không sao đâu, đừng sợ nhen Tài”, dù trước mắt cái bảng ghi ngày sản xuất 1994 vẫn ám ảnh một cách lạ kỳ. (Sau này đọc báo mới biết, Yeti là hãng một sao, nguy hiểm hiểm hoi của hàng không thế giới.) Máy bay khởi động, cô tiếp viên với nụ cười duyên dáng sau khi hướng dẫn an toàn bay, bèn cầm rổ đi dọc phát cho hành khách vài viên kẹo ngậm để thư giãn và hai miếng bông gòn chống ù tai. Hai cánh quạt rầm rầm quay tít, tạo lực đẩy đưa máy bay lên trời, băng qua lớp mây mù bồng bênh, chập chờn cất cánh. Miệng tôi không ngớt làm rầm cầu kinh. Mong Đức Phật từ bi, cho con tới được nơi Ngài sinh ra, dù sao đó cũng là tâm nguyện. Tôi liếc ra

ngoài cửa sổ, bên dưới chỉ toàn mây và sương. Giá mà mình có thể vén mây, nhìn núi điệp trùng bên dưới thì đẹp biết nào bằng. Có khi gặp phải một anh người tuyết to cao đứng vẫy tay chào chắc vui lắm.

Sau 40 phút bồng bềnh trên mây, cuối cùng tôi cũng đến sân bay Gautama với hình Đức Phật lúc mới sinh màu vàng, chỉ tay lên trời chào đón. Chẳng có buýt đưa vào terminal. Ai có hành lý thì vô trong lấy, không thì vòng ra trước cổng. Tôi đọc trên mạng, ở đây có buýt nhưng phải đi bộ một quãng ra đường lớn đứng chờ. Còn taxi thì phải trả giá thật kỹ chứ không hớ như chơi. Chưa kịp nghĩ gì thêm, mấy anh taxi chạy tới, hỏi muốn đi đâu, qua biên giới Ấn Độ hay là vào Lumbini. Tôi bảo Lumbini. Thế là họ đưa ra một núi giá. Tôi lắc đầu vì mắc quá. Rồi hiên ngang bước đi (Dẫu chẳng biết mình sẽ đi đâu, ngoài kia có buýt không, có kịp giờ tới chỗ Phật đản sinh rồi về lại sân bay, hay là sẽ bị trễ chuyến, ngủ lại đây, hoặc là đi lạc một chốn xa xôi nào, không về lại được Kathmandu nữa). Tự nhiên tôi bỗng chùn chân, lòng dậy lên một nỗi lo mơ hồ không giải thích nổi.

Tôi quay ra sau, vẫn có một anh nhẩn nại đi theo. Bằng tiếng Anh không sõi, anh ta hỏi tôi muốn bao nhiêu, cứ nói đi, coi rồi tính. Tôi muốn đi tới Lumbini, lòng vòng thị trấn, đúng bốn giờ chiều phải có mặt tại sân bay để kịp chuyến bay về Kathmandu thì giá nhiều? 3.000 rupees? Tôi lấy điện thoại ra bấm bấm đổi ra đô-la rồi gật đầu liền. 3.000 rupees? Anh ta gật đầu xác nhận. Tôi phải hỏi thật kỹ chứ không thể lơ mơ. Người Nepal vốn chân chất, hiền lành. Nhưng do sống gần biên giới, ít nhiều họ cũng bị lây cái tính ma lạnh của các thương gia Ấn Độ.

Rajesh, tên anh tài xế, nhanh nhẹn bảo tôi đưa cái ba lô để anh vác giùm cho. Tôi hỏi xe đâu? Anh chỉ tôi chiếc xe đen sì, cũ mèm, sơn tróc ra từng mảng đậu mé một bên. Chui vô trong, máy móc gì cũng cũ thấy ghê, điều hòa chẳng hoạt động. Tôi thở dài, hồng biết hôm nay ngày gì, mà gặp toàn “đồ cổ”. Mà thôi, hy vọng nó không banh giữa đường, để kịp về lại sân bay lúc bốn giờ chiều nay. Cầu Phật Trời gia hộ.

Tháng Năm, Nepal nóng như cái lò thiêu. Đường từ sân bay tới Lumbini gồ ghề ổ gà, ổ chó, ổ voi tung mù khói bụi. Hai bên đường, thửa ruộng mới gặt, bạc màu, trơ gốc rạ. Ngôi nhà thấp lè tè gạch ngói, hay chòi rách lờ thơ buồn hắt hiu. Từng đàn trâu bò thong dong gặm cỏ quên hết đói nghèo. Người dân quê khắc khổ, da đen sạm, gò mình trên chiếc xe đạp vun vút trên đường. Mà đúng là đất Phật. Hết khách sạn Đức Phật, tới xăng Đức Phật (Buddha Oil), rồi ngân hàng Siddhartha, tất tần tật mọi thứ ở đây đều gắn liền với từ Phật thì phải. Ngẫm ra Lumbini đâu quá xa rời thế giới văn minh, cũng kịp quảng cáo đúng chất.

Vườn Lâm Tỳ Ni được chia làm hai khu vực, tu viện phía Đông (của Phật giáo nguyên thủy) và tu viện phía Tây (của Phật giáo Đại thừa và Kim Cương thừa). Bao bọc chung quanh là tu viện của nhiều nước như Pháp, Đức, Trung Quốc, Singapore, Ấn Độ, Thái Lan, Campuchia, Myanmar và có cả chùa Việt Nam do thầy Huyền Diệu trụ trì. Nằm ở trung tâm là ngôi đền Mayadevi, tương truyền là nơi Đức Phật đản sinh. Rajesh chở tôi đến các tu viện chung quanh lẫn khuất trong mớ cỏ lau cao hơn đầu người và những cây phượng vĩ nở hoa đỏ rực để tham quan. Chùa Việt Nam đóng cửa rồi. Chắc thầy Huyền Diệu đi đâu. Tôi chỉ có thể đứng ngoài cổng nhìn vào ngôi chùa mô phỏng chùa Một Cột ngoài Hà Nội giữa tòa sen bát ngát. Chùa Tàu to như một cung điện lộng lẫy. Có điều phía trước đầy người ăn xin vì chắc khách tới đây nhiều. Có ông sư mập ú, mặc áo hở bụng như Phật Di Lặc cầm bình bát xin tiền. Thấy mặt tôi, ông xỏ ra một tràng tiếng Việt Nam lơ lớ.

Bỗng nhiên mây đen ùn ùn kéo đến. Và không một lời báo trước, mưa trút xuống âm âm. Tôi lật đặt chui vô trong xe trú mưa hơn mười phút mới tạnh.

Chúng tôi phải đậu xe từ xa, đi bộ vào đến Mayadevi chứ xe không được vô. Bức tượng Đức Phật lúc mới ra đời, thong thả đi trên bảy tòa sen, tay chỉ lên trời ra dấu “duy ngã độc tôn” báo cho biết, tôi đã đến nơi linh thiêng nhất của đạo Phật. Vé vào cổng đền là 200 rupees. Riêng dân Nepal được miễn. Du khách phải để giày dép

bên ngoài, qua cổng soát vé và kiểm tra an ninh, mới đi được vào bên trong khuôn viên yên tĩnh.

Nổi trên nền trời u ám sắp chuyển giông là ngôi đền trắng, được phục dựng trên nền cũ của một tu viện cổ, nằm giữa mấy trụ đá gãy đổ, tương truyền của đức vua A Dục dựng lên vào năm 249 trước Công nguyên, để ghi dấu nơi đản sinh của Đức Phật. Đoàn người chầm chậm, tôn nghiêm xếp hàng đi vào bên trong, trên lối đi được dựng bằng kiếng hay gỗ, nằm bên trên các di tích khảo cổ dọc ngang, không hàng lối. Marker stone, viên đá đánh dấu nơi Đức Phật đản sinh, nằm trang trọng gần lối ra. Trong sự thành tâm tuyệt đối, không ai được chụp hình, bàn tay cung kính chấp vái, lời nguyện cầu của đủ thứ ngôn ngữ rì rào vang lên, như đưa ta trở về nơi ngàn năm u tịch.

Cuối cùng tôi đã đến được nơi tôn nghiêm nhất của tôn giáo mình. Nơi mà từ thuở xa xưa, đêm trăng sáng Ninh Hòa, mười mấy anh chị em chúng tôi trải chiếu bên dưới gốc đào, nghe má kể chuyện của Đức Như Lai trước khi xuất thế. Rồi rằm, mồng một hay lễ Tết đi chùa, tôi được chiêm ngưỡng bức bích họa trên tường, nói về cuộc đời Đức Phật từ lúc sinh ra cho tới khi nhập Niết Bàn thanh tịnh. Tới cấp ba, lại được học về triết học Phật giáo, về Tứ Diệu Đế để diệt tham sân si, an nhiên với sinh lão bệnh tử, cứu con người ra khỏi bể trầm luân khổ hạnh. Tôi tự nhận mình theo đạo Phật, nhưng vốn không sùng bái, chẳng đi chùa nhiều. Phật vốn tại tâm. Mình sống tốt với mình và mọi người chung quanh, lòng sẽ nhiều thanh thản. Niết Bàn đâu xa, ngay trên mặt đất nơi mình đang cư ngụ. Đến nơi đây càng chắc chắn một điều, Đức Thích Ca cũng là người trần mắt thịt, cũng có mẹ có cha như bao người bình thường khác.

Tôi bước ra bên ngoài đền, vẫn còn sót lại ao cổ nước rong rêu, tương truyền đây là nơi hoàng hậu Ma Da đã tắm cho thái tử Sĩ Đạt Đa, và cây bồ đề to, gốc mấy người ôm, lúc nào cũng dật dìu nhang khói. Khung cảnh của hơn hai ngàn năm trước hình như được vẽ lại. Lúc hoàng hậu Ma Da về thăm cha, hạ sanh ngài ngay tại nơi đây. Bảy bước ngài đi, có bảy tòa sen lung linh nâng bước chân màu nhiệm. Chung quanh cội bồ đề, các vị chân tu ngồi lần hạt

tràng, tụng niệm chân kinh bằng nhiều loại ngôn ngữ khác nhau của Phật giáo trên toàn thế giới. Tôi tới dưới gốc cây, lâm râm khấn nguyện bình an cho gia đình và bản thân mình. Không hiểu Đức Phật từ bi có hiểu được tiếng của tôi ở một đất nước lạ xa, nơi lúc sinh ra ngài nói bằng một ngôn ngữ khác.

Trong chớp mắt, bầu trời tối đen. Gió không biết từ đâu ào ào kéo tới, lốc giông như cuốn bụi mù cát trắng quăng tít lên trời. Hàng trăm người nhón nháo tìm chỗ tựa nương. Tôi lật đật chạy tới núp sau cội bồ đề nghi ngút khói nhang, mà không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Hay là yêu quái chốn nào tìm tới đây quấy phá? Tôi gỡ đầu cái cốc, rồi tự phì cười. Nhiệm Tây du ký nặng quá rồi. Phía xa xa, bên dưới những lá cờ đủ màu giăng tứ hướng, sư cô mặc áo lam vẫn lặng im ngòai thiền bất di bất dịch. Tôi đưa máy hình lên chụp. Và tự nhủ, đó là bức ảnh đẹp nhất, lung linh nhất trong chuyến về đất Phật của mình.

*

Vẫn còn sớm, ông muốn tới kinh thành quê ngoại của Đức Phật không? Tất nhiên, tôi chẳng có lý do gì để từ chối. Từ Lumbini, xe chạy thêm nửa tiếng trên đoạn đường đất nhão nhoẹt sinh lầy như đang đi giữa đồng lúa vào mùa gieo hạt, đưa tôi tới cố đô Kapilavastu của hoàng tộc Thích Ca. Thời gian phủ trùm lên phé thành ngiệt ngã. Tất cả những gì còn sót lại là dấu vết của mấy vòng thành được xây bằng gạch nung và nhiều con đường dọc ngang, phủ bóng cây, thoang thoảng mùi rơm rạ và cả phân trâu. Phía trước cổng, người ta dựng tấm bảng ghi bằng tiếng Anh và Nepal nói về lịch sử của khu phé tích. Tôi phải căng mắt ra đọc vì mưa nắng cộng với việc thiếu bàn tay chăm sóc của con người làm nó hoen ố thấy thương. Một thằng bé ốm như cây trúc chạy tới ngửa tay xin tiền. Tôi móc túi ra cho nó 100 rupees. Cu cậu nhoẻn miệng cảm ơn, chạy tới căn lều trước mặt, có người phụ nữ bày bán nước, bánh kẹo, trái cây, không biết bao nhiêu năm rồi chưa có khách ghé.

Tôi vô bên trong. Sau cơn mưa, con đường lát gỗ trơn trượt bắc ngang dọc qua các hố khảo cổ được đánh dấu bằng các bảng chỉ

dẫn lẫn cây cỏ thụ đắm nước. Tiếng chim ríu rít kêu vang thanh tịnh vô ngần. Người gác thành chỉ tôi mấy cái hồ bơi. Tương truyền vào mùa hè, trước khi rời thành đi tìm chân lý cứu đời, thái tử Sĩ Đạt Đa thường về đây nghỉ ngơi, trắm mình vào dòng nước trong ngần quê ngoại. Từ trong bụi rậm, một giáo sĩ đạo Hindu, ở trần, mặc quần vàng, đầu tóc rối nùi ngất ngưỡng bước ra. Thấy tôi ngạc nhiên đưa mắt nhìn, Rajesh bảo, theo những gì anh ta biết, đó là cách người Hindu đẩy lùi sự ảnh hưởng của đạo Phật. Hễ một ngôi chùa được dựng lên, không sớm thì muộn sẽ có một ngôi đền Hindu mọc lên ngay bên cạnh. Mưa dầm thấm lâu. Năm này qua tháng nọ, nên mặc dù nơi đây là đất Phật, nhưng tín đồ Phật giáo chỉ chiếm một con số nhỏ vô cùng. Khoảng 8% dân số Nepal theo đạo Phật. Phần lớn theo đạo Hindu. Dù được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới vào năm 1997, nhưng chính phủ chẳng chú tâm xây dựng đường sá, khách sạn, nhà hàng để phát triển du lịch, đón Phật tử khắp nơi về thăm viếng. Trước khi đến đây tôi có đọc báo, nghe đâu bà thủ tướng sẽ nâng cấp Guatama thành sân bay quốc tế cộng với việc đổ tiền vào làm đường đi, khách sạn để tiếp đón Phật tử từ khắp nơi trên thế giới tìm về. Để bà có thể chứng minh được niềm tự hào của người Nepal (sau bao tháng năm tranh giành với người Ấn), Lumbini là quê hương của Đức Phật. Nhưng việc đó còn quá xa xôi. Chắc thêm vài chục năm nữa quá.

Người quản đền chỉ cho tôi ở phía xa xa, bên ngoài cổng nam của phế thành, là nắm mồ xanh cỏ của con chiến mã đã cõng thái tử đi khắp bốn cửa thành chứng kiến cuộc đời lần quản ở cái vòng sinh, lão, bệnh, tử. Tôi (lại) nhớ trích đoạn cải lương Thích Ca tầm đạo đã được nghe từ nhỏ qua giọng ca của các nghệ sĩ Út Trà Ôn, Ngọc Bích và Hè Sa, về chuyến cỡi ngựa đi bốn cửa thành thấy người chết như sung, không thoát khỏi vòng luân hồi tứ khổ. Để rồi đêm ấy, ngài đã từ biệt vợ hiền Du Đà La cùng con thơ, quyết từ bỏ cuộc sống vàng son, để đi tìm chân lý cứu đời thoát vòng tục lụy.

Rajesh và người quản thành bảo tôi lên xe, để chở tới một nơi gần liền với Đức Phật. Tôi hỏi chỗ đó là chỗ nào, cả hai bảo chờ đi, không xa lắm đâu, cách phế thành chừng 2km thôi. Xe đi trên con đường nhựa, qua đồng lúa trơ chân rạ. Lâu lâu phải tránh lũ trâu

nhỏn như như không thèm biết ai quanh mình. Anh ta chỉ tôi hai ụ gạch nung, một to một nhỏ nằm lẻ loi, buồn hiu hắt nằm lọt thỏm giữa đồng cỏ mênh mông, sau cơn mưa rả rích, và bảo là mộ của cha mẹ Đức Phật. Mộ của đức vua là đây? Nơi an nghỉ ngàn thu của hoàng hậu Ma Da ở đây? Có giàu trí tưởng tượng đến thế nào đi chăng nữa, tôi cũng không tin đó là sự thật. Hai ngôi mộ của đấng song thân một trong những nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử lại lẻ loi đến mức này.

*

Rời phế thành của dòng tộc Thích Ca, chúng tôi ghé lại trung tâm thị trấn Bhairahawa ăn bữa cơm chiều. Gọi là thị trấn cho sang, chứ chắc đâu được vài chục căn hộ, khách sạn với nhà hàng, quán ăn và vài người bán tạp hóa. Tôi gọi món dak-bhat-tarkari dầu hôm qua ăn rồi. Rajesh đề nghị kê thêm mono, món há cảo có nhân thịt trâu trộn gia vị băm nhỏ chấm cà ri. Nghe lời anh, tôi gọi liền kèm thêm lon coca chứ thiệt tình không dám uống nước lọc của quán vì sợ đau bụng. Tôi bảo Rajesh tới ngồi gần cho vui, nhưng anh ta lắc đầu chối từ. Hindu mà, lằn ranh giới đẳng cấp luôn luôn vô hình tồn tại.

Buổi chiều đã buồn. Vậy mà thị trấn sau cơn mưa lại buồn hơn. Chung quanh tôi, ngoài mấy ngôi nhà bằng gạch đỏ (chắc chủ chưa có tiền tô), là vài bức tường được quét vôi xanh đỏ tím vàng, nhưng vẫn không xóa được nỗi ảm đạm dâng lên nhẹ nhẹ. Đứa bé đạp xe đạp hồ hởi quanh vị chân tu. Vài anh thanh niên cỡi xe máy lao đi vun vút. Chiếc buýt sặc sỡ sắc màu với mấy dòng chữ Nepal ngoằn ngoèo tôi không hiểu rõ máy, khói phun mù mịt. Cả thị trấn giống như một làng quê Việt mấy mươi năm trước. Không biết đứa trẻ con ấy mai một lớn lên sẽ ra sao. Nó có như chúng tôi ngày cũ, mơ về đô thành nhộn nhịp, về một đất nước hùng cường. Hay được mong một lần đặt chân tới thủ đô Kathmandu, đâu nơi ấy cũng hoang tàn không kém.

Vẫn còn một tiếng nữa mới tới giờ bay. Rajesh hỏi tôi muốn tới biên giới Ấn Độ không? Tôi gật đầu cái mọt. Rajesh nói thêm: “Biên giới nằm cách sân bay khoảng gần 10km, nằm ở phía bên kia. Nên chắc

chấn là sẽ không trễ giờ bay đâu, ông đừng lo nhé”. Trời lại đổ mưa. Tôi vốn là đứa vừa ghét vừa sợ mưa. Hễ mỗi lần trời mưa là tâm trạng chùng xuống thấy ghê. Vậy mà ở một thị trấn hẻo lánh xứ người, mưa cũng không tha cho tôi nữa. Cái gạt nước của chiếc xe cũ mềm không xóa tan nổi làn mưa đang rơi lộp độp. Hai bên đường, bụi chuối ngã nghiêng trong gió chiều tối tăm. Mấy cây phượng đỏ ra hoa rực sáng không thấp nổi bầu trời. Nhìn mấy ụ rơm đang để cho bò ăn và khói đốt đồng bị mưa gió dập vùi, tự nhiên nhớ nhà ghê. Nhớ Ninh Hòa ngày mưa chín chiều không dứt. Nhà khổ cơm không có cá thịt, cả nhà quây quần bên mâm cơm với mấy cái trứng vịt nhặt ngoài vườn luộc đồ hồng đào dầm nước mắm. Ta nói nó ngon tới thấu ông trời.

Đường mỗi lúc một to dần... to dần và xe càng đông hơn. Đúng là biên giới giao thương nên người nhiều cũng phải. Rajesh lái xe chậm chậm lại, chỉ cho tôi một căn nhà mới xây to đùng bên vệ đường và bảo nhà tôi kìa. Ông thấy có người phụ nữ ngồi trước cửa không? Vợ tôi đấy. Nếu có dư thời gian, chắc tôi sẽ bảo anh ta lái xe vô để tôi chào hỏi người phụ nữ thân thương kia, nhưng thôi, phải lên đường cho kịp giờ chứ không trễ mất. Cái cổng biên giới ngăn chia hai đất nước đã hiện ra. Chung quanh, tiếng người nói ồn ào, xe cộ nổ máy thiết to khác hẳn với những gì trong nửa ngày qua tôi chứng kiến. “Welcome to India”. Cái bảng hiệu thách thức dễ sợ. Tôi hỏi mình có thể xuống chụp hình được không? Tất nhiên là được rồi, nhưng nhanh lên nhen, vớ lại dừng qua bên kia biên giới mà phiền phức. Thiết tình tôi cũng muốn đặt chân qua vì mình cũng có visa. Nhưng thôi, phải kèm hăm niềm ham muốn ấy lại thêm vài ngày nữa rồi sẽ đặt chân tới Ấn Độ thôi. Có gì đâu mà vội.

Rajesh lái xe đưa tôi về lại sân bay sớm hơn dự định là 10 phút. Tôi rút ra 3.000 rupees để trả. Ông cho thêm đi, vì tôi đã chờ đến đến phé thành và biên giới nữa còn gì. Tôi hơi chau mày vì nghĩ mình đã trả đúng giá sáng nay, nhưng yêu cầu của anh ta đâu phải vô lý. Tôi lấy thêm 1.000 rupees nữa, hỏi nhiều đây đủ chưa. Rajesh rồi rít cảm ơn và chúc tôi một chuyến bay an toàn về lại Kathmandu. Ở đâu cũng thế, tiền luôn có tiếng nói thiết to. Và ở xứ nghèo ơ là nghèo này, nó trở thành phép màu không giới hạn. Tôi xách ba lô vô

trong “sân bay”. Nó còn thảm hơn trạm xe buýt ở Việt Nam. Vài hàng ghế lưa thưa, nước dột tùm lum. Có chị lao công đang chậm rãi lau cho khô vừa kịp quay mặt đi khi tôi đưa máy ảnh lên chụp hình. Sau khi làm thủ tục, tôi vào trong phòng chờ với gần bốn mươi người khác. Nhân viên bảo máy bay sẽ trễ từ 30 phút đến một giờ đồng hồ. Đừng lo lắng quá nhé.

Cảm giác lúc bấy giờ thật tệ. Trên đất nước lạ xa, thiếu thốn quá trời phương tiện lẫn cơ sở vật chất nghèo nàn, ngồi ngắm hoàng hôn, cạnh bao nhiêu người lạ mắt kèm mấy con chim bồ câu từ bên ngoài chui vô bằng lỗ thông gió cất cánh bay vù vù. Tôi tự hỏi, máy bay có về kịp? Liệu mình có bị kẹt lại nơi này đêm nay rồi mọi thứ rối tung rối nùi như bong bóng? Lạy Đức Phật nhân từ, lạy Quán Thế Âm nhân đức, máy bay tới giùm nha. Con mệt mỏi và thèm ngủ lắm, không thể chờ được nữa. Cứ như Trời Phật nghe lời khẩn cầu của tôi. Tiếng động cơ từ xa ù ù thổi tới. Mấy nhân viên hàng không từ bên trong chạy ra ngoài đường băng. Cả đám người bên trong nhón nháo mừng vui. Máy bay về rồi! Máy bay về rồi! Sắp được về thủ đô, không bị kẹt lại nơi này rồi. Vui quá trời ơi.

Hơn 2,5 ngàn năm đã trôi qua chốn này, vào một buổi chiều sau cơn mưa giông, giữa tiếng cánh quạt máy bay vù vù và tiếng kinh lâm râm nguyện cầu, tôi thấy lòng nhẹ như áng mây trên bầu trời xanh thẳm.

48 giờ ở đất nước Pharaoh

Giã từ các món ăn rưng rức ký ức tuổi thơ, vài khuôn mặt bè bạn thân thương, bao lời hứa hẹn với cặp mắt buồn vời vợi, tạm biệt cơn mưa trút nước Sài Gòn cùng với hai tuần ngắn ngủi ruỗi rong mừng sinh nhật, tôi rời Việt Nam với một tâm trạng (như mọi khi) không lấy gì làm vui vẻ. Sau khi quá cảnh ba tiếng ở Bangkok, thêm hai giờ nữa ở Zurich, máy bay chuẩn bị đáp xuống thủ đô Cairo. Chỉ một chút nữa thôi, tôi sẽ đặt chân lên đất nước Ai Cập huyền bí, đồng nghĩa với việc tôi đã đi đủ năm châu bốn bể khi vừa bước qua tuổi ba tư. Cảm giác hân hoan lẫn kiêu hãnh đánh tan sự mệt mỏi kinh hồn sau gần 20 giờ bó gối trên ba chuyến bay chật ních.

Tôi có gần ngàn lần cất, hạ cánh, nhào người ra ngắm thành phố qua ô cửa hẹp. Nhưng đó là lần đầu tiên tôi sốc đến tột độ khi bên dưới không bóng cây xanh. Điệp điệp trùng trùng là các dãy nhà bằng gạch không trát xi măng, cũng chẳng sơn màu như đang xây tự nhiên hết tiền, nhà thầu xách túi bỏ đi, hay một thành phố bị bỏ hoang để bão cát sa mạc tràn vào, lấp đầy, xóa đi tất cả.

Có khi nào nơi đây vẫn còn diễn ra chiến tranh khi cuộc cách mạng Hoa Nhài – Jasmine Revolution – xảy ra cách đây chưa lâu lắm?

*

Do mang hộ chiếu Mỹ nên tôi có thể xin visa tại sân bay dễ dàng mà không cần phải nộp đơn cho đại sứ quán. Tôi mua con tem 25 đô-la dán vào hộ chiếu, chẳng cần điền đơn mà tới xếp hàng nhập cảnh. Là đất nước Hồi giáo khá cực đoan, nhưng ở đây phụ nữ được làm việc trong cơ quan nhà nước. Cô hải quan mặt lạnh như tiền chẳng thèm hỏi tôi ở đâu đến, sống bằng công việc gì, tới đây làm chi hay sẽ ở bao lâu này nọ. Cỗ ra hiệu cho tôi ngược mặt lên chụp hình, đóng dấu cái cụp vào hộ chiếu. Xong. Tôi có thể ung dung tham quan Ai Cập rồi nhé.

Sau khi ghé quầy đổi ít tiền²⁵, tôi ra khỏi cổng sân bay. Chưa kịp thở vì mừng, đã thấy lối nhỏ đoàn người, áo quần trắng từ trên xuống dưới ó vàng, hay quần jean, áo thun, mang giày thể thao, từ những chiếc xe già hơn tôi chục tuổi, tiến tới líu ríu bằng tiếng Arabic đón khách. Dù đã đọc kỹ mấy lời cảnh báo trên mạng nhưng vẫn thấy run. Cairo chưa có taxi tính giờ. Thuận mua vừa bán, trả đúng giá thì lên xe, không thì cũng chẳng ai ép. Đủ thứ giá được đưa ra. Từ 500, 300 tới 200 bảng chẵn. Tôi nhất định trả đúng 150 bảng về thẳng khách sạn. Ai muốn đi thì đi, không thì thôi. Vòng tới vòng lui một hồi chưa thấy hó hé gì, tôi hơi chột dạ. Lỡ không ai chờ thì ở lại đây ngủ chắc tiêu đời. Còn không họ quen biết nhau, cấu kết chẳng chờ cái thừng da vàng mũi tẹt này về khách sạn coi ai lỗ cho biết. Hay họ nổi điên đập tôi một cái, chắc cũng không có cảnh sát hay quân nhân nào rảnh đứng ra bảo vệ mình.

²⁵ 1 bảng Ai Cập (EGP) = 1.290 đồng. 1 đô-la = 17.6 EGP.

Cuối cùng, chắc thấy tôi chạnh lòng (và cũng hơi tội nghiệp), qua sự chỉ dẫn của cậu thanh niên trẻ, một ông già không biết tiếng Anh, đồng ý giá 150 bảng về khách sạn ở Giza. Ông ta vén váy, kéo hành lý, dắt tôi ra đồng sắt gọi là ô tô tróc sơn, bong càn, hở bụng thấy thương. Ông quăng hai va li lên mui, lấy dây chằng cột lại kỹ càng và ra dấu chỉ ngồi ghế trước. Lúc này tôi mới để ý phía sau có hai cậu thanh niên, một mập như cái lu, người kia ốm nhom như cây sào ngồi tự nãy giờ. Tôi quay ra chào hỏi làm quen. Ít ra cuộc cũng có người đi cùng mình, đỡ hơn sẽ bị lão già mặt khó đăm này... gả bán.

Cậu mập hỏi mày đi giá bao nhiêu. 150 bảng. Thế là họ cười to, mắc rồi. Tụi tao có 80 bảng thôi. Tôi nhún vai, ra chiều không quan tâm, nhưng trong bụng cũng tức anh ách. Tưởng một mình trả giá cao cũng đành. Đằng này thêm hai đứa đi ké, mà giá thấp hơn. Kỳ cục. Vừa tới nơi đã bị lừa rồi. Dù muốn hay không cũng hơi ác cảm với Ai Cập rồi đấy nhé.

Chiếc xe cà tàng, ọc ạch, từ từ lăn bánh. Tôi cũng chẳng biết ông đang chở mình đi đâu, có về đúng nơi không dù lúc nãy đã đưa địa

chỉ (bằng tiếng Anh) cho cậu thanh niên kia dịch lại rồi. Ông mà chờ sai chỗ, chắc tôi khóc ròng vì sợ. Lúc này mới thấy mớ bánh mì chuyển ngữ của Doraemon lợi hại thế nào. Ước gì mình có túi to, nhai một miếng rồi mặc sức nói tiếng Arabic mà không sợ bị lạc. Hai bên đường, trước những ngôi nhà còn vương dấu vết bom đạn của cuộc cách mạng diễn ra trước đó không lâu, người ta bày biện đủ thứ ra để bán buôn. Nào là nước ngọt, bánh kẹo, trái cây, áo quần, dép giày đủ thứ. Cairo cũng có cỏ cây, nhưng bị bao phủ dưới lớp đỏ quạch của bụi Sahara nên nó dơ kinh hồn. Không biết mỗi năm thành phố được mấy ngày mưa. Mỗi lần mưa tới, liệu nó có rửa sạch hết bụi bặm bám đầy? Rồi dòng chảy có đỏ quạch như sông máu vì bụi đỏ?

Tim tôi muốn rút cái thụi khi tự nhiên có người đi phía bên cạnh chuyển làn, chen trước mặt. Lão già hét la chửi rửa ồm tỏi rồi đập vô lẳng rầm rầm như muốn ăn tươi nuốt sống người ta. Hú hét cả hồn.

Bỏ qua mấy câu hỏi không lời giải đáp và nỗi sợ hãi vô duyên, tôi quay ra sau bắt chuyện với hai cậu thanh niên tạm gọi là bạn đồng hành. Hai đứa đều là dân Iraq. Sau khi liên quân Anh – Mỹ dội bom xuống để bắt Saddam Hussein, gia đình bắt đầu lưu lạc. Cậu ốm ở lại Baghdad với người thân làm trong cơ quan nhà nước do đất đai, vòn xước nhiều quá nên không đi được. Còn cậu béo thì xin tị nạn chính trị và được Thụy Sĩ nhận làm công dân. Cậu ta nói: “Tao học xong chương trình đại học, muốn về lại thăm quê mà nỗi ám ảnh về chiến tranh vẫn còn. Lúc đầu tính tới Jordan rồi kêu bạn bè qua đó chơi sẵn dịp gặp mặt luôn. Nhưng cuối cùng tới Ai Cập vì hồi giờ chưa ghé”. Chưa đầy ba mươi, nhưng “hành trang” trên vai là hai cuộc chiến khốc liệt trên đất nước mình dẫn tới ly tán, cách biệt. Chiến tranh Vùng Vịnh năm 1991, chắc hai đứa còn quá nhỏ để biết được điều gì đang xảy ra. Chứ hồi 2003, chắc rành rẽ.

Sau cuộc chiến ấy, một số lượng lớn người Iraq nhập cảnh vào Mỹ. Công ty tôi là một trong số ít nơi chung tay với chính quyền đón nhận những người tị nạn này, như trước đó vào những năm 90 đã cứu mang người Việt Nam xuất cảnh theo diện HO hoặc ODP. Dân

Iraq phần lớn có của để dành, bung ra mua nhà mua xe, không nghèo như người Việt lúc mới đến.

Cuộc nói chuyện dừng lại khi ông tài xế đạp thắng cái thui trước cổng khách sạn mini. Chúng tôi gửi lời tạm biệt. Chúc đi chơi vui vẻ, an toàn và chụp được nhiều hình đẹp. Họ xuống xe, tôi ngồi chốc góc tiếp tục chờ. Một hồi lâu, thấy ông tài xế không lên đi tiếp mà vẫn còn lúi cúi phía sau, tôi nhiều chuyện quá nên mở cửa bước xuống coi. Thấy cả ba đứng giữa đường cãi nhau ì xèo, quơ tay múa chân như chim hót. Tôi hỏi cậu mập chuyện gì? Nghe câu trả lời xong, mới thấy mình thật thảo mai, ngoài mặt thì giả bộ buồn giùm, còn trong bụng thì hả hê sung sướng. Thì ra cái giá 80 bảng ấy không phải cho hai người, mà chỉ một thôi. Hai đứa cộng lại là 160 bảng. Lão vẫn chặt lòng chặt dạ, ra vẻ rất giang hồ không bớt một xu. Cãi qua cãi lại một hồi vẫn chưa ngã ngũ. Ông móc điện thoại ra tính gọi cho ai đó. Hai cậu kia hơi sợ nên quăng tiền vô người lão và xách đồ bỏ đi một lèo không thèm ngoái đầu nhìn lại.

Bụng tôi đánh lô tô, không biết chả có đòi thêm tiền mình khi về tới nơi không? Hai đứa kia biết tiếng Arabic mà còn nói không lại thì cỡ mình làm được gì. Cái thái độ ban nãy quá giang hồ, một thời lừng lẫy chứ chẳng chơi. Thôi mặc cho trời vậy!

Xe qua cầu 6 tháng 10 bắc ngang sông Nile dài thứ hai thế giới. Xe lên đại lộ 6 tháng 10 hơn chục làn xe. Mở bản đồ, thấy có cả thành phố 6 tháng 10 gần đó. Mới nhớ dân Ai Cập không gọi cuộc chiến Yom Kippur (hay Ramadan) mà gọi là “Cuộc chiến tháng Mười”. Ngày 06-10-1973, Ai Cập và Syria đồng loạt tấn công Israel trong lễ Yom Kippur, ngày sám hối thiêng liêng của người Do Thái. Hai nước vượt qua phòng tuyến ngưng bắn tại bán đảo Sinai và cao nguyên Golan vốn bị Israel chiếm đóng trong cuộc chiến sáu ngày năm 1967. Liên quân Hồi giáo chiến thắng trong năm ngày đầu, sau đó tình hình xoay chuyển theo hướng có lợi cho Israel trước khi lệnh ngưng bắn của Liên Hiệp Quốc có hiệu lực. Sở dĩ người Ai Cập mê “6 tháng 10” vô cùng là vì đó là ngày ảnh hưởng sâu rộng, làm cho thế giới Ả Rập phấn chấn tinh thần sau khi bị thua đau, mất hết

phần đất lãnh thổ Palestine và bán đảo Sinai trong cuộc chiến năm 1967.

Nỗi lo của tôi chính thức tạm dừng và niềm tin trên đất nước này cũng quay lại, sau khi ông dừng cái kịch trước công khách sạn, giúp tôi lấy hành lý xuống rồi nhẹ hàm răng đen thui ra cười và chúc một câu tiếng Anh rõ to “Good bye and good luck!” (Tạm biệt và chúc may mắn nhé!). Tôi vẫy tay chào tạm biệt và vui như mở cờ vì hồng bị đòi thêm tiền. Anh bảo vệ cao to, giúp tôi để hành lý lên máy kiểm tra (các khách sạn ba sao trở lên ở Cairo đều có hệ thống an ninh chặt chẽ để bảo vệ du khách). Tôi làm thủ tục, nhận phòng, nhìn lại đồng hồ đã ba giờ chiều. Chưa tắm rửa, không kịp uống miếng nước, tôi cởi quần jean quăng xuống sàn rồi tắt điện, nhắm mắt ngủ một lèò vì mệt quá.

Giật mình thức dậy, sáu giờ tối rồi. Mới nhắm mắt thôi mà ba tiếng trôi qua cái vèo. vén màn nhìn xuống bên dưới. Trời nhá nhem. Con hẻm ngay phòng ngoài mấy cành cây bụi bám cũng chẳng có gì để coi. Tôi tắm rửa, thay đồ, tính đi tìm cái gì bỏ bụng. Nhìn vô lỗ cắm điện mới biết không phải loại vuông như người Mỹ vẫn xài. Tôi xuống sảnh hỏi mượn lễ tân cái cục sạc. Anh thanh niên cao như cây sào xin lỗi vì vừa cho khách mượn cái cuối cùng. Ông có thể đi mua ở tiệm điện máy gần đây.

Tôi đi trên vỉa hè lồi lõm, qua những căn hộ điêu tàn, sụp lở như đang ở vùng hậu chiến tan hoang. Vài cậu thanh niên Ai Cập chỉ mỗi một kiểu tóc gần sát đầu, giơ tay nhìn tôi cười và chào “Nị hảo! Nị hảo²⁶”. Tôi lắc đầu nguầy nguậy, “No, no. I’m not Chinese. I’m Vietnamese²⁷!” tới gần chục bận. Tôi chẳng dám đi xa. Lạc thì không, vì này giờ toàn đi thẳng. Quan trọng là không thấy an toàn dù có mấy chú cảnh sát béo núc ních, mặc đồ trắng nhưng ó vàng như cháo lòng đứng khắp nơi. Nhìn qua đường, thấy bảng hiệu quen thuộc RadioShack²⁸ sáng đèn. Thế là mừng rỡ lật đật mò qua coi thử.

²⁶ Xin chào (tiếng Hoa).

27 Tôi không phải người Trung Quốc. Tôi là người Việt Nam.

28 Chuỗi cửa hàng điện máy, điện thoại có quy mô nhỏ có tuổi đời gần một trăm năm ở Mỹ. Trước đó mấy tháng, họ đã công khai phá sản, bán lại cho General Wireless nhưng ở Ai Cập vẫn còn mở cửa.

Tôi tự hào về bản thân ghê. Mới xuống đường có hơn mười phút mà đã hiên ngang băng từ bên này qua bên kia, giữa sáu làn với hàng trăm chiếc xe chen chúc nhau tìm đường chạy. Chắc do quen với cảnh ở Việt Nam, nhất là khi qua đường ở Nha Trang, Hà Nội hay Sài Gòn nên không sợ nữa. Tôi vô trong, lựa một củ sạc tiêu chuẩn Mỹ, trả bằng credit card rồi quay ngược lại đi về liền, không cần phải nấn ná lâu.

Nhưng tôi chẳng chống lại được cơn đói đang bắt đầu tấn công mình. Không để ý thì thôi, chứ giờ bụng cồn cào, tay chân bủn rủn. Tôi vốn xấu tính đói. Dễ nổi quạu ghê hồn. Chung quanh mấy cửa hiệu đóng cửa gần hết. Nhà hàng ăn uống cũng không thấy cái nào. Tới cổng khách sạn, định ghé vô nhưng chợt nghĩ, sang nước ngoài, không khám phá món đường phố thì uống quá. Đi lên xíu nữa, hy vọng sẽ tìm thấy một chỗ địa phương nào đó để chui vô ăn. Ai dè nhà hàng sáng đèn duy nhất có thể tìm là... McDonald's. Thôi kệ, dầu sao cũng là món quen, "đặc sản" của Mỹ.

Tháng 9-2015

Hôn môi Sphinx

Anh cố rướn đặt nụ hôn vào gió

Có thần Sphinx bắt tử chứng minh

Em có nghe tiếng gió vọng tình?

Đã yêu như thế ngàn năm còn tiếc.

(HP)

"Mọi thứ đều sợ thời gian nhưng thời gian phải sợ kim tự tháp". Tôi mang theo câu nói đầy niềm tự hào của người Ai Cập suốt nửa đời người và đêm qua, một lần nữa nó lại trở về trong giấc mơ chập chờn chấp vá.

Lịch hay không lịch múi giờ, sợ hay không sợ ma gì đi nữa, lời Chú Đại Bi ru tôi vào giấc ngủ say sưa. Vệ sinh xong, tôi lôi mớ cơm cháy mang từ Việt Nam ăn lót dạ. Nhìn đồng hồ cũng chưa tới bảy giờ. Còn hơn một tiếng đi loanh quanh, trước khi hướng dẫn tới đón theo tour đặt sẵn. Ở vùng đất không lấy chi an toàn này, cách tốt nhất là phải mua tour từ sớm trên Expedia hay Get your guide. 40 đô-la cho nửa ngày khám phá kim tự tháp bằng xe và hướng dẫn riêng. Rẻ chán!

Giza là thành phố cổ, cách Cairo khoảng 20km. Trong gần 140 kim tự tháp được tìm thấy trên khắp Ai Cập, cụm kim tự tháp ở thung lũng Giza là vĩ đại nhất. Đó là kỳ quan cuối cùng trong bảy kỳ quan cổ đại vẫn hiện ngang đứng sừng trên sa mạc Sahara sau năm ngàn năm. Tất cả các kim tự tháp đều được xây dựng tại bờ Tây của sông Nile, hướng về phía mặt trời lặn và là biểu tượng vùng đất của người chết trong Ai Cập cổ đại. Bên trong là hầm mộ chôn cất vua, hoàng hậu và người giàu có, cùng đồ vật hàng ngày bằng vàng. Với niềm tin bất diệt, họ tin rằng các Pharaoh có thể sử dụng chúng ở thế giới bên kia.

Thật sự rất khó phân biệt trời đang nắng, nhiều mây hay âm u khi cả bầu trời bị lớp bụi sa mạc lơ lửng che phủ. Bên hông khách sạn, có mấy chiếc xe lôi (như tuk tuk của Thái) đậu đầy. Người phụ nữ mặc váy, đội khăn đen kín như bưng, trả tiền leo lên xe và tài xế là cậu bé đứng tới ngực tôi, mặt non tơ rồ ga lao nhanh về phía trước. Vài cậu bé tròn lủng lẳng, đầu trọc lóc kiểu đặc trưng của dân Ai Cập xí xồ xí xào với mấy cậu bé lai đen tóc xoắn tít, cùng vài đứa nhìn là biết Trung Đông chạy tới lú lú “selfie, selfie”. Tôi cười giòn, đưa điện thoại cho tụi nó, lùi về phía sau để vô hình khỏi bị mấp mặt.

Hình như người nghèo xứ này đầy rẫy. Họ cứ tràn hết ra buôn bán từ bắp nướng, xơ mướp, cà phê, khăn giấy, trái cây dọc theo hai bên đường to hoặc trong góc hẻm nhỏ bằng bàn tay. Mấy tiệm bán trái cây treo lủng lẳng từng chùm đủ thứ quýt, táo, nho và đặc biệt là xoài trông vui mắt. Quán nào cũng có cả núi các thùng xoài. Nào là xoài sống, xoài chín, xoài nhỏ, xoài to, xoài ép, xoài xay, khô xoài, mút xoài. Tất tần tật mọi sản phẩm của xoài lẫn át hết các loại trái cây khác. Trong góc đường, người phụ nữ cơ khổ, cạnh hai đứa con, bán bánh kẹo, trái cây và cà phê cho khách. Dân Ai Cập giống Trung Đông, xé nguyên túi cà phê pha sẵn vô lý. Quậy lên, nó không tan hết ra mà đóng dưới đáy ly lớp bã. Khi uống phải hợp nhẹ mấy ngậm bên trên. Nhân viên cũng cho tôi thử mấy lần. Hỏi ngon không? Tôi phải ráng nuốt cái ực rồi giả lả kêu ngon. Chứ không họ lại giận.

Trong mấy con hẻm, chen chúc giữa vài ngôi nhà mới hiếm hoi là chung cư nát bươm, dây điện, mái che, áo quần chùng lên như mạng nhện. Có căn gắn điều hòa cũng cũ xì, còn nhiều kín bưng, hồng biết sao họ sống được với khí hậu sa mạc lúc nào cũng như một lò lửa. Nếu phụ nữ ăn mặc không chừa chỗ hở, thì lớp trẻ Cairo có gu thời trang khá hiện đại. Quần tây hoặc jeans với áo pull hay sơ mi, mang Nike, Adidas đúng hiệu. Không thì giày rọ xỏ ngón hay dép lê. Tuyệt nhiên không ai mặc quần short dù nóng như điên. Coi ra đêm qua, lúc lang thang tìm đồ sạc điện thoại, tôi là đứa ăn mặc lạc quẻ nhất.

Đúng tám giờ, Abdul, người hướng dẫn tầm bốn mươi tuổi tới sảnh đón tôi như đã hẹn. Sau màn chào hỏi chân tình, anh ta mời tôi lên xe, chậm rãi lái về phía kim tự tháp cách đó gần 10km. Hôm nay không phải cuối tuần, đi giờ này vắng. Cách đây không lâu, một nhóm phiến quân đã bắt cóc đoàn xe chở khách du lịch phương Tây để làm con tin nên mọi người cũng e ngại đến với Giza. Tim tôi rớt cái kịch. Tính quay qua hỏi mình đi lẻ loi vậy có sao không? Đoán được nỗi lo của tôi, Abdul cười to bảo “không sao”. Sau vụ ấy an ninh siết chặt. Cảnh sát có mặt khắp nơi. Thôi thì phó mặc vào sự hên xui của ông trời vậy.

Chiếc xe cũ của Abdul chậm chậm lấn chen với vô số chiếc xe khác để đi cho nhanh. Hễ có bất kỳ một khoảng trống nào, phải nhanh chân, chứ không người khác chạy tới chiếm liền tức khắc. Bên đường, xe quân đội với mấy anh lính cao to, cầm súng trường, mắt láo liên nhìn quanh để quan sát. Abdul dặn, khi vào khu vực kim tự tháp, phải theo sát anh ta, không được tự ý rời xa. Sẽ có hàng chục người tới chèo kéo mua bán hàng lẩn mời cưới ngựa, lạc đà, chụp hình hay hóa trang. Cứ lác đàu rồi im lặng chứ đừng trả giá hay nói năng gì. Dính vô là không làm gì để giúp được đâu đó. Sực nhớ tới những lần đi New York. Gặp mấy anh Mỹ đen bán đĩa CD. Họ năn nỉ, mời mọc mua. Không thích thì đừng đụng. Chứ chạm vô rồi mà bỏ đi, là có chuyện.

Phía trước mặt, dòng xe càng ngày càng kẹt cứng. Không dám mở cửa ra vì gió lốc thổi tung bụi cát mịn mù. Tim tôi đập mạnh khi tháp thoáng từ xa, là những kim tự tháp sừng sững giữa sa mạc cát vàng, dưới ánh mặt trời bắt đầu gay gắt. Chút nữa thôi, tôi sẽ tận mắt chứng kiến công trình kỳ vĩ nhất của người Ai Cập, qua năm ngàn năm mưa gió vẫn hiên ngang thách thức mọi sự đe dọa của thời gian. Địa điểm yêu thích của thuở thiếu thời sẽ không còn là niềm ước mơ. Tôi có thể tự hào khoe với tất cả mọi người, tôi đã đến kim tự tháp rồi đấy nhé.

Abdul cho xe vào chỗ đậu và kêu tôi đi cùng để mua vé vào cổng hết 80 bảng. Nếu muốn đi vô bên trong Great Pyramid thì thêm 200 bảng. Tôi chán chừ rồi quyết định vô luôn chứ đã tới đây rồi mà tiếc

tiền chi nữa. Nhìn lên bảng, thấy giá cho sinh viên giảm một nửa. Cái máu “gian manh” bắt đầu nổi lên. Tôi móc thẻ sinh viên hỏi còn đi học ở UMBC hơn chục năm trước (mà lúc nào cũng mang đi theo bên mình để khè thiên hạ, dù giờ làm gì còn có chuyện tóc rẽ ngôi 3-7 như trên hình), đưa cho người bán vé, bảo cũng là sinh viên, có được giảm không? Anh ta liếc một cái thật nhanh rồi gật đầu cái cụp. Vui ghê, nhờ cái thẻ thần thánh ấy, tiết kiệm tới 140 bảng chứ ít gì.

Mừng quá nên không để ý gì, giờ khịt mũi mới biết, chung quanh nó khai và hôi kinh hoàng. Nhìn xe ngựa chung quanh và mấy chục con lạc đà cao to, vác trên người đủ thứ các loại khăn và đồng phân to bên cạnh đang được công nhân quét vô sọt, tôi đã hiểu mùi hôi ấy xuất phát từ đâu.

Mặt tôi đỏ au, hai chân muốn khụy xuống bởi vẫn chưa tin được là mình đã tới vùng đất bất biến với thời gian này rồi. Kheops, lăng mộ của vị Pharaoh vĩ đại, sừng sững như núi đá uy nghi, vẫn giữ nguyên nét đẹp huy hoàng không gì thay đổi được. Tôi muốn nhào tới, chạm tay vô những phiến đá triệu năm và chụp hình đăng facebook sống ảo tức khắc. Nhưng Abdul đâu có chịu đi liền. Anh ta kéo tôi vô xe, bắt ngồi nghe anh ta giải thích tận tường về lịch sử khảo cổ. “Ông biết ai là người xây nên kim tự tháp? Người ngoài hành tinh như thiên hạ vẫn đồn?”. Lắc đầu. “Nô lệ hay tù nhân?”. Vẫn tiếp tục là cái lắc đầu không đồng ý. “Tôi chịu thua rồi đó”. Như lên đồng, bằng một giọng nói hết sức tự hào, Abdul thao thao bất tuyệt kể cho tôi nghe tất tần tật những thứ biết được sau ngàn ấy năm học tập và làm hướng dẫn. Đó là kết quả của trăm ngàn thợ tay nghề cao và được trả lương đàng hoàng trong suốt 200 năm, từ khi các nhà vua bắt đầu lên ngôi, trải qua hai đến ba đời Pharaoh mới được hoàn thành, để đưa con của thần mặt trời được an nghỉ sau quá trình ướp xác kỳ công cùng với thú cưng và vật dụng hằng ngày, nơi các Pharaoh tiếp tục cuộc đời của mình ở thế giới bên kia. Không một nô lệ hay tù nhân nào có thể làm được tuyệt tác ấy. Phải là thợ tài hoa và người dân lương thiện, bằng trái tim nồng nàn và tấm lòng tôn kính, họ mới có đủ sức mạnh lẫn lòng kiên nhẫn để mang hàng triệu khối đá, mỗi khối nặng từ hai đến 50 tấn, qua thả

theo sông Nile, qua hệ thống kênh rạch, đôn bẫy chằng chịt, mài cực kỳ nhẵn, xếp khít nhau đến mức không khí không thể lọt. Bằng một loại vôi vữa tới giờ vẫn chưa ai tìm ra được công thức, họ đã gắn tất cả những viên đá này lại với nhau để xây nên các kim tự tháp khổng lồ, hiến dâng cho đứa con của thần mặt trời, vị thần quan trọng nhất trong thế giới Ai Cập cổ.

Tôi đưa tay chạm vào tảng đá thần kỳ. Luồng khí mát thấm vô từng mạch máu, làm dịu hết cả người. Đang đứng trên sa mạc mênh mông, dù nắng nóng quá trời nhưng vẫn thấy mát. Nghe đồn bên trong nhiệt độ luôn ở mức 20 độ. Một phần nhờ vào kiến trúc xây dựng khác thường, mặt khác do các tảng đá triệu năm hút tinh túy đất trời nên mới thế. Kheops nhìn có vẻ ngoài thô ráp nhưng thật ra ban đầu nó là khối đá sáng bóng phủ lớp vôi trắng phản chiếu ánh mặt trời như tấm gương sáng rực rỡ trên sa mạc khô khan. Mấy ngàn năm nay, nắng mưa bào mòn nên thành gồ ghề như thế. Leo lên đi, tôi chụp vài tấm làm kỷ niệm. Tôi nương theo lối đi người ta tạo sẵn, lên trên, cách mặt đất tầm 20m, nhìn về phía Giza. Nếu tôi đủ can đảm, không sợ độ cao và được cho phép chắc sẽ lên tí nữa để coi trên đó có gì, như nhà thám hiểm Richard O'Connell trong Xúc ươp Ai Cập tôi coi cả trăm lần chưa chán.

Abdul la to, vào trong đi. Tôi sẽ đứng ở đây chờ ông. Tôi đưa vé cho anh kiểm soát (và trình luôn cái thẻ sinh viên). Rất may, sau mấy lần liếc lên liếc xuống để chắc chắn người trong ảnh là tôi, anh ta gạt đầu đồng ý cho vô.

Và giây phút cực khổ bắt đầu. Đầu gối và căn bệnh suyễn chuẩn bị hành hạ tôi.

Cao xanh ơi, tôi đâu nghĩ mọi thứ lại khó khăn đến thế. Cứ nghĩ người ta sẽ làm một đường thẳng thiết rộng để mình đi vô cái lều. Ai dè, lối đi như hầm chui độc đạo, có nơi chỉ vừa đủ một người. Hết lên rồi xuống, xuống rồi lên. Nhiều lúc đứng thẳng mà đi. Có khi thấp lè tè, phải khom người bò từng bước một. Tôi muốn quay ra liền vì không chịu được nữa, nhưng đã vô tới đây rồi mà ra thì nhục với bản thân. Thế là cắn răng tiếp tục đi. Thiết tình không biết mình đang đi lên hay chui sâu xuống lòng đất. Mấy bậc tam cấp bằng gỗ

ngày càng lỏng lẻo. Tay vịn thì mỏng manh. Đôi lúc phải nép sát vách để nhường lối cho người ngược hướng. Vừa đi vừa thở hổn hển vì thiếu không khí. Nhưng cảm giác mệt mỏi chẳng là gì so với việc không đủ oxy để thở. Lồng ngực tôi như co thắt lại. Buồng phổi phải làm việc hết công suất để đưa ngum oxy ít ỏi được hít bằng miệng nuôi sống cả cơ thể. Sau lưng tôi, vài người khác cũng gặp nỗi khổ tương tự. Nhiều ông bà không bước nổi nữa, tựa lưng vô vách thở hì hà hì hục như sắp chết tới nơi.

Sau gần nửa tiếng đồng hồ leo lên, bò xuống, vượt qua mấy hang động tối thui bị người ta ngăn lại không cho vào, tôi cũng chui vào được một hầm mộ hổng có gì, ngoài quan tài bằng đá trống không nằm chính giữa và mấy ngọn đèn mờ mờ ảo ảo. Thiệt không vậy trời? Tốn nhiều công sức mà chỉ được vậy thôi sao? Cứ tưởng mình sẽ được thấy nhiều thứ thú vị hơn khi đã tốn tiền và bỏ công sức leo vào trong này chứ. Tôi tiến tới sờ vào quan tài bằng đá lạnh, chợt nghĩ năm ngàn năm trước, chỗ này có thể là nơi an nghỉ của Pharaoh hay người thân nào đó. Hình ảnh các gã đàn ông cao to, cưỡi trần trùng trực khoe cơ bắp khỏe mạnh đang quỳ mọp dưới sàn, bên cạnh là những cô gái hút mái ngang, làn da màu đồng, rục rờ hô to lời tế cúng. Và hàng triệu con rắn rết hay bọ hung bọ cạp bồng từ đâu theo mấy bộ phim lóe sáng trong đầu. Tôi giật phắt mình, hoảng hồn nhớ tới cơ quan, bầy rập giết người và những lời nguyện ám ảnh hiển hiện khắp nơi.

Phải đi ra tức thì!

Cái công đoạn chui ra cũng đau khổ và trần ai không kém. Tôi mò mẫm từng bước trong ánh điện lờ mờ. Có đoạn tối thui như đêm ba mươi trừ tịch. Lúc thì đầu gối run lẩy bẩy đi xuống mấy chục bậc thang gỗ như xuống tận địa ngục thăm sâu, khi thì ngồi xuống mông gần chạm đất, thiếu điều lết ra bởi trần thấp chùn. Đỡ hơn là mình cũng đã quen với lối độc đạo đó rồi, nên ước chừng lúc nào sẽ hết. Và khi ánh mặt trời chói lòa chiếu sáng, tôi mừng như được sinh ra lần nữa. Ở trong cái hầm mộ thăm sâu, mới thấy quý phút giây rảnh rỗi, ung dung dưới ánh mặt trời.

Tôi sờ tay lên cổ áo. Lạy hồn, cái kính LV ban nãy mang theo rớt đâu mất tiêu. Lọc túi quần phía trước, phía sau chẳng có. Chắc lúc cúi xuống mò mẫm đường vô, nó đã rớt xuống chỗ nào không biết. Chẳng lẽ bò vô tìm lại. Nghĩ tới cái chặng đường kinh khủng mình vừa mới trải qua thôi là da gà da vịt tôi đã dựng đứng lên. Mấy trăm đô chứ ít ỏi gì. Vả lại mình cũng xài mấy năm, quán tay quán chân. Nó cũng giúp mình bao nhiêu lần sống ảo, che đôi mắt bé tí hi. Sau một phút nghĩ suy, tôi quyết định... chui vô tìm kính.

Đường bắt đầu hẹp dần hẹp dần rồi dốc. Những bậc thang gỗ lung lay như hàm răng của ông bà già tám chín chục gần đất xa trời. Cổ lên. Phải tìm ra cho bằng được. Trong ánh đèn lờ mờ, tôi chậm chậm leo, bò, lết, vừa dỗi mắt nhìn hai bên. Kính ời là kính, mà ở đâu? Hiện ra đi mà. Ai đó dẫm mà yep lép rồi phải không? Cả trăm mét rồi cũng chẳng thấy đâu. Không khí ít dần, ít dần. Như tảng đá ngàn cân đang đè lên ngực. Tôi thở hổn hển. Không chịu nổi nữa đâu. Kệ bà nó. Mất thì mua cái khác. Mình cũng đâu thiếu thốn gì. Thế là tôi quay đầu lại, bò ra.

Abdul lái xe chở tôi tới địa điểm chụp hình (photographer's spot) gần đó. Từ đây, tôi có thể ngắm cả thung lũng thênh thang, hiện ngang mọc trên Sahara vàng cát. Nằm trong cùng quần thể của Great Pyramid còn có kim tự tháp của Pharaoh Menkaure và Pharaoh Khafren nữa. Cả ba nằm thẳng hàng, ở vài góc nhìn, ba cạnh song song nhau, đúng vị trí của ba ngôi sao lớn nhất trong chòm sao Orion. Trong Ai Cập cổ đại, Orion tượng trưng cho vị thần của sự tái sinh. Kim tự tháp cũng chứng minh một điều là người Ai Cập cổ đại đã biết đến số Pi, một hằng số mà sau này Archimedes (Hy Lạp) được coi là người phát hiện ra. Các nhà khoa học từng tính, ở Kheops, nếu lấy hai lần chiều cao chia cho diện tích đáy, sẽ ra số Pi, đây được coi là tỷ lệ chuẩn và hiệu quả nhất để xây dựng nên các kiến trúc sau này.

Từ dấu vết khảo cổ chung quanh còn sót lại, người ta tin rằng lớp đá bọc ngoài phải lấy từ sông Tura, vượt hàng trăm km về nơi xây dựng. Đá granite phải được lấy từ Aswan, cách nơi đây hơn 900km. Và mỗi khối đá như thế được di chuyển gần hai tháng ròng. Tất

nhiên, họ không thể kéo lên các tảng đá này bằng sức người. Họ dùng các thanh trượt bằng gỗ, kéo bằng dây thừng tới công trường, sau đó dùng ròng rọc hoặc tạo thành đường dốc bằng đất khổng lồ chung quanh để đưa đá lên. Giờ tôi mới thấy những lời Abdul nói hoàn toàn hợp lý. Chẳng có nô lệ nào có thể xây dựng nên một công trình tuyệt mỹ dưới áp lực của roi đòn hành hạ. Cần phải có những bàn tay tài hoa bền bỉ lẫn tấm lòng yêu kính thì mới tạo nên một tuyệt tác lưu mãi muôn đời.

Hầu hết cũng chỉ là giả thuyết của các nhà khoa học bao nhiêu năm nay vẫn chưa đi đến kết luận cuối cùng. Nhưng bằng cách nào đi chăng nữa, người Ai Cập như Abdul có quyền tự hào khi họ được sinh ra bởi những con người vĩ đại.

Cách kim tự tháp Khafren không xa là tượng nhân sư mang đầu người với mái tóc truyền thống của dân Ai Cập, thân sư tử, ngón chân đầy móng vuốt nằm phủ phục như vị thần bảo vệ trung thành. Đây là bức tượng bằng đá nguyên khối lớn nhất thế giới, dài 73,5m và cao 20,2m. Tượng truyền, tượng do Pharaoh Djedefre (anh trai của Pharaoh Khafren) xây dựng để tưởng nhớ vua cha Khufu. Theo chân quân xâm lược và các thương nhân, nhân sư Ai Cập được truyền đến nhiều nền văn minh khác. Ở Hy Lạp, Sphinx có thêm đôi cánh đại bàng và sống trên tảng đá gác cổng thành Thebes. Nó sẽ giết bất kỳ ai đi qua mà không trả lời được câu đố “Sinh vật gì đi bằng bốn chân vào buổi sáng, hai chân vào buổi trưa và ba chân vào ban đêm”. Rất nhiều người đã bỏ mạng dưới móng vuốt của Sphinx cho tới khi Oedipus giải đáp đó là con người, bò bằng bốn chân lúc ra đời, đi bằng hai chân khi trưởng thành và chống thêm gậy khi đã về già. Sau khi nghe câu trả lời, Sphinx đã lao mình từ trên tảng đá xuống đất và tự kết liễu đời mình.

Abdul bảo tôi làm đủ mọi tư thế để anh ta chụp cho vài tấm hình làm kỷ niệm. Hết dịch qua trái rồi qua phải, tới chút nữa, lùi ra tí đi. Khi anh ta bảo được rồi và có vẻ thích thú đưa điện thoại cho tôi. “Hôn môi Sphinx” là tên tôi đặt cho tấm hình đáng yêu ấy.

Tôi say mê đứng ngắm Sphinx một lần sau cuối trước khi nói lời tạm biệt. Dù bao lần bị bão cát lấp vùi, bị người Hồi giáo tìm mọi cách

phá hủy, hay mũi bức tượng bị bắn bể bởi Napoleon trong cuộc trường chinh vào mùa hè năm 1798²⁹, chẳng biết người cổ đại bằng cách nào đã thổi hồn vào bức tượng, mà đôi mắt sâu thẳm của Sphinx vẫn luôn nhìn chăm chăm ra sa mạc với vẻ khiêu khích cùng sự kiêu hãnh khó tả trong suốt mấy ngàn năm.

²⁹ Người Ai Cập không chấp nhận giả thuyết này.

Thành phố ngàn giáo đường

Gần 12 giờ trưa, Abdul chờ tôi về tới khách sạn, sớm hơn dự định 30 phút vì tôi xin rút ngắn cuộc hành trình bởi không thích dành thời gian quá lâu trong viện làm giấy cói (thật ra là chỗ bán đồ lưu niệm). Papyrus là giấy làm bằng cây cói mà người Ai Cập dùng để ghi chép. Trải qua mấy ngàn năm vẫn còn nguyên vẹn, hé mở cho nhân loại giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử của thời cổ đại. Abdul có vẻ không vui vì tôi hồng có mua sắm gì. Bù lại, sau khi tôi tặng cho 10 đô-la thì thái độ anh hoàn toàn khác hẳn. Abdul đưa danh thiếp, bảo khi nào quay trở lại hay có bạn bè nào tới Cairo thì gọi thẳng cho anh, không cần đặt qua tour làm gì cho phiền phức. Tôi ậm ừ rồi chào tạm biệt. Hẹn ngày nào đó quay lại ngồi thuyền đi dọc sông Nile, lên phía bắc cố đô Alexandria hay xuống tận miền Nam, đứng giữa thung lũng Luxor, nơi an nghỉ của những Pharaoh hùng mạnh.

Tôi lại lôi cơm cháy ra ăn dần bụng. Định tí nữa tới nhà hàng Việt ở Cairo vô tình google được ăn cho đã miệng. Mới ở tới ngày thứ hai tôi đã thèm đồ Việt run hết cả người. Nghĩ tới mớ thức ăn Trung Đông là sợ rồi bởi mớ gia vị nặng mùi của nó. Tôi thay đồ, gọi xe đến bảo tàng lịch sử Ai Cập. May hờn ở Cairo có Uber nên việc sợ bị taxi gạt lừa, nâng giá hay chở đi tùm lum cũng vơi bớt. Quan trọng là phải có wifi. Thôi đi đến đâu dò sóng đến đó.

Người ta nói bảo tàng Cairo là nơi lưu giữ nhiều kho báu nhất thế giới. Lòì đôn ấy quả không sai khi gần 100 ngàn cổ vật từ lâu đời, trải qua bao nhiêu vương triều cổ đại tới hiện đại, trưng bày trong tòa nhà sơn đỏ, lặng im giữa thủ đô đông nghẹt. Đặc sản của Cairo là bụi đỏ. Tất nhiên, dù kín mít và giữ sạch thế nào, bụi sa mạc vẫn chen vô, đậu lên cổ vật để ở ngoài, lâu ngày bám chặt nên bản vô cùng. Cộng với hàng triệu chiếc xe thải khói mỗi ngày nên độ dơ tăng gấp bội.

Tôi mua vé, bước vào trong, cảm giác như đang ngồi trên cỗ máy thần kỳ của Doraemon, vượt thời gian, trở về thời đại rực rỡ, huy

hoàng nhất của Ai Cập. Tầng dưới bảo tàng không có điều hòa. Có lẽ mấy ngàn năm nay, khí hậu nóng bức, khô khan sa mạc là điều kiện tốt nhất để giữ nguyên màu sơn cũ trên bia mộ, quan tài đá hay trang sức vàng của các Pharaoh, nữ hoàng và quan lớn như Pharaoh Kheops, Ahmose, hoàng hậu Nefertiti, Cleopatra hay quan lớn Seneb, từ thời cổ đại 13 vương triều, đến cựu vương quốc, tân vương quốc, trung đại rồi suốt các giai đoạn bị xâm chiếm và cai trị của những đế chế khác. Tầng hai thú vị nhưng đáng sợ hơn bởi các xác ướp quấn khăn trắng của vua, quan lẫn đứa trẻ mới chào đời qua từng giai đoạn lịch sử với kỹ thuật ướp xác khác nhau nằm im lìm trong lồng kính. Lúc này có độ khoảng chục khách tham quan mà họ cũng chẳng tập trung lại một chỗ. Cảm giác rờn rợn chạy dọc sống lưng ám ảnh dễ sợ. Hình ảnh xác ướp bị dính lời nguyện sống dậy, từ phía sau đưa tay bóp cổ làm tôi giật nảy cả người. Tôi chấp tay vái lạy họ rồi đi ra. Dù sao những người ấy cũng mấy ngàn năm tuổi, ngang ngửa với tổ tiên của loài người.

Căn phòng đầy vàng mở điều hòa lạnh tanh của vua Tutankhamun lúc nào cũng hút khách nhờ những câu chuyện quanh nhà vua trẻ và nổi tiếng nhất Ai Cập. Tôi mê vua Tut vô cùng, nhờ những bài báo đọc hồi cấp ba trong tạp chí Kiến thức ngày nay. Từ cuộc tình vụng trộm của mẹ ngài, người vợ khổ đau phải qua tay bao người, tới cái chết bất ngờ, cơ thể bất bình thường và đặc biệt là lời nguyện chết chóc khiến các nhà khảo cổ khám phá lăng mộ của ông chết bất đắc kỳ tử càng làm cho vua Tut bất tử. Hai anh bảo vệ cầm súng đứng ngay trước cửa, mặt lạnh như tiền, đưa cặp mắt dò từ đầu tới chân của khách bước vô. Bức tượng nhà vua đứng trên thuyền giấy, đôi dép của vua được chôn cùng thi thể suốt ba ngàn năm và đẹp nhất là tấm mặt nạ bằng vàng được giữ gìn như nguyên vẹn cùng với rất nhiều hiện vật trong số năm ngàn cổ vật được tìm thấy trong lăng mộ, giúp giới khảo cổ vén lên bức màn bí mật về đất nước huyền bí này.

Tôi bước ra ngoài. Trời vẫn nóng như thiêu. Dò mãi mà wifi không có chút sóng. Chiều tan tầm nên xe cộ đông như nêm, phóng đi vun vút. Tôi gan cùng mình, nhưng trong cảnh này nói thiệt cũng không dám hòa cùng với nhân viên văn phòng và người buôn bán qua

đường như hồi tối. Tôi vẫy taxi. Tài xế nói tiếng Anh rất sôi. Tôi muốn đi tới phố cũ Cairo tham quan, sau đó tới nhà hàng này thì hết bao nhiêu tiền? 200 bảng. 100 thôi. 150 nhé. 100 đủ rồi. Ok, lên xe đi! Ông ta cũng không muốn bị chiếc xe phía sau bóp còi vì cản trở giao thông giữa lòng đường rộng.

Cairo chạy dọc theo bờ đông của Nile. Khoảng 12 triệu dân chen chúc trong diện tích 528km² chật hẹp, đưa mật độ lên tới 19 ngàn người/km². Nếu tính cả siêu đô thị Cairo gồm thủ đô Cairo cũ, Cairo mới, Giza, Shubra El-Kheima, thành phố 6 tháng 10 và Obour, có tổng cộng gần 21 triệu dân. Con số thật kinh hoàng. Hèn gì thành phố lúc nào cũng đông như nêm, chen chân còn không lọt. Không hiểu sao nước thì nghèo mà dân đông dữ hổng biết. Những chiếc xe đời mới đắt tiền đủ nhãn hiệu từ Toyota tới Honda, Lexus, Mercedes, Rangrover trộn lẫn với hàng ngàn chiếc xe buýt cũ mèm, rách tơi tả, sơn xanh đỏ tím vàng hồng đen, toàn màu nổi cùng với tuk tuk chạy đầy trên phố thải ra lớp khói đen xì dơ dáy. Luật lệ hay phân làn ở Ai Cập là điều xa xỉ. Cứ thấy trống chỗ nào là nhét mặc thiên hạ bóp muốn nát còi. Nhưng họ lái xe siêu giỏi nha, chưa thấy đụng xe hay tai nạn gì nghiêm trọng. Chắc do quá quen với cảnh này. Có vẻ như người Cairo phó mặc mạng mình cho Allah. Sống chết có số, trời kêu ai nấy dạ. Họ sẵn sàng lên chiếc xe đồ cũ nát, thua mấy chiếc xe lam hay đề côn chạy bằng than củi tung khói mịt mù của Việt Nam hồi bao cấp. Rồi qua đường xứ này đúng là một nghệ thuật. Xe cứ chạy, ta đứng một bên nhìn nhìn, ngó ngó rồi qua cái vèo. Xe sẽ nhường đường, thế thôi.

Tôi đọc báo, có lần Cairo tổ chức hội nghị quốc tế. Để lập lại trật tự và thay đổi cách nhìn của bạn bè khắp thế giới, chính phủ đã đầu tư số tiền rất lớn để lắp đặt đèn giao thông tại các giao lộ. Nào ngờ trong vòng ba tháng, số lượng tai nạn tăng lên gấp bốn, năm lần so với trước khi có đèn. Thế là trong vòng mấy ngày ngắn ngủi, người ta gỡ hết đèn để giao thông về lại như xưa mà ít va chạm và an toàn hơn nhé.

Phố cổ Cairo gần giống như Giza, có hàng triệu tòa nhà cũ nát, áo quần đan xen với dây điện như ma trận. Quán hàng tạp hóa phủ

đầy bụi bẩn bán snack, trái cây, nước uống và Coca Cola hay Pepsi bằng chai thủy tinh dulong như không tìm thấy ở Mỹ hay Việt Nam nữa. Tôi ngồi tiệm hàn đồ lửa dưới cây cổ thụ. Người đàn ông mặc áo dài trắng, ngồi kéo lò, mồ hôi nhễ nhại nhưng vẫn nói oang oang. Chung quanh ông, một nhóm người ngồi bình thản uống cà phê bên cạnh mấy đồng rác to đùng. Trước mặt, ông kia tay chân đen sì đang bới tung bãi rác tìm kiếm thức ăn còn sót lại. Giữa hoang tàn đổ nát sau bao lần dội bom khủng bố hay biểu tình lật đổ kiếm tìm dân chủ của Cách mạng Hoa nhài, phố cổ Cairo như một đồng xà bần không hơn không kém.

Ai từng xem phim xác ướp, đọc sách, coi hình xong tượng tượng tới đây sẽ tìm thấy một Ai Cập y chang như mấy thước phim sống động, sẽ gặp truyền nhân của nữ hoàng Cleopatra kiều sa, chân trần đi trên con đường lát gạch, hay mấy gã đàn ông đầu trọc vai u bắp thịt vạm vỡ, có vòm ngực rộng như sa mạc Sahara cùng đôi mắt bí huyền đang cúng tế. Nhưng không, bạn sẽ vỡ tung giấc mộng êm đềm đó. Ai Cập cổ đại giờ chỉ còn trong lịch sử hay quanh quần đầu đó ở các lăng tẩm, đền đài bị bụi thời gian vùi lấp ở Giza hay Luxor thung lũng các nhà vua. Trải qua năm ngàn năm lịch sử, những triều đại Pharaoh suy tàn, rồi bị La Mã, Hy Lạp, Ottoman, Anh, Pháp và đặc biệt là Hồi giáo cai trị hàng bao thế kỷ, Ai Cập mặc dù ở châu Phi nhưng đã thành nước Hồi giáo Trung Đông theo đạo Hồi chính hiệu và một số ít dân theo Thiên Chúa giáo. Tôn giáo cổ đại thờ thần mặt trời và các vị thần khác đã chẳng còn hiện hữu nữa. Cuộc sống bên kia thế giới của các pharaoh và quý tộc không còn hiện diện. Tất cả đều bị xóa sạch thẳng tay không thương tiếc. Giờ đây chỉ có Allah và hàng ngàn thánh đường Hồi giáo dễ dàng tìm thấy trên mọi góc phố Cairo.

Phố cũ Cairo không còn chỗ trống. Người ta đành rời bỏ nó, xây dựng một Cairo mới hiện đại, hoành tráng hơn. Nhưng dân chẳng chịu về ở. Họ quen với cảnh chen chúc chật chội, thờ không nổi này rồi. Ngẫm ra cũng giống dân Hà Nội mê phố cổ bên mình nhỉ.

Taxi dừng trước trung tâm thương mại cao tầng hiện đại. Tôi cũng phải qua an ninh mới được vào bên trong. Dân nhà giàu nườm

nượp đi mua sắm tay xách nách mang. Họ giàu ghê, mua hàng hiệu như mua tôm cá vậy. Saigon Restaurant and Lounge theo lời quảng cáo có view nhìn ra bờ sông Nile tuyệt đẹp với món ăn truyền thống đậm chất Việt Nam. Sáu giờ mới mở cửa. Cái bảng lạnh lùng ghi vậy bên dưới hoa văn sông nước và mấy chú tể mặc khổ đưa mắt nhìn. Còn một tiếng nữa trời ạ. Tôi đâu thể ngồi đây chờ hay lòng vòng mua sắm như người ta. Thôi đành vác cái bụng đói ra về vì sắp có tour kế tiếp.

Tôi xuống dưới nhà, băng qua đường, đứng ngẩn ngơ trên bến sông Nile, xem mấy cậu thanh niên đang thả câu và vài phụ nữ mặc kín mít thong thả đứng nhìn. Chỗ này ít xe nên vô cùng yên lặng. Không giống như các con sông chảy qua nhiều đô thị lớn khác, nước sông Nile vẫn trong veo, vắng vắng màu xanh ngà ngọc. Hai bên bờ người ta làm bờ kè chống xói lở như Thames, Seine nên không có lau sậy um tùm hay đụn cát thấp cao mà thay vào là những tòa nhà cao tầng chen giữa cây cổ thụ và vài bãi cỏ đầy hoa rực rỡ. Người Ai Cập coi Nile là dòng sông mẹ, máu tim là tất cả cuộc đời. Họ bảo vệ Nile như một nguồn sống không bao giờ cạn như gìn giữ cả cuộc đời chìm nổi của quê hương.

Chiều xuống dần. Mặt trời chói lòa từ từ chìm sâu vào đường chân trời phía xa giữa tiếng reo hò cá dính câu của mấy cậu thanh niên trẻ đẹp.

Tự nhiên tôi thấy buổi chiều ở Cairo dẫu buồn hắt buồn hiu nhưng an nhiên và thanh bình khó tả.

Lời nguyện cầu đêm tối của Nile

Đối với người Do Thái và Thiên Chúa giáo, Abraham là tổ phụ của dân Israel. Riêng đối với người Hồi giáo, Abraham chỉ là nhà tiên tri. Theo kinh Tân Ước, Thiên Chúa muốn thử lòng tin của Abraham đã, Ngài phán “Người cùng với đứa con trai yêu dấu là Isaac, hãy đi đến xứ Moriah, tới ngọn núi mà ta sẽ chỉ cho. Nơi đó, thay vì hiến tế dê hay cừu, hãy hiến tế con trai của người làm lễ thiêu”. Sáng hôm sau, vâng lời Chúa, Abraham thắng lừa, đem hai đày tó và Issac đi Moriah. Đến nơi, Abraham dừng lại bảo với đày tó: “Các người phải ở lại đây với con lừa. Chúng ta sẽ lên núi để cầu nguyện và dâng lễ vật cho Thiên Chúa”.

Ông chặt một ít củi, đưa cho con trai, còn bản thân cầm con dao bén và đuốc. Issac bèn hỏi nhỏ: “Chúng ta có củi để nhóm lửa nhưng còn con chiên dùng làm lễ vật thì ở đâu?”. Abraham trả lời, Chúa sẽ cung cấp lễ vật. Khi họ đến nơi mà Chúa đã chỉ định, Abraham dựng bàn thờ, chặt củi lên. Sau đó ông trói tay Isaac lại và đặt đứa con lên đồng củi. Abraham giơ dao thật cao, chuẩn bị chém xuống ngực Isaac. Nhưng ngay lúc đó, ông nghe tiếng kêu từ một thiên sứ của Chúa: “Abraham, Abraham, đừng hại đứa trẻ. Ông đã chứng tỏ rằng ông yêu thương Thiên Chúa qua việc sẵn lòng hy sinh ngay cả đứa con trai của mình.”

Nhìn quanh, Abraham thấy một con cừu đực, sừng bị mắc trong bụi cây. Ông vui mừng cởi trói cho con trai, rồi bắt cừu làm lễ thiêu thay cho Issac. Thiên sứ lại nói: “Bởi người đã làm thế vì yêu thương Chúa, nên người và dòng dõi của con trai người sẽ được ban phước. Con cháu của người sẽ nhiều như sao trên trời.”

Bằng giọng Anh chuẩn xác, anh tài xế Ishmael kể tôi nghe chuyện ông Abraham hiến tế Isaac sau câu hỏi tại sao khắp Cairo, người ta lại cột đày dê với cừu, trong lúc chờ tôi đến ăn tối trên du thuyền đi

dọc sông Nile. Cuối tháng Chín, là Lễ hiến sinh Eid-ul-Azha hay còn gọi là Bakrid của người Hồi giáo. Sau khi cầu nguyện, các gia đình gặp gỡ người thân, vui chơi ngoài trời và thưởng thức món ăn truyền thống. Theo phong tục, họ sẽ giết động vật, chủ yếu là dê, bò hay lạc đà để cúng và lấy thịt, rồi chia đều cho các thành viên trong gia đình. Lễ hội nhằm tưởng nhớ và tôn vinh hành động sẵn sàng hy sinh con trai Isaac của nhà tiên tri Abraham để chứng tỏ lòng trung thành của mình với đức Allah (hay Thiên Chúa).

Giọng run run, Ishmael bảo đó là lễ hội độc ác. Ngày ấy, hàng triệu con vật cùng một lúc sẽ bị cắt cổ ngay trên vỉa hè. Có năm trời mưa, máu hòa vào nước chảy thành dòng, nhuộm đỏ cả đường sá Cairo rồi chảy ra Nile. Dòng sông mẹ thân yêu đổ ngàu vì lễ hội. Gia đình tôi ăn chay, một phần không có nhiều tiền. Mẹ khác không muốn nhìn thấy con vật thân yêu này bị cắt cổ.

Đó là truyền thống của mỗi nước. Tôi không dám lạm bàn. Rất may tôi không đến đây vào dịp Eid-ul-Azha để thấy hàng triệu con vật bị thảm sát trên lề đường giữa tiếng thét gào thảm thiết. Nội nhìn đôi mắt buồn hiu của chúng đang bị cột trước nhà như biết trước số phận sắp đến của mình, lòng tôi cũng dậy lên nỗi xót thương vô bờ bến.

*

Ishmael tới quây lấy vé, đưa tôi để lên thuyền và bảo sẽ chờ trước cổng. Du thuyền hai tầng không lớn lắm. Khoảng hơn ba chục bàn. Với 50 đô-la mua qua Expedia, tôi có bữa tối buffet, thưởng thức văn nghệ và được đưa rước tận cửa khách sạn.

Nhân viên phục vụ hỏi ông muốn uống gì? Nước ngọt hay là rượu? Gọi bây giờ hay chờ bạn tới? Tôi bảo đi một mình. Anh ta nhún vai, chắc là không tin. Vì có điên mới đi du thuyền một mình giữa đêm đen. Mà kệ, tôi không quan tâm. Bữa tối chỉ có thức ăn thôi, còn nước uống tính riêng. Tôi gọi chai Coca bằng thủy tinh. Lâu lắm rồi mới thưởng thức lại vị thơm nồng truyền thống đó.

Qua giờ đi đâu cũng toàn người đói rách rưới nên cứ nghĩ dân Ai Cập quá nghèo. Nhưng chiều nay và bây giờ, tôi phần nào thấy tầng lớp thượng lưu của dân Cairo váy áo xúng xính cùng mấy bộ vest đắt tiền. Như mọi sắc dân Ả Rập khác, dân Ai Cập mê vàng. Từ cổ, tai rời tay, thậm chí cả ống chân cũng óng ánh sắc chói lóa của vàng dưới rục rỡ đèn màu. Có khi nào lột đồ ra, người họ cũng dát cả núi vàng không nữa?

Tôi tới lấy thức ăn. Bụng thì đói meo, mà người mớ gà với bò đậm đặc hồi và quế cùng một đồng các gia vị nặng mùi là choáng váng. Chẳng lẽ tiếp tục nhịn đói nữa? Thôi ráng ăn lót dạ. Cũng may họ có cả mâm cơm tôi thích. Công nhận gạo Trung Đông thơm ngon vô cùng. Khi nấu chín nó không nở ra như gạo Việt, mà còn nguyên hạt thon dài bắt mắt. Lúc chế biến, họ trộn thêm ít hành tỏi cùng bột nêm nên thơm. Phải nhai chậm chậm, từ từ, để vị nồng của gia vị và bụi bụi của cơm quăn quýt lấy trên đầu lưỡi mình. Tới khi thử cái phào, mới biết bụng mình đầy ứ hự. Và bánh ngọt. Mâm bánh kẹo đủ màu để trước mặt như khiêu khích. Tôi vốn là đứa thèm ngọt, có thể ăn chè mỗi ngày và hốt cả nắm đường bỏ vô miệng nhai ngon lành, nhưng khi ăn bánh của họ làm, phải chấp tay lạy thiết sâu vì nó ngọt và nặng mùi hồi dữ quá!

Đèn nổi lên. Điệu múa bụng Ả Rập bắt đầu. Cô thiếu nữ mang khăn che mặt, dù lắc múa mỗi đêm nhưng vòng hai vẫn không lấy gì thon thả bước ra, cùng với các thiếu nữ trắng trẻo khác, tái hiện lại khung cảnh cung đình trong tiếng nhạc réo rắt. Công nhận cô ấy dẻo ghê. Lớp mỡ thừa trước bụng và hai bên eo tưởng chừng dị hợm, theo từng điệu nhạc, lục lạc vàng rộn rã, cái lắc hông bỗng phồng phồng, sexy đến rợn người. Các cô lên đồng, cả khoang thuyền như chòng chành trên sóng dữ. Nhạc đập mạnh. Cả bọn đồng loạt kéo khăn che mặt. Như một con sóng cao gần chục thước ập tới, đưa thuyền lên cao rồi đẩy sâu xuống lòng biển rộng. Tiếng vỗ tay vang to như sấm. Máy gã đàn ông đứng tuổi dù có vợ bên cạnh, mặt vẫn thất thần, đứng bật dậy, dán mặt vào vòng eo và bầu ngực bức bối muốn nhẩy ra khỏi lớp áo lót mỏng tanh, như muốn ăn tươi nuốt sống tức thì. Máy bà vợ đi cùng mặt nặng như chì, muốn đưa tay móc mắt chồng cho hả dạ.

Từ phía trong sân khấu, chàng Alibaba đầu đội nón, dắt lông công, mặc váy to như cái nong phơi gạo, chạy ra, xoay vòng vòng cả trăm vòng không nghỉ. Trên sân khấu lúc này chỉ có anh ta và chục tên cướp mặt mày dữ tợn chạy tới chạy lui, tái hiện lại cảnh rượt đuổi ở thành Baghdad năm nào sôi động. Không biết họ ăn thứ gì mà sung quá. Vác cả đồng quần áo trên người, đã vậy còn múa may quay cuồng muốn đắm cả thuyền to, cả tiếng đồng hồ mà hồng biết mệt.

Nóng nực và ngọt ngọt quá. Tôi gọi nhân viên đến tính tiền nước. Bỏ một ít típ lên bàn rồi lên tầng hai, ra phía mạn thuyền cho mát.

Đêm. Tiếng nhạc âm ỉ bên dưới lạ thay không phá vỡ được sự tĩnh lặng trên này. Gió bốn phía thổi lồng lộng xóa đi cơn nắng nung người ban sáng. Một vài cặp nhân tình ôm nhau ngồi ngắm sông nước lênh đênh. Đêm nay mới đầu tháng âm lịch. Trăng thượng tuần nho nhỏ cùng với hàng triệu vì sao và ánh đèn dọc hai bên bờ soi sáng cả sông Nile.

Tôi đưa mắt nhìn quanh. Đâu đó trong lòng phố xá Cairo, hơn hai ngàn năm trước, đã in đậm dấu chân của vị nữ hoàng có cái mũi dài và sắc đẹp đắm mê Cleopatra, vị Pharaoh cuối cùng của Ai Cập trước khi nó trở thành một phần của đế quốc La Mã. Tôi nhớ tới những lời cô Kim Anh say sưa giảng trong giờ lịch sử lớp mười về thiên tình sử tay ba của nàng với hoàng đế Julius Caesar và dũng tướng Mark Antony lừng lẫy. Lững lờ trên dòng sông rộng, bà với Antony đã đắm chìm trong hạnh phúc giữa xa hoa yến tiệc đắm say. Họ đã cuốn vào nhau trong thứ tình dục mê man mà người đời không ai giải thích nổi. Augustus thuyết phục Nghị viện La Mã tiến hành chiến tranh xâm chiếm và biến Ai Cập thành một tỉnh của mình. Antony và Cleopatra đi đâu không rõ. Thiên hạ bảo cả hai bị xử tử, xác thân bị chôn vùi trong sa mạc. Có người nói sau cái chết của người tình, Cleopatra đau khổ và tự tử bằng vết cắn của con rắn độc. Lại có tích kể, đôi tình nhân tuyệt đẹp đã bỏ đất nước lại phía sau, chạy trốn tới vùng đất không người biết đến, để gây dựng hạnh phúc lứa đôi, sinh con đẻ cái. Cũng có nhà sử học cho rằng,

cả hai bị quân La Mã hành hình, xác thả trôi trên sóng nước sông Nile.

Hàng thiên niên kỷ nay, nhân loại đã tốn hao không biết bao nhiêu giấy mực, phim ảnh để khai thác mối tình này mà vẫn chưa có hồi kết.

Tôi cúi xuống với tay, muốn chạm vào dòng sông mẹ thiêng liêng của người Ai Cập nhưng không thể tới. Nếu biết bơi, tôi sẽ nhảy cái ùm xuống tắm một trận cho đã đời rồi lóp ngóp bò lên. Nói vậy thôi chứ tôi không dám tắm sông đâu bởi những trận đòn ngày xưa của má vẫn còn nguyên, vì chiêm bao má nằm thấy người chết đuối.

Bống đâu đó vang lên tiếng thì thào nhỏ nhỏ.

Lặng im.

Mắt hút.

Châm chặm lớn dần.

Đều đều.

Khẽ khàng vọng lại từ xa.

Tim tôi đập thành thạch. Hai tay run bần bật. Hai chân tôi không đứng vững nữa rồi. Đó không phải tiếng nhạc Ả Rập đang tưng bừng bên dưới khoang thuyền âm ỉ, hay nhịp tim rộn rã của cặp đôi bên cạnh đang say đắm hôn quên đất quên trời, hoặc tiếng sóng nước vỗ vào mạn thuyền nhẹ nhẹ, mà là lời kinh du dương như lời nguyện tế vọng lại từ những kim tự tháp ở Giza khô hạn, theo dòng Nile mát lành trong vắt, khóc than cho những trầm tích thiên di ngàn năm hóa đá hắt hiu.

Còn tiếp...

Tôi cảm tay ai để chơi hết cuộc lò cò này

khi em đang ở bên kia bờ kinh tuyến gốc

bàn chân tôi ngu ngốc
trượt qua một trăm tám mươi độ
rớt vào đêm
và thấy em chấp chới phía mặt trời
tôi ném vào đầu viên sỏi trơn trượt này
vụt ngang thanh xuân đã hỏa táng giữa vùng xích đạo
hai chân tôi cò rập cò rập cò rập huyền não
xáo tung vũ trụ buồn tìm cái bóng em buông
tôi biết đi đâu giữa những vĩ tuyến nằm dọc và những kinh tuyến
nằm ngang
trái đất hình vuông khâm liệm quá khứ tôi vào hộp
chỉ còn đàn sếu vừa bay vừa thẳng thốt
trời Oxford xanh
xanh như biết em mất anh
tôi ném vào phía sau năm bụi phế thành Kapilavastu
Kapilavastu hoang vu không màu nằm với dấu chân bò qua lại
nước mắt từ Greenwich rớt vòng qua Địa Trung Hải
rồi trôi xuống biển Đông
giọt ly hương
giọt ly hương khôn cùng.
Sài Gòn, tháng 5-2018

Song May



















 10



 12

 13



